

**ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ PHẤN MỄ**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ PHẤN MỄ
1946 - 2005**

XUẤT BẢN NĂM 2009

ĐẢNG BỘ XÃ PHẠM M
LỊCH SỬ
1948 - 2002

LỊCH SỬ

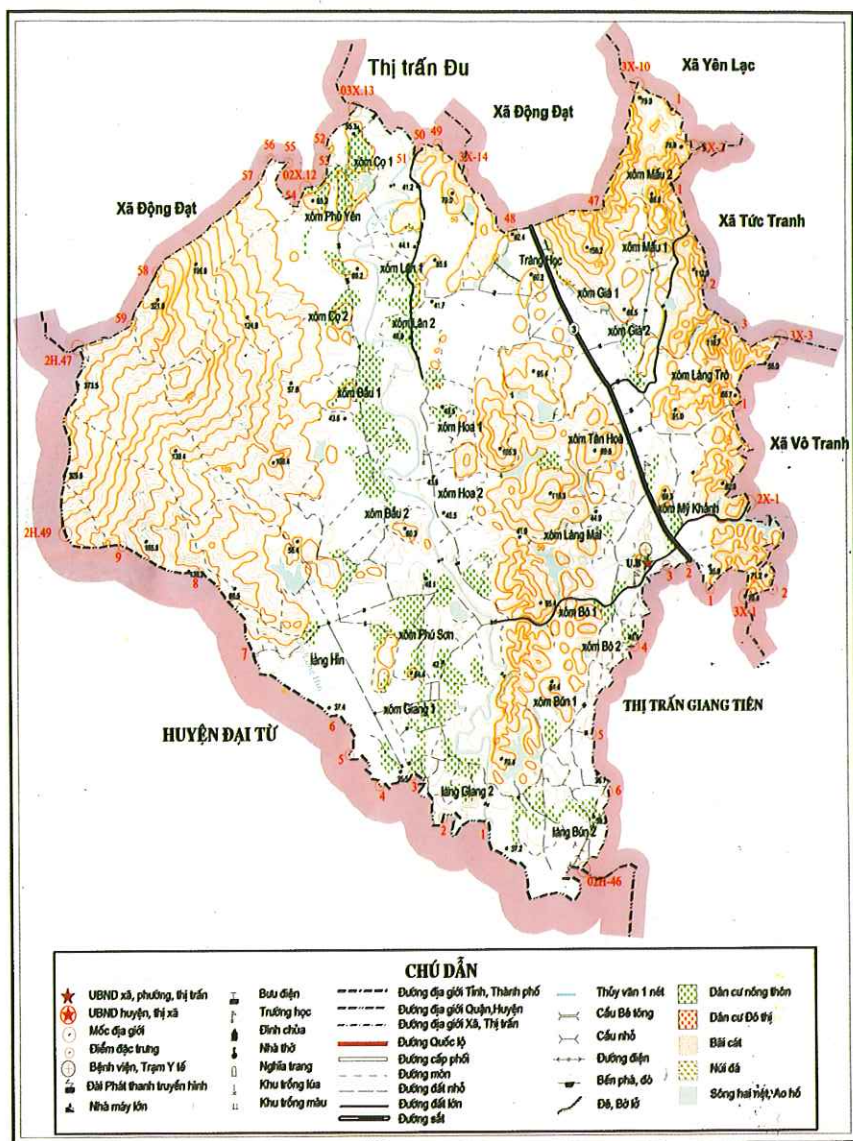
ĐẢNG BỘ XÃ PHẠM M

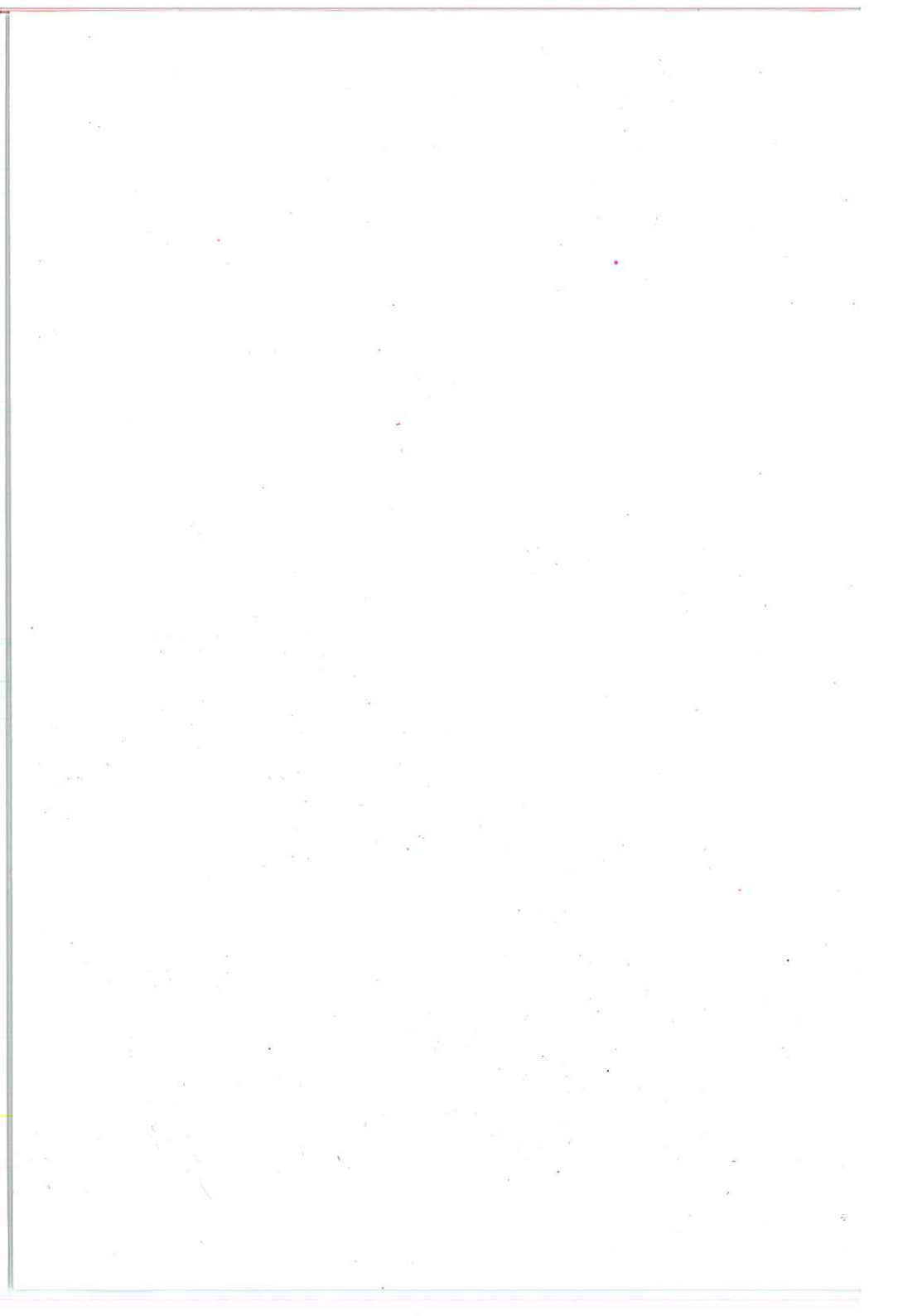
1948 - 2002

1948 - 2002

LƯỢC ĐỒ HÀNH CHÍNH

XÃ PHẤN MỀ - HUYỆN PHÚ LƯƠNG - TỈNH THÁI NGUYÊN





Chỉ đạo nội dung:

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY PHÚ LƯƠNG.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

- BÙI XUÂN HÙNG *Bí thư Đảng uỷ xã.*

Ban Chỉ đạo biên soạn:

- BÙI XUÂN HÙNG (*Bí thư Đảng uỷ xã*) *Trưởng ban.*

- NGUYỄN NGỌC SƠN (*Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch UBND xã*)
Phó Trưởng ban.

- LÝ QUẢNG NAM (*Phó Bí thư T.T Đảng uỷ, Chủ tịch HĐND xã*)
Ủy viên.

- QUÁCH THÀNH KHƯƠNG (*Ủy viên BTV Đảng uỷ,*
Chủ tịch UBMT Tổ quốc xã) *Ủy viên.*

- KHƯƠNG VĂN BẢO (*Đảng uỷ viên – Phó Chủ tịch HĐND xã*)
Ủy viên.

- NGUYỄN VĂN SƠN (*Kế toán Ngân sách xã*) *Ủy viên.*

Ban Biên soạn:

- Tiến sĩ. NGUYỄN XUÂN MINH *Chủ biên*
(Chương IV, Kết luận).

- PHẠM TẤT QUYNH *(Chương I).*

- VŨ THANH KHÔI *(Chương II, Phụ lục).*

- NGUYỄN VĂN THẮNG *(Chương III, Phụ lục).*

Hoàn chỉnh bản thảo: NGUYỄN XUÂN MINH.

Sửa bản in: VĂN THẮNG - THANH KHÔI.

Ảnh: ĐẢNG ỦY VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHẤN MỀ.

Bìa: HOÀNG ĐỨC THUẬN.

Lời giới thiệu

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TU ngày 31- 12-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thái Nguyên và Thông báo số 119/TB-HU ngày 8-6-2007 của Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương, thể theo nguyện vọng thiết tha của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ, Đảng uỷ xã nhiệm kỳ 2005 - 2010 tổ chức biên soạn, xuất bản và phát hành cuốn sách ***“Lịch sử Đảng bộ xã Phấn Mễ (1946-2005)”***.

Cuốn sách gồm 4 chương (I, II, III, IV) và các phần Kết luận, Phụ lục. Nội dung cuốn sách ghi lại những truyền thống vô cùng quý báu của nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc, đặc biệt là trong thời kỳ từ đầu những năm 40 của thế kỉ XX đến nay; dựng lại một cách tương đối khách quan, trung thực quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ xã từ khi thành lập Chi bộ (tháng 12-1946), Đảng bộ (cuối năm 1962), đến năm 2005; ghi lại các đóng góp vô giá, thành tích to lớn của cán bộ, nhân

dân và chiến sĩ lực lượng vũ trang trong xã vào thắng lợi của các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và bảo vệ biên giới thiêng liêng của Tổ quốc. Cùng với việc ghi lại những thành công, cuốn sách cũng ghi lại cả những mặt chưa thành công, thậm trí cả những tổn thất của Đảng bộ trong công tác xây dựng Đảng, quản lý, rèn luyện, giáo dục đội ngũ cán bộ đảng viên (nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên có chức, có quyền) và trong công tác lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong các thời kỳ lịch sử.

Với các nội dung trên, cuốn sách là tài liệu quý, góp phần giáo dục lịch sử, truyền thống cho cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong xã, đặc biệt là cho các thế hệ trẻ xã Phấn Mễ hôm nay và mai sau. Cuốn sách cũng là tài liệu quý để các cấp bộ Đảng trong Đảng bộ nghiên cứu, rút kinh nghiệm, vận dụng vào công tác xây dựng Đảng, quản lý, giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên; lãnh đạo nhân dân trong xã thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối, chính sách công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Trong quá trình sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, Đảng uỷ, Ban Chỉ đạo, Ban Biên soạn đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo của Ban Thường vụ, chỉ đạo của Ban Tuyên giáo và sự giúp đỡ tận tình, chu đáo của Văn phòng Huyện uỷ Phú Lương; đặc biệt, là sự nhiệt tình và có trách nhiệm rất cao trong việc cung cấp tư liệu lịch sử của các cán bộ lão thành, cán bộ tiền khởi nghĩa và các đồng chí cán bộ lãnh đạo xã các thời kỳ.

Tuy nhiên, do nguồn tư liệu lịch sử của Đảng bộ, nhất là tư liệu các giai đoạn trước thời kỳ đổi mới ở các kho lưu trữ của tỉnh, của huyện rất hiếm hoi, nên chắc chắn nội dung cuốn sách còn nhiều hạn chế. Đảng uỷ mong các đồng chí cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong xã cùng bạn đọc góp ý, bổ sung.

Nhân dịp xuất bản cuốn sách “**Lịch sử Đảng bộ xã Phấn Mễ (1946- 2005)**”. Đảng uỷ xã xin trân trọng cảm ơn Ban Thường vụ trực tiếp là Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Phú Lương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; cảm ơn các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở huyện, ở xã, các đồng chí và các vị cán bộ lão thành, các đồng chí cán bộ lãnh đạo Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã

trong các thời kỳ, cùng toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đã tận tình giúp đỡ, cảm ơn các đồng chí trong Ban Biên soạn đã làm việc khẩn trương, nghiêm túc để cuốn sách được xuất bản và ra mắt bạn đọc đúng vào dịp kỷ niệm 63 năm thành lập Chi bộ (nay là Đảng bộ) xã Phấn Mễ (12/1946 - 12/2009) và kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930-3/2/2010).

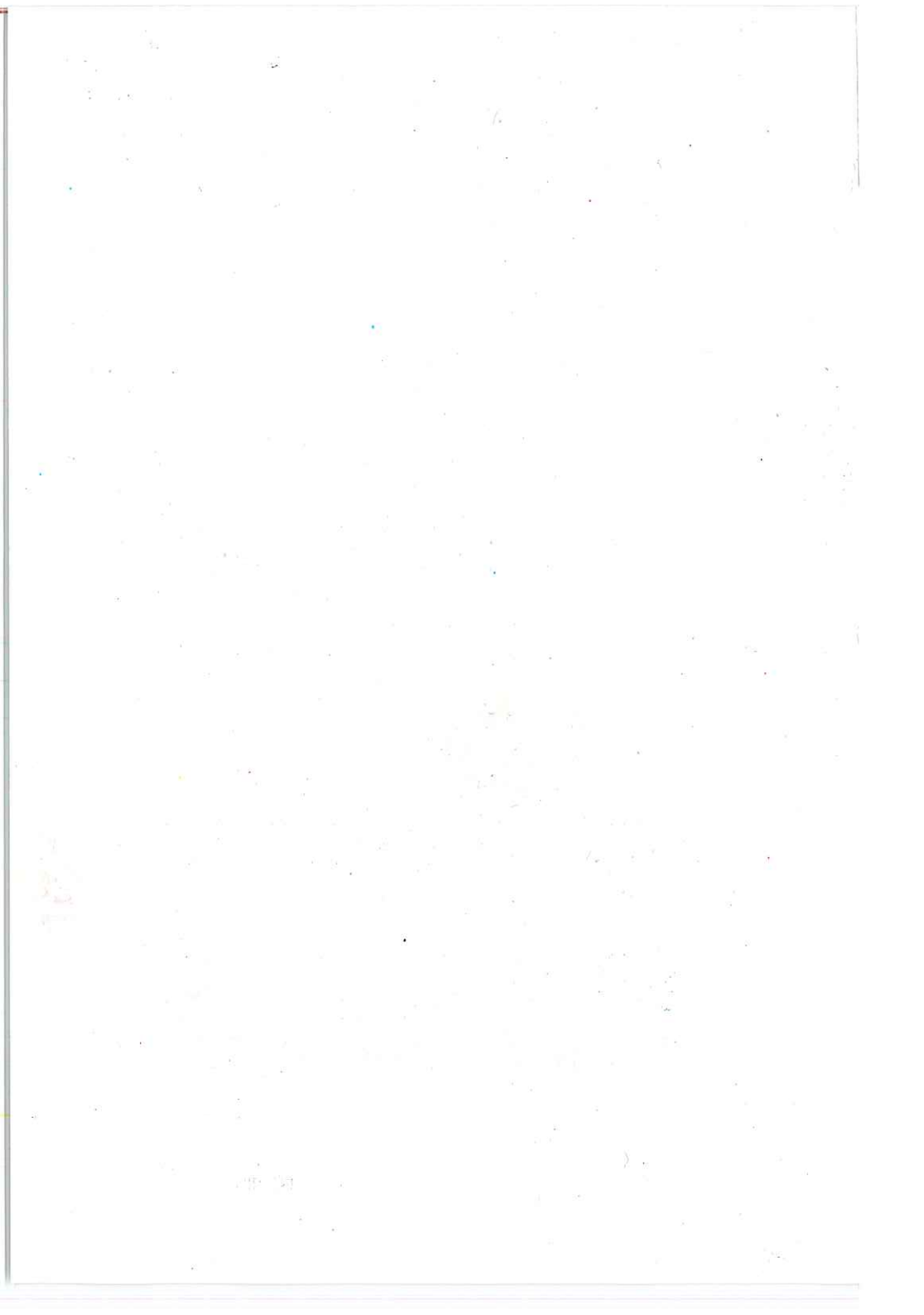
Thay mặt Đảng uỷ, tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách “**Lịch sử Đảng bộ xã Phấn Mễ (1946-2005)**” với toàn thể cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong xã, cùng đông đảo bạn đọc gần xa.

TM. ĐẢNG ỦY XÃ PHẤN MỄ
BÍ THƯ

Bùi Xuân Hùng

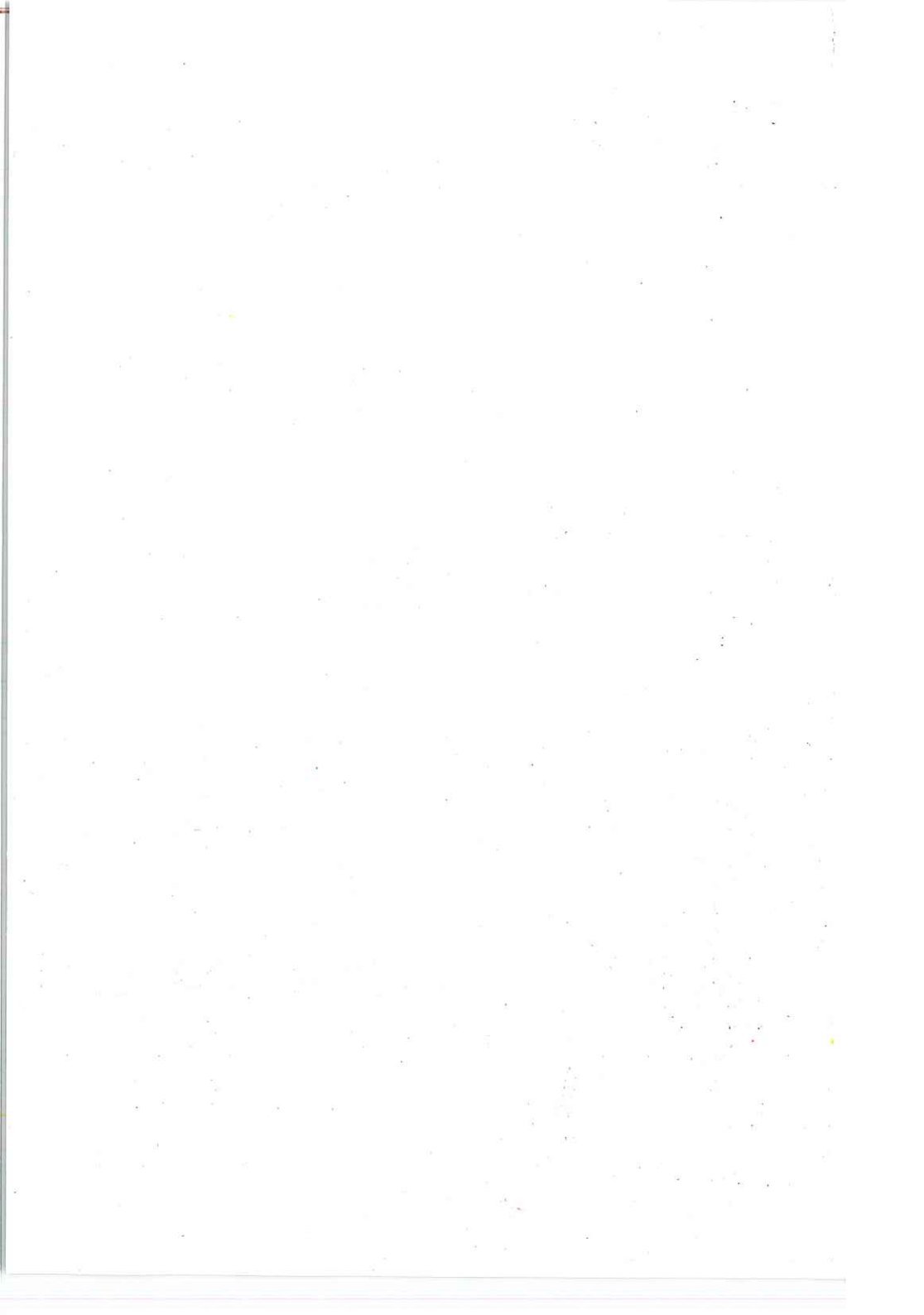


NGÀY 11/6/1999, CHỦ TỊCH NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM KÝ QUYẾT ĐỊNH
SỐ 202/KT-CTN TẶNG DANH HIỆU “ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN”
THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP CHO NHÂN DÂN VÀ LLVT NHÂN DÂN XÃ PHẤN MỄ.





Ảnh 1, 2: NGÀY 19/12/1999, NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ PHẠM MỄ.
TỔ CHỨC LỄ ĐÓN NHẬN DANH HIỆU "ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN" THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP



Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI, TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC.

I- Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội.

Xã Phấn Mễ nằm ở vùng tây nam của huyện Phú Lương, cách thành phố Thái Nguyên 15 km về phía bắc, kề sát với huyện lỵ. Đây là xã miền núi, trung du và là một trong 16 đơn vị hành chính trực thuộc huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Về phía bắc, Phấn Mễ giáp xã Động Đạt và thị trấn Du, phía tây bắc giáp xã Yên Lạc, phía tây và tây nam giáp huyện Đại Từ, phía đông giáp xã Tức Tranh và Vô Tranh, phía đông nam giáp thị trấn Giang Tiên.

Diện tích tự nhiên của Phấn Mễ tính đến năm 2005 có 2.531 ha, trong đó đất nông nghiệp (bao gồm đất trồng lúa, trồng màu, đất nương rẫy, đất trồng cây lâu năm) chiếm 1.273,7 ha, đất lâm nghiệp (có rừng) 779,3 ha, đất chuyên dùng (bao gồm đất xây dựng, giao thông, thủy lợi, di tích lịch sử văn hoá, nghĩa trang, nghĩa địa...) 231,32 ha, đất ở 92,52 ha, v.v...

Theo Quyết định số 2869/QĐ-UB, ngày 4/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xã Phấn Mễ được chia thành 26 xóm ⁽¹⁾. Xã Phấn Mễ xưa kia là vùng đất cổ; tên xã, tên làng gắn với các sự kiện lịch sử. Vào năm Minh Mệnh thứ 16 (1836), xã Phấn Mễ thuộc tổng Động Đạt gồm 3 xã: Động Đạt, Phấn Súc và Phấn Mễ. Sau Cách mạng tháng 8/1945 thành công, do nhu cầu bảo vệ thành quả của cách mạng, hai xã Phấn Mễ và Phấn Súc hợp nhất thành một xã, lấy tên là xã Phấn Mễ, gồm có 22 làng xóm ⁽²⁾. Như vậy, so với ngày nay về cơ bản, tên làng, tên xóm ít thay đổi và tăng thêm 4 xóm trên cơ sở chia nhỏ những xóm đông dân cư cho tiện sinh hoạt ⁽³⁾.

⁽¹⁾ Là các xóm: Tràng Học, Giá 1, Giá 2, Mầu 1, Mầu 2, Trò, Tân Hoà, Mai, Mỹ Khánh, Bò 1, Bò 2, Bún 1, Bún 2, Giang 1, Giang 2, Phú Sơn, Hin, Bàu 1, Bàu 2, Cọ 1, Cọ 2, Phú Yên, Lân 1, Lân 2, Hoa 1, Hoa 2.

⁽²⁾ Gồm các làng : Mỹ Khánh, Gia Khánh, Tân Hoà, Chò, Phố Giá, Dộc Mầu, Tràng Học, Mai, Bò, Mối, Bún, Giang, Mát, Bàu, Hin, Cọ, Lân, Táo, Giang và các xóm Hải Hoa, Cây Sầu và Đồng Mảnh.

⁽³⁾ Theo hồi kí của một số người cao tuổi (nay đã qua đời): Do địa dư của xã Phấn Mễ quá rộng, không tiện cho việc chỉ đạo phong trào thời kì tiền khởi nghĩa, cho nên ngày 21/5/1945, các đồng chí lãnh đạo cơ sở đã chia xã Phấn Mễ làm 3 xã: Phấn Mễ, Trường Xô và Phúc Kiến. Sau Cách mạng Tháng Tám, 3 xã được hợp nhất thành xã Phấn Mễ. Từ ngày 24/4/1946, hai xã Phấn Mễ và Phấn Súc được hợp nhất thành một xã, lấy tên là xã Phấn Mễ cho đến ngày nay

Xã Phấn Mễ có độ cao trung bình từ 100 mét, đến 200 mét so với mặt nước biển. Địa hình đa dạng, thấp dần từ tây bắc xuống đông nam. Nét đặc trưng của địa hình Phấn Mễ là giữa những thung lũng bằng phẳng nổi lên những ngọn núi đất Cây Sữa, Tràng Học, Phố Giá; đặc biệt là núi Chúa với những địa hình đa dạng sừng sững như một bức tường thành án ngữ phía tây xã.

Phấn Mễ có một con sông chính chảy theo hướng Bắc - Nam, đó là sông Đu, chiều dài qua xã khoảng 6 km. Ngoài ra, trong xã còn có 6 con suối lớn nhỏ bắt nguồn từ các dãy núi bao bọc quanh xã và đều đổ ra sông Đu. Sông, suối của Phấn Mễ không chỉ phục vụ sản xuất nông nghiệp, mà còn là nguồn thủy sinh chủ yếu giữ cho lượng nước ngầm trong xã, đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của hàng nghìn người dân. Phấn Mễ còn có 5 hồ chứa nước với tổng diện tích trên 10 ha, dung tích khoảng 700.000 mét khối nước.

Về giao thông, Phấn Mễ có 4 km Quốc lộ 3 chạy qua. Thông qua tuyến đường này, nhân dân Phấn Mễ đã đưa sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp đi trao đổi với các nơi. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có đường liên xã, liên xóm thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, phục vụ cho sản xuất và lưu thông hàng hoá. Tuy nhiên, phần lớn những con đường này là chỉ là những

nền đường đất lẫn đá, chưa được cải tạo, nâng cấp, vì vậy về mùa mưa nhiều đoạn lầy lội. Trước đây để vận chuyển than, thực dân Pháp đã làm con đường goòng, có khẩu độ đường ray 0,70 mét, chạy từ Mỏ than Phấn Mễ xuống bến than Gia Bẫy. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, khi ta thực hiện tiêu thổ kháng chiến thì đường ray đã bị phá hoại.

Phấn Mễ có nhiều tài nguyên phong phú, trước hết là rừng. Vào những năm đầu thế kỉ XX, rừng của Phấn Mễ chiếm hơn 60% diện tích tự nhiên toàn xã. Trong đó có những khu rừng già trên núi Chúa, núi Hủi, núi Hu, núi Tràng Học, núi Giá... với nhiều loại gỗ quý (sến, de, dổi, sao) và nhiều loại cây dược liệu quý dùng làm thuốc chữa bệnh. Những năm sau này, nhiều khu rừng đã bị tàn phá một cách nghiêm trọng. Đến nay, rừng của Phấn Mễ chỉ còn vài trăm ha, trong đó hơn 400 ha rừng trồng.

Cùng với các loại cây rừng, thú rừng ở đây cũng khá phong phú, như hổ, báo, nai, nhím, chồn và các loại chim, gà rừng. Những năm 1930-1935, người ta còn thấy hổ xuất hiện ở cánh rừng núi Giá, núi Hủi.

Rừng Phấn Mễ không chỉ có giá trị về kinh tế, môi sinh mà còn có vị trí quan trọng trong cuộc vận động xây dựng lực lượng cách mạng và kháng chiến chống

Pháp trước đây. Với địa thế của núi rừng hiểm trở, lại nối liền với những dãy núi, cánh rừng nguyên sinh đại ngàn của những căn cứ cách mạng nổi tiếng Võ Nai, Đại Từ, Định Hoá, từ đầu những năm 40 của thế kỉ XX, các chiến sĩ Cứu Quốc quân đã đến vùng Hái Hoa để gây dựng cơ sở cách mạng. Rừng Phấn Mễ còn là nơi trú chân của các đơn vị bộ đội chủ lực, trong đó có Đại đoàn Quân Tiên phong anh hùng.

Dưới lòng đất Phấn Mễ có nhiều loại quặng quý hiếm, như sắt, mangan, titan, vonfram và nhất là than đá – vàng đen của Tổ quốc. Than đá Phấn Mễ thuộc loại than mỡ, có nhiệt lượng cao ($Q = 8.676 \text{ kca/kg}$) dùng cho công nghiệp luyện kim và chạy xe lửa rất tốt.

Năm 1884, khi đánh chiếm Thái Nguyên, thực dân Pháp đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Tuy chưa đặt được bộ máy thống trị trên địa bàn toàn tỉnh, nhưng ngay từ năm 1908, dựa vào hòng súng của quân viễn chinh, tư bản Pháp đã giao cho Sở Thăm dò địa chất Đông Dương tiến hành thăm dò than tại Phấn Mễ. Kết quả thăm dò đã cho chúng thấy “khu vực này có chứa than mỡ với trữ lượng lớn. Đây là loại than quý hiếm, dùng cho công nghiệp luyện kim và đường sắt (tàu hoả)”. Hai năm sau (1910), Công ti mỏ than Bắc Kỳ chính thức khai thác than ở Phấn Mễ. Năm 1911, Mỏ than Phấn

Mễ có 163 công nhân, đến năm 1924 đã lên đến 2.000 công nhân. Từ năm 1925 đến năm 1940, bình quân mỗi năm thực dân Pháp đã khai thác 3.000 tấn than từ mỏ than Phấn Mễ ⁽¹⁾. Than được vận chuyển theo đường gòong về bến than cầu Gia Bảy. Từ đây, than được rót xuống thuyền đing có trọng tải lớn theo sông Cầu, sông Máng về Hải Phòng. Trữ lượng than Phấn Mễ tính đến năm 2005 còn 2,2 triệu tấn.

Một nguồn tài nguyên quan trọng của Phấn Mễ do chính bàn tay cần cù, dũng cảm, sáng tạo của nhiều thế hệ kế tiếp nhau tạo thành là gần 1.300 ha ruộng đất màu mỡ. Dựa vào đó, nhân dân các dân tộc trong xã trải qua hàng trăm năm đã xây dựng thành một nền kinh tế nông nghiệp đa dạng: Cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày (đỗ, lạc, chè...), cây ăn quả.

Phấn Mễ ngày xưa không phải là xã giàu nhưng có tiềm năng về đất, rừng, có khả năng tự cấp, tự túc lương thực, thực phẩm, chất đốt... Đến đầu thế kỉ XX, khi tư bản Pháp đến khai thác than, công nhân tập trung ngày một đông, nhu cầu mua bán đặt ra, chợ Giang Tiên hình thành. Vì vậy, bên cạnh tính chất tự sản, tự tiêu, nông dân xã Phấn Mễ đã dành một phần sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp đưa ra chợ trao đổi, và nó đã trở thành hàng hoá, tuy còn ít. Tiếp đó, con đường

(1) Theo *Niên giám thống kê Đông Dương* – Tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

thuộc địa số 3 được khai thông thì sản phẩm hàng hoá của Phấn Mễ đã xuôi đến chợ thị xã Thái Nguyên.

Trong thời gian kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954), do nhu cầu sinh hoạt của các cơ quan, các đơn vị bộ đội và nhân dân các tỉnh tản cư đến, cơ cấu kinh tế tự cấp, tự túc của Phấn Mễ dần dần biến đổi, từng bước tiếp cận với kinh tế thị trường. Tỷ lệ sản phẩm hàng hoá năm sau luôn cao hơn năm trước. Đến nay, trên 50% sản phẩm nông nghiệp (lương thực, thực phẩm, chè...) của Phấn Mễ là hàng hoá.

Phấn Mễ nằm trong vùng đất cổ, sớm có các tộc người đến sinh tụ. Dân số toàn xã tính đến tháng 12/2005 có 10.637 người, trong đó dân tộc Kinh chiếm 73,32%, Sán Chí 8,18%, Cao Lan 7,67%, Sán Diu 5,58%, Nùng 2,93%, Tày 1,86%, ít nhất là người Hoa và người Dao, cả hai tộc người này chỉ chiếm 0,46%. Mật độ dân số 412 người/km².

Cách nay hàng vạn năm, đất Phấn Mễ đã có con người sinh sống ⁽¹⁾. Thời các Vua Hùng, đất Phấn Mễ nằm trong bộ Vũ Định (bao gồm vùng đất 4 tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn ngày nay) là một trong 15 bộ của nước Văn Lang.

⁽¹⁾ Xem *Lịch sử chính trị quân sự tỉnh TN*, Êsina viết năm 1934. Tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

Cư dân của Phấn Mễ có nguồn gốc chủ yếu ở hầu hết các tỉnh Bắc Bộ. Đây là một nét đặc trưng, khác với nhiều địa phương khác của tỉnh Thái Nguyên. Bên cạnh đó còn có cả những cư dân có nguồn gốc ở Trung Bộ và Nam Bộ. Trên đất Phấn Mễ ngày nay có 8 thành phần dân tộc chung sống thuận hoà, cùng phát triển. Trong đó có dân tộc cư trú ở đây từ lâu đời, có dân tộc mới từ nơi khác chuyển đến sinh cơ lập nghiệp cách nay hơn 100 năm. Mỗi dân tộc có một bản sắc riêng, nhưng tất cả đã vượt qua những ranh giới do lịch sử để lại, đồng cam, cộng khổ, chung sức khai phá, xây dựng và bảo vệ mảnh đất này. Hơn nữa, nhân dân các dân tộc Phấn Mễ trong quá trình khai thác và bảo vệ quê hương đã nỗ lực cùng nhau vun đắp lên những tài sản vô giá là truyền thống đoàn kết. Chính xuất phát từ truyền thống tốt đẹp này, ý thức cộng đồng, ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước, đoàn kết chống giặc ngoại xâm ngày càng được bồi đắp, củng cố bền vững.

Cộng đồng các dân tộc xã Phấn Mễ từ xa xưa là những nông dân hoặc do không chịu được ách áp bức, bóc lột tàn bạo của bọn cường hào, ác bá, hoặc do những cuộc chiến tranh liên miên của các tập đoàn phong kiến phương Nam, phương Bắc, đã phải rời bỏ quê cha, đất tổ, tìm đến nơi đây làm ăn sinh sống. Sau Cách mạng tháng Tám, nước nhà độc lập chưa được

bao lâu thì thực dân Pháp gây hấn, định chiếm nước ta một lần nữa. Toàn dân ta đứng lên kháng chiến bảo vệ nền độc lập. Thái Nguyên trở thành căn cứ địa kháng chiến. Xã Phấn Mễ là nơi có xưởng quân giới, có đơn vị khai thác than phục vụ nhu cầu kháng chiến và nhu cầu xây dựng đất nước đến tận ngày nay. Trong quá trình đó, nhiều công nhân quốc phòng, công nhân mỏ đã sinh cơ lập nghiệp tại đây, gắn bó với quê hương Phấn Mễ. Nhân dân thị xã Thái Nguyên và một số tỉnh miền xuôi tản cư đến Phấn Mễ cũng coi đây là quê hương thứ hai, đã không hồi cư sau ngày hoà bình được lập lại (1954).

Dù cội nguồn từ đâu đến, trải qua hàng ngàn năm, trong quá trình phát triển, cộng đồng 8 dân tộc ở Phấn Mễ đã có mối quan hệ huyết thống (hôn nhân đan chéo giữa các dân tộc), xây dựng nên tình thân ái, đùm bọc lẫn nhau trong cơn hoạn nạn, giúp đỡ nhau trong sản xuất, tôn trọng nhau về phong tục, tập quán, và tự do, tín ngưỡng...

Từ ngày đất nước ta giành được độc lập, thống nhất, đặc biệt là từ khi thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội lần thứ VI của Đảng vạch ra, nhân dân các dân tộc Phấn Mễ không ngừng vươn lên xây dựng đời sống mới tự do, bình đẳng giữa các dân tộc. Truyền thống đoàn kết các dân tộc ngày càng cố kết, gắn bó chặt chẽ

không chỉ riêng trong phạm vi Phấn Mễ mà còn vươn ra các xã, huyện khác.

Từ thời trước đến nay, xã Phấn Mễ chỉ có 2 tôn giáo là Phật giáo và Thiên chúa giáo. Số tín đồ Phật giáo chiếm khoảng 40% dân số, số tín đồ Thiên chúa giáo vào khoảng 0,1% dân số. Nói chung, tín đồ 2 tôn giáo nói trên đều có lòng yêu nước, sẵn sàng đi theo con đường cách mạng do Đảng vạch ra.

Dưới chế độ thực dân, phong kiến, nền kinh tế nước nhà bị kìm hãm trong vòng lạc hậu, què quặt. Tại Phấn Mễ, gần 100 ha ruộng đất màu mỡ đã bị tên thực dân Lagô chiếm đoạt để lập đồn điền.

Cùng với chiếm đoạt ruộng đất, tước đoạt tài nguyên, khoáng sản, chính sách sưu, thuế nặng nề, phu phen, tạp dịch... của chế độ thực dân, phong kiến càng làm cho đời sống nhân dân thêm đói rách. Năm 1932, bình quân mỗi người đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi phải nộp 2,87 đồng thuế thân (còn gọi là thuế đinh). Cùng với thuế thân là thuế điền, mức thấp nhất cũng là 2,5 đồng một mẫu⁽¹⁾. Phụ thu, lạm bổ do bọn lí dịch ở làng, xã định ra (hơn 10% số sưu, thuế phải nộp) cũng là một gánh nặng đè lên cuộc sống của người dân. Như vậy, mỗi suất sưu mà người nông dân xã Phấn Mễ phải nộp

⁽¹⁾ Giá thóc lúc đó là 1,5 đồng 1 tạ.

bình quân là 3,15 đồng. Do đó, dù nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ có truyền thống cần cù, siêng năng lao động, có kinh nghiệm trồng trọt và chăn nuôi, quanh năm vất vả mà vẫn không đủ ăn do sưu cao, thuế nặng.

Do cư dân được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau và gồm 8 thành phần dân tộc cùng chung sống, nên Phấn Mễ có nền văn hoá dân tộc nhiều màu sắc phong phú, đa dạng. Mỗi dân tộc có một sắc thái văn hoá riêng, được thể hiện rõ trong trang phục, trong nghi lễ thờ cúng tổ tiên, trong các làn điệu dân ca (người Cao Lan, Sán Chí có làn điệu “sinh ca”, người Nùng có hát sli, người Tày có làn điệu hát lượn, người Kinh có hát chèo...). Các làn điệu dân ca, điệu múa của mỗi dân tộc trong xã đều được góp lại, hoà quyện vào nhau trong những ngày lễ, tết, hội hè. Từ sau Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đem lại cho nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân các dân tộc Phấn Mễ nói riêng những quyền lợi chính đáng, trong đó có quyền bình đẳng giữa các dân tộc, quyền giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc.

Dưới chế độ thực dân, phong kiến, không chỉ bị đói nghèo, người dân Phấn Mễ còn phải chịu cảnh đốt nát, thất học. Đa số con em nhân dân không được đến trường học, nên hơn 90% dân số trong xã mù chữ. Cho đến trước năm 1945, cả xã chỉ có 4 người có bằng

Sơ học yếu lược (tương đương với lớp 4 bậc tiểu học ngày nay), vài người biết đọc, biết viết. Một số người biết chữ Hán. Dưới thời Pháp thuộc, cả huyện Phú Lương chỉ có 3 trường tiểu học không toàn cấp (từ lớp 1 đến lớp 3), đặt ở xã Phủ Lý, Đu và Yên Ninh, với số học sinh chưa đến 100 người, nên Phấn Mễ không ai có trình độ học vấn cao.

Sau khi nước nhà được độc lập, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ hăng hái tham gia phong trào học bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ. Mọi người dân, từ già đến trẻ, đều tích cực đến lớp học. Đến đầu năm 1946, toàn xã có hơn 40% số người thoát nạn mù chữ. Trong thời kì toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Phấn Mễ trong thuộc vùng tự do, nên có điều kiện mở mang việc học.

Sau khi nước nhà thống nhất, đặc biệt từ khi tiến hành đổi mới toàn diện đất nước, sự nghiệp giáo dục của Phấn Mễ có bước phát triển nhanh chóng, vững chắc. Toàn xã hiện nay có khoảng 1.700 học sinh theo học các trường phổ thông, nhiều em đang theo học ở các trường đại học. Phấn Mễ đã có 176 người tốt nghiệp từ trung học chuyên nghiệp, đến đại học đang công tác ở xã, huyện, tỉnh và Trung ương. Đáng chú ý là tất cả 8 dân tộc anh em trong xã đều có người tốt nghiệp đại học hoặc trung học chuyên nghiệp.

Về y tế, dưới thời Pháp thuộc, nhân dân xã Phấn Mễ cũng như đồng bào trong toàn tỉnh hoàn toàn không được chính quyền bảo hộ quan tâm. Ngày nay, mạng lưới y tế được tổ chức thành hệ thống từ xã trở lên. Trạm xá xã có bác sĩ, y sĩ, y tá, hộ sinh, trang thiết bị y tế ngày càng hiện đại, có đủ các loại thuốc chữa bệnh, đủ sức chăm sóc sức khỏe nhân dân.

II- Truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng

Trải qua nhiều thế hệ nối tiếp nhau, sát cánh cùng với đồng bào cả nước, nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ kiên cường đấu tranh chống các thế lực cường quyền áp bức và giặc ngoại xâm. Hết chống các đội quân xâm lược phong kiến phương Bắc tràn xuống, nhân dân Phấn Mễ lại cầm vũ khí đứng lên chống thực dân Pháp ngay từ khi chúng đặt chân đến.

Từ tháng 5/1884, quân Pháp tấn công chiếm đóng thành Thái Nguyên và mở rộng chiếm đóng toàn tỉnh. Hưởng ứng phong trào chống Pháp của Phùng Bá Chỉ, nhân dân xã Phấn Mễ đứng lên đánh Pháp. Nghĩa quân của Phùng Bá Chỉ được nhân dân hết lòng ủng hộ, đã tổ chức hàng chục trận đánh tập kích, phục kích trên tuyến đường bộ từ Giang Tiên lên Chợ Mới và trên tuyến sông Cầu từ Phú Đô lên Chợ Mới, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Điển hình là trận chiến đấu ở Chợ Mới

(lúc đó là huyện lỵ Phú Lương) ngày 17/1/1889, nghĩa quân đã diệt gần 100 tên xâm lược, buộc chúng phải lui quân về Thái Nguyên. Đoạn đường từ Giang Tiên đến Phố Giá cũng diễn ra nhiều trận phục kích của nghĩa quân có sự tham gia của nhân dân Phấn Mễ, diệt nhiều tên địch, thu một số lương thực, thực phẩm khi chúng bắt dân phu gồng gánh tiếp tế cho đồng bọn ở Chợ Chu, Chợ Mới. Năm 1895, Phùng Bá Chỉ bị thương nặng phải đi Trung Quốc điều trị. Không còn người chỉ huy, lực lượng nghĩa quân tan rã. Nhưng ngay sau đó, năm 1896, ở phía Bắc Chợ Mới có lực lượng kháng Pháp nổi lên do Mã Sinh Long (tức Mã Mang) lãnh đạo. Nhân dân xã Phấn Mễ lại hướng về nghĩa quân. Dưới sự chỉ huy của Mã Mang, nghĩa quân đã đánh nhiều trận làm cho quân Pháp bị tổn thất nặng nề. Ngày 10/1/1897, nghĩa quân chặn đánh một đoàn thuyền của địch chở lương thực, vũ khí, thuốc men từ Thái Nguyên lên Chợ Mới, làm thiệt hại nặng đơn vị lính áp tải, thu toàn bộ vũ khí, hàng hoá. Được sự ủng hộ của nhân dân, lực lượng nghĩa quân phát triển rất nhanh. Đến giữa năm 1897, quân số đã lên tới hơn 300 người, trang bị ngày càng tốt hơn (do lấy được vũ khí của địch). Hoạt động của nghĩa quân cũng mạnh hơn, nhiều lần đánh thẳng vào châu lỵ Phú Lương, tên Tri châu và nhiều binh lính bị trừng trị. Sở chỉ huy công trường Giang Tiên (để chỉ huy làm đường thuộc địa số

3) do một sĩ quan Pháp chỉ huy cũng bị tấn công nhiều lần. Trong đó có lần viên chỉ huy trưởng công trường bị giết, buộc chúng phải cử người khác đến thay.

Cùng với cuộc nổi dậy của Phùng Bá Chỉ và Mã Sinh Long từ phía Bắc huyện tràn xuống, là cuộc khởi nghĩa của nông dân huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang) do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo nổ ra vào năm 1887, mở rộng địa bàn hoạt động sang các huyện phía Nam của tỉnh Thái Nguyên (từ Phú Lương trở xuống). Nghĩa quân đi đến đâu cũng được nhân dân ủng hộ lương thực, thực phẩm, vũ khí thô sơ, được che chở, bảo vệ. Nhiều thanh niên con em các dân tộc Thái Nguyên đã gia nhập nghĩa quân Yên Thế. Năm 1896, một cánh quân Yên Thế do Đề Nguyên chỉ huy đến hoạt động tại Phấn Mễ, dựa vào núi Chúa để đánh Pháp ở các huyện Đại Từ, Phú Lương và phát triển xuống huyện Phổ Yên. Năm 1912, Đề Thám cùng nghĩa quân Yên Thế trở lại Phấn Mễ. Nghĩa quân tấn công đồn Giang Tiên, sau đó Đề Thám cùng nghĩa quân rút về Yên Thế.

Phấn Mễ ở vào giao điểm có thể từ đây liên hệ với các huyện Định Hoá, Đại Từ, Võ Nhai và lên châu lỵ Chợ Mới bằng những con đường xuyên sơn kín đáo, lại có núi Chúa, một điểm tựa vững chắc, một nơi có thể làm căn cứ đứng chân cho lực lượng nổi dậy. Nhận rõ điều đó, nên ngay từ năm 1895, thực dân Pháp đã đặt ở

Phấn Mễ (Giang Tiên) đồn lính khố xanh, với 30 lính do 1 viên sĩ quan người Pháp chỉ huy. Những năm 1912-1924 “nhiều vụ hành hung, nhiều vụ ám sát xảy ra ở các mỏ đang được khai thác đại quy mô. Sự tập hợp hàng ngàn cu li... đưa đến những xung đột hàng ngày...”⁽¹⁾. Năm 1925, chúng lại phải lập thêm 1 đồn lính khố xanh, có phối hợp hoạt động của lực lượng cảnh sát đặt liền với khu Văn phòng chủ mỏ.

Mặc dù bọn chỉ huy quân sự, cảnh sát, cấu kết với chủ mỏ, chủ đồn điền và được bọn tay sai trung thành ra sức kìm kẹp, đàn áp, ngăn chặn, nhưng phong trào đấu tranh của nông dân, công nhân trong xã Phấn Mễ vẫn phát triển. Phong trào đấu tranh này không chỉ chống áp bức, bóc lột của bọn chủ mỏ, chủ đồn điền, đòi quyền lợi kinh tế, mà còn sẵn sàng hưởng ứng những cuộc nổi dậy của các lực lượng yêu nước đứng lên đánh Pháp, giành độc lập. Điển hình là cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên đêm 30, rạng ngày 31/8/1917, dưới sự chỉ huy của Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) và Lương Ngọc Quyến. Tin về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã lan truyền rất nhanh trong dân chúng, thổi bùng ngọn lửa yêu nước bấy lâu đang âm ỷ trong mọi tầng lớp nhân dân.

⁽¹⁾ Êsina: *Lịch sử chính trị quân sự tỉnh Thái Nguyên*.

Do nguyên nhân chủ quan và khách quan, nghĩa quân chỉ giữ được tỉnh lỵ 5 ngày, sau đó phải rút ra vùng phụ cận để bảo toàn lực lượng. Tối ngày 5/9/1917, nghĩa quân rút về Phấn Mễ. Tại đây, nghĩa quân được nhân dân trong xã ủng hộ lương thực, thực phẩm, chăm sóc người bị thương. Ngày 6/9/1917, nghĩa quân vượt núi Chúa sang Đại Từ, tấn công đồn Hùng Sơn gây cho quân địch một số thiệt hại. Sau đó nghĩa quân tiến về phía Nam, xuống huyện Phổ Yên, sang tỉnh Vĩnh Yên.

Sau cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917, chính sách cai trị của thực dân Pháp ở trong tỉnh ngày càng khắc nghiệt. Chúng tăng cường củng cố hệ thống đồn bót, tung mật thám tới tất cả những nơi xa xôi hẻo lánh, đặc biệt trong các hầm mỏ, đồn điền. Tại Mỏ than Phấn Mễ, chúng thành lập một bộ máy vừa chỉ huy sản xuất, quản lí kinh tế, vừa phối hợp với lực lượng cảnh sát, đồn binh Phấn Mễ và lính đông để đàn áp mọi hoạt động yêu nước của nhân dân ta.

Giữa lúc đất nước ta đang chìm trong đêm đen nô lệ, ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đây là một bước ngoặt lịch sử trên tiến trình phát triển của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam. Với đường lối kết hợp, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã tập hợp ngày càng đông đảo các giai cấp, các tầng lớp nhân dân

lao động đấu tranh chống đế quốc và phong kiến tay sai, mở đầu là phong trào cách mạng 1930 – 1931, với đỉnh cao là phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh. Vào thời kì này, Thái Nguyên là tỉnh có công nghệ mỏ phát triển “rất nhộn nhịp”, tập trung khoảng 8.000 công nhân; trong đó Phấn Mễ có khoảng 2.000 công nhân. Cùng với số lượng công nhân khá đông, tỉnh Thái Nguyên có 40% số dân là tá điền. Đó chính là mảnh đất màu mỡ để gieo mầm cách mạng.

Ngay từ năm 1929, tổ chức Việt Nam cách mạng thanh niên ở tỉnh Bắc Giang đã có ý định gây ảnh hưởng vào Thái Nguyên. Trong những năm sau đó, nhiều cán bộ của Đảng Cộng sản Đông Dương, hoặc được tổ chức phân công, hoặc qua các mối quan hệ thân tộc, đã bí mật tìm cách gây dựng cơ sở ở Thái Nguyên, nhưng đều không thành công. Nguyên nhân thất bại là do mạng lưới mật thám, đồn bót của thực dân Pháp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên khá dày đặc, hệ thống kiểm soát của chúng rất chặt chẽ, mọi sự di, biến động của những người lạ mặt ra vào tỉnh Thái Nguyên đều bị chúng theo dõi sát sao.

Từ năm 1936, khi Mặt trận nhân dân Pháp giành thắng lợi, một Chính phủ mới được thành lập và tuyên bố sẽ thực hiện một số chính sách tự do dân chủ ở các nước thuộc địa, cán bộ cách mạng mới có cơ hội thuận lợi để tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, mở rộng cơ

sở ở các địa phương. Vào thời gian này, Đảng Cộng sản Đông Dương đã bí mật cử cán bộ vào Thái Nguyên, gây dựng cơ sở Đảng đầu tiên tại La Bằng (huyện Đại Từ), rồi tiếp tục phát triển sang huyện Võ Nhai.

Tuy nhiên, tại Thái Nguyên, thực dân Pháp vẫn tung mật thám, tăng cường kiểm soát hành chính, nhất là những nơi tập trung công nhân và tá điền. Vì thế, cho đến lúc này, trên địa bàn hai huyện Đồng Hỷ và Phú Lương vẫn chưa gây dựng được cơ sở cách mạng, cơ sở Đảng.

Đầu tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, nước Pháp tham chiến. Bộ máy nhà nước từ chính quốc đến thuộc địa bị phát xít hoá. Ở Đông Dương, mọi quyền tự do, dân chủ mà nhân dân ta vừa giành được trong những năm 1936-1939 đều bị thủ tiêu. Hơn thế, nhân dân ta còn phải dốc cả tiền của, xương máu phục vụ chiến tranh. Công nhân Mỏ than Phấn Mễ phải tăng cường độ lao động gấp 2 lần so với trước để phục vụ cho nhu cầu chiến tranh đế quốc. Từ cuối tháng 6/1940, nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng. Nhân cơ hội này, phát xít Nhật từ Trung Quốc vượt biên giới Việt - Trung đánh chiếm Lạng Sơn (22/9/1940). Quân Pháp bại nhược nhanh chóng tan rã, hoảng loạn tháo chạy. Chớp thời cơ thuận lợi, một số đảng viên quê ở Võ Nhai và Bắc Sơn bị thực dân Pháp giam giữ tại nhà tù Lạng Sơn đã vượt ngục trở về, bàn bạc với cơ sở Đảng Bắc Sơn phát động quần chúng nổi

dậy. Trong bối cảnh ấy, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ vào ngày 27/9/1940.

Khởi nghĩa Bắc Sơn diễn ra đơn độc, phong trào cách mạng trong cả nước cũng như các tỉnh lân cận không có điều kiện hưởng ứng. Trong khi đó, Nhật và Pháp cấu kết chặt chẽ với nhau, quay lại đàn áp, khủng bố. Cuộc khởi nghĩa tuy thất bại nhưng đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về khởi nghĩa vũ trang. Từ trong tiếng súng cuộc khởi nghĩa, Đội du kích Bắc Sơn - tiền thân của các đơn vị Cứu quốc quân, đã ra đời cùng với căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai.

Tháng 5/1941, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương được triệu tập dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị đã quyết định nhiều vấn đề trọng đại của cách mạng Việt Nam, đồng thời cử đồng chí Phùng Chí Kiên - Ủy viên Trung ương Đảng phụ trách, chỉ huy khu căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai và Trung đội Cứu quốc quân I.

Đầu tháng 7/1941, đế quốc Pháp tập trung lực lượng đánh phá căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, tìm diệt đơn vị Cứu quốc quân. Để bảo toàn lực lượng, phần lớn lực lượng của Trung đội Cứu quốc quân I tạm rút lên Cao Bằng, một tiểu đội ở lại hoạt động bị địch khủng bố, tổn thất nặng phải rút xuống Võ Nhai, cùng với một số đồng chí ở Võ Nhai thành lập Trung đội Cứu quốc quân II (15/9/1941).

Cuối tháng 10/1941, thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Ủy ban quân sự - chính trị Khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai được thành lập làm nhiệm vụ lãnh đạo khu căn cứ và đơn vị Cứu quốc quân. Đồng chí Đào Văn Trường, Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ được cử làm Chủ nhiệm Ủy ban và Chỉ huy trưởng đơn vị Cứu quốc quân II; đồng chí Chu Văn Tấn, Phó Chủ nhiệm Ủy ban và Chỉ huy phó Cứu quốc quân và đồng chí Nguyễn Cao Đàm làm Chính trị chỉ đạo viên.

Ngay sau khi được thành lập, Ủy ban quân sự - chính trị khu căn cứ đề ra chủ trương: Nhanh chóng củng cố và phát triển đơn vị Cứu quốc quân; đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, phát triển các đoàn thể chính trị trong khu căn cứ; đấu tranh chống địch khủng bố; mở rộng địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân ra ngoài căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 19/11/1941, một tiểu đội Cứu quốc quân gồm 7 đồng chí: Nguyễn Cao Đàm (tức Độ), Phương Cương, Chu Viết Phong (tức Chu Di Phong), Mông Phúc Quyền (tức Mông Văn Sính), Đường Thị Ân (tức Sông, Ly), Hoàng Thị Môn (tức Lê), Hoàng Thị Ngoan (tức La) do đồng chí Nguyễn Cao Đàm phụ trách, vượt vòng vây kẻ thù sang Đại Từ hoạt động. Ba ngày sau, tiểu đội Cứu quốc quân đến La Bằng (huyện Đại Từ), nơi thành lập cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên (1936). Đến đây,

các đồng chí Cứu quốc quân được biết đồng chí Đường Nhất Quý, người đảng viên đầu tiên của tổ chức cơ sở Đảng La Bằng có liên hệ mật thiết với phong trào cách mạng Võ Nhai, vừa phải chạy lên núi Hồng. Tiểu đội Cứu quốc quân lại bí mật hành quân lên núi Hồng bắt được liên lạc với đồng chí Đường Nhất Quý. Dựa vào cơ sở quần chúng ở núi Hồng, tiểu đội Cứu quốc quân chia nhau xuống các xã thuộc huyện Sơn Dương (Tuyên Quang), Chợ Chu, Bảo Cường (huyện Định Hoá) hoạt động gây dựng cơ sở.

Tháng 3 năm 1942, sau khi nhận được tin của Cứu quốc quân ở Võ Nhai đã rút sang Trung Quốc, bộ phận Cứu quốc quân hoạt động ở Định Hoá gồm các đồng chí Phương Cương, Nguyễn Cao Đàm và Mông Phúc Quyền sang làng Hái Hoa (xã Phấn Sứ) để gây dựng cơ sở cách mạng. Tại Hái Hoa, tổ Cứu quốc quân đã được gia đình các ông Lâm Khải Đình, Hoàng Phúc Đoan và Hoàng Văn Trục nuôi dưỡng, che chở, bảo vệ. Gia đình ông Lâm Khải Đình có 3 con trai: Lâm Thái (Voòng), Lâm Thơm (Ni), Lâm Đình Phòng (Lâm Văn Quay) đều là những thanh niên mới lớn, có tinh thần yêu nước. Được tuyên truyền, giác ngộ, những thanh niên này tích cực làm nhiệm vụ do cán bộ cách mạng phân công và nhanh chóng trở thành cốt cán của phong trào cách mạng ở cơ sở. Khoảng tháng 6/1942, Hội Thanh niên Cứu quốc, Hội Phụ nữ Cứu quốc được

thành lập⁽¹⁾. Một thời gian sau, các đội tự vệ Cứu quốc thành lập ở Hái Hoa, làng Lân. Đến cuối năm 1942, số đội viên tự vệ chiến đấu đã lên tới 20 người.

Từ cơ sở đầu tiên ở Hái Hoa, các đồng chí trong tổ Cứu quốc quân tích cực bồi dưỡng những quần chúng vừa được giác ngộ cách mạng trở thành hạt nhân vận động, lôi kéo quần chúng trong thôn xóm tham gia hoạt động. Khoảng tháng 7/1942, thông qua một cơ sở người Dao ở núi Hồng (Đại Từ), các đồng chí Cứu quốc quân đã đến làng Cam (xã Động Đạt) bắt mối và giác ngộ cách mạng cho Lường Thống Soái, Triệu Hà Thanh... là thanh niên dân tộc Dao mới ở Đại Từ chuyển sang đây làm ăn sinh sống. Cũng như ở Hái Hoa, cơ sở ở làng Cam ngay sau đó đã lập được Hội Thanh niên Cứu quốc và Tự vệ Cứu quốc. Do hoạt động trong điều kiện hết sức bí mật, binh lính đồn Phấn Mễ và bọn mật thám luôn luôn rình rập, sẵn sàng đánh phá cơ sở cách mạng, nên phải đến khoảng tháng 10/1942, hai cơ sở này mới liên hệ được với nhau.

Sau khi đơn vị Cứu quốc quân ở Võ Nhai rút lên biên giới Việt – Trung, tiểu đội Cứu quốc quân do đồng chí Nguyễn Cao Đàm chỉ huy ở Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương phải hoạt động độc lập, không có sự chỉ đạo của

⁽¹⁾ Hội viên Thanh niên Cứu quốc khi mới thành lập có Lâm Văn Thái, Lâm Văn Voòng, Lâm Văn Quay (Phòng), Lường Phúc; Hội Phụ nữ có Lâm Thị Lộc, Lâm Thị Nì ...

cấp trên. Trước tình hình đó, đồng chí Đường Nhất Quý và Phương Cương quyết định tìm đường sang Trung Quốc (tháng 7/1942) gặp Ban chỉ huy Cứu quốc quân xin chỉ thị. Các đồng chí còn lại trong tiểu đội phân tán về nắm cơ sở ở Phấn Mề và các huyện Định Hoá, Đại Từ...

Khoảng cuối tháng 9/1942, đồng chí Phương Cương và Nhất Quý đến Quảng Tây (Trung Quốc) gặp đồng chí Chu Văn Tấn. Sau khi nghe báo cáo, đồng chí Chu Văn Tấn quyết định cử đồng chí Phương Cương cùng với các đồng chí Hoàng Thượng, Hồng Hải, Hồng Long... về nước (đợt 2). Tiểu đội này có nhiệm vụ về phát triển cơ sở ở các huyện Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương... Cũng khoảng thời gian này, các đồng chí Hoàng Tài, Quảng Hiền từ Yên Thế (Bắc Giang) về Võ Nhai hoạt động; sau đó được phân công về Phấn Súc, Phấn Mề làm nhiệm vụ củng cố, phát triển phong trào. Dựa vào cơ sở cũ, các đồng chí Cứu quốc quân đẩy mạnh công tác vận động quần chúng. Chỉ trong một thời gian ngắn đã có thêm 15 người được kết nạp vào các hội Cứu quốc. Hai cơ sở cách mạng Hái Hoa và làng Cam đã hoạt động bán công khai, có liên hệ chặt chẽ với nhau. Khoảng tháng 7/1943, Ban Việt Minh xã Phấn Súc được thành lập do Lường Văn Phúc làm Chủ nhiệm⁽¹⁾. Đặc biệt, từ tháng 3/1943, dưới sự hướng dẫn

⁽¹⁾ Có ý kiến cho là ông Lâm Đình Phòng làm Chủ nhiệm.

của Cứu quốc quân, ở Hải Hoa đã thành lập Đội Tự vệ, gồm 21 cán bộ và chiến sĩ, được trang bị 20 súng kíp. Đây là lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên được thành lập ở Phấn Súc và cũng là lực lượng vũ trang đầu tiên của huyện Phú Lương.

Đội Tự vệ có nhiệm vụ bảo vệ cơ sở cách mạng, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh, trừng trị những tên tay sai có nhiều tội ác với nhân dân, với cách mạng, luyện tập quân sự, sẵn sàng nhận nhiệm vụ trên giao. Đội Tự vệ ra đời đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần nhân dân trong xã. Để gây thanh thế, ngay sau khi thành lập, Đội Tự vệ đã kéo đến vây nhà Đốc Hiến – một chủ đồn điền ở Phấn Mễ có nhiều tội ác với nông dân, đồng thời cũng là một tên mật thám tận tụy, trung thành của Sở Mật thám Bắc Kì, một tên tay sai thân tín của Cung Đình Vận (Tuần phủ Thái Nguyên). Khi thấy lực lượng tự vệ kéo đến, Đốc Hiến hốt hoảng tìm đường chạy trốn vào đồn Đu. Tự vệ thu tại nhà Đốc Hiến 2 khẩu súng gióp 3 và 200 viên đạn.

Từ cơ sở cách mạng đầu tiên ở xã Phấn Súc, ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh lan toả rất nhanh ra các vùng lân cận. Cuối năm 1942, đầu năm 1943, cơ sở cách mạng đã mở rộng đến xóm Cây Thị (xã Cổ Lũng), làng Bàu (xã Phấn Mễ), Na Phường (xã Sơn Cẩm), Đồng Nghè (xã Động Đạt).

Như vậy, chỉ trong vòng hơn một năm, vượt qua mọi khó khăn thách thức, sự o ép, khủng bố của kẻ thù, Tiểu đội Cứu quốc quân II đã nhen nhóm ngọn lửa cách mạng ban đầu vào một vài người thuộc dân tộc thiểu số ở Hải Hoa (Phấn Mễ), làng Cam (Động Đạt), sau thời bùng lên thành phong trào Việt Minh rộng khắp ở bốn, năm xã của huyện Phú Lương. Riêng hai xã Phấn Mễ và Phấn Súc, từ năm 1943 đã có 40, 50 người là hội viên của Hội Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh.

Cơ sở Mặt trận Việt Minh dần dần được mở rộng ra các xã trong toàn huyện. Lực lượng cách mạng trong quần chúng phát triển sâu rộng và vững chắc, có lực lượng tự vệ làm nòng cốt là cơ sở tin cậy để Ban chỉ huy khu căn cứ cũng như Cứu quốc quân II đặt ở làng Cam trạm liên lạc trên con đường giao liên bí mật nối giữa căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai với phong trào cách mạng ở Đại Từ, Định Hoá (Thái Nguyên), Yên Sơn, Sơn Dương (Tuyên Quang) và Chợ Đồn (Bắc Kạn).

Trong khi nỗ lực đẩy mạnh công tác tuyên truyền mở rộng cơ sở, phát triển lực lượng cách mạng, các đồng chí Cứu quốc quân II cùng với cán bộ Mặt trận Việt Minh ở cơ sở chủ trương từng bước đưa quần chúng ra đấu tranh trực diện với các thế lực áp bức, bóc lột để đòi quyền lợi cho công nhân và tá điền. Cuối năm 1942, công nhân Mỏ than Phấn Mễ đình công trong mấy ngày liền để phản đối bọn cai, kí bóc xén

tiền công. Cuộc đấu tranh diễn ra vào thời điểm cuối năm, khi việc khai thác than có nhiều thuận lợi. Mỏ ngừng sản xuất nhiều ngày sẽ gây thiệt hại lớn, buộc chủ mỏ phải nhượng bộ. Nhân đà thắng lợi này, đầu năm 1943, công nhân hầm lò tiếp tục đấu tranh buộc chủ mỏ phải trang bị bảo hộ lao động. Tháng 6/1943, do sự cố điện, hàng loạt bóng đèn trong hầm lò bị cháy, chủ lò bắt công nhân phải bồi thường, công nhân lập tức đấu tranh, đồng thời vận động công nhân cơ khí phối hợp đấu tranh đòi phát xà phòng làm vệ sinh và tăng lương 40%. Bọn chủ mỏ phải chấp nhận yêu sách của công nhân. Trong những tháng cuối năm 1943 đầu năm 1944, các cuộc đấu tranh của công nhân Mỏ than Phấn Mễ vẫn tiếp diễn.

Phối hợp với công nhân mỏ, tá điền Đồn điền Na đấu tranh đòi giảm tô, xoá bỏ phụ thu, lạm bỏ. Tá điền ở đây khi thu hoạch đã cất giấu thóc lúa, không nộp tô cho bọn chủ. Nông dân trong xã dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh đấu tranh không bán thóc tạ cho Nhật (chúng gọi là thóc liên đoàn, buộc nông dân phải bán thóc theo đầu mẫu, mỗi mẫu phải bán cho chúng 200 kilôgam với giá chỉ bằng 1/3 giá thông thường).

Lo sợ trước phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân tá điền, bọn chủ mỏ và chủ đồn điền cấu kết chặt chẽ với lính khố xanh Đồn Phấn Mễ có sự chi viện tích cực của mật thám Thái Nguyên, tìm cách đối phó.

Đầu năm 1944, chúng bắt gần 10 công nhân bị chúng cho là những người cầm đầu nhốt vào nhà giam riêng của Mỏ. Ngay lập tức, Mặt trận Việt Minh cơ sở đã vận động 300 công nhân có sự hỗ trợ của nhân dân trong xã biểu tình, lãn công. Trước áp lực mạnh mẽ của công nhân và nông dân, bọn chủ mỏ phải thả những người bị bắt.

Trong hai tháng 3 và 4/1944, lính khố xanh ở đồn Phấn Mễ đã 3 lần lùng sục vào các làng xóm quanh đồn để thăm dò lực lượng Việt Minh, vừa đe dọa, vừa cướp bóc thóc, gạo, lợn, gà của nhân dân. Nhờ cán bộ Mặt trận Việt Minh hướng dẫn, nhân dân các xóm lân cận đã hò la, kéo đến bao vây binh lính, buộc chúng phải trả lại những thứ ăn cướp.

Thắng lợi cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân tá điền ở các xã Phấn Mễ, Phấn Sứ đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cách mạng của cán bộ và quần chúng không chỉ ở 2 xã này, mà còn lan rộng ra các xã Động Đạt, Cổ Lũng, Vô Tranh, Tứ Tranh. Đây là cuộc đấu tranh bảo vệ dân sinh tương đối lớn và liên tục từ cuối năm 1943 đến đầu năm 1944 ở các xã Phấn Mễ, Phấn Sứ nói riêng và huyện Phú Lương nói chung.

Trước tình hình trên, từ đầu tháng 5/1944, những tên mật thám sùng sỏ, có kinh nghiệm đánh phá phong trào yêu nước đã được thực dân Pháp tung vào Phấn Mễ và các xã lân cận, đồng thời thực dân Pháp cho lính

đi lùng sục, khủng bố. Ngày 20/5/1944, chúng vào làng Cam, bắt Triệu Hà Thanh - một đoàn viên Thanh niên Cứu quốc, một giao thông viên bí mật của Mặt trận Việt Minh. Gia đình Triệu Hà Thanh ở làng Cam cũng là trạm liên lạc của Cứu quốc quân nối giữa Võ Nhai với Đại Từ, Định Hoá. Bọn lính lục soát nhà Triệu Hà Thanh, tìm thấy một số tài liệu của Mặt trận Việt Minh, sau đó chúng bắt thêm 10 người ở làng Cam (xã Động Đạt).

Tháng 2/1944, thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Hoàng Quốc Việt đi kiểm tra hai căn cứ Võ Nhai và Đại Từ, Định Hoá (Thái Nguyên), Sơn Dương (Tuyên Quang). Đồng chí đã triệu tập một cuộc hội nghị quan trọng ở Khuổi Kịch (Sơn Dương). Nhận thấy Chiến khu Hoàng Hoa Thám có phong trào cách mạng phát triển khá nhưng địa bàn quá rộng, Hội nghị quyết định lấy sông Cầu làm ranh giới, chia Chiến khu thành hai phân khu: Phân khu A có Bình Gia, Bắc Sơn (Lạng Sơn), Hữu Lũng, Yên Thế (Bắc Giang) Võ Nhai và Đồng Hỷ (Thái Nguyên). Phân khu B gồm Chợ Đồn, Bạch Thông (Bắc Kạn), Định Hoá, Phú Lương, Đại Từ (Thái Nguyên), Lập Thạch (Vĩnh Yên) và tỉnh Tuyên Quang. Bộ phận Cứu quốc quân II hoạt động ở Phú Lương (trong đó có Phấn Mễ) được rút về hoạt động ở gần trung tâm Phân khu B. Phong trào cách mạng ở Phấn Mễ được cán bộ Xứ uỷ và Cứu quốc quân qua lại trực tiếp chỉ đạo. Mọi hoạt động ở Phấn Mễ, Phấn Súc do cán bộ Việt Minh cơ sở phụ trách.

Khi lên Thái Nguyên, Tuyên Quang kiểm tra tình hình (đầu tháng 2/1944), đồng chí Hoàng Quốc Việt cử đồng chí Lôi Viết Dìu (còn có tên là Cam), một cán bộ Xứ uỷ Bắc Kỳ cùng đi. Sau khi phân chia phân khu và thành lập Trung đội Cứu quốc quân III, đồng chí Hoàng Quốc Việt và đồng chí Lôi Viết Dìu trở về ATK 1 của Trung ương (Hà Nội - Hà Đông). Được một thời gian, Xứ uỷ phân công đồng chí Lôi Viết Dìu về chỉ đạo phong trào cách mạng huyện Phú Lương, mà cơ sở ở làng Cam và Hái Hoa.

Đồng chí Lôi Viết Dìu, sinh khoảng năm 1918, dân tộc Tày, quê quán xã Đại Đồng (huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn). Thân sinh của đồng chí Lôi Viết Dìu là một thầy tào cao tay có tiếng và cũng là thầy Đồ Nho hay chữ ở Trảng Định, có nhiều con nhang, đệ tử khắp nơi. Trong khoảng những năm 1925-1930, ông xuống Phú Thượng (Võ Nhai), ở nhà Nông Văn Cún (Thái Long), dạy anh em Nông Văn Cún và Chu Văn Tấn học chữ Nho. Lôi Viết Dìu cùng cha xuống đây và theo học cùng trang lứa. Sau năm 1930, thân sinh đồng chí Lôi Viết Dìu trở về quê Trảng Định và mất ở đó. Lôi Viết Dìu là con vợ bé, có mối quan hệ thân tộc với bà con người Nùng ở làng Cam. Cha mất được vài năm thì mẹ đẻ cũng qua đời, Lôi Viết Dìu ở với vợ cả của cha.

Do hoàn cảnh éo le, không thể ở với anh em con bà cả, nên năm 1938 Lôi Viết Dìu xuống Phú Thượng tìm

đến nhà Nông Văn Cún. Cảm công thầy dạy dỗ con mình, nên bố Nông Văn Cún đã nuôi Lôi Viết Dìu như con cái trong nhà. Lúc này ở Võ Nhai đã có cơ sở cách mạng, có tổ chức Thanh niên Dân chủ, rồi Hội Phản đế.

Tháng 6/1941, địch khủng bố dữ dội phong trào cách mạng ở Bắc Sơn, rồi lan xuống Võ Nhai. Chúng bắt Nông Văn Cún, Chu Văn Lường... là những đảng viên tích cực của Võ Nhai cùng nhiều thanh niên yêu nước khác ở Trảng Xá, Lâu Thượng... Trước tình thế này, tất cả cán bộ, đảng viên và thanh niên Cứu quốc Võ Nhai chạy vào rừng tránh địch khủng bố. Lôi Viết Dìu cũng nhân dịp này theo bạn lên rừng và chính thức tham gia hoạt động cách mạng từ đó.

Ngày 15/9/1941, Lôi Viết Dìu là một trong số 36 người có mặt trong buổi lễ thành lập Trung đội Cứu quốc quân II. Cuối năm 1941, nhận thấy Lôi Viết Dìu là một thanh niên dân tộc Nùng, có trình độ văn hoá (lớp 2 Quốc ngữ, biết chữ Nho), nhanh nhẹn, thật thà và hăng say trong mọi công việc, đồng chí Đào Văn Trường (Chủ nhiệm Ủy ban Quân sự - Chính trị khu căn cứ) đã chọn anh và một số thanh niên gửi về Xứ uỷ để đào tạo, bồi dưỡng cốt cán cho cách mạng miền núi sau này. Học xong lớp bồi dưỡng chính trị ngắn ngày, Lôi Viết Dìu được giữ lại ở cơ quan Xứ uỷ. Cuối năm 1943, đồng chí được cử đi học lớp đào tạo cán bộ

quân sự đầu tiên do Xứ uỷ Bắc Kỳ tổ chức ⁽¹⁾. Sau lớp học, đầu năm 1944 Lôi Viết Diu được cử đi theo đồng chí Hoàng Quốc Việt kiểm tra tình hình ở Thái Nguyên, Tuyên Quang.

Vào khoảng tháng 10/1944, khi đồng chí Lôi Viết Diu về tới làng Cam, thì cơ sở Việt Minh ở các xã Phấn Mễ, Phấn Súc đã được mở rộng. Tinh thần quần chúng rất hăng hái, đội ngũ cán bộ cơ sở đông hơn so với nhiều nơi khác và đầy nhiệt huyết, có lực lượng tự vệ mạnh. Sau ít ngày nắm tình hình, đồng chí Lôi Viết Diu đã triệu tập một cuộc họp quan trọng (tại làng Lân) gồm cán bộ chủ chốt của các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh ở tất cả các xã trong huyện Phú Lương, nòng cốt là Phấn Súc và Phấn Mễ, để truyền đạt *Chương trình huấn luyện 4 tháng* và chỉ thị *Sửa soạn khởi nghĩa* (7/5/1944) của Tổng bộ Việt Minh.

Hội nghị quyết định củng cố và phát triển các tổ chức Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, kiện toàn đội Tự vệ Cứu quốc, tổ chức huấn luyện quân sự cho lực lượng tự vệ chiến đấu; đẩy mạnh phong trào cách mạng, đưa quần chúng công nhân, tá điền và nông dân đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực hàng ngày (chống cúp lương, phạt vạ, chống phá hoa màu trồng cấy, chống tăng tô, thuế...), tiến lên đấu tranh giành chính quyền.

⁽¹⁾ Lớp học quân sự được tổ chức ở rừng Mẩn (xã Kha Sơn, huyện Phú Bình).

Sau Hội nghị, không khí cách mạng ở các xã Phấn Mễ, Phấn Sứ bùng lên sôi nổi. Các đoàn thể Cứu quốc tiếp tục phát triển hội viên với tốc độ nhanh. Đơn vị tự vệ được bổ sung một số thanh niên khoẻ mạnh, quân số lên tới 40 người ⁽¹⁾ làm nhiệm vụ thường xuyên theo dõi bọn tay sai phản động trong đồn điền, hầm mỏ, trong làng xã; cảnh cáo những tên phản động rắp tâm chống phá cách mạng, bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở. Việc luyện-tập quân sự thường xuyên được tổ chức vào ban đêm ở trên rừng hoặc trên núi.

Những tháng cuối năm 1944, phong trào cách mạng ở tỉnh Thái Nguyên có những diễn biến phức tạp, gặp nhiều khó khăn, nhất là từ tháng 10 trở đi. Thực dân Pháp mở chiến dịch khủng bố, đánh phá ác liệt vào hầu khắp cơ sở cách mạng trong tỉnh, nhất là Võ Nhai. Chúng bao vây phong toả trung tâm Phân khu A, “nội bắt xuất, ngoại bắt nhập”, dồn dân trong huyện vào các trại tập trung, lực lượng cách mạng phải bật lên núi. Mọi ngã đường liên lạc đến Võ Nhai đều bị cắt đứt, kể cả đường giao liên qua làng Cam cũng phải dừng hoạt động.

Phong trào cách mạng ở Phú Lương nói chung, Phấn Mễ nói riêng trong tháng 10 và tháng 11 vẫn tạm yên ổn, nhưng mối liên hệ với cấp trên và các nơi cũng gặp khó khăn, có lúc gián đoạn. Tuy vậy, nhờ cơ

⁽¹⁾ Chỉ huy Đội Tự vệ Cứu quốc Phấn Mễ đầu năm 1943 có ý kiến cho là Lâm Đình Phòng, có ý kiến cho là Minh Công.

sở Mặt trận Việt Minh đã được củng cố, có lực lượng tự vệ mạnh, có đội ngũ cán bộ cơ sở tương đối vững vàng về chính trị, tư tưởng, có tinh thần tự động công tác, lại có đồng chí Lô Viết Diều cán bộ Xứ uỷ trực tiếp chỉ đạo, nên mọi cuộc vận động cách mạng ở Phấn Mễ không những không bị ngưng trệ mà còn phát triển và mở rộng ra các xã Động Đạt, Túc Tranh, Vô Tranh, Cổ Lũng, Sơn Cẩm. Những cuộc đấu tranh của công nhân, tá điền dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh chống lại bọn chủ vẫn tiếp tục nổ ra. Điển hình là cuộc đấu tranh của tá điền đồn điền Na sau khi thu hoạch vụ mùa đã cất giấu hết thóc lúa, kiên quyết không nộp tô cho chủ đồn điền. Những tên tay sai của đế quốc luôn bị răn đe, cảnh cáo.... Khí thế cách mạng trong quần chúng luôn luôn sôi động. Thời gian này, các đồng chí lãnh đạo các xã Phấn Mễ, Phấn Súc chủ trương đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động có tính chất quân sự, tìm cách tước vũ khí của binh lính địch khi chúng đi lẻ trên Quốc lộ 3, qua cánh đồng Phô Giá, cao hơn nữa là tập trung lực lượng đánh đồn Phấn Mễ, tước vũ khí của địch để trang bị cho tự vệ. Đây cũng là bước tập dượt, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền khi thời cơ đến.

Theo kế hoạch, lực lượng tự vệ hai xã Phấn Mễ, Phấn Súc dự kiến tập trung đánh đồn Phấn Mễ ngày 8/1/1945. Đồn Phấn Mễ có một trung đội lính khố xanh

(khoảng 30 tên) chiếm đóng, do viên quan Một người Pháp chỉ huy. Trưởng, phó của y là hai viên Đội người Việt. Dù chỉ có vũ khí thô sơ, phải đương đầu với quân địch có vũ khí tốt, có hầm hào cố thủ vững chắc, nhưng với tinh thần cách mạng tiến công, cán bộ và chiến sĩ tự vệ Phấn Mễ, Phấn Súc vẫn quyết tâm đánh đồn.

Mọi việc chuẩn bị cho trận đánh đang tiến hành khẩn trương thì kẻ địch nhận được tin báo về sự hoạt động của đồng chí Lôi Viết Dìu tại Phấn Mễ. Lập tức, chúng tung lực lượng mật thám, cảnh sát để lùng sục, truy bắt người lãnh đạo, hòng nhanh chóng dập tắt phong trào cách mạng ở Phú Lương. Tên Tuần phủ Thái Nguyên – Cung Đình Vận khét tiếng gian ác đã treo giải thưởng lớn cho kẻ nào giết được Lôi Viết Dìu. Ngày 14/12/1944, bọn tay chân của Lí trưởng Phấn Mễ – Bàn Văn Quỳnh đã phục kích, bắn chết đồng chí Lôi Viết Dìu tại một địa điểm gần Phố Giá. Đồng chí Lôi Viết Dìu bị địch giết hại là một tổn thất lớn cho phong trào cách mạng ở Phấn Mễ nói riêng và Phú Lương nói chung. Xứ uỷ Bắc Kỳ mất một cán bộ dân tộc ít người có năng lực cả về quân sự, chính trị và công tác tổ chức, vận động quần chúng.

Ngay sau khi bắn chết đồng chí Lôi Viết Dìu, quân Pháp tổ chức vây ráp, bắt gần 20 người trong tổ chức Việt Minh ở các xã Phấn Mễ, Phấn Súc, Cổ Lũng, Động Đạt. Chúng ban hành quy định ban đêm

các nhà không được đốt đèn quá 21 giờ, không cho người lạ nơi khác đến ở trong nhà, cấm các gia đình có người bị bắt ra khỏi làng, xã. Không khí khủng bố bao trùm khắp vùng. Bọn phản động địa phương cũng nổi dậy. Bọn chức dịch và tay sai nhân cơ hội “đục nước béo cò”, dọa dẫm những gia đình có người tham gia Hội Cứu quốc và nhất là gia đình có người bị bắt để tống tiền, tước đoạt của cải.

Song, tấm gương chiến đấu dũng cảm, thà hi sinh không để lọt vào tay giặc của đồng chí Lôi Viết Dìu có sức cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh cách mạng của cán bộ, quần chúng trong huyện Phú Lương nói chung và xã Phấn Mề nói riêng. Bản báo cáo của tên Công sứ tỉnh Thái Nguyên Misolô (Michelot) gửi Thống sứ Bắc Kỳ ngày 21/12/1944 đã cho thấy khí phách anh hùng của người cộng sản Lôi Viết Dìu:

“Được tin báo có một tên tuyên truyền nổi loạn tên là Lôi Văn Dìu (đúng ra là Lôi Viết Dìu- TG) xuất hiện ở Phú Lương, Quan Tuần phủ Thái Nguyên lập tức cho canh phòng vùng này. Lực lượng tuần phòng gồm lính đông và trưng tuần được huy động để xét hỏi tên lạ mặt vào ngày 14/12, gần làng Phấn Mề. Vòng vây lập tức bị xiết chặt và buộc người kia phải cho xem giấy. Vừa bị hỏi, hắn giơ cao một quả lựu đạn cầm ở tay. Hắn rút theo 1 trong số 2 con dao găm mang theo người và nhảy đến đâm số người tuần phòng. Một

trương tuần định bắt y. Tức thì y đâm người này để tìm cách thoát thân. Vì thế đội tuần tiểu phải nổ súng. Tên làm loạn bị tử thương. Trước khi chết Lôi Văn Dìu cố xé những giấy tờ nhưng không được và y chỉ trích ai theo dõi y. Khám trong người y thấy ngoài quả lựu đạn (làm tại nước ngoài) còn có 2 dao găm Tàu (China), 2 tờ báo cộng sản “Cờ giải phóng” và “Cứu quốc”, còn có một số tài liệu khác có liên quan đến Việt Minh mà cuộc điều tra còn đang tiến hành. Cùng ngày, có chừng 20 người có dính líu với Lôi Văn Dìu đã bị bắt giữ.”⁽¹⁾.

Do đồng chí Lôi Viết Dìu bị giết hại, cơ sở cách mạng bị khủng bố, nhiều quần chúng tích cực bị sa vào tay giặc, nên việc đánh đồn Phấn Mễ không thành. Tinh thần, ý chí cách mạng của cán bộ và quần chúng có phần xao xuyến, nhưng không có biểu hiện sa sút. Người bị bắt vào tù kiên quyết không khai báo, không đầu hàng giặc. Những người còn lại ở cơ sở thì đề cao cảnh giác để không sa vào tay giặc, bí mật đi vào quần chúng, động viên mọi người giữ vững tinh thần đấu tranh chống địch khủng bố.

Giữa lúc nhân dân Phấn Mễ, Phấn Súc tìm cách che giấu, bảo vệ cán bộ cách mạng, ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính hất cẳng Pháp, độc chiếm Đông Dương. Lợi dụng cơ hội quân Nhật chưa kịp đến Thái Nguyên và

⁽¹⁾ Tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

quân Pháp trong tình lị rơi vào tình trạng hỗn loạn, sáng ngày 10/3, những người tù chính trị bị giam ở Nhà tù Thái Nguyên đã vận động cai ngục và những người lính gác mở cửa nhà lao, giải phóng tù nhân. Trong số này có đồng chí Lâm Đình Phòng và các cán bộ Việt Minh ở Phấn Mễ, Phấn Súc bị bắt ngày 14/12/1944. Sau khi thoát ngục các đồng chí đã nhanh chóng trở về xã lãnh đạo phong trào.

Chiều 10/3/1945, quân Nhật kéo vào chiếm đóng tỉnh lị Thái Nguyên, không gặp bất cứ sự phản kháng nào của quân Pháp. Ngày hôm sau (11/3), Nhật cho quân chiếm đóng các đồn Giang Tiên và Phấn Mễ, quản lí luôn mỏ Phấn Mễ để lấy than phục vụ nhu cầu chiến tranh. Nhưng do chủ mỏ người Pháp và phần lớn cai, kí, đốc công bỏ chạy, công nhân không đến làm, việc khai thác than bị đình đốn một thời gian.

Sau khi chiếm lĩnh các công sở, dinh thự và bắt những người Pháp ở Thái Nguyên vào nhà tạm giam, phát xít Nhật vẫn duy trì bộ máy quan lại Nam triều dưới thời thuộc Pháp làm tay sai, chỉ thay đổi một số chức danh, như Tuần phủ thành Tỉnh trưởng, Tri châu thành Huyện trưởng... Chúng lập bảo an binh bằng cách sáp nhập lính khổ xanh và lính cơ. Ở Phú Lương, ngoài số lính bảo an ở Đu, Phấn Mễ, Giang Tiên, chúng còn tăng cường thêm một tiểu đội lính Nhật ở Phấn Mễ. Ở các tổng, xã, chúng lập bảo an đoàn thay cho tuần, đồng trước đây.

Việc phát xít Nhật làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp là điều Đảng ta đã dự đoán từ trước. Cho nên, ngay sau khi tiếng súng đảo chính của Nhật vừa bùng nổ, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã kịp thời triệu tập cuộc Hội nghị mở rộng và ra bản Chỉ thị lịch sử: *Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* (12/3/1945).

Dưới ánh sáng của bản Chỉ thị 12/3, phong trào cách mạng ở Thái Nguyên đã nhanh chóng dấy lên thành cao trào. Khởi nghĩa từng phần diễn ra sôi nổi ở khắp các châu, huyện trong tỉnh. Trên địa bàn Phú Lương, lực lượng Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân hoạt động mạnh mẽ trên Quốc lộ 3 từ Km 29 đến Km 34 và ở các xã phía Bắc huyện. Hoảng hốt trước cơn lốc cách mạng, nhất là sau khi Đốc Hiến, một kẻ có nợ máu với nhân dân bị ta trừng trị, tên Huyện trưởng Phú Lương Hoàng Như Khuê bỏ sở lị ở Đu cùng lính bảo an chạy về Đồn Phấn Mễ, dựa vào lính Nhật để tá túc.

Đầu tháng 4/1945, một bộ phận Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Phan Văn Đắc phụ trách được cử xuống Phấn Mễ phối hợp với tự vệ ở đây làm nhiệm vụ hỗ trợ quần chúng đấu tranh và phát triển lực lượng tự vệ khu vực phía Nam núi Chúa, chuẩn bị tiến về thị xã Thái Nguyên đánh Nhật khi có lệnh.

Được sự hỗ trợ của Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, phong trào kháng Nhật cứu nước ở Phấn Mễ, Phấn Súc hoà vào cao trào chung của toàn tỉnh, toàn huyện. Đông đảo các tầng lớp nhân dân, nhất là công nhân, tá điền sục sôi căm thù giặc Nhật, mong chờ ngày khởi nghĩa. Mặt trận Việt Minh có uy tín rộng rãi trong xóm làng, không chế được hàng ngũ tổng, lí, kì hào. Các đoàn thể Cứu quốc hoạt động gần như công khai. Tự vệ Cứu quốc ngày đêm canh gác, làm chủ xóm làng ⁽¹⁾.

Thực hiện chủ trương *Phá kho thóc giải quyết nạn đói* của Trung ương, tự vệ Phấn Mễ làm nòng cốt hỗ trợ quần chúng phá kho thóc Giang Tiên, lấy hơn 10 tấn thóc chia cho dân nghèo; đồng thời vận động nông dân tá điền không nộp tô cho chủ đồn điền, không nộp thuế, bán thóc tạ cho Nhật.

Cùng với đấu tranh bảo vệ quyền lợi hàng ngày của nhân dân, lực lượng cách mạng trong xã không ngừng tiến công bọn phản động, tay sai đế quốc, phát xít. Đầu tháng 6/1945, ta bắt Chánh tổng Dèo, kẻ đã nhúng tay vào việc bắt bớ, tống tiền nhân dân, uy hiếp cơ sở cách mạng sau vụ đồng chí Lôi Viết Diu bị giết hại. Tiếp đó, ta bắt Phan Văn Cấp ở làng Lân can tội làm tay sai cho Pháp, Nhật, phá hoại sự nghiệp cách

⁽¹⁾ Đến đầu tháng 1/1945, mỗi xã (Phấn Mễ, Phấn Súc) có một trung đội tự vệ chiến đấu.

mạng của nhân dân trong xã. Ngày 25/6, lực lượng tự vệ phục kích ở Phố Giá bắt Đội Lai, một tên đội lính khố xanh đã nhiều năm đóng quân ở đồn Đu, đồn Phấn Mễ, gieo rắc nhiều tội ác trong nhân dân, bắt người, cướp của, cướp vợ của trai làng, tiếp tay cho mật thám Pháp truy bắt cán bộ cách mạng; là cánh tay đắc lực của phát xít Nhật chống phá sự nghiệp giải phóng của nhân dân ta.

Dưới sự hướng dẫn của Mặt trận Việt Minh, nhân dân xã Phấn Mễ đã lần lượt lập toà án đưa 3 tên phản nước, hại dân ra xét xử. Tội trạng của chúng được vạch trần trước đông đảo nhân dân. Nhân dân đã đồng thanh tuyên án tử hình chúng. Việc trừng trị những tên phản động này đã làm cho bộ máy hào lí ở Phấn Mễ, Động Đạt, Sơn Cẩm... đặc biệt bộ máy tổng lí, kì hào ở tổng Động Đạt (gồm 3 xã: Phấn Mễ, Phấn Sứ, Động Đạt) hoàn toàn tê liệt. Mặt trận Việt Minh đứng ra điều hành giải quyết mọi công việc. Lúc này (vào khoảng tháng 5/1945), Mặt trận Việt Minh xã Phấn Sứ do ông Lương Văn Phúc làm Chủ nhiệm. Xã Phấn Mễ chia làm 3 làng (có lúc gọi là xã) đều có Mặt trận Việt Minh: Mặt trận Việt Minh làng Trường Xô do ông Dương Văn Bằng làm Chủ nhiệm; Mặt trận Việt Minh làng Phúc Kiến do ông Nguyễn Văn Khiêm làm Chủ nhiệm; Mặt trận Việt Minh làng An Mỹ do ông Vũ Anh Thông làm Chủ nhiệm.

Cuối tháng 5, đầu tháng 6/1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Phấn sức và các làng Trường Xô, Kiến Phúc, An Mỹ được thành lập. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời đều do các ông Chủ nhiệm Việt Minh kiêm nhiệm.

Trong những ngày tháng 7, tháng 8/1945, khí thế cách mạng lại càng dâng cao. Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền càng khẩn trương. Nhân dân các dân tộc trong làng, xã phấn khởi, hăng hái tham gia mọi công việc do Mặt trận Việt Minh yêu cầu. Hai trung đội tự vệ ngày đêm tuần tra, canh gác bảo vệ xóm làng. Tự vệ Mỏ than Phấn Mễ phục kích bắn chết 2 viên đốc công người Pháp tại cầu Lân, đồng thời phối hợp với một đơn vị Quân giải phóng⁽¹⁾ bao vây đồn Phấn Mễ và đơn vị lính Nhật đóng trong mỏ, triệt nguồn tiếp tế của chúng.

Các đồng chí lãnh đạo Phấn Mễ quyết định tập trung một lực lượng tự vệ mạnh (gồm 3 tiểu đội) do các đồng chí Vũ Minh Tước, La Xuân Sắc, Nguyễn Xuân Oanh chỉ huy. Tổng chỉ huy trận đánh là đồng chí Tân Thành (Trần Văn Nội).

20 giờ ngày 18/8/1945, lực lượng tự vệ đã vây chặt đồn Phấn Mễ. Để tránh đổ máu không cần thiết,

⁽¹⁾ Ngày 15/5/1945, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân được thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân.

trước khi nổ súng, đồng chí Tân Thành viết giấy yêu cầu chỉ huy đồn Phấn Mễ gặp đại diện quân cách mạng để bàn việc trao vũ khí của lính bảo an cho cách mạng, trở về quê quán làm ăn, không nên chống lại nhân dân mà thiệt mạng vô ích. Đội Phúc, người chỉ huy cao nhất đồn Phấn Mễ ngay sau khi nhận được thư của ta, đã đến nhà Ti rượu Ký Minh (ở phố Phấn Mễ) gặp đồng chí Tân Thành và những đồng chí cùng đi. Sau khi nghe ta giảng giải điều hơn lẽ thiệt, Đội Phúc xin về bàn với chỉ huy và anh em binh lính trong đồn. Hai bên thoả thuận: 5 giờ sáng ngày 19/8, quân cách mạng nổ 2 phát súng báo hiệu, nếu lính trong đồn chấp nhận đầu hàng thì bắn 5 phát súng báo hiệu và ra mở cổng đồn đón lực lượng cách mạng vào thu vũ khí và cấp giấy cho anh em về quê làm ăn sinh sống. Nếu không, thì đó cũng là hiệu lệnh tấn công của quân cách mạng.

Nhận thấy về với nhân dân lúc này là con đường đúng đắn nhất, hơn 30 lính bảo an, cai, đội đã xin đầu hàng, giao nộp hơn 30 khẩu súng và hàng ngàn viên đạn; cảm ơn cách mạng đã mở đường sống, nhận giấy tờ về quê đoàn tụ với gia đình.

Sau khi thu được vũ khí của lính bảo an tại đồn Phấn Mễ, tinh thần cán bộ, chiến sĩ rất phấn chấn, hăng hái thực hiện kế hoạch của cấp trên. Trung đội tự vệ Phấn Súc do đồng chí Tân Thành chỉ huy theo Đường số 3 xuống Giang Tiên, qua núi Đá Xô, sang bao vây

quân Nhật ở Mỏ than Làng Cẩm (Đại Từ). Trung đội tự vệ Phấn Mễ phối hợp với tự vệ Động Đạt và tiểu đội Quân giải phóng do đồng chí Nguyễn Văn Rạng chỉ huy, bao vây quân Nhật ở đồn điền Na. Trong lúc cán bộ, chiến sĩ hai trung đội tự vệ đang khẩn trương chuẩn bị lên đường làm nhiệm vụ thì nhận được lệnh của Bộ chỉ huy Quân giải phóng, tất cả tiến về giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên. Hai trung đội tự vệ Phấn Mễ, Phấn Sức góp sức cùng quân dân tỉnh Thái Nguyên giải phóng tỉnh lỵ.

Được rèn luyện trong lò lửa đấu tranh cách mạng, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ trưởng thành về các mặt, sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Chương II

CHI BỘ ĐẢNG PHẤN MỄ TRONG THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 – 1954)

I- Xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng, Chi bộ Đảng đầu tiên ra đời

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, mở ra một trang mới trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Cùng với cả nước, nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ thoát khỏi cuộc sống nô lệ, lầm than, khổ cực, trở thành người làm chủ xã hội, làm chủ đất nước.

Trải qua thực tiễn đấu tranh giành chính quyền, nhất là những năm 1943-1945, nhân dân các dân tộc Phấn Mễ được rèn luyện trong những ngày sục sôi cách mạng, ý thức giác ngộ về quyền lợi dân tộc, quyền lợi giai cấp được nâng cao... Đội ngũ cán bộ địa phương ngày càng trưởng thành

Phát huy truyền thống đoàn kết, gắn bó, cần cù, sáng tạo trong lao động, kiên cường, dũng cảm trong đấu tranh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các

dân tộc Phấn Mễ phấn khởi bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới, xây dựng và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân

Bên cạnh những thuận lợi, trong hoàn cảnh chung của đất nước, sau ngày giành chính quyền, nhân dân các dân tộc Phú Lương nói chung, nhân dân Phấn Mễ nói riêng đứng trước những khó khăn, thử thách cực kỳ nghiêm trọng. Thù trong, giặc ngoài, cùng với nạn đói, nạn dốt đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của chính quyền non trẻ.

Nền kinh tế của Phấn Mễ vốn là nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, mang nặng tính tự nhiên, tự cấp, tự túc, lại bị thực dân Pháp, phát xít Nhật vơ vét, bóc lột nặng nề, nên ngày càng kiệt quệ. Cùng với dịch họa là thiên tai. Trận lụt lớn xảy ra trong tháng 8/1945, tiếp theo là hạn hán kéo dài làm cho phần lớn diện tích ruộng đất trồng lúa phải bỏ hoang do thiếu nước, gây ra tình trạng thiếu hụt lương thực trầm trọng. Đời sống nhân dân vốn đã khó khăn, càng thêm khó khăn. Hậu quả của nạn đói khủng khiếp do Nhật, Pháp gây ra cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa kịp khắc phục thì nguy cơ một nạn đói mới lại xuất hiện, đe dọa nghiêm trọng cuộc sống của nhân dân.

Cùng với đói nghèo, những tệ nạn xã hội do chế độ thực dân, phong kiến để lại, như rượu chè, cờ bạc,

nghiện hút, trộm cắp, mê tín dị đoan... tồn tại phổ biến. Đặc biệt là nạn thất học, do chính sách “ngu dân” để dễ bề cai trị của thực dân Pháp làm cho hơn 90% dân số trong xã mù chữ... đang là những trở ngại lớn cho việc xây dựng, bảo vệ chế độ mới. Trong khi đó, chính quyền cách mạng vừa mới được thành lập, chưa có kinh nghiệm quản lí, điều hành các hoạt động ở địa phương...

Cách mạng tháng Tám thành công cũng là lúc Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Theo Hiệp định Potsdam, hơn 20 vạn quân của Tưởng Giới Thạch, dưới danh nghĩa đại diện lực lượng Đồng minh, đã ồ ạt kéo vào nước ta để giải giáp quân đội Nhật. Nhưng thực chất, chúng tìm cách tiêu diệt Đảng Cộng sản, lật đổ chính quyền cách mạng, dựng nên chính quyền tay sai thân Tưởng.

Sau khi vượt qua một số tỉnh biên giới, hơn 5.000 quân Tưởng kéo vào tỉnh ta chiếm đóng nhiều vị trí quan trọng trong thị xã và dọc Quốc lộ số 3 xuống đến Đa Phúc. Đi đến đâu, quân Tưởng cũng hạch sách chính quyền, cướp bóc của cải của nhân dân. Chúng bắt nhân dân ta tiêu tiền Quan kim, Quốc tệ đã mất giá trị. Quân Tưởng còn tập hợp bọn tay sai, thành lập Nam Dương Hoa kiều hiệp hội ở nhiều nơi, nhất là những nơi có đông đồng bào Hoa sinh sống. Chúng xúi

giục người Việt gốc Hoa lấy quốc tịch Trung Quốc và không thực hiện nghĩa vụ công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Lợi dụng tình hình rối ren, một số tổ chức phản động trên địa bàn huyện lại nổi lên hoạt động chống phá cách mạng. Nạn trộm cướp xảy ra ở nhiều nơi... làm cho tình hình thêm rối ren, phức tạp.

Trước những khó khăn chồng chất, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Thái Nguyên mà trực tiếp là một số đảng viên do Tỉnh uỷ điều động về Phú Lương chỉ đạo phong trào, mặc dù còn hết sức non trẻ nhưng Uỷ ban nhân dân lâm thời xã cùng với các đoàn thể quần chúng đã đoàn kết, kiên trì lãnh đạo, vận động nhân dân từng bước tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, đẩy lùi giặc đói; phát động phong trào Bình dân học vụ, từng bước đẩy lùi giặc dốt, xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng lớn mạnh, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Một trong những nhiệm vụ cấp bách của chính quyền là phải nhanh chóng đẩy lùi nạn đói, từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Thực hiện lời kêu gọi cứu đói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Uỷ ban nhân dân lâm thời xã chỉ đạo các đoàn thể Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc... vận động mọi nhà lập hũ gạo cứu đói. Mỗi bữa đóng gạo nấu cơm bót lại một, hai nắm bỏ vào hũ tiết kiệm

đề lấy gạo đó ủng hộ những người đang bị đói đe dọa. Truyền thông đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau, “Lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều” được khơi dậy và phát huy trong nhân dân các dân tộc Phấn Mễ. Để dồn lương thực cho việc cứu đói, chính quyền xã còn tích cực vận động nhân dân thực hiện tốt các quy định của Chính phủ: Không tích trữ lương thực, không dùng lương thực để nấu rượu...

Để giải quyết nạn đói một cách cơ bản, thực hiện khẩu hiệu “*Tăng gia sản xuất, Tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa!*”, “*Không để một tấc đất bị bỏ hoang*”..., nhân dân các dân tộc Phấn Mễ đẩy mạnh khai hoang, phục hoá, mở rộng diện tích, tích cực gieo trồng các loại cây lương thực và hoa màu ngăn ngày.

Nhờ sự vận động tích cực của chính quyền, các đoàn thể quần chúng, sự đoàn kết tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau về giống, vốn, nhân lực..., sản xuất nông nghiệp của xã đã dần dần được phục hồi, từng bước đẩy lùi nạn đói, ổn định đời sống nhân dân.

Vào những ngày đầu mới thành lập, Nhà nước ta gặp nhiều khó khăn về tài chính. Để bảo đảm một phần nhu cầu chi tiêu trước mắt, ngày 4/9/1945, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 4/SL về xây dựng *Quỹ Độc lập* và phát động *Tuần lễ vàng* (17 - 24/9/1945), kêu gọi toàn dân tự nguyện đóng góp ủng hộ nền tài chính Quốc gia. Với niềm tin yêu vào chế độ mới, dù đời

sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhân dân các dân tộc Phấn Mễ vẫn nhiệt liệt hưởng ứng chủ trương của Đảng và Chính phủ. Nhiều đồ trang sức bằng vàng, bạc của chị em phụ nữ, nhiều vật dụng có giá trị lúc đó, như nồi, chậu, mâm đồng... được nhân dân trong xã gom góp ủng hộ với mong muốn góp phần nhỏ bé để Nhà nước vượt qua cơn hiểm nghèo.

Song song với nhiệm vụ diệt giặc đói, ngay trong phiên họp đầu tiên ngày 3/9/1945, Chính phủ đã đề ra nhiệm vụ chống giặc đốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: *“Muốn giữ vững nền độc lập, làm cho dân mạnh nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu biết về quyền lợi và bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”* ⁽¹⁾. Ngày 8/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ, đồng thời phát động phong trào xoá nạn mù chữ trong toàn quốc.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân lâm thời và Ban Bình dân học vụ huyện, Ban Bình dân học vụ xã Phấn Mễ được thành lập do đồng chí Bàn Văn Phẩm phụ trách⁽²⁾. Hiểu rõ tầm quan trọng của việc học

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*- tập 4 – trang 36.

⁽²⁾ Theo hồi kí của đồng chí La Văn Liên, Vũ Minh Tước (năm 1998).

chữ quốc ngữ đối với việc xây dựng và bảo vệ đất nước, dưới sự chỉ đạo của Ban Bình dân học vụ xã, mỗi xóm thành lập được một lớp Bình dân học vụ. Lớp ở Làng Bò do ông Bàn Văn Phẩm phụ trách, lớp ở Làng Hin do ông Trương Văn Thi phụ trách... Nhân dân các dân tộc trong xã không phân biệt già, trẻ, gái, trai, hăng hái động viên nhau đi học. Đặc biệt chị em phụ nữ, dưới chế độ xã hội cũ bị khinh rẻ, ngăn cấm đủ đường, đã rất tích cực học tập để mở mang kiến thức. Tới tới, từng tốp, từng đoàn người đốt đuốc, thắp đèn đến lớp học, tạo nên một không khí vui tươi, đầm ấm trong các thôn xóm. Với phương châm: *“Người đã biết chữ dạy cho người chưa biết chữ, người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho tốt. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ chưa biết thì con bảo”* ⁽¹⁾, khắp mọi nhà trong các thôn xóm đều gắng sức học tập. Cùng với việc học chữ trên lớp, nhiều hình thức đố chữ được tổ chức ở các cổng chợ, địa điểm mít tinh, biểu diễn văn nghệ..., giúp người dân ôn bài rất hiệu quả. Nhờ đó, nạn mù chữ ở Phấn Mễ từng bước được thanh toán.

Thắng lợi bước đầu của phong trào diệt giặc dốt không chỉ tạo điều kiện nâng cao trình độ hiểu biết, tạo điều kiện cho nhân dân phát huy vai trò làm chủ của mình trong việc tham gia quản lý Nhà nước mà còn góp

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 3 trang 28.

phần xây dựng đời sống mới ở các thôn xóm. Tình trạng ma to, cưới lớn, mê tín dị đoan, hội hè linh đình đã giảm bớt.

Sau ngày khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh, trình độ, năng lực lãnh đạo, điều hành của cán bộ, đảng viên còn nhiều hạn chế, trong khi yêu cầu nhiệm vụ cách mạng đặt ra hết sức nặng nề. Để khắc phục tình trạng trên, cuối tháng 9/1945, Hội nghị cán bộ Đảng toàn tỉnh được tổ chức tại xóm Trường Xô. Hội nghị công bố quyết định của Xứ uỷ Bắc Kỳ chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên gồm 8 đồng chí, do đồng chí Ngô Nhị Quý làm Bí thư. Hội nghị thảo luận và thông qua một số chủ trương, biện pháp đối phó với quân Tưởng, phát triển đảng viên, thành lập tổ chức cơ sở Đảng... Hội nghị Trường Xô có ý nghĩa quan trọng, là mốc đánh dấu sự thống nhất lãnh đạo của Đảng bộ trên địa bàn tỉnh. Nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ tự hào đã có những đóng góp quan trọng về cơ sở vật chất, bảo đảm an toàn cho sự thành công của Hội nghị.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của xã trong giai đoạn này là củng cố, phát triển lực lượng vũ trang, bảo vệ chính quyền, bảo đảm an ninh trật tự ở địa phương. Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, một số cán bộ, chiến sĩ có kinh nghiệm trong các đội tự vệ của xã đã được điều động bổ sung cho lực lượng vũ trang của huyện, của tỉnh và cho các đơn vị

bộ đội chủ lực. Vì thế, số lượng tự vệ, du kích còn lại rất ít, cán bộ yếu về năng lực lãnh đạo, chỉ huy. Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của tỉnh, của huyện, dưới sự lãnh đạo của các đồng chí cán bộ Đảng phụ trách địa bàn, Ủy ban nhân dân lâm thời xã tích cực chỉ đạo xây dựng các đơn vị tự vệ chiến đấu. Được nhân dân các dân tộc trong xã tích cực ủng hộ, giúp đỡ, lực lượng vũ trang Phấn Mễ nhanh chóng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Cán bộ, chiến sĩ được tổ chức huấn luyện kỹ, chiến thuật chiến đấu, cách sử dụng vũ khí thông thường, gài mìn, cắm chông..., được biên chế thành tiểu đội, phân đội, tổ chức chỉ huy ngày càng chặt chẽ.

Thực hiện Sắc lệnh số 51 ngày 17/10/1945 của Chính phủ về việc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, ngày 23/12/1945, đông đảo cử tri xã Phấn Súc, Phấn Mễ cùng với cử tri các xã trong huyện nô nức tham gia đi bỏ phiếu ⁽¹⁾. Ba đại biểu của Thái Nguyên (Lê Trung Đình, Đặng Đức Thái, Nguyễn Trung Thành) được nhân dân tín nhiệm bầu vào Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

⁽¹⁾ Theo chủ trương của Trung ương, cuộc Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào ngày 23/12/1945. Để có thêm thời gian chuẩn bị, Trung ương quyết định lùi cuộc Tổng tuyển cử đến ngày 6/1/1946. Một số địa phương, trong đó có Thái Nguyên không nhận được lệnh hoãn nên vẫn tổ chức bầu cử theo kế hoạch cũ.

Sau cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I, thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về việc kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, ngày 24/4/1946, nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ tiếp tục tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã. Trước ngày bầu cử Hội đồng nhân dân xã, để kiện toàn tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị hành chính theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, từ 23 xã trước Cách mạng tháng Tám, huyện sắp xếp, sáp nhập lại thành 12 xã ⁽¹⁾. Xã Phấn Mễ được hình thành trên cơ sở sáp nhập hai xã Phấn Súc, Phấn Mễ, gồm 4 thôn: Kiến Phúc, Trường Xô (sau đổi thành Phố Giá), Bảo Thái, Mỹ Khánh ⁽²⁾.

Ngày 20/6/1946, Hội đồng nhân dân khóa I họp kì thứ nhất bầu ra Ủy ban hành chính xã gồm 12 người ⁽³⁾,

(1) 12 xã gồm: Yên Trạch, Yên Ninh, Hợp Thành, Yên Đỗ, Yên Lạc, Động Đạt, Phấn Mễ, Phú Đô, Tức Tranh, Vô Tranh, Cổ Lũng, Sơn Cẩm.

(2) Theo hồi kí của đồng chí La Văn Liên, Vũ Minh Tước. Còn theo hồi kí của đồng chí Lâm Đình Phòng thì chỉ có 3 thôn (Phúc Kiến, Phấn Mễ, Phấn Súc).

(3) Gồm có: Lương Văn Phúc – Chủ tịch, Nguyễn Văn Khiêm – Phó Chủ tịch, Trần Đức Thắng - Xã bộ Việt Minh, Hoàng Thị Liên - Bí thư Phụ nữ, Bàng Hồng Hải - Bí thư Thanh niên, Nguyễn Ngọc Sơn - Bí thư Nông hội, Hoàng Văn Tân - Phó Bí thư Nông hội, Lâm Thành Thái - Trường Công an xã, Mai Văn Bách - Phụ trách dân quân du kích, Ninh Văn Tài - Trưởng ban Bình dân học vụ, Đào Văn Lạc - Trưởng ban Thông tin liên lạc, Vũ Văn Đức - Trưởng ban Giao thông tiếp tế (Theo Hồi kí của đồng chí Ninh Văn Tài).

do các đồng chí Lường Văn Phúc và Nguyễn Văn Khiêm làm Chủ tịch và Phó Chủ tịch. Thành viên Ủy ban hành chính xã đều là những cán bộ trung kiên, cốt cán ở địa phương. Trong quá trình đấu tranh cách mạng giành chính quyền, các đồng chí này luôn hăng hái, nhiệt tình nhưng kinh nghiệm lãnh đạo quản lý còn nhiều hạn chế.

Do các điều kiện khách quan và chủ quan, sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, huyện Phú Lương vẫn chưa có cơ sở Đảng. Vì vậy, việc triển khai đường lối chủ trương của Trung ương, của tỉnh có nhiều lúc chưa kịp thời. Do đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của huyện lúc này là phải tổ chức xây dựng cơ sở Đảng để trực tiếp lãnh đạo phong trào toàn huyện. Thực hiện yêu cầu này, cuối năm 1945, Tỉnh uỷ Thái Nguyên cử đồng chí Lê Phương, cán bộ Đảng ở Phú Bình lên phụ trách phong trào Phú Lương. Sau một thời gian tuyên truyền, thử thách, tháng 2/1946, một số cán bộ chủ chốt của huyện gồm các đồng chí: Phan Văn Sáng, Phan Văn Quế, Phan Văn Tĩnh, Nguyễn Thị Hát được đồng chí Lê Phương lựa chọn đề nghị Tỉnh uỷ tổ chức kết nạp vào Đảng. Sau khi kết nạp các đồng chí nói trên vào Đảng, chi bộ cơ quan huyện được thành lập. Đây là chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Phú Lương do đồng chí Lê

Phương trực tiếp làm Bí thư. Trên cơ sở đó, tháng 4/1946, Ban Cán sự Đảng huyện Phú Lương ra đời gồm 3 đồng chí: Lê Phương, Phan Văn Quế và Phan Văn Tĩnh, do đồng chí Lê Phương làm Trưởng ban.

Dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Đảng, các đảng viên trong chi bộ cơ quan được phân công về cơ sở tuyên truyền, xây dựng tổ chức Đảng. Từ đó cho đến cuối năm 1946, chi bộ bồi dưỡng, kết nạp thêm nhiều đảng viên mới. Tháng 10/1946, đồng chí Bàn Việt Cường, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Bí thư Thanh niên Cứu quốc huyện, được cử về phát triển cơ sở Đảng ở Phấn Mễ. Trên cơ sở đội ngũ cán bộ cốt cán của xã đã được thử thách, rèn luyện trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám và một năm chèo chống đưa nhân dân các dân tộc trong xã vượt qua khó khăn sau ngày độc lập, tháng 11/1946, đồng chí Bàn Việt Cường lựa chọn, bồi dưỡng, đề nghị Chi bộ cơ quan kết nạp 3 đồng chí Trần Đức Thắng, Dương Văn Hợp, Lâm Thị Thơm vào Đảng. Đồng chí Nguyễn Thị Thuận (tức Thái Bảo), Bí thư Huyện ủy lâm thời về dự lễ kết nạp và công nhận việc thành lập Chi bộ Phấn Mễ gồm 4 đảng viên, do đồng chí Bàn Việt Cường làm Bí thư, đồng chí Trần Đức Thắng làm Phó Bí thư. Tuy là Bí thư chi bộ, nhưng do đồng chí Bàn Việt Cường là cán bộ của Huyện ủy

tăng cường về phụ trách các xã phía Nam nên mọi hoạt động của chi bộ Phấn Mễ chủ yếu do đồng chí Trần Đức Thắng đảm nhiệm. Đến tháng 12/1946, đồng chí Trần Đức Thắng trực tiếp làm Bí thư.

Chi bộ Đảng Phấn Mễ ra đời là một sự kiện chính trị lớn, là bước ngoặt quan trọng đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc trong quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân Phấn Mễ. Từ đây, nhân dân các dân tộc trong xã đã có một tổ chức cơ sở Đảng trực tiếp lãnh đạo, bảo đảm cho việc thực hiện chủ trương, đường lối kháng chiến, kiến quốc của Đảng và Chính phủ trên địa bàn kịp thời, có hiệu quả. Tháng 12/1946, chi bộ Phấn Mễ tổ chức kết nạp thêm 10 đảng viên mới là các đồng chí Bằng Hồng Hải, Bằng Văn Phẩm, Trần Văn Ôn, La Xuân Sắc, Tô Cù (tức Sung), Ninh Văn Lại, Nguyễn Ngọc Sơn, Vũ Hạnh Thông, La Văn Liên, Trần Văn Đàn ⁽¹⁾.

Như vậy, chỉ trong một thời gian hơn một năm kể từ ngày giành chính quyền đến tháng 12/1946, cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc Phấn Mễ đã kiên trì phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đẩy lùi giặc đói, giặc dốt, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang, phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ngày càng vững mạnh. Kết quả bước đầu này có ý nghĩa rất quan

⁽¹⁾ Theo hồi ký của đồng chí Vũ Minh Tước.

trọng, tạo tiền đề cho Phấn Mễ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc trong giai đoạn mới.

II- Chuẩn bị chiến đấu và trực tiếp chiến đấu góp phần đánh bại cuộc tấn công của thực dân Pháp lên căn cứ địa Việt Bắc Thu - Đông 1947.

Với dã tâm quyết quay trở lại cướp nước ta một lần nữa, sau khi nổ súng đánh chiếm Sài Gòn - Chợ Lớn (23/9/1945), thực dân Pháp từng bước mở rộng chiến tranh ra cả hai miền Nam Bắc Việt Nam. Trong hai ngày 18 - 19/12/1946, Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Hà Nội liên tục gửi tới hậu thư cho Chính phủ ta đòi tước vũ khí của tự vệ Hà Nội và trao quyền kiểm soát Thủ đô cho chúng. Trước nguy cơ nền độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước rơi vào tay thực dân Pháp, cũng trong hai ngày (18 - 19/12/1946) tại làng Vạn Phúc, Hà Đông, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau khi phân tích sâu sắc âm mưu của địch và tình hình cả nước, Hội nghị quyết định động viên sức người, sức của toàn dân tộc, tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong đêm 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Huyện ủy

Phú Lương, cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc Phấn Mễ nêu cao tinh thần chủ động, tích cực chuẩn bị mọi mặt bước vào cuộc kháng chiến.

Quán triệt chủ trương của Trung ương về kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, từng bước đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp kháng chiến, đầu năm 1947, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ nhất được triệu tập. Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ cách mạng của Phú Lương trong thời kì mới. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ chính thức. Đồng chí Hứa Đình Khánh, cán bộ tăng cường của tỉnh được bầu làm Bí thư, đồng chí Phan Văn Tĩnh và Nguyễn Hữu Tài là Ủy viên Thường vụ.

Thực hiện phương hướng, nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I đề ra, để tăng cường đội ngũ, sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Chi bộ Phấn Mễ tăng cường công tác tuyên truyền, bồi dưỡng phát triển Đảng. Tháng 2/1947, 3 quần chúng ưu tú tiếp tục được kết nạp vào Đảng là Vũ Minh Tước, Dương Văn Tác, Bàng Thị Năng. Tháng 4/1947, đồng chí Trần Đức Thắng được điều động lên huyện nhận công tác khác, đồng chí Ninh Văn Lại được chỉ định làm Bí thư Chi bộ.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ và sự chỉ đạo của Huyện đội bộ dân quân, Ban chỉ huy Xã đội bộ dân

quân xã Phấn Mễ được thành lập, do đồng chí Mai Văn Bách làm Xã đội trưởng. Thực hiện Thông tri của Bộ Quốc phòng ngày 19/2/1947 quy định mọi công dân từ 18 đến 45 tuổi đều phải vào dân quân, du kích, nằm trên trục Đường số 3, là cửa ngõ đi vào An toàn khu (ATK), Ban chỉ huy Xã đội đặc biệt chú trọng đẩy mạnh phát triển lực lượng dân quân, tự vệ và du kích chiến đấu. Đến trước ngày địch mở cuộc tấn công lên Việt Bắc, xã Phấn Mễ đã xây dựng được hai trung đội du kích chiến đấu tập trung. Một trung đội do đồng chí Mai Văn Bách (Xã đội trưởng) trực tiếp làm Trung đội trưởng, một trung đội do đồng chí Lương Quang Phụng làm Trung đội trưởng⁽¹⁾. Các đơn vị này được tập trung huấn luyện cách sử dụng một số loại súng bộ binh, sử dụng địa lôi, lựu đạn, cách đánh giáp lá cà, đánh quân nhảy dù, huấn luyện về canh gác, báo động, truyền tin.... Mỗi thôn có từ một tiểu đội đến một trung đội dân quân vừa sản xuất vừa làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo đảm an ninh trật tự.

Để chiến thắng kẻ thù có quân đông, trang bị mạnh, sức cơ động nhanh, tiếp theo việc chọn vùng rừng núi Việt Bắc để xây dựng căn cứ địa kháng chiến của cả nước, Trung ương Đảng chủ trương “phá hoại để kháng chiến” nhằm “triệt để làm cho địch đói, khát, què,

⁽¹⁾ Theo bản khai lí lịch của đồng chí Lương Quang Phụng.

điếc, mù, câm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản”⁽¹⁾, tạo điều kiện cho quân và dân ta tiêu hao, tiêu diệt địch.

Thực hiện sự chỉ đạo của huyện, đầu năm 1947, Ban Phá hoại của xã được thành lập và đi vào hoạt động. Hai trung đội du kích tập trung của xã vừa luyện tập kĩ, chiến thuật chiến đấu, vừa là lực lượng chủ chốt thực hiện nhiệm vụ phá hoại của xã. Theo kế hoạch, du kích xã sẽ phá đồn Phấn Mễ và tất cả các nhà gạch, nhà trình hai bên đường, các cầu trên Quốc lộ số 3 và các trục đường chính trong xã. Mặt Đường số 3 sẽ đào hố theo hình xương cá, mỗi hố cách nhau khoảng 1,5m, sâu 0,5m, rộng 0,4m, dài bằng 4/5 lòng đường. Nhân dân sẽ được sơ tán cách xa các trục đường, cất giấu tài sản, thực hiện vườn không nhà trống....

Mặc dù kế hoạch chuẩn bị mọi mặt cho công tác phá hoại được xây dựng khá tỉ mỉ, nhưng thực tế việc triển khai còn nhiều hạn chế. Cho đến hết tháng 3/1947, trên địa bàn xã mới phá xong đồn Phấn Mễ và nhà chủ Tây. Tuyến Đường số 3 và nhà xây, nhà trình hai bên đường vẫn còn nguyên vẹn. Chợ Giang Tiên vẫn tập nập kẻ mua, người bán. Sở dĩ có tình trạng trên là do cán bộ phụ trách chưa nhận thức đầy đủ tầm quan

⁽¹⁾ Dẫn theo: *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản 1979, tập 2, trang 103.

trọng của công tác tiêu thổ kháng chiến. Một bộ phận cán bộ, nhân dân có tư tưởng chủ quan, cho rằng quân Pháp chưa có khả năng đánh lên Việt Bắc. Một nguyên nhân khác là do yêu cầu đi lại, yêu cầu vận chuyển của cán bộ, nhân dân, nhất là các cơ quan còn rất lớn. Chính vì vậy, việc đồn đốc, kiểm tra của các cấp đối với công tác phá hoại không được thường xuyên, tích cực. Những hạn chế, thiếu sót đó đã phần nào gây hoang mang trong nhân dân, lúng túng cho cán bộ trong việc triển khai đối phó với quân địch những ngày đầu chúng tấn công lên Việt Bắc.

Thực hiện Sắc lệnh số 5/SL ngày 31/12/1946 của Chính phủ về chủ trương bắt hợp tác với giặc, tản cư để kháng chiến, đầu năm 1947, Ủy ban tản cư của xã được thành lập. Chấp hành chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh *“vô luận thế nào các Ủy ban hành chính cũng không được bỏ dân bơ vơ”*, Ban tản cư, tiếp cư xã Phấn Mễ đón tiếp chu đáo đồng bào các tỉnh miền xuôi lên. Với truyền thống thương yêu đùm bọc lẫn nhau trong khó khăn, hoạn nạn, nhân dân Phấn Mễ đã san sẻ từ chỗ ở, đến bát gạo, củ sắn, mớ rau... cho đồng bào tản cư trong những ngày đầu; giúp đỡ gỗ, tre, nứa, lá để đồng bào làm nhà, giúp nông cụ, ruộng đất để đồng bào tăng gia sản xuất bảo đảm đời sống lâu dài, tham gia kháng chiến.

Cùng với phá hoại để kháng chiến, tiếp đón đồng bào tản cư, Chi bộ, Ủy ban hành chính xã còn vận động nhân dân, dân quân, du kích vót hàng vạn cây chông tre, nứa dài từ 4 đến 5m cắm xuống các cánh đồng Hái Hoa, Phố Giá, làng Hin để chống quân giặc nhảy dù.

Trước yêu cầu của nhiệm vụ kháng chiến, căn cứ vào năng lực cán bộ, đầu tháng 10/1947, Huyện ủy Phú Lương điều các đồng chí Ninh Văn Lại và Lương Văn Phúc lên huyện nhận công tác mới; điều đồng chí Vũ Minh Tước, Phó Bí thư Thanh niên Cứu quốc huyện về Phấn Mễ làm Bí thư chi bộ, bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Văn Khiêm, Phó Bí thư giữ chức Chủ tịch xã, đồng chí Ninh Văn Tài là Thường vụ Chi ủy, Bí thư Nông hội.

Là một xã nằm trên trục Quốc lộ số 3, trong vùng tự do của căn cứ địa kháng chiến, địa hình rừng núi tương đối hiểm trở, vì vậy từ cuối năm 1946, trên địa bàn xã Phấn Mễ đã có một số cơ quan Nhà nước, đơn vị bộ đội đến ở và làm việc. Nhận rõ vị trí quan trọng đó, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các đoàn công tác của Trung ương, của tỉnh, huyện, Chi bộ Đảng, chính quyền, và các đoàn thể Cứu quốc Phấn Mễ luôn coi trọng công tác giáo dục nhân dân ý thức phòng gian bảo mật. Khẩu hiệu “Ba không” (không thấy, không nghe, không biết) được đông đảo nhân dân thực hiện triệt để. Kế hoạch chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu của

lực lượng vũ trang địa phương với các đơn vị bộ đội chủ lực được xây dựng, luyện tập với các tình huống giả định sát với thực tế. Ban Giao thông liên lạc, Ban Tiếp tế - Tài thương được thành lập và có kế hoạch hoạt động cụ thể.

Trong khi đó, thực dân Pháp cũng đang ráo riết chuẩn bị một kế hoạch phiêu lưu quân sự mới. Thực hiện chiến lược đánh nhanh thắng nhanh, Thu - Đông 1947, thực dân Pháp tập trung một lực lượng lớn binh lực gồm khoảng 12.000 quân, 800 xe quân sự, 40 tàu chiến và ca nô, 40 máy bay, mở cuộc tấn công lên căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não, tiêu diệt bộ đội chủ lực, phá huỷ cơ sở vật chất và tiềm năng kháng chiến của ta, tạo điều kiện cho việc thành lập chính quyền bù nhìn, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Mở đầu cuộc tấn công, trong hai ngày 7 và 8/10/1947, Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương huy động hàng chục máy bay ném bom, bắn phá và thả khoảng 1.200 quân dù xuống thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới và huyện lỵ Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn). Đồng thời, chúng cho hai cánh quân tiến theo hai hướng tạo thành hai gọng kìm Đông - Tây kẹp chặt căn cứ địa Việt Bắc: Hướng thứ nhất từ Lạng Sơn theo Đường số 4 lên Cao Bằng đánh xuống Bắc Kạn; hướng thứ hai từ

Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang. Kết hợp hai cánh quân ở ngoài đánh vào, quân dù ở trong đánh ra, thực dân Pháp hi vọng sẽ đạt được âm mưu bao vây, chia cắt, lùng sục phá huỷ cơ sở kháng chiến, tiêu diệt cơ quan đầu não, bộ đội chủ lực của ta.

Trước sức tấn công ồ ạt của địch lên căn cứ địa Việt Bắc, ngày 8/10/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi bộ đội, dân quân, du kích và toàn thể đồng bào ra sức tiêu diệt địch ⁽¹⁾. Ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị *Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp* ⁽²⁾.

Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, trực tiếp là Chi bộ, nhân dân và lực lượng dân quân, tự vệ, du kích xã Phân Mễ đẩy mạnh hơn nữa công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, quyết tâm đánh bại cuộc tấn công của thực dân Pháp để bảo vệ quê hương, góp phần bảo vệ Trung tâm An toàn khu Định Hoá, Thủ đô kháng chiến của cả nước. Nhân dân cùng lực lượng dân quân, du kích trong xã khẩn trương triển khai công tác tiêu thổ kháng chiến.

⁽¹⁾ Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Văn kiện Đảng 1945-1954*, tập 2, quyển 1 (1946-1948)- Hà Nội- 1979, trang 131.

⁽²⁾ *Lịch sử QĐND Việt Nam* – Nxb QĐND, Hà Nội 1977, trang 317.

Để tránh máy bay địch bắn phá, nhiệm vụ phá hoại được thực hiện vào ban đêm. Nhận thức rõ tính cấp bách của công việc, chỉ trong vòng một tuần, nhà cửa, các công trình kiên cố dọc hai bên đường được phá huỷ, cầu cống trên Quốc lộ 3 đoạn qua địa bàn xã đều được đánh sập. Mặt Đường số 3 được đào rãnh. Nhân dân dọc hai bên Quốc lộ 3 và các trục đường chính trong xã chấp hành triệt để việc thực hiện “Vườn không nhà trống”, tản cư xa các trục đường. Các cơ quan của Trung ương, của tỉnh, kho quân lương, xưởng quân giới... đóng trên địa phận xã, được nhân dân giúp đỡ di chuyển vào sâu trong rừng.

Vừa tham gia phá hoại, lực lượng vũ trang Phấn Mễ vừa đẩy mạnh luyện tập quân sự, tuần tra canh gác, giữ gìn trật tự trị an. Hai trung đội du kích chiến đấu tập trung 24/24 giờ, vừa luyện tập vừa xây dựng trận địa sẵn sàng đánh địch.

Chỉ trong một thời gian ngắn, cho đến trước khi quân Pháp mở cuộc tấn công vào địa bàn tỉnh Thái Nguyên, công tác chuẩn bị của toàn huyện nói chung, của Phấn Mễ nói riêng đã hoàn tất. Quân và dân Phấn Mễ đã sẵn sàng cùng quân và dân toàn tỉnh bước vào cuộc chiến đấu.

Về phía địch, sau hơn một tháng đưa quân lên Việt Bắc càn quét, đốt phá, quân Pháp không những không thực hiện được mục tiêu của cuộc tấn công, mà

còn bị quân và dân các tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn chặn đánh khắp nơi, gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề... Cuộc hành quân Lê A (bước 1 cuộc tấn công lên Việt Bắc) của quân Pháp về cơ bản đã thất bại.

Phán đoán các cơ quan đầu não kháng chiến của ta đang đóng ở vùng núi đá Võ Nhai, lực lượng bộ đội chủ lực có từ 20 đến 25 tiểu đoàn đang đóng ở vùng Định Hoá, Đại Từ, Võ Nhai (Thái Nguyên), Yên Thế (Bắc Giang), lưu vực sông Phó Đáy và phía tây Tam Đảo, Bộ Chỉ huy quân Pháp quyết định chuyển sang thực hiện cuộc hành quân Xanh-tuya. Với kế hoạch này, chúng rút các lực lượng đã tham gia cuộc hành quân Lê A, cùng Trung đoàn bộ binh Maroc số 5 và Trung đoàn do Trung tá Côxtơ chỉ huy, tiến hành bao vây càn quét khu tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên - Việt Trì - Phủ Lạng Thương rộng hơn 8.000 km², trung tâm là địa bàn Thái Nguyên, nhằm tiếp tục lùng bắt cho kì được cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, phá nát căn cứ địa.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính và Huyện đội bộ dân quân, nhân dân Phấn Mễ đã kết hợp chặt chẽ với các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dựa vào địa thế hiểm trở của núi rừng trùng điệp, rừng cấm, mưu trí, sẵn sàng đánh địch.

Ngày 20/11/1947, chiến dịch Xanh TUYA bắt đầu. Đêm 24/11/1947, khoảng một trung đoàn địch từ Chợ Mới theo Quốc lộ số 3 xuống Km 31 vào chiếm đóng Phố Ngũ, Quán Vuông. Ngày 25/11/1947, chúng chiếm đóng Chợ Chu...

Ngày 26/11/1947, sau khi cho máy bay ném bom bắn phá, quân Pháp nhảy dù xuống đánh chiếm La Hiên, Trảng Xá (Võ Nhai), làng Ngò (xã An Khánh) và khu vực Ba Gò (xã Cù Vân) huyện Đại Từ.

Cùng thời gian trên, một mũi quân địch từ Hà Nội theo Quốc lộ số 3 đánh lên Phố Yên. Một mũi theo sườn dãy Tam Đảo đánh chiếm khu vực phía Nam Đại Từ. Với cuộc tấn công này, hàng nghìn quân Pháp đóng chốt tới 32 điểm trên địa bàn 7 huyện của tỉnh Thái Nguyên.

Từ ngày 20/11 đến ngày 10/12/1947, quân Pháp lùng sục đánh phá khắp nơi. Hành quân càn quét tới đâu, quân Pháp đốt phá nhà cửa, cướp bóc của cải, bắn giết nhân dân ta tới đó. Ngược lại, chúng cũng bị quân, dân ta chặn đánh nhiều trận và bị thiệt hại nặng nề.

Trên địa bàn xã Phấn Mễ, ngày 10/12/1947, từ làng Ngò 300 quân Pháp càn quét ra ngã 3 Bờ Đậu, lên phố Đu. Khi chúng đến cầu Giang Tiên, 4 chiến sĩ trong tiểu đội du kích Giang Tiên thuộc trung đội du kích Phấn Mễ phục kích tiêu diệt 1 tên. Đến đầu cầu

Lân, quân địch lại bị một đại đội của Trung đoàn 147 chặn đánh quyết liệt, diệt 9 tên và làm bị thương 2 tên. Về phía ta, 3 cán bộ, chiến sĩ hi sinh. Sau khi bị chặn đánh ở gần cầu Lân, quân địch tiếp tục tiến quân lên chiếm đóng đồn Đu. Tại đây, đêm đêm quân Pháp thường xuyên bị du kích tập trung xã Phấn Mễ bao vây, quấy rối làm cho chúng mất ăn, mất ngủ, căng thẳng về tinh thần. Ngày 14/12/1947, từ đồn Đu, một toán quân địch tràn vào thôn Gia Khánh. Một tiểu đội du kích xã Phấn Mễ do Tiểu đội trưởng Trần Đức Long chỉ huy đã phục kích chờ sẵn. Ý thức quân đông, vũ khí nhiều, quân địch vừa càn vừa bắn bừa bãi sang hai bên đường làm bị thương một đội viên du kích (đồng chí Vũ Văn Hường). Trước thế địch mạnh, Tiểu đội trưởng Trần Đức Long lệnh cho đơn vị đưa đồng chí Vũ Văn Hường rút dần về làng Bò. Còn lại một mình, chờ khi quân địch tiến vào gần, đồng chí Long ném một quả lựu đạn, diệt và làm bị thương 7 tên⁽¹⁾. Lo sợ trước sự thiệt hại nặng nề của đồng bọn, toán quân Pháp đóng tại đồn Phấn Mễ không dám lòng sục, càn quét ra xung quanh. Chúng chỉ dùng súng cối (Moocchiê) bắn vào làng Bò, làng Mai, Phố Giá, làm cháy hai nhà dân, chết 1 người (bà Vũ Thị Vàng – Bí thư Hội Phụ nữ xã) và 7 con trâu⁽²⁾.

(1) Ý kiến đóng góp của các đồng chí: La Xuân Sắc, Nguyễn Xuân Oanh, Đặng Đức Luyện và Vũ Minh Tước.

(2) Theo hồi kí của đồng chí Vũ Minh Tước.

Do chưa có kinh nghiệm chiến đấu và vũ khí thô sơ, thiếu thốn, nên du kích Phấn Mễ đánh địch chưa đạt hiệu quả cao, còn bỏ lỡ một số cơ hội tiêu diệt địch. Thậm chí, do chưa có kinh nghiệm sử dụng lựu đạn, trong lúc luyện tập đã sơ suất gây nổ 1 quả, làm chiến sĩ Hà Văn Bạch hi sinh.

Sau hơn nửa tháng tấn công càn quét Thái Nguyên không thu được kết quả, lại bị quân và dân ta chặn đánh gây nhiều thiệt hại, từ giữa tháng 12/1947, quân Pháp từng bước rút lui khỏi chiến trường Việt Bắc. Ngày 16/12/1947, một đơn vị quân Pháp ở đồn Đu rút ra làng Ngò. Trên đường rút lui đến xã Sơn Cẩm, chúng bị bộ đội và du kích chặn đánh, loại khỏi vòng chiến đấu 5 tên. Từ đây, huyện Phú Lương nói chung, xã Phấn Mễ nói riêng sạch bóng quân xâm lược.

Quân và dân Phấn Mễ tự hào đã góp phần xứng đáng vào chiến công chung của quân và dân Việt Bắc, làm thất bại chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp. Tổng kết chiến dịch, cán bộ, đảng viên và nhân dân Phấn Mễ được Bộ Quốc phòng tặng thưởng Huân chương Chiến công; Tổng bộ Việt Minh, Tỉnh bộ Việt Minh tặng Bằng khen. Tiểu đội trưởng du kích Trần Đức Long được tặng thưởng Huy chương Chiến công. Hai đồng chí Trần Đức Long và Đào Văn Lạc có thành tích xuất sắc trong chiến đấu,

phục vụ chiến đấu, được chỉ bộ xét, đề nghị kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947 càng củng cố niềm tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến, động viên cán bộ, nhân dân Phấn Mễ vững bước trên những chặng đường tiếp theo.

III- Xây dựng hậu phương căn cứ địa vững mạnh, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

Sau thất bại trong Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947, mặc dù phải rút khỏi Việt Bắc nhưng quân Pháp vẫn chiếm đóng một số vị trí quan trọng ở Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, vẫn tìm mọi cách để đánh lên Việt Bắc một lần nữa. Là hậu phương căn cứ địa, nhiệm vụ của xã Phấn Mễ lúc này là cùng với toàn huyện thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II “*xây dựng hậu phương vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu, động viên sức người sức của đến mức cao nhất chi viện cho tiền tuyến, góp phần đánh bại hoàn toàn thực dân Pháp xâm lược*”⁽¹⁾.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ và Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, Chi bộ Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng Phấn Mễ tiếp tục động viên nhân dân khắc phục khó khăn, từng

⁽¹⁾ Dẫn theo *Huyện Phú Lương lịch sử kháng chiến chống xâm lược*... Sdd, trang 86.

bước ổn định đời sống. Tiểu ban cứu tế xã được thành lập, điều tra, thống kê tình hình thiệt hại do cuộc tấn công của quân Pháp gây ra để kịp thời báo cáo lên huyện, tỉnh hỗ trợ tiền, thóc giống, sức kéo giúp nhân dân sản xuất.

Được hỗ trợ kịp thời, cùng với sự cố gắng của nhân dân theo tinh thần tự lực cánh sinh là chính, trong các năm 1948 - 1949, sản xuất nông nghiệp của xã được phục hồi và phát triển; năng suất, sản lượng lúa, ngô, khoai, sắn đều tăng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nhân dân và đóng góp cho kháng chiến. Thi hành Sắc lệnh số 78/SL ngày 14/7/1949 của Chính phủ về giảm tô, Chi bộ và Ủy ban kháng chiến hành chính xã phát động nhân dân đấu tranh đòi chủ ruộng giảm 25% địa tô và 80% lợi tức. Thông qua đợt phát động này, sự bóc lột của địa chủ đã bị hạn chế, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

Một trong nhiệm vụ hàng đầu sau Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947 là việc củng cố hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng. Theo đó, đầu năm 1948, đồng chí La Văn Liên, Ủy viên Hội đồng nhân dân xã được huyện cử đi dự lớp bồi dưỡng chi ủy viên 20 ngày do tỉnh tổ chức tại Mỏ Chè (Phổ Yên nay thuộc Thị xã Sông Công). Sau đợt tập huấn, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ Phấn Mễ tổ chức Đại hội đánh giá kết quả lãnh đạo trong năm 1947, bầu

Ban Chi uỷ mới gồm 3 đồng chí. Đồng chí La Văn Liên được bầu làm Bí thư, đồng chí La Quang Đại được bầu làm Phó Bí thư phụ trách Đảng vụ, đồng chí Bàng Văn Hoàn là Uỷ viên ⁽²⁾.

Thực hiện quyết định của Uỷ ban kháng chiến hành chính Liên khu I về việc bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã, phát huy tinh thần trách nhiệm và quyền làm chủ của mình, ngày 24/4/1949, đông đảo cử tri Phấn Mễ đi bỏ phiếu lựa chọn những đại biểu có năng lực, nhiệt tình vào Hội đồng nhân dân xã. Một số đại biểu Hội đồng nhân dân khoá trước do năng lực, sức khoẻ yếu đã được thay thế. Sau ngày bầu cử Hội đồng nhân dân, Uỷ ban kháng chiến hành chính xã cũng được bầu lại, do đồng chí La Văn Liên làm Chủ tịch. Đội ngũ cán bộ các ngành, các thôn được điều chuyển, thay thế, bổ sung cho phù hợp.

Chi bộ Đảng, chính quyền từ xã đến thôn được củng cố, hoạt động ngày càng hiệu quả hơn. Nhiều tổ đổi công ở các xóm được thành lập, đồng bào có điều kiện giúp đỡ lẫn nhau về nhân lực, sức kéo... Phong trào tăng gia sản xuất phát triển mạnh, sản lượng lương thực, thực phẩm đều tăng. Vì vậy, không chỉ đời sống

⁽²⁾ Theo hồi ký của đồng chí La Văn Liên. Còn theo bản khai lý lịch của đồng chí Ninh Văn Tài thì trong thời gian 1947 - 1949, đồng chí Tài là Thường vụ Chi uỷ xã phụ trách Đảng, Đoàn, Dân vận xã (Mặt trận Việt Minh-Liên Việt- Nông- Thanh -Phụ).

nhân dân được cải thiện mà phần đóng góp nghĩa vụ lương thực với Nhà nước cũng đạt kết quả cao. Phong trào xây dựng đời sống mới tiếp tục được phát triển, các hủ tục ma chay, cưới hỏi tốn kém được hạn chế. Phong trào bình dân học vụ, bỏ túc văn hoá được duy trì, giáo dục phổ thông cũng có nhiều tiến bộ.

Nhằm không ngừng nâng cao khả năng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, thực hiện Sắc lệnh ngày 7/4/1949 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc xây dựng bộ đội địa phương, đại đội bộ đội địa phương huyện được thành lập. Tuy nhiên, do khó khăn về cấp dưỡng nên đời sống bộ đội hết sức thiếu thốn. Phần lớn cán bộ, chiến sĩ phải ăn đói, mặc rách. Đại đội phải phân tán từng tiểu đội xuống nhờ nhân dân các xã nuôi dưỡng, nên rất khó khăn trong công tác huấn luyện và khả năng cơ động chiến đấu. Trước tình hình đó, để từng bước khắc phục khó khăn bảo đảm đời sống bộ đội, thực hiện quyết định của Tỉnh uỷ, Ban Cấp dưỡng của huyện được thành lập làm nhiệm vụ tuyên truyền và vận động nhân dân giúp đỡ bộ đội. Hiểu rõ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, dù còn bộn bề khó khăn, lương thực, thực phẩm khan hiếm, cơm chưa đủ no, nhưng cán bộ, nhân dân Phấn Mễ vẫn tích cực hưởng ứng phong trào "*Hũ gạo nuôi quân*". Hằng ngày, mỗi bữa nấu cơm các gia đình lại bớt một nắm gạo bỏ vào

hũ, cuối tháng Trường xóm đến từng nhà thu tập trung nộp ra xã để đưa lên huyện cung cấp cho bộ đội ⁽¹⁾. Cùng với phong trào lập “*Hũ gạo nuôi quân*”, cuộc vận động “*Bán gạo khao quân*” do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động cũng được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, góp phần hoàn thành chỉ tiêu lương thực cần huy động của huyện.

Thành tích lãnh đạo và phát triển sản xuất, đóng góp cho kháng chiến của Chi bộ Phấn Mễ được Huyện uỷ Phú Lương ghi nhận. Ngày 6/12/1949, Ban Thường vụ Huyện uỷ họp nhất trí đề nghị Tỉnh uỷ khen thưởng tập thể Chi bộ và đồng chí Bí thư vì “nội bộ đoàn kết, gây được phong trào học tập, lãnh đạo được quần chúng tổ chức được nhiều hợp đoàn đổi công, tổ chức được đội tuyên truyền ca kịch, khéo dàn xếp nhân dân không để xảy ra kiện cáo, xây dựng kinh tế đúng nguyên tắc, phát triển Đảng đúng mức và chắc chắn, gây được ảnh hưởng Đảng sâu rộng trong nhân dân” ⁽²⁾.

Ba năm sau ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh, thế và lực của ta ngày

(1) Theo hồi kí của đồng chí La Văn Liên.

(2) Báo cáo số 97 ngày 16/12/1949 của Ban Thường vụ Huyện uỷ gửi Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

càng phát triển, tương quan lực lượng trên chiến trường ngày càng có lợi cho ta. Tuy vậy, ở vùng tự do Thái Nguyên nói chung, Phú Lương, Phấn Mễ nói riêng, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, một phần do sản xuất chưa phát triển, mức huy động sức người, sức của cho chiến trường ngày càng tăng, một phần do máy bay địch đánh phá gây nhiều thiệt hại về người và của. Giá sinh hoạt ngày càng cao, hàng hoá khan hiếm, đời sống nhân dân đã khó khăn càng khó khăn hơn. Nhiều gia đình bần nông, công nhân, nhân dân tản cư thiếu lương thực, những kì giáp hạt phải lên rừng đào củ mài, củ nâu ăn thay cơm.

Trước tình hình đó, cấp uỷ, chính quyền xã thực hiện một loạt các biện pháp nhằm khắc phục khó khăn. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, cùng với việc thành lập lại Ban Cứu tế, gây quỹ cứu tế, Chi bộ, Uỷ ban xã đẩy mạnh việc chuyển hướng tăng gia sản xuất bằng việc tăng cường gieo cấy lúa chiêm bãi, ba giăng và lúa nương; trồng thêm những cây hoa màu ngắn ngày; triệt để thực hiện quy định cấm nấu rượu, không dùng gạo làm quà bánh. Đồng bào tản cư tiếp tục được chính quyền xã huy động nhân dân giúp vốn, sức kéo, hướng dẫn khai hoang, phát nương có tổ chức, vừa có ruộng đất gieo cấy mà không hại đến rừng. Ngoài đồn điền Phấn Mễ do Chính phủ thành lập nông trường quản lí, ruộng đất vắng chủ, ruộng bỏ hoang được giao cho dân

cày nghèo hoặc du kích gieo cấy. Chi bộ và chính quyền còn động viên nhân dân chăn nuôi trâu, hướng dẫn nhân dân thả bèo làm thức ăn cho lợn, đồng thời ban hành một số quy định: Cấm giết mổ lợn nhỏ (dưới 25 kg), cấm mua bán gà, vịt bị dịch bệnh; động viên nhân dân đặt bẫy ngăn thú rừng phá hoại hoa màu và cất giấu, phân tán tài sản để phòng máy bay địch đánh phá.

Để bảo đảm cơ sở vật chất cho cơ quan đầu não kháng chiến trong An toàn khu, theo sự chỉ đạo của Liên khu I, của tỉnh và huyện, xã Phấn Mễ là một trong hai đầu mối được lựa chọn để thành lập chợ kháng chiến (Phấn Mễ, Hợp Thành). Thông qua các chợ đầu mối này, ngành hậu cần thu mua lương thực, thực phẩm, văn phòng phẩm cung cấp cho các cơ quan; mua sắt, đồng, nhôm... cung cấp cho các xưởng quân giới sản xuất vũ khí dụng cụ quốc phòng. Chợ kháng chiến Phấn Mễ còn giúp nhân dân trao đổi thông thương hàng hoá, những sản vật của núi rừng để đổi lấy các nhu yếu phẩm của miền xuôi, như dầu, muối, vải...

Từ những năm 1949 - 1950, bộ đội ta lần lượt mở các chiến dịch đánh vận động. Nhu cầu chi viện cho chiến trường ngày càng nhiều. Vì vậy, yêu cầu khôi phục, bảo đảm giao thông phục vụ chiến đấu của bộ đội cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các địa phương. Nhằm quét lực lượng địch ra khỏi

miền biên giới Bắc Bộ, khai thông đường liên lạc giữa Nhà nước ta với Trung Quốc, Liên Xô và các lực lượng hoà bình, dân chủ, tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới.

Là cửa ngõ đi vào An toàn khu, địa bàn đứng chân của nhiều cơ quan, đơn vị, kho tàng hậu cần lớn, nên việc bảo đảm giao thông vận tải trên địa bàn huyện Phú Lương có ý nghĩa to lớn đối với Chiến dịch. Chính vì vậy, ngay từ tháng 2/1950, thực hiện nhiệm vụ do tỉnh giao: Khôi phục, bảo vệ trên 40 km Quốc lộ số 3 (đoạn đường qua địa bàn huyện), cùng với các xã, Ban Bảo đảm giao thông Phấn Mễ được thành lập, do đồng chí Trần Đức Thiện (Xã đội trưởng) làm Trưởng ban. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi uỷ và Uỷ ban kháng chiến hành chính xã, Ban Bảo đảm giao thông hướng dẫn các thôn thống kê số người trong độ tuổi đi dân công và lực lượng dân quân, du kích hiện có, làm cơ sở để huyện giao chỉ tiêu cho từng đơn vị huy động nhân lực phục vụ Chiến dịch Biên giới.

Để phục vụ kịp thời nhu cầu của các mặt trận, vấn đề khôi phục các tuyến đường giao thông trở thành nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Hiểu được điều đó, hàng trăm lượt dân công của xã đêm đêm ra mặt đường hăng say san lấp, đào đắp hàng ngàn mét khối đất, đá khôi phục Quốc lộ số 3 và một số trục đường chính trên địa bàn huyện. Với tinh thần làm việc khẩn trương, chỉ hơn

hai tháng (từ tháng 2 đến tháng 5/1950), nhân dân Phấn Mễ đã góp phần cùng nhân dân toàn huyện hoàn thành việc khôi phục 40 km mặt Đường số 3. Tại hai bến sông Giang Tiên và Cầu số 5 (2 cầu này do ta đánh sập trong khi tiêu thổ kháng chiến 1947) được rải đá, làm ngầm cho xe qua lại vào mùa khô, đóng phà chở xe qua lại khi nước lớn. Cùng với sửa chữa cầu đường, nhân dân Phấn Mễ (nòng cốt là lực lượng dân quân, du kích) còn tham gia vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm lên mặt trận, góp phần quan trọng vào chiến thắng của quân và dân ta trong Chiến dịch Biên giới.

Ngày 16/9/1950, Chiến dịch Biên giới mở màn bằng cuộc tấn công của quân ta vào cụm cứ điểm Đông Khê. Chỉ sau hai ngày giao chiến, quân ta đã làm chủ Đông Khê, quân địch ở Cao Bằng hoàn toàn bị cô lập, Thất Khê bị uy hiếp trực tiếp; tuyến phòng thủ của địch trên Đường số 4 bị cắt làm hai.

Để cứu vãn tình thế nguy khốn, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp quyết định mở cuộc hành quân Phôơ (Chó biển) đánh vào thị xã Thái Nguyên nhằm đỡ đòn cho đồng bọn trên Mặt trận Biên giới. Với cuộc hành quân này, quân địch đánh chiếm nhiều nơi tại các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ. Mặc dù quân Pháp không đánh lên Phú Lương, nhưng đây là địa bàn tiếp giáp huyện Đồng Hỷ, cửa ngõ của An toàn khu Trung ương, cho nên dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy Huyện đội

dân quân, du kích Phấn Mễ vẫn tăng cường lực lượng, tổ chức tuần tra khắp các thôn xóm, đặc biệt là các thôn xóm dọc hai bên Quốc lộ số 3, bảo đảm an ninh trật tự, sẵn sàng đánh địch khi chúng tràn vào địa phương, góp phần vào thắng lợi chung của quân và dân toàn tỉnh.

Từ sau năm 1950, khi biên giới Việt - Trung được khai thông, Quốc lộ số 3, Quốc lộ 1B trở thành những tuyến đường chiến lược quan trọng để vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh... từ các nước anh em viện trợ cho chúng ta. Cũng chính vì vậy, từ năm 1951, thực dân Pháp cho máy bay đánh phá ác liệt các trọng điểm giao thông quan trọng trên hai tuyến đường này. Để bảo đảm giao thông thông suốt, ngày 1/4/1951, Hội nghị Tỉnh uỷ mở rộng đã đề ra chủ trương *“xúc tiến kế hoạch bảo đảm giao thông, đặc biệt chú trọng sửa chữa mặt đường, bảo đảm giao thông thông suốt trong mọi tình huống”*.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Phú Lương thành lập các trạm bảo vệ giao thông. Trong đó, quân và dân Phấn Mễ được giao phụ trách Trạm Giang Tiên. Hàng chục lao động của Phấn Mễ đã đóng góp hàng trăm ngày công sửa chữa, mở rộng các tuyến đường ở địa phương, đồng thời tham gia lực lượng dân công của huyện, của tỉnh mở đường, vận chuyển hàng

hoá phục vụ Chiến dịch Hoà bình (Đông – Xuân 1951 - 1952), Tây Bắc (Thu - Đông 1952).

Bị thất bại nặng nề trên các chiến trường, quân Pháp càng tăng cường cho máy bay đánh phá ngăn chặn sự chi viện của ta từ hậu phương lên tiền tuyến. Trước sự đánh phá ác liệt của địch, để bảo đảm giao thông suốt trên địa bàn xã, đặc biệt là trọng điểm cầu Giang Tiên, tháng 6/1952, Huyện uỷ yêu cầu đồng chí La Văn Liên, Bí thư chi bộ, Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính xã trực tiếp phụ trách khu vực này. Cầu Giang Tiên liên tục bị máy bay địch bắn phá. Để bảo đảm giao thông, hàng chục dân công của Phấn Mễ trong suốt nhiều đêm liền đã vận chuyển nguyên, vật liệu làm cầu cho xe qua. Có khi ban đêm vừa làm xong, thì ban ngày máy bay địch đến ném bom phá hỏng; giao thông ngừng trệ, trong khi nhu cầu vận chuyển quân sự đòi hỏi khẩn trương. Trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Phan Văn Sáng, Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện, đồng chí La Văn Liên cử hơn 10 thanh niên Phấn Mễ do đồng chí Triệu Thị Văn (Bí thư Hội Phụ nữ xã) phụ trách, xuống khu vực cầu Dạt, ấp Lươn, vận chuyển một số thanh ray đường tàu về giao cho công trường sửa chữa lại cầu để xe quân sự đi lại ngay trong đêm. Để tránh sự đánh phá của địch, với quyết tâm bảo vệ mạch máu

giao thông thông suốt, lực lượng bảo vệ cầu Giang Tiên đã phát huy tinh thần sáng tạo, không quản khó khăn vất vả, xây dựng cầu theo kiểu lắp ghép. Cứ chiều tối, anh em đem vật liệu ra bắc cầu, sáng sớm hôm sau lại tháo dỡ đem đi cất giấu ⁽¹⁾. Hằng tháng trời vật lộn với sông nước, quân và dân Phấn Mễ đã góp phần xứng đáng hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm giao thông năm 1952 của tỉnh.

Phát huy thành tích đồng thời rút kinh nghiệm công tác bảo vệ cầu, đường năm 1952, trong năm 1953, lực lượng bảo vệ cầu, đường xã Phấn Mễ được biên chế thành một đại đội, do đồng chí Đỗ Quang Lưu phụ trách. Dưới đại đội là các trung đội, tiểu đội. Mỗi đơn vị được phân công sửa chữa, bảo vệ một đoạn đường nhất định, đồng thời có sự hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết. Do biết cải tiến công tác tổ chức, nên mặc dù khối lượng công việc lớn, máy bay địch thường xuyên tăng cường đánh phá, nhưng quân và dân Phấn Mễ vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ giữ vững mạch máu giao thông. Điển hình là các trận ném bom hồi 10 giờ ngày 28/6, hai máy bay Pháp đến ném 4 quả bom Napan xuống thôn Mỹ Khánh (khu vực trước cửa nhà đồng chí Lưu) làm chết 1 người, bị thương 2 người. Khoảng 17 giờ cùng ngày, máy bay Pháp lại ném 2 quả bom xuống

⁽¹⁾ Theo hồi kí của đồng chí La Văn Liên.

cánh đồng Lán Đá, làm chết 1 cháu bé, bị thương 1 cụ già, cháy 3 gian nhà tre. Ngày 1/9/1953, vào lúc 17 giờ, 4 máy bay Hencát của địch bay từ hướng Thái Nguyên lên không phận xã Phấn Mễ. Sau khi lượn 2 vòng xác định mục tiêu, 4 máy bay nói trên đã thả 8 quả bom xuống khu vực phố Phấn Mễ. Một quả rơi giữa mặt Đường số 3, hai quả rơi xuống gò cao bên đường, năm quả rơi đúng giữa phố (trong số này có một quả chưa nổ). Do làm tốt công tác phòng không sơ tán, nên sự thiệt hại do bom Pháp gây ra không lớn (một người chết, một máy khâu bị hỏng). Ngay sau khi máy bay ném bom, dân quân, du kích, đơn vị tải thương đã có mặt tại hiện trường, chôn cất người chết, san lấp mặt đường do bom cày xới. Chỉ trong một thời gian ngắn, giao thông đã thông suốt, mọi hoạt động trong khu vực bị ném bom đã trở lại bình thường.

Từ đầu năm 1954, thực hiện nhiệm vụ phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ, với tinh thần *Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng*, hàng trăm lượt dân công cùng đoàn xe thồ của xã, do đồng chí Đỗ Quang Lưu phụ trách, lên đường ra tiền tuyến. Suốt 7 tháng (từ tháng 1 đến tháng 7/1954) vận chuyển lương thực, thực phẩm... phục vụ bộ đội ăn no đánh thắng, quân và dân Phấn Mễ đã lập thành tích xuất sắc, được tặng Bằng khen của Bộ chỉ huy Mặt trận Điện Biên Phủ.

Cùng với công tác bảo đảm giao thông vận tải, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương là nhiệm vụ cấp thiết. Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy Huyện đội, toàn huyện thành lập 4 đại đội du kích ở 4 miền. Xã Phấn Mễ đóng góp 1 trung đội du kích cùng với du kích các xã Hợp Thành, Động Đạt thành lập một đại đội du kích miền trực thuộc Huyện đội, do đồng chí Ma Tiến Cường, nguyên Trưởng ban quân sự huyện làm Đại đội trưởng, đồng chí Hoàng Đình Kim làm Chính trị viên, đồng chí Trần Cương làm Đại đội phó. Tại xã, có 2 trung đội dân quân, du kích vừa tăng gia sản xuất, vừa hăng hái luyện tập kĩ, chiến thuật chiến đấu, sẵn sàng bổ sung cho bộ đội chủ lực.

Sau nhiều năm kháng chiến, việc huy động một lực lượng lớn nhân, tài, vật lực cũng làm cho tình hình kinh tế của địa phương gặp nhiều khó khăn. Những năm 1951, 1952, một bộ phận nhân dân trong độ tuổi không muốn vào dân quân, du kích; một số dân quân, du kích xin nghỉ công tác vì thường phải đi huấn luyện, vận chuyển vũ khí, xây dựng trận địa, ít có thời gian tham gia sản xuất, nên kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, thiếu đói.

Trước tình hình đó, được sự hỗ trợ của Ban chỉ huy Huyện đội, Chi bộ lãnh đạo Ủy ban kháng chiến hành chính xã cùng Ban chỉ huy Xã đội tổ chức nhiều buổi học

tập, chỉnh huấn về chính trị cho cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích về tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng, của lực lượng vũ trang địa phương... Thông qua học tập, ý thức chính trị của cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích trong xã từng bước được nâng cao, những tư tưởng lệch lạc trước đây dần dần được khắc phục.

Thực hiện cuộc vận động toàn dân xây dựng và củng cố dân quân, du kích (1953), Chi uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính xã quyết định bổ sung thêm một số cán bộ, đảng viên có năng lực vào Ban chỉ huy Xã đội, Ban chỉ huy các trung đội dân quân, du kích; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên nhân dân nhận rõ những khó khăn, thuận lợi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, của Chính phủ, tiếp tục đóng góp sức mình để cuộc kháng chiến nhanh chóng đến ngày thắng lợi. Mặt khác, Chi bộ Đảng và chính quyền cũng kiên quyết đưa ra khỏi đội ngũ những cán bộ, chiến sĩ giảm sút ý chí chiến đấu, thiếu ý thức trách nhiệm, chây lười, cơ hội. Nhờ đó, số lượng, chất lượng dân quân, du kích ngày càng tăng.

Do lực lượng dân quân, du kích được quản lý chặt chẽ, thường xuyên luyện tập sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác động viên tuyển quân. Hàng năm, việc khám tuyển và gọi thanh niên nhập ngũ của xã đều đạt và vượt chỉ tiêu huyện giao.

Song song với việc xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng vũ trang vững mạnh, Chi bộ, chính quyền, đoàn thể trong xã tích cực lãnh đạo, động viên nhân dân hăng hái tăng gia sản xuất, bảo đảm nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho nhân dân và đóng góp cho kháng chiến.

Thi hành chính sách thuế nông nghiệp do Chính phủ ban hành ngày 1/5/1951, xã Phấn Mễ được tỉnh chọn làm thí điểm rút kinh nghiệm việc triển khai trong toàn tỉnh. Đồng chí Hải Bằng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ, đồng chí Phan Văn Sáng, Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện trực tiếp về xã chỉ đạo triển khai. Khó khăn lớn nhất là việc khoanh vùng, xác định sản lượng, xác định mức thuế cho từng khu, từng thửa ruộng. Mặc dù đã được học tập đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về mục đích, ý nghĩa của chính sách thuế nông nghiệp, nhưng một số gia đình vẫn chưa thông suốt, lo sợ phải đóng thuế nhiều sẽ thiếu ăn, nên không khai hết diện tích ruộng đất hiện đang canh tác. Kết quả điều tra diện tích, dự kiến mức thuế của Ban thuế đưa ra không được nhân dân đồng tình, nên việc huy động đóng góp gặp nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, ngày 26/11/1951, tại xã Yên Đỗ, Huyện uỷ Phú Lương tổ chức Hội nghị cán bộ gồm đại biểu Huyện uỷ, Uỷ ban, các ngành trong huyện, đại biểu cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể các xã

đề thảo luận các biện pháp huy động dân công, sửa chữa cầu đường, phục vụ chiến dịch và thực hiện chính sách thuế nông nghiệp. Một số các cụ cao tuổi đại diện những gia đình có nhiều ruộng đất ở các xã lân cận cũng được mời họp để bàn bạc. Hội nghị được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện với các đại biểu. Bằng lời lẽ giản dị, gần gũi, Người đã giải thích cụ thể về việc thực hiện chính sách thuế nông nghiệp của ta. Người hỏi ông Bá Nghĩa ở xã Yên Lạc: “Năm nay cụ bao nhiêu tuổi, cụ đã đến Hà Nội chưa?” Ông Bá Nghĩa trả lời: “Thưa Cụ, chưa đi Hà Nội bao giờ”. Bác nói tiếp: “Nếu chưa đến bao giờ thì đi sẽ khó khăn vất vả đấy. Nhưng cứ đi, vừa đi vừa hỏi thì sẽ đến đích thôi. Thực hiện chính sách thuế nông nghiệp cũng vậy, bây giờ mới làm cũng có nhiều khó khăn, lúng túng, nhưng vừa làm vừa rút kinh nghiệm sau sẽ quen dần. Cán bộ phải đi sát dân, chăm lo đến nhân dân, các việc phải đưa ra bàn bạc với các cụ thì việc khó khăn đến đâu cũng thành công”. Người căn dặn: “Chính sách thuế phải công bằng hợp lí và giản tiện. Muốn đánh thắng giặc Pháp thì bộ đội phải được ăn no. Vì vậy, nhân dân phải nộp thuế để nuôi quân đánh giặc. Các cụ và các đồng chí có đồng ý không?”. Các đại biểu trong hội trường đồng thanh hô: “Đồng ý!”⁽¹⁾. Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội nghị đã thảo luận, đánh giá ưu,

⁽¹⁾ Hồi kí của đồng chí La Văn Liễn (ghi ngày 31/8 1998).

khuyết điểm trên các mặt công tác; xác định quyết tâm lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt chính sách thuế nông nghiệp, tăng gia sản xuất và dân công⁽¹⁾.

Sau Hội nghị, cán bộ các cấp nêu cao quyết tâm, các cụ phụ lão về địa phương trở thành những người vận động thực hiện chính sách thuế rất tốt. Nhờ đó, từ năm 1952 đến năm 1954, năm nào xã Phấn Mễ cũng hoàn thành nghĩa vụ thuế nông nghiệp, góp phần cùng toàn huyện Phú Lương hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ lương thực, thực phẩm trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Thực hiện chủ trương bồi dưỡng sức dân, cùng với việc đẩy mạnh tăng gia sản xuất, từ 1949 đến 1952, chính sách ruộng đất của Đảng và Nhà nước được các cấp, các ngành trong huyện chỉ đạo thực hiện bằng việc giảm tô, giảm tức đạt kết quả khá. Tại Phấn Mễ, trên 50% số chủ ruộng, chủ trâu đã giảm tô ruộng, tô trâu đúng quy định. Việc giảm tức cũng đúng với chỉ đạo của huyện. Mức lợi tức đã giảm nhiều so với trước năm 1949.

Bên cạnh những ưu điểm, quá trình triển khai chủ trương giảm tô, giảm tức cũng xảy ra một số sai sót, đó là: Việc phân định mức tô của đội giảm tô chưa hợp lý. Một số chủ ruộng, chủ trâu giảm tô không đúng mức. Lãnh đạo đấu tranh giảm tô kém giải thích, thuyết phục, chủ yếu dùng mệnh lệnh hành chính.

(1) Báo cáo số 72 ngày 4/12 /1952 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

Việc giảm tức chưa có kế hoạch rõ ràng, chưa gây được phong trào rầm rộ, liên tục...Chi bộ, Ủy ban kháng chiến hành chính chưa chú ý lãnh đạo, chỉ đạo, nhiều khi phó mặc cho Nông hội. Có khi không vận động giảm những món nợ có quan hệ mật thiết đến đời sống dân cày và tăng gia sản xuất, như nợ thóc, giá thuê trâu bò, mà lại vận động giảm mức vay mượn cho các hộ buôn bán. Cuộc vận động giảm tô và tạm cấp ruộng đất những năm 1949 – 1952 ở Thái Nguyên nói chung, Phấn Mễ nói riêng đã thu được nhiều kết quả, đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân, đặc biệt là nông dân nghèo.

Tuy vậy, đến lúc này uy thế chính trị và quyền lợi kinh tế của giai cấp địa chủ ở Thái Nguyên còn khá lớn. Để đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ, giải phóng và động viên nông dân đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nhân, tài, vật lực cho những năm cuối của cuộc kháng chiến, thực hiện chủ trương của Trung ương, của tỉnh, từ ngày 25/8 đến 20/10/1953, cùng với 32 xã khác trong huyện Phú Lương và các huyện Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, xã Phấn Mễ bắt đầu thực hiện triệt để giảm tô.

Ngay sau khi xuống đến xã, các đội giảm tô do Đoàn ủy II và Liên khu ủy Liên khu Việt Bắc cử xuống đã thực hiện “3 cùng” với nhân dân để tìm hiểu tình hình, bắt rễ, tìm chọn cốt cán, phát hiện địa chủ và tổ

chức đấu tố. Đội Giảm tô quyết định đình chỉ công tác đối với các đồng chí Bí thư chi bộ (do nghi ngờ đồng chí này lạm dụng công quỹ), Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã (do bị quy thành phần gia đình địa chủ) và Ủy viên thư kí. Đồng chí Chủ tịch xã được điều đi chỉnh huấn. Đồng chí Nguyễn Xuân Oanh, Ủy viên Thường vụ Chi uỷ được giao phụ trách, giải quyết tất cả các mặt công tác Đảng, chính quyền trong xã ⁽¹⁾. Thông qua việc phát động nhân dân đấu tranh đòi giảm tô, giảm tức, Đội giảm tô kết hợp cùng với Nông hội tiến hành rà soát, phân định thành phần giai cấp (cố nông, bần nông, trung nông, phú nông, địa chủ) trong toàn xã theo tiêu chí chung. Kết quả, Đội giảm tô xã Phấn Mễ đã quy 6 gia đình vào thành phần giai cấp địa chủ (trong đó có một gia đình địa chủ cường hào gian ác), 15 gia đình phú nông.

Thông qua cuộc đấu tranh này, Đội Giảm tô đã phát động nhân dân đấu tranh, buộc địa chủ, phú nông trong xã phải giảm tô 25% so với mức tô trước Cách mạng tháng Tám, xoá bỏ toàn bộ các loại địa tô phụ, đồng thời lập toà án xét xử địa chủ cường hào gian ác⁽²⁾. Tất cả ruộng đất, đồn điền của bọn Việt gian phản

⁽¹⁾ Hồi kí của đồng chí Nguyễn Xuân Oanh (ghi ngày 11/8/2001).

⁽²⁾ Ngày 29/10/1953, Tòa án đặc biệt huyện Phú Lương đã mở phiên tòa xét xử công khai 1 địa chủ cường hào gian ác, phạt 3 năm quản chế.

động, ruộng “vắng chủ”, ruộng công, đất công còn lại đều được đem chia hết cho những gia đình nông dân thiếu ruộng cày cấy. Đội giảm tô còn tuyên bố xoá bỏ những món nợ mà nông dân đã vay của địa chủ, phú nông từ trước Cách mạng tháng 8/1945; hoãn nợ từ 1 đến 3 năm cho những người vay là nông dân bị thiệt hại do thiên tai, địch hoạ, không có khả năng trả nợ khi đến hạn; khuyến khích những gia đình có điều kiện cho nông dân vay với lãi suất thấp hoặc không lãi; tạo điều kiện tốt nhất để mọi gia đình cùng tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống.

Kết quả giảm tô đã đem lại quyền lợi cho nông dân, tạo điều kiện thuận lợi để Phấn Mễ phát triển sản xuất, tiếp tục đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, làm tròn nhiệm vụ của hậu phương căn cứ địa.

Cùng với việc thực hiện giảm tô, sau đợt chỉnh Đảng (1952), hai đảng viên Trần Đức Thắng (Trần Đức Cung) và Bànng Việt Cường (Bànng Thế Dụ) do có liên quan đến vụ giết hại đồng chí Lôi Viết Diều (tức Cam), nên năm 1954 đã bị khai trừ ra khỏi Đảng.

Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, hàng trăm con em nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ đã tham gia lực lượng vũ trang, công tác, chiến đấu anh dũng trên các chiến trường, lập công xuất sắc. Trong số đó, 19 đồng chí đã hi sinh anh dũng. Nhiều

đồng chí đã trưởng thành, trở thành cán bộ, sĩ quan trong quân đội. Hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm trong xã được huy động cho các chiến trường, góp phần nuôi quân ăn no, đánh thắng.

Thành tích của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ trong Cách mạng tháng Tám và Kháng chiến chống thực dân Pháp đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận phong tặng danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*. Toàn xã đã có 14 gia đình được tặng *Bằng có công với nước*; hàng trăm gia đình được tặng *Bằng Gia đình vẻ vang*, *Bằng vàng danh dự*; hàng trăm cá nhân được tặng thưởng Huân, Huy chương và nhiều phần thưởng cao quý khác...

Tự hào với những thành tích to lớn trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ tiếp tục đạt nhiều kết quả xuất sắc trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chi viện chiến trường miền Nam thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975).

Chương III

ĐẢNG BỘ XÃ PHẤN MỄ TRONG THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

I- Lãnh đạo sửa sai cải cách ruộng đất, khôi phục, cải tạo, phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa và thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1954 – 1965)

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương được kí kết (21/7/1954), miền Bắc hoàn toàn giải phóng, hoà bình lập lại, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam tạm thời dưới sự chiếm đóng của quân đội Liên hiệp Pháp. Trong quá trình đó, đế quốc Mỹ từng bước gạt Pháp, độc chiếm miền Nam và dựng lên một chính quyền tay sai do Ngô Đình Diệm cầm đầu. Nhiệm vụ của quân và dân ta là phải tiếp tục đấu tranh giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất nước nhà.

Phấn Mễ là một trong số 14 xã thuộc huyện Phú Lương, dân số lúc đó có 1.709 người (chiếm 9,84% dân số toàn huyện), gồm 8 thành phần dân tộc: Kinh, Tày,

Nùng, Cao Lan, Sán Chí, Sán Dìu và Hoa cùng chung sống với nhau từ lâu đời.

Về bộ máy lãnh đạo của Đảng và Chính quyền, toàn xã có 1 chi bộ Đảng, với 35 đảng viên. Ban Chi uỷ gồm 5 đồng chí: 1- Trần Quốc Bình – Bí thư; 2- Nguyễn Xuân Oanh – Phó Bí thư; 3- Trần Văn Đàn – Uỷ viên Thường vụ Chi uỷ; 4- Bùi Văn Viên – Chi uỷ viên phụ trách Thanh niên; 5- Trần Đức Thiện, Chi uỷ viên Xã đội trưởng. Uỷ ban kháng chiến hành chính xã (sau đổi là Uỷ ban hành chính xã) gồm 8 thành viên: Trần Văn Đàn – Chủ tịch, Nguyễn Xuân Oanh – Phó Chủ tịch, Ninh Văn Lượng – Uỷ viên Thư kí, Trần Đức Thiện – Uỷ viên, phụ trách Xã đội, Đinh Văn Lành – Uỷ viên phụ trách Nông hội, Nguyễn Thị Nhị – Uỷ viên phụ trách Thuế nông nghiệp, Trương Văn Thi – Uỷ viên phụ trách Thủ quỹ, Nguyễn Thanh Hùng – Uỷ viên phụ trách Công an xã.

Do xã Phấn Mễ (cũng như các xã khác trong huyện Phú Lương) nằm trên địa bàn miền núi, vùng cao, sự phân hoá giai cấp chưa thật sâu sắc, nên theo chủ trương của Đảng không tiến hành cải cách ruộng đất mà chỉ thực hiện triệt để giảm tô.

Trong quá trình chỉ đạo và phát động nhân dân Phấn Mễ đấu tranh đòi thực hiện triệt để giảm tô, cán bộ các Đội Giảm tô do trên cử xuống đã kết hợp tiến

hành chính đồn các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã, trong đó trọng tâm là chỉnh đốn tổ chức Đảng. Sau các đợt giảm tô, bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã được củng cố, kiện toàn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thắng lợi đạt được, do cán bộ các Đội Giảm tô mắc bệnh chủ quan, giáo điều, không nắm vững quy định thành phần giai cấp của Đảng ở nông thôn, nên đã phạm phải một số sai lầm, khuyết điểm: Đấu tố tràn lan, qui sai thành phần địa chủ cho nhiều gia đình, đánh nhầm vào nội bộ giai cấp nông dân. Trong việc kết hợp chỉnh đốn tổ chức Đảng, do cán bộ Đội Giảm tô đánh giá Chi bộ xã không đúng, không tin vào đảng viên, nhất là các đảng viên cũ, nên đã không tuân thủ các phương châm, chính sách cán bộ của Đảng, không giáo dục đảng viên tự giác chấp hành, mà lại dùng biện pháp mệnh lệnh, truy bức, bắt đảng viên kiểm thảo, truy chụp tội lỗi lung tung, đi đến xử lý cán bộ, đảng viên một cách tràn lan, bừa bãi, gây nên không khí căng thẳng trên địa bàn xã.

Tình hình xã Phấn Mễ sau ngày hoà bình lập lại hết sức phức tạp. Hiện tượng đảng viên và quần chúng mất đoàn kết, nghi kị lẫn nhau diễn ra ở một số xóm trong xã. Toàn xã chỉ có một số ít cán bộ, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động; còn lại đều vin vào hoàn cảnh khó khăn để bỏ việc. Báo cáo số 17/BC-NH ngày

9/1/1957 của Ban Chấp hành Nông hội huyện Phú Lương đã chỉ rõ tình hình phức tạp trên: “Ở xã Phấn Mễ nội bộ nhân dân còn mất đoàn kết, định đánh nhau trong việc đòi ruộng”.

Việc qui sai, xử lí oan sai đối với quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên là sai lầm nghiêm trọng nhất trong toàn bộ công tác giảm tô và chỉnh đốn tổ chức ở xã Phấn Mễ (đồng thời cũng là các xã khác trong huyện, trong tỉnh).

Ngay sau khi phát hiện những sai lầm trong giảm tô và cải cách ruộng đất, Hội nghị lần thứ 10 (9/1956) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) ra Nghị quyết chỉ rõ “*Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã đạt được*”. Tháng 11/1956, Trung ương Đảng chỉ thị cho các địa phương “*Phải coi công tác sửa chữa sai lầm, khuyết điểm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong thời gian trước mắt*”.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, xã Phấn Mễ cùng với các xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Động Đạt, Yên Ninh, Yên Lạc, Yên Đổ, Yên Trạch, Vô Tranh thuộc diện được Huyện ủy Phú Lương quyết định sửa sai đợt đầu.

Sau khi đi dự Hội nghị quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng về sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất, giảm tô và chỉnh đốn tổ chức do Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương tổ chức (từ ngày 16 đến ngày 17/12/1956), dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các đồng chí cán bộ trong Đội Sửa sai (do tỉnh Thái Nguyên và huyện Phú Lương cử xuống), các đồng chí Trần Quốc Bình (Bí thư Chi bộ) và Trần Đức Thiện (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã) đã triệu tập Hội nghị Chi ủy mở rộng tới các thành viên của Ủy ban hành chính xã để quán triệt mục đích, ý nghĩa của việc sửa sai và xác định trách nhiệm của tổ chức Đảng, chính quyền trong việc lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ sửa sai. Tiếp theo, đại diện Chi ủy và Ủy ban hành chính xã họp với cán bộ các ngành, các giới trong xã quán triệt mục đích, yêu cầu và triển khai nhiệm vụ sửa sai. Sau hội nghị trên, Chi đoàn Thanh niên xã đã tổ chức cho đoàn viên, thanh niên tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia học tập sửa sai và kết hợp với lực lượng dân quân, du kích làm nhiệm vụ bảo vệ, giữ gìn trật tự, trị an. Hội Phụ nữ xã vận động, tổ chức chị em tham gia học tập. Nông hội xã vận động hội viên học tập, phát hiện các trường hợp qui sai thành phần và xử lý oan sai để sửa sai; đồng thời vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất, củng cố tổ chức đổi công, v.v... Ban Chi ủy, Ủy ban hành chính xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức cho nhân dân

học tập chủ trương, đường lối và chính sách sửa sai của Đảng và Chính phủ.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ và chính quyền, các bước chuẩn bị cho công tác sửa sai được tiến hành khẩn trương và nghiêm túc. Qua học tập, nhìn chung đa số cán bộ và nhân dân trong xã đều thông suốt với chủ trương, đường lối sửa sai của Đảng. Tuy nhiên, kết quả vẫn còn một số hạn chế. “Có xóm ở xã Phấn Mễ chỉ có 19 hộ tham gia học tập, có người 9 giờ tối mới đến vì bận chở gang bán cho Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ...”⁽¹⁾; “Một số cán bộ xã Phấn Mễ đi đến Hội nghị học tập chủ trương, đường lối và chính sách sửa sai của Đảng đã phát biểu “Tôi không định lên lớp, nhưng sau lại lên xem làm ăn ra sao”, rồi bỏ Hội nghị ra về”⁽²⁾. Đối với những người thuộc thành phần địa chủ, phú nông, mặc dù đã được cán bộ Đội Sửa sai và đại diện Chi uỷ, Ủy ban hành chính xã phổ biến, quán triệt mục đích, yêu cầu sửa sai, nhưng trên địa bàn xã vẫn có hiện tượng phú nông đòi ruộng của nông dân, hoặc chửi nhau với người được chia quả thực trong thời kì giảm tô... Các hiện tượng trên đã được Đội Sửa sai và Chi uỷ, Ủy ban hành chính xã lãnh đạo, chỉ đạo chấn chỉnh kịp thời.

⁽¹⁾ Báo cáo số 17/BC-NH của Ban Chấp hành Nông hội huyện Phú Lương.

⁽²⁾ Báo cáo số 115/BC ngày 7/1/1957 của Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên.

Sau hơn ba tháng, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đội Sửa sai, Chi bộ xã Phấn Mễ đã lãnh đạo chính quyền, đoàn thể và nhân dân trong xã hoàn thành toàn bộ công tác sửa sai. Qua sửa sai, toàn xã đã có 2 gia đình địa chủ và 7 gia đình phú nông được sửa thành phân ⁽¹⁾. Như vậy, trong số 21 gia đình ở xã Phấn Mễ mà Đội Giảm tô đã qui là địa chủ, phú nông trong thời

⁽¹⁾ Ngày 29/4/1957, Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên đã ra các quyết định từ số 201/NC đến số 209/NC sửa thành phần cho các gia đình:

1- Nguyễn Thị Hồi, qui địa chủ vì phát canh và cho vay lãi, nay xác định là thành phần tiểu thương, vì gia đình chỉ làm hàng sáo nuôi lợn và đi chợ bán hàng để sống. Năm 1951, gia đình mua được 3,2 mẫu ruộng cho anh em làm, không lấy tô.

2- Ngô Xuân Quý, qui địa chủ, hạ xuống trung nông, vì trước đây làm ở Mỏ than Phấn Mễ có mua được một ít ruộng cho phát canh thu tô, nhưng từ trước năm 1949.

3- Lê Thị Dưỡng, qui phú nông, nay xác định gia đình có ít ruộng đất, phải phát canh vì gia đình có người tham gia công tác cách mạng, không có người làm.

4- Nghiêm Thị Hiệu, qui phú nông, hạ xuống trung nông, vì có thuê nhân công, nhưng ít, chưa đủ tiêu chí qui phú nông

5- Nguyễn Văn Hộ, qui phú nông hạ xuống trung nông vì diện tích ruộng đất phát canh ít, chỉ đủ một người làm.

6- Nguyễn Thị Nữ, qui phú nông, hạ trung nông vì số ruộng phát canh thu tô và số công bóc lột chưa đủ tiêu chí qui phú nông.

7- Trần Văn Phương, qui phú nông, hạ xuống trung nông vì phát canh, thu tô từ trước năm 1949, sau có thuê nhân công, nhưng không đủ tiêu chí qui phú nông.

8- Trần Thị Tâm, qui phú nông, hạ xuống trung nông, vì chỉ phát canh, thu tô có 1,3 mẫu ruộng trong 1 năm (1949).

9- Vũ Văn Thái, qui phú nông, hạ xuống trung nông vì diện tích ruộng phát canh thu tô ít và thuê nhân công cũng ít.

kì giảm tô, qua sửa sai đã phát hiện 9 gia đình bị qui sai (chiếm tỉ lệ 42,86%); trong đó, số gia đình bị qui sai thành phần địa chủ (so với tổng số gia đình bị qui là địa chủ) chiếm 33,4%; số gia đình bị qui sai thành phần phú nông (so với tổng số gia đình bị qui là phú nông) chiếm 46,67%. Trong số đảng viên của Chi bộ bị xử trí trong giảm tô, qua sửa sai, Huyện ủy Phú Lương đã ra Quyết nghị số 05 (ngày 19/1/1957), khôi phục chức vụ Bí thư Chi bộ cho đồng chí Phạm Thành An, trả lại Đảng tịch cho các đồng chí Trịnh Văn Viết, Bằng Văn Phẩm và Vũ Văn Ngọc.

Sau sửa sai, các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã Phấn Mễ được củng cố, kiện toàn. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã phấn khởi, hăng hái làm việc.

Cùng với việc hoàn thành công tác sửa sai, Chi bộ và Ủy ban hành chính xã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân khôi phục, phát triển kinh tế. Sau ngày hòa bình lập lại, trên địa bàn xã sản xuất kém phát triển, diện tích đất trồng cây lương thực ít, lại bị bỏ hoang nhiều. Đời sống của nhân dân trong xã còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. “Hiện tượng thiếu ăn trầm trọng diễn ra ở nhiều xã trong huyện, nhất là ở các xã Phấn Mễ, Yên Ninh và Phú Đô”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo về kết quả công tác 3 tháng đầu năm 1955 của Huyện ủy Phú Lương. Số 11/BČ-PL.

Để khắc phục tình trạng thiếu ăn trầm trọng trong nhân dân, đầu năm 1956, quán triệt tinh thần Hội nghị do Huyện uỷ và Uỷ ban hành chính huyện triệu tập, Chi uỷ và Uỷ ban hành chính xã đã tổ chức cho cán bộ các cơ quan quân, dân, chính, đảng và cán bộ các ngành, các giới trong xã học tập nhiệm vụ khôi phục kinh tế, trọng tâm là khôi phục sản xuất lương thực; đồng thời tổ chức mít tinh để tuyên truyền rộng rãi nội dung, kế hoạch, nhiệm vụ khôi phục kinh tế trong mọi tầng lớp nhân dân.

Sau bước tuyên truyền, giáo dục, phổ biến nội dung, kế hoạch khôi phục kinh tế cho các ngành, các giới và các tầng lớp nhân dân trong xã, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, Uỷ ban hành chính xã Phấn Mễ đã giao chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất cho từng xóm và từng xóm lại giao chỉ tiêu kế hoạch cụ thể cho từng hộ gia đình. Tại xóm Phố Giá, do cán bộ thiếu tin tưởng vào khả năng thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất, nên khi xã giao kế hoạch cả xóm gieo cấy 48 mẫu lúa nam ninh thì cho là quá cao, không làm được, chỉ nhận 35 mẫu. Trước tình hình đó, Chi uỷ, Uỷ ban hành chính xã cử cán bộ xuống tận xóm Phố Giá trực tiếp giải thích cho nhân dân hiểu gieo cấy lúa nam ninh là để giải quyết nạn đói; tuy huyện và xã giao kế hoạch tăng thêm vụ gieo cấy lúa nam ninh, nhưng chỉ tiêu thu thuế nông nghiệp cả năm vẫn như năm trước. Sau khi được giải thích cặn kẽ, nhân dân xóm Phố Giá phấn khởi, tích cực gieo cấy lúa nam ninh. Một số gia đình không có

thóc giống đã lặn lội đi vay để gieo cấy hết diện tích, nhất định không để ruộng hoang, hóa.

Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất huyện giao, dưới sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Chi ủy và Ủy ban hành chính xã, nhân dân trong xã đẩy mạnh áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất lúa và hoa màu; các đoàn thể Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ vận động nhân dân đắp đập, be bờ, giữ nước, làm nương phai dẫn nước vào đồng để chống hạn. Ngay trong những ngày Tết Bính Thân (1956), Chi đoàn xã Phấn Mễ đã động viên được đông đảo đoàn viên, thanh niên ra đồng đắp bờ, giữ nước, sửa chữa nương, phai dẫn nước, được Ủy ban hành chính huyện Phú Lương biểu dương tại Hội nghị Tổng kết công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp năm 1956. Nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện trong phong trào thi đua chống hạn, tiêu biểu là đồng chí Vũ Đình Thông, đoàn viên Chi đoàn xã Phấn Mễ, trong vòng 55 ngày đã làm xong chiếc cọn đưa nước từ dưới suối lên tưới cho 2,5 mẫu ruộng, góp phần cùng nhân dân trong xã chống hạn đạt kết quả tốt, được Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn Thái Nguyên và Ủy ban hành chính Khu Tự trị Việt Bắc khen thưởng. Chị Niên, Phân Đoàn phó đồng thời cũng là Y tá xã Phấn Mễ làm tốt công tác động viên đoàn viên, thanh niên trong Phân Đoàn tham gia chống hạn, được Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn Thái

Nguyên biểu dương, khen ngợi. Nhân dân xóm Mỹ Khánh gánh nước tưới, cứu được 2 mẫu lúa và 2 mẫu hoa màu khỏi chết vì khô hạn. Nhân dân làng Bò tích cực đào giếng vừa lấy nước ăn, uống, sinh hoạt, chăn nuôi gia súc, vừa lấy nước tưới cho lúa và hoa màu...

Nhân dân trong xã đã mạnh dạn dùng phân bắc bón lúa. Năm 1956, cả huyện Phú Lương chỉ có xã Phấn Mễ và 5 xã khác nhân dân dùng phân bắc để bón ruộng. Phấn Mễ là xã dẫn đầu huyện trong việc dùng cào cỏ Nghệ An để làm cỏ lúa. Cuối năm 1956, toàn xã đã có 32 chiếc cào cỏ Nghệ An (cùng thời điểm đó, cả xã Phú Đô chỉ có 10 chiếc). Phấn Mễ cũng là một trong những xã dẫn đầu huyện về việc áp dụng biện pháp kỹ thuật ngâm thóc mạ giống vào nước tro ấm 3 sôi, 2 lạnh và biện pháp gieo mạ thưa, cấy mạ rảnh nhỏ...

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Chi bộ và Ủy ban hành chính xã (từ các khâu chống hạn, cày, bừa, gieo cấy đến chăm sóc làm cỏ, bón phân...), nên năm 1956, năng suất lúa bình quân toàn xã mỗi mẫu ruộng đạt 243 kg thóc (cao hơn 123 kg so với các xã Túc Tranh, Vô Tranh, Phú Đô...). Đời sống của nhân dân có phần được cải thiện; số hộ thiếu đói trong xã đã giảm nhiều so với năm 1955. Tại Hội nghị Tổng kết sản xuất nông nghiệp năm 1956, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương đã khẳng định: “Ở các xã Phấn Mễ, Hợp Thành, Yên Đỗ, Vô Tranh chỉ còn 15 hộ gia đình,

với 49 nhân khẩu thiếu đói”. Nhân dân trong xã hăng hái thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. So với chỉ tiêu kế hoạch được giao, năm 1956, nhân dân xã Phấn Mễ đã góp phần cùng với nhân dân các xã trong huyện bán cho Nhà nước thóc vượt 26%, thịt lợn hơi vượt 16%, gà vượt 6% và đường phen vượt 29%.

Đầu năm 1957, một số hộ nông dân trong xã được chia ruộng đất trong thời kì giảm tô, sợ sửa sai phải trả lại ruộng, nên không an tâm sản xuất. Trước tình hình đó, theo sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính huyện, Ban Chi ủy, Ủy ban hành chính xã phân công nhau trực tiếp xuống các xóm giải thích cho nhân dân hiểu rõ chủ trương của trên là “Ruộng đất đã chia cho ai thì người đó vẫn có quyền sở hữu, cứ yên tâm sản xuất cho kịp thời vụ...”.

Để tăng thêm nguồn phân bón ruộng, đẩy mạnh việc thâm canh tăng năng suất lúa và hoa màu, 6 tháng đầu năm 1957, nhân dân xã Phấn Mễ đã cùng với nhân dân các xã Yên Ninh, Yên Đỗ, Yên Trạch, Cổ Lũng làm được 417 hố xí, 330 hố chứa nước giải và 809 hố ủ phân xanh...

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Chi bộ và Ủy ban hành chính xã, nên các vụ lúa năm 1957, nhân dân xã Phấn Mễ đều gieo cấy hết diện tích. Riêng vụ lúa nam ninh, nhân dân trong xã đã

gieo cấy được 37 mẫu, 9 sào, 2 thước ruộng thí điểm, sản lượng đạt 22.557 kg; năng suất lúa bình quân mỗi mẫu thu được 593,6 kg thóc, tăng 2,34 % so với kế hoạch và tăng 172 kg so với năm 1956.

Cùng với việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất, các hoạt động văn hoá, xã hội cũng được cấp uỷ Đảng và chính quyền xã quan tâm. Năm 1957, xã Phấn Mễ là một trong bốn xã ⁽¹⁾ của huyện Phú Lương có phong trào bình dân học vụ khá nhất, được Hội nghị sơ kết công tác quý 3/1957 do Ủy ban hành chính huyện tổ chức, biểu dương.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế, văn hoá, Chi bộ rất coi trọng công tác xây dựng Đảng. Chế độ sinh hoạt lãnh đạo, đặc biệt là chế độ Đại hội Chi bộ hàng năm được duy trì khá nghiêm túc. Thông qua đó, đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Chi bộ thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Đầu năm 1956, Chi bộ xã có 35 đảng viên ⁽²⁾ chiếm tỉ lệ 9,43% so với tổng số đảng viên trong toàn

⁽¹⁾ Gồm các xã: Phấn Mễ, Yên Đỗ, Cổ Lũng, Yên Trạch.

⁽²⁾ Trong số 35 đảng viên, có 32 nam, 3 nữ; về dân tộc, có 22 đồng chí người Kinh, 7 đồng chí người Sán Dìu, 4 đồng chí người Sán Chí, 2 đồng chí người Nùng; về thành phần giai cấp: 1 đồng chí thành phần công nhân, 6 đồng chí là bần nông, 23 đồng chí là trung nông, 4 đồng chí là phú nông và 1 đồng chí thuộc thành phần tiểu tư sản; về văn hóa: 3 đồng chí có trình độ lớp 1, 18 đồng chí lớp 2, 3 đồng chí lớp 3, 10 đồng chí lớp 4 và 1 đồng chí lớp 5.

huyện và bằng 2,04% so với dân số trong xã; Ban Chi ủy có 3 đồng chí do đồng chí Trần Quốc Bình làm Bí thư. Đề kiện toàn Ban Chi ủy đủ số lượng, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo nhân dân trong xã thực hiện nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, ngày 22/6/1956, Chi bộ xã Phấn Mễ tiến hành Đại hội bầu Ban Chi ủy, gồm 7 đồng chí ⁽¹⁾. Đồng chí Ninh Văn Lại được bầu làm Bí thư Chi bộ.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và chỉ đạo của đội ngũ đảng viên, Chi bộ Phấn Mễ đã cử nhiều đảng viên đi học các lớp bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ do Huyện ủy Phú Lương tổ chức. Các đồng chí được cử đi bồi dưỡng đều rèn luyện tốt, tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Văn Tá (đảng viên ở xóm Mỹ Khánh) được Chi bộ cử đi học năm 1956 đã tích cực học tập và giúp đỡ người khác cùng học tập, thực hiện tốt nội qui lớp học, được Huyện ủy Phú Lương biểu dương.

⁽¹⁾ Gồm các đồng chí: Ninh Văn Lại – Bí thư, Phạm Thành An – Ủy viên Ban Thường vụ Chi ủy phụ trách công tác tổ chức, Nguyễn Văn Ty – Chi ủy viên, Nguyễn Xuân Khinh – Chi ủy viên, Lâm Thành Thái – Chi ủy viên, Dương Văn Viêm – Chi ủy viên, Triệu Thị Văn – Chi ủy viên (Theo Quyết nghị số 350 ngày 11/7/1956 của Huyện ủy Phú Lương về việc chuẩn y Ban Chi ủy do Đại hội Chi bộ xã Phấn Mễ bầu ngày 22/6/1956. Còn theo Lịch cán bộ số 06793 AB của đồng chí Trần Đức Thiện, thì: “Năm 1956 được Chi bộ quyết định làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Phấn Mễ, vẫn là Chi ủy viên”. Như vậy là không khớp với Quyết nghị số 350 của Huyện ủy Phú Lương).

Sau sửa sai giảm tô đầu năm 1957, Chi bộ xã Phấn Mễ có 41 đảng viên. Ngày 19/1/1957, Ban Chi ủy được Huyện ủy ra Quyết nghị số 05 kiện toàn lại gồm 7 đồng chí, do đồng chí Phạm Thành An làm Bí thư ⁽¹⁾. Cũng theo Quyết nghị này, đồng chí Ninh Văn Lại làm Ủy viên Ban Thường vụ Chi ủy, đồng chí Trần Đức Thiện làm Chi ủy viên phụ trách Chủ tịch Ủy ban hành chính xã ⁽²⁾. Nhằm tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Chi bộ đối với nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp năm 1957, Chi bộ phân công 30 đảng viên (bằng 73,17% tổng số đảng viên trong Chi bộ) tham gia tổ chức Nông hội, tăng 4 đồng chí so với năm 1956.

Từ năm 1958, miền Bắc thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, tiểu thương và công, thương nghiệp tư bản tư doanh. Ở miền Nam, phong trào cách mạng đứng trước những thử thách mới quyết liệt và gay gắt. Nhiệm vụ cách mạng của cả nước trong tình

⁽¹⁾ Khớp với Lí lịch đảng viên của đồng chí Phạm Thành An. Nhưng theo Lí lịch đảng viên của đồng chí Ninh Văn Lại khai “tháng 7/1956, Bí thư Chi bộ xã Phấn Mễ, đầu năm 1958 Thường vụ Chi ủy xã Phấn Mễ” thì lại không khớp vì từ tháng 1/1957 đồng chí Phạm Thành An đã làm Bí thư Chi bộ theo Quyết nghị của Huyện ủy.

⁽²⁾ Theo bổ sung Lí lịch cán bộ ngày 22/2/1980 của đồng chí Trần Đức Thiện “sửa sai làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã kiêm Xã đội trưởng xã Phấn Mễ”.

hình mới đòi hỏi phải xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân (cả lực lượng bộ đội thường trực và lực lượng dự bị) ngày càng vững mạnh. Tháng 5/1958, xã Phấn Mễ cùng với các xã trong huyện Phú Lương và các huyện Đại Từ, Võ Nhai, Định Hóa được Quân khu Việt Bắc và tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ thí điểm thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự ở các huyện miền núi.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Chi ủy, Ủy ban hành chính xã cùng Ban chỉ huy Xã đội Phấn Mễ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên trong xã học tập chính sách, chế độ Nghĩa vụ quân sự của Đảng. Toàn Chi bộ có 37 đảng viên tham gia, đạt tỉ lệ 82,23% so với tổng số đảng viên; toàn xã có 105 trên tổng số 120 cán bộ các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tham gia học tập, đạt 87,5%; số hội viên các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Nông hội tham gia học tập đạt 80,5%. Thông qua học tập, đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đều hiểu rõ sự cần thiết của chế độ Nghĩa vụ quân sự, của yêu cầu xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng trong giai đoạn cách mạng mới. Do Chi bộ lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, quán triệt nhiệm vụ thí điểm việc thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, nên xã Phấn Mễ (cùng với các xã Phủ Lý, Động Đạt, Tân Thành, Yên Đỗ, Vô Tranh) đã được Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên biểu dương.

Để giúp cấp ủy, chính quyền xã trực tiếp triển khai thực hiện tốt đợt thí điểm thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự, Chi ủy và Ủy ban hành chính xã Phấn Mễ thành lập Ban Nghĩa vụ quân sự xã, gồm 8 thành viên, do đồng chí Trần Đức Thiện (Chi ủy viên, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã kiêm Xã đội trưởng) làm Trưởng ban; đại diện các tổ chức Chi bộ, Ủy ban hành chính xã, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ ..., làm Ủy viên.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, trực tiếp là sự chỉ đạo của Ban Nghĩa vụ quân sự xã, công tác tuyển chọn, xét duyệt chính trị người nhập ngũ trong đợt thí điểm thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự ở xã Phấn Mễ được tiến hành chặt chẽ, nghiêm túc. Trong đợt thí điểm thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự tháng 5/1958, toàn xã có 4 thanh niên được tuyển vào bộ đội (chiếm 8,51% số thanh niên nhập ngũ trong toàn huyện và vượt 33,34% chỉ tiêu được giao). Trong số 14 xã trên địa bàn huyện Phú Lương, xã Phấn Mễ (cùng với các xã Yên Trạch, Yên Đỗ, Yên Ninh, Cổ Lũng) xếp thứ ba về số lượng người nhập ngũ (sau các xã Động Đạt 7 người và Vô Tranh 5 người).

Kết quả lãnh đạo thí điểm thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự của Chi bộ xã Phấn Mễ đã giúp cho cấp ủy Đảng, Chính quyền, Cơ quan Quân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và Quân khu Việt Bắc rút được nhiều bài học kinh nghiệm về công tác tổ chức

tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; về việc triển khai đăng kí Nghĩa vụ quân sự và quản lí số thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ; về chỉ đạo tổ chức khám sức khỏe sơ bộ và xét duyệt chính trị, phát lệnh gọi nhập ngũ và tiễn đưa thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự...

Ngày 14/12/1958, Chi bộ xã Phấn Mễ tiến hành Đại hội nhiệm kì, kiểm điểm, đánh giá thành tích lãnh đạo của Chi bộ trên các mặt kinh tế, xã hội từ sau ngày hoàn thành sửa sai giảm tô, chỉ rõ các thiếu sót, khuyết điểm còn tồn tại. Đại hội ra Nghị quyết về nhiệm vụ của Chi bộ trong nhiệm kì 1958-1959 là: Tập trung lãnh đạo nhân dân trong xã thực hiện tốt ba chính sách lớn của Đảng và Chính phủ do Hội nghị lần thứ 14 (11/1958) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa II) đề ra:

- *Một là*, thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự.
- *Hai là*, củng cố chính quyền.
- *Ba là*, xây dựng và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, củng cố tổ đổi công.

Trong ba nhiệm vụ trên, nhiệm vụ trọng tâm trước mắt của Chi bộ là tập trung lãnh đạo nhân dân trong xã thực hiện thắng lợi cuộc vận động xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển sản xuất, từng bước

cải thiện đời sống nhân dân. Đại hội bầu Ban Chi ủy nhiệm kỳ 1958 - 1959 gồm 7 đồng chí. Các đồng chí Nguyễn Văn Học và Ninh Văn Lại được Đại hội tín nhiệm bầu làm Bí thư và Phó Bí thư Chi bộ. Đồng chí Phạm Thành An được Chi ủy phân công phụ trách nông thôn, đồng chí Nguyễn Đức Thiện tiếp tục được Chi ủy phân công phụ trách chính quyền. Ngày 19/12/1958, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đã ra Nghị quyết số 334/NQ-TU công nhận 7 đồng chí trong Ban Chi ủy Chi bộ xã Phấn Mễ do Đại hội Chi bộ bầu ngày 14/12/1958 và chuẩn y sự phân công của Ban Chi ủy ⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1958-1959, từ tháng 3 đến tháng 6/1959, Chi ủy tập trung lãnh đạo và tổ chức các tầng lớp nhân dân trong xã học tập, quán triệt và tiến hành tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp huyện và xã. Toàn xã có 98% số cử tri tham gia học tập (cao hơn mức bình quân toàn huyện 10%) và 93% số cử tri tham gia đi bỏ phiếu, (dẫn đầu các xã trong huyện).

⁽¹⁾ Gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Học - Bí thư; Ninh Văn Lại - Phó Bí thư; Phạm Thành An - Ủy viên Ban Thường vụ Chi ủy, Trần Đức Thiện - Chi ủy viên, Vũ Văn Cần - Chi ủy viên, Vũ Văn Ban - Chi ủy viên, Triệu Thị Văn - Chi ủy viên (Không khớp với Lí lịch đảng viên của đồng chí Lôi Đình Thơ, tự khai: Năm 1959 là Bí thư Chi bộ xã Phấn Mễ).

Sau thắng lợi cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban hành chính xã cũng được bầu lại, gồm những đồng chí có đủ năng lực, trình độ và tinh thần trách nhiệm trong công tác. Để nâng cao trình độ nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng cho đội ngũ cán bộ, Ban Chi ủy xã Phấn Mễ đã cử đại bộ phận Ủy viên Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính xã đi dự các lớp chính huấn “*Giáo dục mùa Thu*” do Ủy ban hành chính huyện tổ chức. Thông qua đợt học tập, phần lớn cán bộ, đảng viên nhận thức rõ hơn về hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, về chính sách hợp tác hoá nông nghiệp của Đảng và Chính phủ. Từ đó, cán bộ, đảng viên xác định được ý thức trách nhiệm của mình trong cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp trên địa bàn xã.

Từ kết quả lãnh đạo thành công việc xây dựng thí điểm hai Hợp tác xã nông nghiệp Cờ Hồng và Tân Hòa (năm 1958), sang năm 1959, Chi bộ tiếp tục lãnh đạo xây dựng được thêm 5 hợp tác xã nông nghiệp. Như vậy, vào thời điểm này, toàn xã Phấn Mễ có 7 hợp tác xã nông nghiệp, với 638 xã viên, trong số đó có 32 người là đảng viên (chiếm 65,31% tổng số đảng viên của Chi bộ) ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Năm 1959, tổng số đảng viên trong Chi bộ Phấn Mễ là 49 đồng chí, trong đó có 41 đảng viên chính thức và 8 đảng viên dự bị.

Trong sản xuất nông nghiệp, Chi bộ xã tập trung lãnh đạo sản xuất lương thực và thực phẩm. Năm 1959, cả năng suất cũng như sản lượng lúa và hoa màu của xã đều tăng so với năm 1958. Các hợp tác xã nông nghiệp và các gia đình nông dân cá thể trong xã hoàn thành nghĩa vụ thuế nông nghiệp đối với Nhà nước. Phấn Mễ là một trong bốn xã của huyện đạt kết quả tốt nhất trong công tác thu thuế nông nghiệp, được Hội nghị tổng kết công tác năm 1959 của Ủy ban hành chính huyện biểu dương.

Một trong những thành tích nổi bật của Chi ủy, Chi bộ xã Phấn Mễ năm 1959 là đã lãnh đạo công tác văn hóa, xã hội đạt nhiều kết quả tốt. Phấn Mễ là một trong số bảy xã của huyện Phú Lương đã huy động hầu hết các cháu trong độ tuổi học vỡ lòng đến lớp, được Ủy ban hành chính huyện biểu dương. Phấn Mễ cũng là một trong bốn xã của huyện tổ chức cho cán bộ xã học bổ túc văn hoá vào chiều thứ bảy hằng tuần. Đến năm 1959, xã Phấn Mễ đã có trên 90% số người trong độ tuổi thoát nạn mù chữ, là một trong năm xã đạt tỉ lệ thanh toán nạn mù chữ cao nhất huyện. Phong trào văn hóa, văn nghệ được duy trì thường xuyên, được đánh giá là một trong hai đơn vị khá nhất huyện. Tổ Văn nghệ của xã hoạt động sôi nổi và có chất lượng, không những phục vụ tốt các hội nghị ở xã mà còn tham gia

biểu diễn phục vụ trong các ngày lễ kỉ niệm hoặc các cuộc hội nghị tổng kết ở huyện. vở kịch “*Vườn Cam*” của Tổ Văn nghệ xã Phấn Mễ trình diễn phục vụ Hội nghị tổng kết vụ mùa năm 1959 được các đại biểu khen ngợi và Ủy ban hành chính huyện Phú Lương tặng Giấy khen.

Việc chăm lo bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân được cấp uỷ và chính quyền quan tâm. Công tác tuyên truyền vệ sinh, phòng bệnh được tiến hành thường xuyên và có nhiều tiến bộ. “Hai năm 1958, 1959, trong xã Phấn Mễ không có người nào bị chết (kể cả người già yếu và bệnh tật)...”⁽¹⁾.

Việc giữ gìn trật tự, trị an là một trong những nhiệm vụ quan trọng được cấp uỷ Đảng và chính quyền đặt lên hàng đầu. Ban Công an xã và đội ngũ cán bộ Công an viên các xóm được kiện toàn. Ban Công an xã có nhiều thành tích trong công tác giữ gìn trật tự, trị an, được Hội nghị tổng kết công tác giữ gìn trật tự trị an năm 1959 của huyện biểu dương và đề nghị lên Ủy ban hành chính tỉnh khen thưởng. Báo cáo tổng kết công tác năm 1959 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương đánh giá xã Phấn Mễ và xã Cổ Lũng là hai xã khá nhất huyện trong công tác giữ gìn trật tự, trị an.

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác năm 1959 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi ủy, Ban chỉ huy Xã đội được kiện toàn đủ 3 cán bộ (1 Xã đội trưởng, 1 Chính trị viên và 1 Xã đội phó). Công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng được tiến hành thường xuyên. Nhờ đó, hầu hết cán bộ, đảng viên và nhân dân ý thức được trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, củng cố quốc phòng. Bởi vậy, khi cán bộ và chiến sĩ dân quân trong xã tiến hành huấn luyện quân sự, nhân dân trong xã đã mang đường, rau và 8 nổi gạo đến ủng hộ.

Năm 1960 là năm kết thúc kế hoạch 3 năm cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá. Đây cũng là năm có nhiều ngày lễ lớn: 30 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 70 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/1960), 15 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, ngày 17/1/1960, Chi bộ xã Phấn Mễ tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1960 - 1961. Đại hội ra nghị quyết nhấn mạnh nhiệm vụ của Chi bộ trong nhiệm kỳ 1960 - 1961 là phải tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy lợi, bảo vệ trật tự, trị an và xây dựng, củng cố các lực lượng dân quân, du kích. Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 9 đồng chí ⁽¹⁾; trong đó, các đồng

⁽¹⁾ Gồm các đồng chí: Vũ Văn Ban, Trần Đức Thiện, Triệu Thị Văn. Nguyễn Xuân Kha, Lôi Đình Thơ, Đỗ Quang Lưu, Trần Văn Cu, Phạm Thành An, Tô Văn Luy.

chí Vũ Văn Ban, Trần Đức Thiện và Triệu Thị Văn được Đại hội tín nhiệm bầu làm Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ Chi ủy. Đồng chí Trần Đức Thiện tiếp tục được Hội đồng nhân dân xã bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã; đồng chí Phạm Thành An được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

Bước vào năm 1960, sản xuất nông nghiệp của xã Phấn Mễ gặp rất nhiều khó khăn do thiên tai gây ra. Đầu năm hạn hán kéo dài, một số diện tích cấy lúa chiêm phải bỏ hoang vì không có nước cấy, một số diện tích cấy được, nhưng không có nước tưới, lúa lại bị chết khô. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó là do “Chi ủy, Chi bộ và Ủy ban hành chính xã chưa chú ý lãnh đạo, chỉ đạo công tác thủy lợi”⁽¹⁾ mặc dù Phấn Mễ là một trong ba xã của huyện có điều kiện thuận lợi để làm công tác này.

Hưởng ứng Chiến dịch Cờ Hồng do Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện phát động, vụ mùa năm 1960, Ban Chi ủy xã Phấn Mễ đã lãnh đạo nhân dân cấy hết diện tích lúa. Do khi lúa đang lên xanh thì bị một trận lụt lớn tàn phá; lúc lúa trở bông và gần chín lại bị sâu cắn gié phá hoại... Nên cả năng suất và sản lượng lúa mùa của các hợp tác xã đều không đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tuy sản lượng lương thực năm 1960 của

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác năm 1960 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương.

xã không đạt chỉ tiêu kế hoạch và thấp hơn so với năm 1959, nhưng do Chi bộ tập trung lãnh đạo, nên các hợp tác xã và hộ nông dân cá thể trong xã đều hoàn thành 100% chỉ tiêu đóng thuế nông nghiệp cho Nhà nước, được Ủy ban hành chính huyện biểu dương.

Công tác văn hóa, giáo dục, y tế của xã tiếp tục phát triển. Phong trào văn nghệ vẫn được duy trì và hoạt động sôi nổi. Năm 1960, Phấn Mễ là xã duy nhất trong huyện thành lập được 3 đội văn nghệ (gồm 1 đội múa và 2 đội kịch), mỗi đội có từ 15 đến 20 người. Tại Hội diễn Văn nghệ quần chúng năm 1960 do Ty Văn hóa tỉnh tổ chức, đội múa Làng Hìn đã được Ủy ban hành chính tỉnh tặng Giấy khen. Nhằm phục vụ nhu cầu phổ biến kiến thức khoa học, nâng cao trình độ hiểu biết của người dân, xã Phấn Mễ đã xây dựng được một tủ sách.

Việc dạy và học trong các nhà trường được cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm để không ngừng nâng cao chất lượng. Phấn Mễ là một trong năm xã đứng đầu huyện về tỉ lệ số cháu đến lớp so với tổng số cháu trong độ tuổi đi học.

Công tác y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân được đẩy mạnh và có bước tiến mới. Ban Phòng bệnh xã được thành lập gồm các y tá, nữ hộ sinh và vệ sinh viên, làm nhiệm vụ tuyên truyền và tổ chức nhân dân thực hiện vệ sinh, phòng bệnh.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, Chi bộ thường xuyên chăm lo củng cố và kiện toàn bộ máy chính quyền xã, làm cho chính quyền không ngừng nâng cao năng lực điều hành công tác. Lễ lối và tác phong làm việc của Ủy ban hành chính xã có nhiều tiến bộ so với năm 1959. Các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Thư ký Ủy ban hành chính xã thường xuyên thường trực tại trụ sở và giải quyết tốt mọi công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, trong bộ máy chính quyền xã vẫn còn có Ủy viên Ủy ban hành chính xã *“ít làm việc, hiệu suất công tác thấp do còn có những thắc mắc về hưởng thụ”* ⁽¹⁾.

Sau ba năm thực hiện nhiệm vụ cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá, từ năm 1961, cùng với toàn miền Bắc, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ, nhân dân các dân tộc Phấn Mễ bắt tay vào việc thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Vào năm này, Chi bộ xã Phấn Mễ có 50 đảng viên, đứng thứ ba trong Đảng bộ huyện (sau Chi bộ xã Động Đạt và Chi bộ xã Túc Tranh) về số lượng đảng viên. Toàn xã có 12 xóm, 9 hợp tác xã, thu hút 55,15% hộ nông dân tham gia.

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác năm 1960 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương.

Đầu năm 1961, Chi bộ xã tập trung lãnh đạo nhân dân “gắn nhiệm vụ phát triển sản xuất với nhiệm vụ củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp” do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh Thái Nguyên (3/1961) đề ra. Nhờ có sự lãnh đạo sâu sát với nhiều biện pháp tích cực, Chi bộ đã kịp thời khắc phục hiện tượng một số xã viên ở các Hợp tác xã Giốc Miếu, Làng Giang, Làng Hin, Phố Giá xin ra hợp tác xã. Đến cuối năm 1961, nhiệm vụ xây dựng và củng cố phong trào hợp tác hoá nông nghiệp trên địa bàn xã căn bản hoàn thành. Tuy nhiên, do cơ sở vật chất, kỹ thuật của các hợp tác xã còn yếu, kinh nghiệm quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý tài chính của đội ngũ cán bộ còn hạn chế; trình độ giác ngộ và ý thức làm chủ của xã viên chưa cao, nên trong công tác lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, Chi bộ vẫn gặp nhiều khó khăn.

Trước tình hình trên, đầu năm 1962, Chi bộ tổ chức cán bộ, đảng viên trong xã thực hiện tốt đợt sinh hoạt chính trị *Chỉnh huấn mùa Xuân* do Huyện uỷ phát động. Qua chỉnh huấn, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong xã được nâng lên. Vụ mùa năm 1962, xã Phấn Mễ (cùng với xã Hợp Thành) được Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện chọn làm xã thí điểm thực hiện phong trào *Thi đua giành vụ mùa 5 nhất* (diện tích cao nhất, thâm canh tốt nhất, thu hoạch nhanh nhất, năng suất cao nhất và sản

lượng nhiều nhất). Được Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện cử một số cán bộ xuống trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ, Ban Chi uỷ xã tổ chức Hội nghị Chi bộ quán triệt nhiệm vụ, ra Nghị quyết về nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo. Sau đó, Chi uỷ, Uỷ ban hành chính xã tổ chức Hội nghị cán bộ quân, dân, chính, Đảng và cán bộ các hợp tác xã từ Đội trưởng sản xuất trở lên quán triệt nhiệm vụ và bàn biện pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ huyện giao.

Mở đầu phong trào *Thi đua giành vụ mùa 5 nhất*, Chi bộ lãnh đạo các hợp tác xã trên địa bàn hưởng ứng *Ngày ra quân sản xuất* do Huyện uỷ phát động, thu hút 417 cán bộ, xã viên cùng ra đồng sản xuất trong 1 ngày. Phấn Mễ là xã có số người ra đồng làm việc trong *Ngày ra quân sản xuất* đứng thứ hai trong 14 xã của huyện (sau xã Hợp Thành huy động được 529 người). Để lãnh đạo nhân dân trong xã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ thí điểm thực hiện phong trào *Thi đua giành vụ mùa 5 nhất*, Chi bộ đã lãnh đạo các hợp tác xã đẩy mạnh công tác thuỷ lợi, coi công tác thuỷ lợi là biện pháp hàng đầu để tăng diện tích và nâng cao năng suất, sản lượng lương thực. Dưới sự lãnh đạo sát sao của Chi bộ, các hợp tác xã đã huy động xã viên làm mới được 2 công trình thuỷ lợi, đảm bảo nước tưới cho thêm 145 mẫu lúa và hoa màu; đưa số diện tích lúa và

hoa màu được chủ động tưới nước trong toàn xã lên 78% (đứng đầu các xã trong huyện) ⁽¹⁾.

Nhờ đẩy mạnh công tác thuỷ lợi, chủ động đảm bảo nước tưới, trong vụ mùa năm 1962, toàn xã đã cấy được 1.125 mẫu lúa (chiếm 12,23% diện tích lúa mùa toàn huyện). Trong tổng diện tích 1.125 mẫu lúa mùa của toàn xã, có 476,2 mẫu (bằng 42,23%) đã được cày ải.

“Nhất nước, nhì phân” là một kinh nghiệm sản xuất đã được ông cha ta đúc kết. Hiểu rõ điều này, phong trào làm phân bón ruộng trong toàn xã được đẩy mạnh. *Chiến dịch làm phân chôn vùi Mĩ Diệt* do Chi bộ phát động đã thu hút hàng trăm xã viên các hợp tác xã và đoàn viên, thanh niên tham gia. Bình quân mỗi cán bộ, đoàn viên thanh niên trong xã làm được 1,3 tấn phân bón các loại. Nhờ đó, vụ mùa năm 1962, trên diện tích 1.125 mẫu lúa mùa của xã đã được bón hơn 1.325 tấn phân các loại (bao gồm cả phân trâu, phân bò, phân lợn, phân bắc và phân xanh), 16 tấn vôi bột và phân hoá học (bình quân mỗi mẫu ruộng được bón 1.192,34 kg phân các loại). Với kết quả trên, xã Phấn Mễ cùng với hai xã Cổ Lũng và Động Đạt là những xã sử dụng phân bón ruộng nhiều nhất huyện (thời kì này trong huyện

⁽¹⁾ Tỷ lệ diện tích lúa và hoa màu được chủ động tưới nước so với tổng diện tích lúa và hoa màu ở các xã Yên Trạch 55%, Yên Ninh 53%, Cổ Lũng 50%, các xã còn lại đều dưới 42%.

vẫn còn tới 5 xã chưa sử dụng phân bón ruộng và bình quân chung toàn huyện, mỗi mẫu ruộng cũng chỉ được bón 730 kg phân các loại). Các Hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Khánh, Tân Hoà, Sao Vàng đạt nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào làm phân bón ruộng, được Ủy ban hành chính huyện Phú Lương biểu dương tại Hội nghị tổng kết công tác năm 1962.

Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp được Chi bộ quan tâm lãnh đạo. Toàn xã có 89 cây cải tiến, 130 bừa cải tiến. Trong diện tích 1.125 mẫu ruộng cấy lúa mùa, có 2,1 mẫu cấy giống lúa mới có năng suất cao và cấy dày 20 cm x 20 cm, có 892,1 mẫu lúa được làm cỏ một lượt, 82,1 mẫu được làm cỏ hai lượt. Diện tích lúa mùa được làm cỏ toàn xã đạt 86,59%, đứng sau các xã Cổ Lũng (98,5%), Yên Trạch (92,28%), Yên Đổ và Sơn Cẩm (91,3%).

Cùng với trồng trọt, ngành chăn nuôi cũng có nhiều tiến bộ. Năm 1962, đàn trâu trong xã đạt 701 con (chiếm tỉ lệ 9,65% đàn trâu toàn huyện). So với các xã trong huyện, Phấn Mễ là xã đứng thứ ba về số lượng đàn trâu (sau đàn trâu của các xã Động Đạt 1.084 con, Yên Ninh 945 con). Hợp tác xã Mỹ Khánh tận thu 100% rơm, rạ để làm thức ăn dự trữ cho trâu trong mùa Đông giá rét, trở thành hợp tác xã điển hình tiên tiến của huyện Phú Lương về chăn nuôi đại gia súc năm 1962.

Đàn lợn của xã có 1.667 con (trong đó, có 91 con lợn nái sinh sản), bình quân mỗi hộ trong xã nuôi 3,4 con lợn. So với số đầu lợn của huyện Phú Lương, số đầu lợn của xã Phấn Mễ chiếm 13,66%, đứng đầu các xã trong huyện. Xã Phấn Mễ đứng thứ ba các xã trong huyện về số đầu lợn được nuôi trong mỗi gia đình. Đàn gia cầm của xã có 42.430 con, bình quân mỗi hộ gia đình trong xã nuôi gần 50 con gà vịt, ngan, ngỗng. Do phát triển chăn nuôi, năm 1962 các hợp tác xã nông nghiệp và các hộ nông dân cá thể trong xã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ bán thực phẩm cho Nhà nước, được Hội nghị tổng kết công tác năm 1962 của Ủy ban hành chính huyện biểu dương.

Bên cạnh những thành tích nêu trên, kết quả lãnh đạo của Chi bộ trong năm 1962 cũng còn một số hạn chế. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của xã có chiều hướng giảm sút nhanh. Cuối năm 1962, toàn xã có 12 hợp tác xã nông nghiệp (giảm 3 hợp tác xã so với cuối năm 1960). Từ 97% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã trong năm 1961, đã giảm xuống còn 59,38% trong năm 1962. Tại Hội nghị tổng kết công tác năm 1962, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương đã chỉ rõ: *“Một số hợp tác xã nông nghiệp ở xã Phấn Mễ bị tan vỡ, Hợp tác xã Phó Giá (xã Phấn Mễ) hoạt động cũng rất chệch lạc”*. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là *“Trong một số hợp tác xã, cán bộ Ban Quản trị bất*

mãn, muốn xin nghỉ việc. Nguyên tắc quản lí dân chủ trong hợp tác xã bị vi phạm, xã viên ít được bàn bạc và phát huy sáng kiến, kinh nghiệm sản xuất. Công tác tài chính không minh bạch, có hiện tượng tham ô. Công tác “Ba khoán” không đảm bảo, gần như khoán trắng”⁽¹⁾...

Trước tình hình trên, Chi bộ xã Phấn Mễ đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp nhằm củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ VII (họp năm 1962) đề ra.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của tổ chức cơ sở Đảng đối với nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện thắng lợi Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) trên địa bàn xã, cuối năm 1962, Huyện ủy Phú Lương quyết định thành lập Đảng bộ xã Phấn Mễ, gồm 3 Chi bộ ở 3 thôn Kiến Phúc, Bảo Thái, Phấn Mễ.

Ngày 8/1/1963, Đảng bộ xã Phấn Mễ họp Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 9 đồng chí⁽²⁾, do các đồng chí Lôi Đình Thơ làm Bí thư, Phạm Thành An làm Phó Bí thư, Hoàng Văn Phú làm Ủy viên Ban Thường vụ. Sau Đại hội Đảng bộ, Đảng ủy xã tập trung

(1) *Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương 1955-2000*, trang 62.

(2) Gồm các đồng chí: Lôi Đình Thơ, Phạm Thành An, Hoàng Văn Phú, Lương Văn Minh, Vũ Văn Ban, Lê Đức Linh, Lâm Thành Thái, Triệu Thị Văn và Đỗ Quang Lưu.

lãnh đạo, kiện toàn cấp ủy các Chi bộ. Theo đó, Chi ủy Chi bộ Kiến Phúc có 3 Chi ủy viên do đồng chí Lê Đức Linh làm Bí thư; Chi ủy Chi bộ Bảo Thái có 5 Chi ủy viên do đồng chí Lương Văn Minh làm Bí thư; và Chi ủy Chi bộ Phấn Mễ có 3 Chi ủy viên do đồng chí Vũ Văn Ban làm Bí thư ⁽¹⁾.

Sau khi được củng cố, kiện toàn các cấp ủy trong Đảng bộ, Đảng ủy xã triệu tập Hội nghị mở rộng tới các đồng chí Chi ủy viên các chi bộ bàn nội dung, biện pháp lãnh đạo và tổ chức lớp *Huấn luyện mùa Thu* (học tập, quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 cho đảng viên). Hội nghị quyết định thành lập Ban Tổ chức lớp *Huấn luyện mùa Thu* gồm các đồng chí Đảng ủy viên, Bí thư Chi bộ và Chi ủy viên phụ trách công tác tuyên huấn các chi bộ, do đồng chí Lôi Đình Thơ (Bí thư Đảng ủy) làm Trưởng ban. Ban Tổ chức lớp được chia thành 4 Tiểu ban: Tiểu ban lãnh đạo gồm các đồng chí Lôi Đình Thơ, Phạm Thành An, Nguyễn Xuân Khính; Tiểu ban khánh tiết gồm các đồng chí Lương Văn Minh, Bùi Văn Hinh; Tiểu ban kiến thiết gồm các đồng chí Đình Văn Lành, Đình Văn Nga, Lâm Thành Thái; Tiểu ban quản lý gồm các đồng chí Trần Tiến Phú, Trương Văn Phúc, Triệu Thị Văn. Nhờ có sự lãnh đạo chặt chẽ và chuẩn bị chu đáo của Đảng ủy xã, nên lớp *Huấn luyện mùa Thu* đạt kết quả tốt.

⁽¹⁾ Tư liệu do đồng chí Lương Văn Minh cung cấp

Thành tích nổi bật của Đảng bộ xã Phấn Mễ năm 1963 là đã lãnh đạo chính quyền, hợp tác xã và nhân dân các dân tộc trong xã làm tốt việc tiếp đón một số đồng bào ở tỉnh Thái Bình lên khai hoang, xây dựng quê hương mới ⁽¹⁾. Sau khi hoàn thành việc tiếp nhận, Đảng ủy và Ủy ban hành chính xã tổ chức đồng bào thành một đội độc lập (Đội khai hoang độc lập Làng Lân, gồm 5 hộ gia đình); số gia đình còn lại bố trí ở xen kẽ cùng với bà con xã viên các hợp tác xã trong xã. Trong buổi đầu, đồng bào Thái Bình lên xây dựng quê hương mới còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Đảng bộ đã lãnh đạo chính quyền, các hợp tác xã và nhân dân trong xã san sẻ ruộng đất, trâu, bò, nông cụ, giúp đỡ làm nhà cửa... Nhờ đó, tuyệt đại đa số đồng bào Thái Bình lên xây dựng quê hương mới ở xã Phấn Mễ đã nhanh chóng ổn định cuộc sống, bắt tay vào lao động sản xuất. Riêng trong vụ mùa năm 1963, Đội khai hoang độc lập Làng Lân đã thu hoạch được 3.888 kg thóc, đảm bảo vấn đề tự túc lương thực và được suy tôn là Đội sản xuất khá nhất tỉnh Thái Nguyên.

Nhằm không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo đối với mọi mặt công tác, Đảng bộ xã tập trung vào việc xây dựng, củng cố và kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng. Căn cứ vào số lượng 114 đảng viên trong toàn

⁽¹⁾ Báo cáo ngày 24/1/1964 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương, trang 10.

Đảng bộ (kê cả đảng viên ở các nơi khác chuyển về)⁽¹⁾, từ năm 1964, 3 chi bộ thôn của Đảng bộ xã Phấn Mễ tiếp tục được chia thành 6 chi bộ xóm, gồm: 1- Chi bộ Làng Hia do các đồng chí Trương Văn Phúc làm Bí thư, Hoàng Văn Khoa làm Phó Bí thư; 2- Chi bộ Làng Giang do các đồng chí Nguyễn Văn Lự làm Bí thư, Lường Văn Ngoàn làm Phó Bí thư; 3- Chi bộ Làng Bún do các đồng chí Lê Đức Linh làm Bí thư, Nguyễn Thị Nhị làm Phó Bí thư; 4- Chi bộ Sao Vàng do các đồng chí Đinh Văn Nga làm Bí thư, Trần Tiến Phú làm Phó Bí thư; 5- Chi bộ Làng Lân - Làng Cọ do các đồng chí Vũ Văn Ngọc làm Bí thư, Ma Văn Lược làm Phó Bí thư; 6- Chi bộ Hái Hoa - Làng Bầu do các đồng chí Lường Văn Quân làm Bí thư, Phạm Công Cấp làm Phó Bí thư.

Ngày 1/9/1964, Đảng bộ xã Phấn Mễ tổ chức Đại hội nhiệm kì 1964-1965 ra, Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kì 1964-1965, gồm 11 uỷ viên, trong đó có 9 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ Đảng uỷ gồm 3 đồng chí: Lôi Đình Thơ (Bí thư), Hoàng Văn Phúc (Phó Bí thư) và Đinh Văn Lành (Uỷ viên). Đại hội cũng bầu Đoàn đại biểu

⁽¹⁾ Báo cáo số 3/BC ngày 20/10/1964 của Đảng uỷ xã Phấn Mễ, trang 3.

đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ IX gồm 8 đồng chí ⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 1964-1965, Đảng uỷ lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã vượt qua mọi khó khăn, giữ vững và phát triển sản xuất nông nghiệp; đồng thời mở thêm nghề phụ. Tổ rèn được thành lập từ năm 1963 vẫn tiếp tục hoạt động đều, đảm bảo việc cung cấp nông cụ cho bà con nông dân trong xã.

Phong trào văn hoá, văn nghệ được duy trì và ngày càng mang tính chất quần chúng rộng rãi. Ngành giáo dục phổ thông có nhiều cố gắng giữ vững chất lượng đào tạo, mặc dù cơ sở vật chất trong các trường học còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân được các cấp uỷ Đảng và chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, quán triệt Nghị quyết số 20/NQ ngày 10/3/1964 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, lực lượng dân quân xã được xây dựng theo hướng “vững mạnh cả về các mặt tinh thần, tổ chức và trình độ kỹ, chiến thuật cũng như về tinh thần lao động sản xuất, nhằm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trước

⁽¹⁾ Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ IX khai mạc ngày 9/2/1965 với sự có mặt của 80 đại biểu chính thức và 8 đại biểu dự khuyết.

mất và lâu dài...”. Tuy nhiên, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ và chính quyền có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ; việc huấn luyện chưa thường xuyên và chất lượng chưa cao. Tháng 10/1964, xã Phấn Mễ được Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên và Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương xuống trực tiếp kiểm tra công tác huấn luyện dân quân. Qua kiểm tra, kết quả huấn luyện các môn tính từ đạt yêu cầu trở lên: Chính trị 87,5% (có 14,2% khá), ném lựu đạn 50% (có 12,5% khá), bắn súng 60% (có 20% khá). Kết quả báo động kiểm tra sẵn sàng chiến đấu không đạt yêu cầu vì một số cán bộ, chiến sĩ còn chưa có vũ khí thô sơ, chưa có bao đựng gạo; khi báo động có người còn cho gạo vào túi áo, túi quần hoặc gói vào khăn mùi xoa, v.v...

Trong số 3 xã được Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên cử cán bộ xuống trực tiếp kiểm tra công tác huấn luyện dân quân năm 1964 (gồm xã Bảo Lý - huyện Phú Bình; xã Bình Dân - huyện Đại Từ và xã Phấn Mễ - huyện Phú Lương), xã Phấn Mễ đạt kết quả thấp nhất. Nguyên nhân dẫn đến kết quả yếu kém này là do sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng đối với công tác huấn luyện dân quân còn ít và chưa toàn diện; đội ngũ cán bộ tiểu đội, thậm chí cả cán bộ trung đội không được bồi dưỡng nội dung, phương pháp huấn luyện trước; khi huấn luyện, các cán bộ tiểu đội học

như chiến sĩ, có trung đội phải nhờ cán bộ ở trung đội khác sang huấn luyện.

Sau khi được Đoàn cán bộ kiểm tra của Tỉnh đội Thái Nguyên và Huyện đội Phú Lương chỉ rõ các thiếu sót, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức huấn luyện dân quân năm 1964, Đảng ủy, Ủy ban hành chính xã và Ban chỉ huy Xã đội Phấn Mễ đã kịp thời rút kinh nghiệm, đề ra nhiều chủ trương và biện pháp khắc phục.

Trải qua 10 năm (8/1954 – 12/1964) lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong xã thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ sửa sai giảm tô, khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế – xã hội, thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, Chi bộ (từ năm 1962 là Đảng bộ) xã Phấn Mễ đã không ngừng lớn mạnh. Tổ chức cơ sở Đảng từ 1 Chi bộ, với 35 đảng viên (cuối năm 1954), đến cuối năm 1964 đã có 6 Chi bộ với 114 đảng viên. Tuy còn có những hạn chế trong lãnh đạo một số mặt công tác, nhưng những thành tựu đạt được trong 10 năm sau ngày hòa bình lập lại là cơ sở, là tiền đề quan trọng để Đảng bộ xã Phấn Mễ phấn đấu vươn lên, tiếp tục lãnh đạo nhân dân trong xã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra và chi viện chiến trường miền Nam.

II- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu và động viên chi viện chiến trường miền Nam (1965-1975)

Đầu năm 1965, đứng trước nguy cơ chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản hoàn toàn, đế quốc Mỹ bắt đầu đưa quân viễn chinh và quân chư hầu vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam, đồng thời chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân với qui mô ngày càng lớn và mức độ ngày càng ác liệt.

Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Phú Lương, Đảng bộ xã Phấn Mề tập trung lãnh đạo và tổ chức được 90% đảng viên ở 100% các chi bộ tham gia đợt sinh hoạt chính trị học tập, quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 11 (tháng 3/1965). Thông qua đợt học tập, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã nhận thức đầy đủ hơn về tình hình “cả nước đã có chiến tranh, miền Bắc là hậu phương lớn, miền Nam là tiền tuyến lớn” ⁽¹⁾ và thấy được nhiệm vụ cơ bản của quân và dân miền Bắc nói chung, của Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và quân, dân xã Phấn Mề nói riêng là phải “Tiếp tục xây dựng miền Bắc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa bằng không quân và hải quân của địch” ⁽²⁾

^{(1), (2)} *Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III)*

Bước sang thời kì trực tiếp chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, xã Phấn Mễ (cũng như các xã khác của huyện Phú Lương) nằm trong vùng ở trạng thái phòng thủ. Nhiệm vụ của Đảng bộ xã Phấn Mễ là lãnh đạo quân và dân trong xã "... đảm bảo hầm, hố đầy đủ, vững chắc, đảm bảo sản xuất, công tác, sinh hoạt bình thường; tổ chức đón tiếp, giúp đỡ đồng bào sơ tán đến để đồng bào yên tâm sản xuất"⁽¹⁾. Tuy nhiên, trên địa bàn xã lại có những mục tiêu quan trọng mà không quân Mỹ đang tập trung trinh sát, phát hiện để đánh phá. Đó là, Quốc lộ số 3 (một trong những huyết mạch giao thông quan trọng nối Thủ đô Hà Nội với tỉnh Cao Bằng, lên vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc) chạy qua; là Mỏ than Phấn Mễ, một trong những nguồn cung cấp nhiên liệu rất quan trọng cho Khu gang thép Thái Nguyên hoạt động.

Sau ngày ném bom, bắn phá cầu Gia Bẫy ở trung tâm Thành phố Thái Nguyên (17/10/1965), đế quốc Mỹ cho máy bay ném 6 quả bom phá xuống khu vực núi Phấn (31/10/1965), chính thức mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân vào địa bàn huyện Phú Lương.

Trong tình hình ấy, Đảng bộ Phấn Mễ tập trung lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong xã chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến.

⁽¹⁾ Chi thị số 01/NC ngày 8/7/1965 của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái, trang 2 (Từ ngày 1/7/1965, tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên được hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái).

Công tác củng cố và xây dựng tổ chức Đảng được Đảng bộ đặt lên hàng đầu, coi đó là một biện pháp cơ bản để lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương thực hiện thắng lợi Nghị quyết 11 của Trung ương Đảng. Các chi bộ trong Đảng bộ đều chú trọng công tác phát triển đảng viên mới. Năm 1965, Đảng bộ xã kết nạp được 18 đảng viên mới, đảm bảo chất lượng tốt, trở thành đơn vị dẫn đầu Đảng bộ huyện về số lượng đảng viên mới kết nạp.

Song song với những thành tích về việc phát triển đội ngũ đảng viên mới, Đảng bộ cũng đạt được nhiều kết quả trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không nhân dân và xây dựng lực lượng dân quân, du kích ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ. Đảng ủy, Ủy ban hành chính xã đã thành lập Ban Phòng không nhân dân xã, trực tiếp làm nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không sơ tán và đánh địch. Ban Văn hóa - Thông tin xã được củng cố, Đài Truyền thanh xã hoạt động tương đối đều, góp phần làm tốt việc giáo dục, tuyên truyền công tác phòng không nhân dân cho các tầng lớp nhân dân trong xã. 100% các đồng chí cán bộ lãnh đạo xã, từ Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, Trưởng Ban Tuyên huấn Đảng ủy, Xã đội trưởng, Trưởng Công an xã... đều trực tiếp tham gia

học tập, lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không nhân dân và công tác giữ gìn trật tự trị an. Đảng ủy xã lãnh đạo và tổ chức được 93% đảng viên trong Đảng bộ và 90% nhân dân trong xã học tập, quán triệt nhiệm vụ phòng không sơ tán và bảo vệ trật tự, trị an. Hầu hết các hộ gia đình trong xã đều đào hầm, hố trú ẩn; bình quân mỗi hộ có 1 chiếc hầm đào ở trong vườn hoặc dưới các bụi tre; nhiều hộ đào hầm trú ẩn ngay trong nhà ở...

Để đảm bảo lực lượng phục vụ chiến đấu tại chỗ, Đảng bộ tập trung củng cố kiện toàn lực lượng dân quân, du kích. Đảng ủy phân công đồng chí Dương Văn Canh, Đảng ủy viên trực tiếp làm Xã đội trưởng phụ trách dân quân và đồng chí Lê Đức Linh (Đảng ủy viên dự khuyết) làm Chính trị viên Xã đội. Mỗi hợp tác xã nông nghiệp trong xã xây dựng được 1 đại đội dân quân làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Trong mỗi đại đội dân quân đều có 1 trung đội dân quân, du kích thường trực chiến đấu, phục kích, đón lõng, bắn máy bay địch bay thấp bằng súng bộ binh và các bộ phận đào bới sập hầm, cứu thương, tải thương..., làm nhiệm vụ khắc phục hậu quả khi máy bay địch ném bom, bắn phá. Trung đội dân quân, du kích thường trực chiến đấu thuộc Đại đội dân quân Hợp tác xã Sao Vàng có 32 cán bộ, chiến sĩ (trong đó có 5 đảng viên) được biên chế thành Ban Chỉ huy Trung đội, gồm

1 Trung đội trưởng, 1 Trung đội phó và 1 Chính trị viên; 2 Tiểu đội trực chiến phòng không, mỗi tiểu đội 8 người; 1 Tổ Cứu thương 5 người và 1 Đội Tái thương 8 người. Toàn bộ 32 cán bộ, chiến sĩ trong Trung đội đều tham gia trực chiến bắn máy bay Mỹ. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Hợp tác xã Sao Vàng, cán bộ, xã viên và nhân dân trong Hợp tác xã đã đào được 114 hầm trú ẩn ở gia đình (có 60 hầm ở trong nhà), đào đắp được 1 km giao thông hào ở những nơi công cộng.....

Phong trào hợp tác hóa được củng cố và phát triển. Cuối năm 1965, toàn xã đã hợp nhất các hợp tác xã qui mô nhỏ thành 4 hợp tác xã qui mô vừa ⁽¹⁾, thu hút 96% số hộ nông dân tham gia (cao hơn tỉ lệ bình quân toàn huyện 24,9%), dẫn đầu huyện về việc củng cố phong trào hợp tác hoá. Trong số 150 hộ gia đình ở tỉnh Thái Bình lên khai hoang, xây dựng quê hương mới tại xã Phấn Mễ (từ năm 1963 đến cuối năm 1965), có 147 hộ gia đình (chiếm 98%) đã vào hợp tác xã nông nghiệp. Được sự quan tâm của Đảng bộ và chính quyền, sự giúp đỡ tận tình của nhân dân các dân tộc trong xã, đến cuối năm 1965, trên 50% số hộ gia đình khai hoang đã tạm đủ ăn, khoảng 30% số hộ có mức sống trung bình trở lên; một số hộ tích cực chăn nuôi đã bán được lợn, gà cho Nhà nước.

⁽¹⁾ Đó là các Hợp tác xã: Phấn Mễ, Thành Công, Tràng Học và Sao Vàng.

Sau khi hoàn thành việc lãnh đạo hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành các hợp tác xã vừa, Đảng bộ tập trung lãnh đạo các hợp tác xã xây dựng các Đội Chuyên thủy lợi, chuyên phân bón, chuyên xử lý giống, v.v... Hợp tác xã Sao Vàng là 1 trong 4 hợp tác xã trên địa bàn huyện Phú Lương đã tổ chức được Đội Chuyên chăn nuôi lợn tập thể. Tuy nhiên, do chưa có kinh nghiệm và thiếu quyết tâm khắc phục khó khăn, cho nên công tác quản lý, chăm sóc đàn lợn còn nhiều hạn chế, "... để đến nỗi ghẻ, lở chết gần hết" ⁽¹⁾.

Công tác thủy lợi tiếp tục được cấp ủy Đảng và Chính quyền xã coi trọng. Các hợp tác xã đã huy động hàng ngàn công của các Đội Chuyên thủy lợi và xã viên ra đào, đắp, xây dựng hoàn chỉnh 1 hồ chứa nước rộng 7 mẫu. Đội Chuyên thủy lợi Hợp tác xã Phấn Mễ và Đội Chuyên thủy lợi Hợp tác xã Thành Công làm việc đạt hiệu quả cao, được Ủy ban hành chính huyện biểu dương.

Năm 1966, Đảng bộ tập trung lãnh đạo cán bộ và nhân dân trong xã quán triệt và thực hiện tốt chủ trương của Huyện ủy Phú Lương là "Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của đời sống, bồi dưỡng sức dân để sản xuất và chiến đấu lâu dài. Ra sức động viên lực lượng, phát

⁽¹⁾ Báo cáo của Ủy ban hành chính huyện tại kì họp Hội đồng nhân dân huyện khoá III, đầu năm 1966

huy mọi khả năng, đảm bảo mọi yêu cầu để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược”⁽¹⁾. Đầu năm 1966, trước tình hình hạn hán kéo dài trên diện rộng, Đảng ủy đã lãnh đạo các hợp tác xã huy động 4.000 ngày công của xã viên ra đắp đập, be bờ giữ nước, sửa chữa mương phai dẫn nước vào ruộng, bảo đảm đủ nước cấy hết diện tích lúa vụ chiêm. Tuy nhiên, do rét đậm kéo dài, hạn hán và sâu bệnh nặng, nên năng suất và sản lượng lúa vụ chiêm năm 1966 đều giảm so với cùng kì năm 1965.

Từ mùa hè năm 1966, máy bay Mĩ tăng cường các hoạt động trinh sát trên vùng trời các huyện Phú Lương, Đại Từ, Định Hóa, Võ Nhai, thành phố Thái Nguyên. Ngày 23/4/1966, địch cho 12 máy bay trinh sát vũ trang, chia làm nhiều tầng, nhiều hướng vào hoạt động trinh sát trên vùng trời xã Phấn Mễ. Ngày 29/4/1966, chúng huy động 15 máy bay ô ạt ném bom, bắn phá ác liệt Khu gang thép Thái Nguyên và Nhà máy điện Cao Ngạn (cách xã Phấn Mễ từ 10 đến 20 km về phía nam). Ngày 22/6/1966, máy bay Mĩ ném 12 quả bom phá, 1 quả bom bi mẹ xuống xã Vô Tranh, giáp ranh với xã Phấn Mễ về phía đông (nơi Bệnh viện A của tỉnh Bắc Thái sơ tán), làm 14 người chết (có 8 bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, 6 người là dân địa phương).

⁽¹⁾ Nghị quyết của Huyện ủy Phú Lương về phương hướng, nhiệm vụ năm 1966- Dẫn theo “Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương tập II (1955-2000), trang 106.

Trước tình hình trên, để đảm bảo công tác phòng không nhân dân, Đảng ủy và Ủy ban hành chính xã lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã phân tán xã viên ra thành các tổ và nhóm nhỏ để sản xuất trên từng cánh đồng dọc hai bên Quốc lộ 3. Hưởng ứng phong trào thi đua *Vụ mùa yêu nước thắng Mĩ* do Huyện ủy Phú Lương phát động, với quyết tâm "... phấn đấu đưa năng suất lúa mùa năm 1966 đạt từ 42 tạ đến 50 tạ một héc ta; đi đôi với phát triển lương thực đẩy mạnh sản xuất hoa màu, cây công nghiệp và chăn nuôi, để nâng cao đời sống nhân dân và dành phần cung cấp cho Nhà nước có đủ khả năng đánh thắng giặc Mĩ xâm lược" ⁽¹⁾, Đảng ủy lãnh đạo các hợp tác xã trên địa bàn đẩy mạnh phong trào làm phân bón ruộng và áp dụng các biện pháp khoa học kĩ thuật vào sản xuất, thâm canh tăng năng suất lúa và hoa màu. Nhờ đó, vụ mùa năm 1966, xã Phấn Mễ là một trong 6 xã (Cổ Lũng, Yên Trạch, Phú Đô, Động Đạt, Yên Lạc) dẫn đầu huyện về phong trào làm phân bón ruộng, đảm bảo bình quân mỗi mẫu ruộng lúa được bón lót 2.200 kg phân bón các loại (cao hơn mức bình quân của huyện mỗi mẫu gần 300 kg). Phấn Mễ cũng là xã dẫn đầu các xã trong huyện về việc dùng nông cụ cải tiến (gần 90 chiếc cào cỏ Nhật Bản trong tổng số trên 100 chiếc của toàn huyện).

⁽¹⁾ *Báo cáo sơ kết vụ mùa năm 1966 của Huyện ủy Phú Lương*, trang 148

Để đảm bảo có đủ nước cấy kịp thời vụ, Đảng ủy lãnh đạo các hợp tác xã tăng cường huy động xã viên đắp bờ, giữ nước, cải tạo đồng ruộng. Hợp tác xã Thành Công là một trong ba hợp tác xã điển hình của huyện về phong trào thủy lợi và cải tạo đồng ruộng, được Hội nghị sơ kết vụ mùa năm 1966 do Ủy ban hành chính huyện tổ chức ngày 16/9/1966 nhiệt liệt biểu dương. Do giải quyết được khâu thủy lợi, nên vụ mùa năm 1966, toàn xã cấy được 1.210 mẫu, đạt 99,1% so với chỉ tiêu huyện giao, cao hơn tỉ lệ bình quân của toàn huyện là 0,1%, đứng thứ 7 trong tổng số 14 xã trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên, do máy bay địch tăng cường hoạt động và đánh phá ác liệt một số địa bàn xung quanh xã, gây nhiều tổn thất về người và của, nên một số xã viên các hợp tác xã hoang mang, không dám ra đồng sản xuất. Vì vậy, vụ mùa năm 1966, xã Phấn Mễ có tới 6 mẫu ruộng đủ nước cấy nhưng bị bỏ hoang (chiếm 31,58% số ruộng bị bỏ hoang trong toàn huyện). Trước tình hình trên, Đảng ủy, Ủy ban hành chính xã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo các chi bộ và Ban Quản trị các hợp tác xã có biện pháp khắc phục.

Lúc lúa bước vào “thì con gái”, sau khi kiểm tra đồng ruộng phát hiện được tình hình sâu bệnh hại lúa xuất hiện và phát triển, Đảng ủy, Ủy ban hành chính xã lãnh đạo, chỉ đạo các Chi bộ và Ban Quản trị các hợp tác xã:

- Bám sát đồng ruộng, bố trí, phân công cụ thể cho từng cán bộ làm nhiệm vụ kiểm tra nắm chắc tình hình nước tưới, sâu bệnh và sự phát triển của cây lúa trên từng cánh đồng, để có biện pháp chỉ đạo sản xuất kịp thời.

- Tăng cường phân bón thúc cho những khu ruộng bón lót dưới mức bình quân của xã.

- Kịp thời phát hiện và có biện pháp hữu hiệu để diệt trừ sâu bệnh hại lúa.

- Huy động nhân lực ra đồng làm cỏ, bảo đảm 100% diện tích ruộng cấy lúa vụ mùa được làm cỏ 2 lần, ruộng cấy lúa thí điểm năng suất cao được làm cỏ 3 lần.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng ủy và Ủy ban hành chính xã, các đồng chí lãnh đạo các hợp tác xã từ Bí thư Chi bộ, Chủ nhiệm Hợp tác xã đến Đội trưởng, Đội phó sản xuất thường xuyên bám sát ruộng đồng, nắm vững tình hình, chỉ đạo và tổ chức sản xuất sát thực tế, đạt kết quả cao.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và kịp thời của Đảng ủy và Ủy ban hành chính xã, nên vụ mùa năm 1966, năng suất, sản lượng lúa và hoa màu đều tăng so với vụ mùa năm 1965; mức thu nhập bình quân tính theo đầu người toàn xã tăng từ 16 kg thóc năm 1965, lên 21 kg thóc năm 1966. Một số điển hình tiên

tiến xuất hiện, tiêu biểu là Đội sản xuất (Hợp tác xã Tràng Học) do đồng chí Phạm Thành An làm Đội trưởng đã cấy thí điểm giống lúa mới, đạt năng suất 1.840 kg thóc/mẫu (khoảng 5.115 kg/ha), cao hơn năng suất ruộng thí điểm của Hợp tác xã Yên Ninh và Hợp tác xã Cây Châm (xã Động Đạt) 540 kg thóc/mẫu (khoảng 1.500 kg thóc/ha). Chi bộ Hợp tác xã Sao Vàng lãnh đạo Chi đoàn thanh niên phát huy tốt vai trò xung kích, làm được 110 tấn phân xanh và phân bùn đưa vào bón ruộng, năng suất lúa bình quân toàn Hợp tác xã đạt 690,3 kg/mẫu (1.919 kg/ha một vụ), vượt 97,13 kg/mẫu so với năm 1965; thu nhập bình quân đầu người đạt 22 kg thóc/tháng (dẫn đầu các hợp tác xã trong xã). Kết thúc năm 1966, Hợp tác xã Sao Vàng đã hoàn thành vượt mức nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Trong đó, về lương thực, Hợp tác xã đóng thuế được 19.708 kg thóc (đạt 100% chỉ tiêu), bán thóc khuyến khích được 5.382 kg (vượt 79,4% chỉ tiêu). Về thực phẩm, các gia đình xã viên Hợp tác xã Sao Vàng đã bán cho Nhà nước 73 con lợn (tăng 23 con so với năm 1965, vượt 46% chỉ tiêu) và 2 con trâu. Riêng gia đình bà Ngô Thị Dân đã bán cho Nhà nước một con lợn nặng 224 kg, được xã viên Hợp tác xã Sao Vàng bình bầu là gia đình chăn nuôi giỏi. Bà Ngô Thị Dân cùng với các chị Hoàng Thị Nhâm, Nguyễn Thị Túy được bầu là cá nhân xuất sắc.

Cùng với xây dựng và củng cố Hợp tác xã nông nghiệp, Đảng ủy tập trung lãnh đạo việc củng cố Hợp tác xã mua bán và Hợp tác xã tín dụng. Ngoài các cửa hàng đã mở từ những năm trước, năm 1966, Hợp tác xã mua bán xã mở thêm 1 quầy hàng mua bán để phục vụ nhân dân. Tuy nhiên, Hợp tác xã mua bán xã còn nhiều hạn chế trong việc quản lí tài chính, quản lí con người và tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân. Hợp tác xã tín dụng xã Phấn Mễ hoạt động đều và có hiệu quả, được Ủy ban hành chính huyện đánh giá tốt.

Trong phong trào giải phóng đôi vai, xã Phấn Mễ (cùng với các xã Sơn Cẩm, Yên Trạch, Tân Thành) dẫn đầu huyện về làm đường giao thông nông thôn, sử dụng xe cải tiến, xe trâu, bò kéo, xe quệt và xe cút kít thay thế cho sức người.

Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế của xã được đẩy mạnh. Trong năm học 1965-1966, số giáo viên Trường phổ thông cấp I tăng 18%, số lớp tăng 13,8%, số học sinh tăng 13,1% so với năm học 1964 – 1965. Đội Văn nghệ của các hợp tác xã được duy trì và hoạt động đều. Trạm xá xã tiếp tục là một trong những đơn vị dẫn đầu huyện về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Trong thời kì chiến tranh phá hoại ác liệt, công tác giữ gìn trật tự, trị an trên địa bàn xã được các cấp ủy Đảng và chính quyền coi trọng. Năm 1966, Đảng bộ xã lãnh đạo đợt thí điểm học tập và triển khai công tác giữ

gìn trật tự, trị an do Công an huyện chỉ đạo đạt kết quả tốt, được Ủy ban hành chính huyện biểu dương.

Trong công tác động viên, tuyên quân chi viện chiến trường, năm 1966, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, du kích hoàn thành vượt mức chỉ tiêu trên giao, góp phần quan trọng vào kết quả động viên 461 người (đa số ở lứa tuổi thanh niên) của toàn huyện vào bộ đội. Riêng Chi bộ Hợp tác xã Sao Vàng lãnh đạo động viên được 8 thanh niên lên đường nhập ngũ. 100% con, em các dân tộc xã Phấn Mễ được động viên vào bộ đội năm 1966 đều xác định tốt nhiệm vụ, không có ai bỏ ngũ, đào ngũ.

Hưởng ứng Lời kêu gọi chống Mĩ cứu nước ngày 17/7/1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do, đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”⁽¹⁾, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy, Ủy ban hành chính xã, quân và dân trong xã đã làm tốt công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ trên địa bàn. Năm 1966,

⁽¹⁾ Dẫn theo 60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam, trang 255.

máy bay Mỹ ném 109 quả bom phá, bom bi mẹ và bắn nhiều loạt đạn tên lửa, rốc két xuống địa bàn huyện Phú Lương, làm chết 33 người, bị thương 42 người; giết hại nhiều gia súc, gia cầm và phá hỏng nhiều nhà cửa của toàn huyện. Tại xã Phấn Mễ, ngày 7/8/1966, máy bay Mỹ ném 3 quả bom phá xuống khu vực Mỏ than Phấn Mễ (nằm trên địa bàn xã). Tiếp theo, ngày 21/11/1966, giặc Mỹ cho 4 tốp máy bay vào hoạt động đánh phá địa bàn Thái Nguyên, trong đó có 1 tốp đã ném 4 quả bom bi xuống khu vực Làng Bầu (xã Phấn Mễ). Do làm tốt công tác phòng không nhân dân, đào hầm, hố đầy đủ, khi máy bay địch hoạt động, mọi người đều xuống hầm trú ẩn, nên không thiệt hại gì đáng kể về người và của. Hầu hết cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, du kích trực chiến đều có mặt ở các trận địa, vừa làm nhiệm vụ phối hợp với bộ đội chiến đấu, phục vụ chiến đấu, vừa trực tiếp bắn máy bay địch bay thấp bằng súng bộ binh. Trung đội dân quân, du kích trực chiến phòng không của Hợp tác xã Sao Vàng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, được tặng thưởng danh hiệu *Đơn vị Quyết thắng*.

Năm 1966, Đảng bộ còn lãnh đạo quân và dân trong xã làm tốt công tác phục vụ bộ đội Trung Quốc sang giúp nước ta xây dựng, sửa chữa và nâng cấp Quốc lộ số 3 (trong đó có đoạn đi qua địa bàn xã). Toàn xã đã huy động 1.036 công khai thác vật liệu xây

dựng, làm nhà ở, hội trường, nhà kho giúp bộ đội Trung Quốc. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã còn ủng hộ bộ đội Trung Quốc nhiều lương thực, thực phẩm. Riêng nhân dân và xã viên Hợp tác xã Sao Vàng đã ủng hộ 1 con lợn, 1 con gà, 250 kg củi và 2 kg chè búp. Lực lượng dân quân, du kích xã làm tốt công tác tuần tra, canh gác, giữ gìn trật tự, trị an trên địa bàn và các khu vực bộ đội Trung Quốc đóng quân.

Bước sang năm 1967, cuộc chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra đối với miền Bắc nước ta ngày càng ác liệt. Trên địa bàn huyện Phú Lương, sáu tháng đầu năm 1967, máy bay Mỹ đánh phá 17 trận, làm chết 47 người, làm bị thương 56 người, phá hoại nhiều nhà cửa và tài sản của nhân dân.

Vào lúc 15 giờ ngày 11/7/1967, giặc Mỹ huy động 34 máy bay, từ nhiều tầng, nhiều hướng khác nhau ồ ạt bay vào ném 88 quả bom phá và bom bi mẹ xuống các xóm Mỹ Khánh, Làng Bò, Làng Bún, Mỏ than..., gây nhiều thiệt hại về người và tài sản. Toàn xã có 36 người bị chết, 15 người bị thương, 11 ngôi nhà bị cháy, đổ, 55 con trâu và nhiều gia súc, gia cầm khác bị giết hại. Gia đình ông Đinh Văn Mão có 7 người bị chết, chỉ còn 2 người con gái nhỏ (8 tuổi và 11 tuổi). Gia đình ông Phạm Văn Chân bị máy bay Mỹ ném bom trúng hầm trú ẩn, cả 3 người con đều bị chết. Gia đình ông

Phạm Văn Bẩm có 7 người thì 4 người chết. Gia đình anh Sơn chết cả hai vợ, chồng, chỉ còn 2 con nhỏ không nơi nương tựa ... Tội ác của đế quốc Mỹ gây cho nhân dân xã Phấn Mễ ngày 11/7/1967 là một trong muôn vàn tội ác “Trời không dung, đất không tha” của chúng đối với nhân dân Việt Nam.

Để hạn chế xuống mức thấp nhất những thiệt hại do máy bay Mỹ đánh phá gây ra, Đảng ủy, Ủy ban hành chính và Ban Phòng không nhân dân xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nhân dân và lực lượng dân quân, du kích trong xã khẩn trương tu sửa lại hầm, hào phòng tránh, tiếp tục đào thêm hầm trú ẩn và giao thông hào ở những nơi công cộng (quanh khu vực kho của các hợp tác xã, cửa hàng hợp tác xã mua bán, trường học). Dọc hai bên đoạn Quốc lộ số 3, trên địa bàn xã, cứ cách vài mét xã huy động dân quân và thanh niên đào 1 hố cá nhân sâu 1,2 mét ...

Trước tình hình máy bay Mỹ tăng cường hoạt động đánh phá và thiên tai hạn hán diễn ra trên diện rộng và kéo dài, Đảng bộ xã Phấn Mễ lãnh đạo nhân dân và lực lượng dân quân, du kích vừa làm tốt công tác phòng không nhân dân, phục vụ chiến đấu và chiến đấu, vừa đẩy mạnh việc phòng chống thiên tai, giữ vững và phát triển sản xuất. Các hợp tác xã huy động toàn bộ các đội chuyên trách thủy lợi và bà con xã viên

xây dựng xong công trình thủy lợi hồ chứa nước Bải Chay. Tại Hợp tác xã Phấn Mễ, bình quân mỗi xã viên đã đóng góp 65 công làm thủy lợi (dẫn đầu 127 hợp tác xã trong toàn huyện về phong trào làm thủy lợi). Nhờ có sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng bộ, kết quả công tác thủy lợi trong năm 1967 xã Phấn Mễ “bằng kết quả của cả 4 năm trước cộng lại” ⁽¹⁾. Với thành tích này, xã Phấn Mễ trở thành đơn vị dẫn đầu 24 xã, thị trấn trong huyện ⁽²⁾ và được Hội đồng nhân dân huyện Phú Lương khóa IV nhiệt liệt biểu dương. Tuy nhiên, toàn xã vẫn còn 15% diện tích đất trồng trọt chưa được chủ động nước tưới.

Trên cơ sở đẩy mạnh công tác thủy lợi, đảm bảo đủ nước tưới cho lúa và hoa màu, Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã mạnh dạn đưa các giống lúa mới có năng suất cao (Chiêm trắng, Khê nam lùn, Mộc tuyền) vào đồng ruộng. Phong trào áp dụng các biện pháp khoa học kĩ thuật vào thâm canh tăng năng suất lúa và hoa màu tiếp tục được Đảng ủy và Ủy ban hành chính xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Năm 1967, Phấn Mễ tiếp tục là 1 trong số 3 xã dẫn đầu các xã trong toàn huyện về sử dụng cào cỏ sục bùn cải tiến.

⁽¹⁾ Báo cáo của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương tại kì họp thứ nhất Hội đồng nhân dân huyện khoá IV.

⁽²⁾ Từ tháng 4/1967, huyện Phú Lương tiếp nhận thêm 9 xã và 1 thị trấn của huyện Bạch Thông chuyển về.

Phong trào làm đường giao thông nông thôn tiếp tục được đẩy mạnh và đạt kết quả tốt. Chỉ trong hai năm (1966, 1967), Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân trong xã hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch 3 năm (1966 – 1968), trở thành xã dẫn đầu các xã, thị trấn trong huyện về phong trào làm đường giao thông nông thôn.

Trong công tác lưu thông, phân phối, năm 1967, Hợp tác xã mua bán xã Phấn Mễ đã mua vào được 97.374 đồng, bán ra đạt 97.344 đồng (vượt 8,7% kế hoạch), trở thành 1 trong 9 hợp tác xã mua bán xã hoạt động tốt nhất huyện, góp phần tiết kiệm được nhiều công, sức lao động của nhân dân để sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Công tác quân sự địa phương năm 1967 cũng có bước tiến mới, Phấn Mễ là 1 trong số 9 xã của huyện được Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương đánh giá đạt kết quả khá giỏi, xếp thứ hai sau xã Như Cố.

Bên cạnh những thành tích đạt được, trong năm 1967, kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trên một số mặt công tác có chiều hướng giảm sút:

- *Thứ nhất*, tuy phong trào hợp tác xã được củng cố, nhưng chưa thực sự vững chắc do cơ sở vật chất kỹ thuật của các hợp tác xã còn rất nhiều hạn chế (số hợp tác xã, số đội sản xuất có nhà kho, sân phơi, chuồng trâu kiên cố còn ít); trình độ năng lực quản lý, điều

hành sản xuất của đội ngũ cán bộ các hợp tác xã còn yếu; công tác “3 khoán”, “3 quản” làm không tốt; một số cán bộ hợp tác xã (từ Đội phó, Đội trưởng sản xuất đến Ủy viên Ban Quản trị, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm) còn có biểu hiện tham ô, lạm dụng chức quyền để thu lợi cá nhân. Thu nhập của xã viên các hợp tác xã tăng chậm, kinh tế gia đình xã viên lớn hơn kinh tế hợp tác xã, nên xã viên chưa gắn bó với hợp tác xã.

- *Thứ hai*, mức huy động thực phẩm làm nghĩa vụ đối với Nhà nước đạt thấp, do một số cán bộ xã, hợp tác xã “lạm dụng quyền hạn, lạm sát lợn bừa bãi, mổ thịt trái phép tới trên 80 con lợn” ⁽¹⁾.

- *Thứ ba*, phong trào văn hóa, văn nghệ giảm sút. Từ 1 xã dẫn đầu huyện về phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng trong những năm 1961 - 1965, đến năm 1967, Phấn Mễ đã tụt xuống đứng sau các xã Nông Thịnh, Như Cố, Yên Đồ, Ôn Lương, Túc Tranh, Động Đạt ...

Tất cả các thiếu sót, khuyết điểm trên đã được Đảng uỷ xã nghiêm khắc kiểm điểm và kịp thời đề ra biện pháp khắc phục.

⁽¹⁾ Báo cáo ngày 23/2/1968 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương, trang 9 (tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên).

Đầu năm 1968, quân và dân miền Bắc tiếp tục giành nhiều thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ. Tại miền Nam, quân và dân ta tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân.

Do bị thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam, Bắc nước ta, cùng với chính sách “phi Mỹ hoá” cuộc chiến tranh, rút dần quân viễn chinh Mỹ về nước, thừa nhận sự thất bại hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam, ngày 31/3/1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, đồng thời chấp nhận đàm phán với đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Hội nghị hai bên ở Pari (Thủ đô nước Pháp). Đến đây, cùng với các địa phương khác trên miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, Đảng bộ và nhân dân xã Phấn Mễ đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, máy bay đã ném xuống xã Phấn Mễ 101 quả bom phá, bom hơi, bom bi mẹ, bằng 25,96% số bom chúng ném xuống địa bàn huyện Phú Lương, gây cho nhân dân trong xã nhiều tổn thất nặng nề về người và của. Trong chiến tranh ác liệt, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân và cán

bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, du kích xã vừa xây dựng, củng cố phong trào hợp tác xã, giữ vững và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; vừa trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên địa bàn; tích cực đóng góp sức người, sức của chi viện cho miền Nam đánh Mỹ. Trong chiến đấu, “các tổ trực chiến của lực lượng dân quân, du kích xã Phấn Mễ đã duy trì chặt chẽ chế độ thường trực và sẵn sàng chiến đấu, được Ban chỉ huy Tỉnh đội Bắc Thái biểu dương tại Hội nghị tổng kết phong trào thi đua lập công của lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh.

Trong công tác động viên tuyển quân, từ năm 1965 đến năm 1967, năm nào Đảng bộ xã Phấn Mễ cũng lãnh đạo quân và dân trong xã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trên giao cả về số lượng và chất lượng.

Sau thắng lợi đợt I Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, quân và dân ta tiếp tục mở hai đợt tiến công ở nhiều đô thị trên khắp chiến trường miền Nam. Tuy giành được một số kết quả nhất định, nhưng “quân địch đã chuyển hướng chiến lược, ra sức thực hiện biện pháp quét và giữ, kéo quân về phòng thủ dày đặc các tuyến thành phố, thị xã. Yếu tố bất ngờ của ta không còn nữa. Sức của ta bị hao mòn và giảm sút đi nhiều,

cơ sở chính trị bị lộ và tan rã, căn cứ đứng chân của ta ở các vùng nông thôn bị bỏ ngỏ”⁽¹⁾, ta bị “...tổn thất mất đất, mất dân, thương vong nhiều, ảnh hưởng kéo dài đến những năm sau”⁽²⁾.

Tình hình đó đòi hỏi sự chi viện sức người, sức của của hậu phương lớn miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. “Công tác động viên tuyển quân là công tác trọng tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên”⁽³⁾.

Năm 1968, xã Phấn Mễ cùng với các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị trong toàn huyện Phú Lương được giao nhiệm vụ động viên tuyển quân với số lượng lớn gấp 2,7 lần năm 1965, 2,03 lần năm 1966 và 2,43 lần năm 1967. Lãnh đạo nhiệm vụ động viên tuyển quân trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ xã. Trong những năm từ 1965 đến 1967, trước khí thế kháng chiến chống Mĩ cứu nước sôi nổi, công tác động viên, tuyển quân có nhiều thuận lợi. Nhưng do chiến tranh kéo dài và ngày càng ác liệt, qua nhiều đợt

(1) Hoàng Dũng: *Tết Mậu Thân bước ngoặt quyết định*. Xem *Tạp chí Lịch sử Quân sự* số 1, 1999, trang 15, 16.

(2) *Tổng kết Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, trang 125.

(3) Chỉ thị của Thủ tướng Phạm Văn Đồng tại Hội nghị giao chỉ tiêu động viên tuyển quân năm 1968 cho các tỉnh, thành phố trên miền Bắc do Hội đồng Chính phủ tổ chức đầu năm 1968.

tuyển quân từ năm 1965 đến năm 1967, lực lượng dự bị động viên tuyển quân của xã Phấn Mễ (cùng như các xã, thị trấn khác trong huyện) đã cạn dần. Mặt khác, tiêu chuẩn động viên tuyển quân năm 1968 có những đòi hỏi cao hơn (đối tượng tuyển quân chủ yếu là thanh niên; hạn chế tuyển những người trên 30 tuổi, những người có từ 3 con trở lên và những gia đình có nhiều khó khăn). Trong một bộ phận nhân dân, đặc biệt là trong một bộ phận thanh niên đã xuất hiện tư tưởng ngại gian khổ, hi sinh, không muốn vào bộ đội...

Để khắc phục những khó khăn trên, Đảng ủy họp, quán triệt sâu sắc yêu cầu, nhiệm vụ tuyển quân năm 1968, ra Nghị quyết lãnh đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở xã. Đồng chí Lô Đình Thor (Huyện ủy viên – Bí thư Đảng ủy) và đồng chí Lường Văn Minh (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã kiêm Trưởng ban Nghĩa vụ quân sự xã) trực tiếp xuống các hợp tác xã, các xóm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tuyển quân. Xã Phấn Mễ được Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện đánh giá là một trong ba xã trên địa bàn huyện "...lãnh đạo, chỉ đạo và làm tốt công tác động viên tư tưởng cho gia đình có người nhập ngũ và người trực tiếp nhập ngũ; tổ chức liên hoan, trao tặng phẩm và tiễn đưa người lên đường nhập ngũ chu đáo, giải quyết đầy đủ các thủ tục, giấy tờ (sinh hoạt Đảng, sinh hoạt Đoàn) cho tân binh và cử

cán bộ đưa tân binh lên bàn giao cho Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện. Nhờ đó, những người trúng tuyển, có lệnh nhập ngũ đều an tâm, phấn khởi lên đường đánh giặc; không có người trốn tránh hoặc chống lệnh gọi nhập ngũ”⁽¹⁾. Kết thúc 4 đợt động viên tuyển quân năm 1968, xã Phấn Mễ đã cùng với 23 xã, thị trấn và các cơ quan trong toàn huyện động viên được 938 người vào bộ đội đánh Mĩ, bằng 8,83% số người nhập ngũ trong toàn tỉnh Bắc Thái lúc đó.

Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Lương, từ giữa tháng 4 đến ngày 19/5/1968, Đảng bộ xã Phấn Mễ tập trung lãnh đạo quân và dân trong xã triển khai đợt thí điểm thực hiện cuộc động viên chính trị: “*Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược*” theo tinh thần Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái phát động. Đồng chí Lôi Đình Thơ (Huyện ủy viên – Bí thư Đảng ủy xã Phấn Mễ) được Ban Thường vụ Huyện ủy giao nhiệm vụ trực tiếp phụ trách Tổ cán bộ do Huyện ủy cử xuống chỉ đạo triển khai đợt thí điểm này. Kết quả lãnh đạo triển khai đợt thí điểm thực hiện cuộc động viên chính trị “*Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược*” của Đảng bộ xã Phấn Mễ đã được Huyện ủy Phú Lương đánh giá “... giành thắng lợi bước đầu và

⁽¹⁾ *Báo cáo tổng kết năm 1968* của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương.

sơ bộ rút ra được những kinh nghiệm nhất định. Phong trào của xã đã có chuyển biến với khí thế vươn lên”⁽¹⁾.

Từ những kinh nghiệm lãnh đạo triển khai đợt thí điểm thực hiện cuộc động viên chính trị “*Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược*” của Đảng bộ xã Phấn Mễ (cùng với kinh nghiệm của Đảng bộ các xã Yên Ninh và Nông Thịnh), Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Lương chỉ đạo các đảng bộ, chi bộ cơ sở trong toàn huyện phải nắm thật chắc các yêu cầu và phương châm của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra trong Nghị quyết 175 là:

- Ra sức chi viện miền Nam, bảo vệ vững chắc miền Bắc, quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược.

- Phát huy thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1968 và các năm tiếp theo trong bất kì tình huống nào để bảo vệ hậu phương, chi viện tiền tuyến.

- Quan tâm hơn nữa đời sống quần chúng, tổ chức tốt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nắm vững phương châm của Đảng là động viên sức dân phải kết hợp với bồi dưỡng sức dân.

- Phải tăng cường sức chiến đấu của Đảng, phát huy cao độ tính tích cực và sáng tạo của quần chúng nhân dân.

⁽¹⁾ Báo cáo ngày 24-5-1968 của Huyện ủy Phú Lương.

Phát huy kết quả lãnh đạo triển khai đợt thi điểm thực hiện cuộc vận động chính trị “*Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược*”, từ tháng 6/1968, Đảng bộ xã Phấn Mễ tập trung lãnh đạo cán bộ, đảng viên, đoàn viên và quần chúng nhân dân trong xã thực hiện tốt Chương trình hành động 4 điểm của Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Lương:

- *Một là*, tiếp tục giáo dục, động viên đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình trong Đảng thật sâu sắc nhằm đẩy lùi tư tưởng bảo thủ, hữu khuynh, cá nhân chủ nghĩa, sợ hi sinh gian khổ, thiếu tinh thần trách nhiệm và tự do vô kỷ luật.

- *Hai là*, tập trung cao độ mọi lực lượng để sản xuất.

- *Ba là*, đảm bảo 100% cơ sở hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện dân quân, tự vệ; 100% thanh niên nam, nữ đăng kí tình nguyện “*Ba sẵn sàng*”⁽¹⁾; đảm bảo tốt giao thông thời chiến; giữ gìn tốt trật tự, trị an, chống tư tưởng chủ quan, trung bình chủ nghĩa; củng cố tốt hầm hào phòng không.

- *Bốn là*, phát động và vận động quần chúng nhân dân hoàn thành tốt nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước; tích cực chi viện miền Nam đánh Mĩ.

⁽¹⁾ Ba sẵn sàng: 1- Sẵn sàng chiến đấu, sản xuất; 2- Sẵn sàng nhập ngũ; 3- Sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần.

Căn cứ vào Chương trình hành động 4 điểm của Ban Thường vụ Huyện ủy, từ năm 1969 đến năm 1971, Đảng bộ xã Phấn Mễ lãnh đạo tổ chức tốt việc học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của các cấp bộ Đảng cho cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh sinh hoạt đấu tranh tự phê bình và phê bình. Ban Thường vụ Đảng ủy xã đã đưa một số đảng viên là cán bộ đội sản xuất và hợp tác xã ra tự phê bình trước quần chúng và động viên quần chúng đấu tranh, phê bình cán bộ, đảng viên một cách thẳng thắn. Nhờ đó đã bước đầu khắc phục được tư tưởng bảo thủ, cá nhân chủ nghĩa, trì trệ, sợ gian khổ, hi sinh trong cán bộ, đảng viên và tư tưởng trung bình chủ nghĩa trong quần chúng. Vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ từng bước được phát huy; nội bộ các cấp ủy Đảng, chi bộ trong Đảng bộ đoàn kết, nhất trí hơn.

Sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần (2/9/1969), căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết và hướng dẫn của các cấp bộ Đảng từ Trung ương đến địa phương, Đảng bộ đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong xã thực hiện tốt cuộc vận động học tập và làm theo Di chúc của Người.

Phong trào hợp tác hóa tiếp tục được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Năm 1969, Đảng bộ đã lãnh đạo hợp nhất 3 hợp tác xã nông nghiệp quy mô vừa thành 2 hợp tác xã qui mô lớn hơn (Hợp tác xã Phú Thành và

Hợp tác xã Phấn Vàng), thu hút 98% số hộ nông dân trong xã tham gia ⁽¹⁾. Thông qua cuộc vận động cải tiến và quản lý hợp tác xã, việc quản lý lao động, quản lý sản xuất của các hợp tác xã trong xã có nhiều chuyển biến đi lên. Các phong trào làm đường giao thông nông thôn, làm thủy lợi tiếp tục được đẩy mạnh. Nhiều cánh đồng đều có bờ vùng, bờ thửa vừa có tác dụng giữ nước, vừa có tác dụng làm đường giao thông cho các phương tiện vận tải thô sơ (xe trâu, xe quệt, xe cải tiến) đi lại, góp phần quan trọng vào việc giải phóng đôi vai và tăng năng suất lao động. Năm 1970, Phấn Mễ là xã dẫn đầu các xã trong huyện về công tác thủy lợi và giao thông nông thôn, được lãnh đạo tỉnh Bắc Thái và lãnh đạo huyện Phú Lương cử cán bộ về nghiên cứu, tham quan học tập.

Các phong trào giao thông nông thôn và thủy lợi của xã phát triển đã góp phần không nhỏ vào kết quả thâm canh tăng năng suất lúa và hoa màu. Năng suất lúa bình quân toàn xã từ 520 kg/mẫu/vụ (khoảng 2,9 tấn/ha/năm) trong năm 1967, đến năm 1970 tăng lên 620 kg/mẫu/vụ (khoảng 3,45 tấn/ha/năm).

Phong trào chăn nuôi gia súc, gia cầm trong các hộ gia đình xã viên hợp tác xã tiếp tục được giữ vững và phát triển. Chi bộ Hợp tác xã Phấn Vàng đã lãnh đạo củng cố Trại chăn nuôi lợn tập thể (chủ yếu là chăn

⁽¹⁾ Số liệu đầu tháng 10/1970.

nuôi lợn nái sinh sản, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phân phối lợn con giống cho các hộ gia đình xã viên trong Hợp tác xã).

Công tác động viên tuyển quân chi viện cho chiến trường được thực hiện nghiêm túc, luôn đảm bảo chỉ tiêu và chất lượng. Trong ba năm (1969-1970), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân xã Phấn Mễ đã tiến hành thắng lợi 7 đợt động viên tuyển quân, giao quân đạt 100% các chỉ tiêu trên giao.

Đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ xã Phấn Mễ trong thời gian từ năm 1968 đến năm 1970, Hội nghị Huyện ủy Phú Lương họp ngày 2/10/1970 đã khẳng định: Đảng bộ đã quan tâm lãnh đạo xây dựng và củng cố các tổ chức hợp tác xã và Đoàn Thanh niên. Kết quả lãnh đạo các mặt giao thông, thủy lợi đạt khá; phong trào văn hóa, xã hội có nhiều mặt tốt; đời sống quần chúng nhân dân nói chung được cải thiện. Đảng bộ xã Phấn Mễ là một trong những Đảng bộ xã có số đảng viên đông nhất huyện; đội ngũ đảng viên có nhiều cố gắng, chất lượng tương đối khá; đồng chí Bí thư Đảng ủy xã chịu khó, tích cực lăn lộn với phong trào, mặc dù gia đình gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, Hội nghị Huyện ủy cũng thẳng thắn chỉ rõ các thiếu sót, khuyết điểm của Đảng bộ là:

- Lãnh đạo các hợp tác xã quản lý đất đai (chủ yếu là quản lý đất các soi, bãi) chưa tốt, còn để cho một số

hộ xã viên ở Hợp tác xã Phú Thành làm tự do tới 85 mẫu soi bãi và 10 mẫu ruộng; một số hộ xã viên ở Hợp tác xã Phấn Vàng làm tự do 12 mẫu ruộng và 6 mẫu đất soi, bãi.

- Lãnh đạo nhân dân làm nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước đạt kết quả thấp bởi vì để cho nhân dân và xã viên các hợp tác xã thịt trâu, thịt lợn bừa bãi. Đảng ủy xã còn thiếu kiên quyết trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và xử lý một số cán bộ, đảng viên vi phạm khuyết điểm, vi phạm kỉ luật ⁽¹⁾.

- Kết quả lãnh đạo sản xuất lâm nghiệp của Đảng bộ đạt thấp. Đảng ủy, Ủy ban hành chính xã chưa có kế hoạch khoanh nuôi bảo vệ rừng, chưa giao rừng cho các hợp tác xã quản lý, nên nạn đốt, phá rừng để làm nương, rẫy còn xảy ra nghiêm trọng. Mặt khác, Đảng ủy và Ủy ban hành chính xã chưa có nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác trồng cây, gây rừng.

(1) Các trường hợp: một đồng chí là Bí thư Chi bộ đã cho Ban Quản trị Hợp tác xã tự chia cho cán bộ và xã viên 19 tấn thóc hợp tác xã đã nhập kho cho Nhà nước; một đồng chí là Ủy viên Ủy ban hành chính xã lấy danh nghĩa tập thể mua 1 vạn viên gạch giá 30 đồng về dùng riêng cho gia đình; một đồng chí đảng viên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt Hợp tác xã mua bán nợ tập thể xã 1.700 đồng dẫn đến Hợp tác xã mua bán không có vốn để hoạt động... Ngoài ra, còn một số đảng viên là cán bộ các hợp tác xã, các đội sản xuất mắc các khuyết điểm tham ô, nợ hợp tác xã thóc, tiền dây dưa, kéo dài, hoặc hủ hoá... đều không được xử lý kịp thời.....

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và Ủy ban hành chính xã chưa đáp ứng được yêu cầu, do chất lượng sinh hoạt đấu tranh tự phê bình và phê bình của Đảng ủy xã và chi ủy, chi bộ các hợp tác xã còn hạn chế; nội bộ Đảng ủy xã thống nhất chưa cao. Đảng ủy xã (đứng đầu là đồng chí Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy) lãnh đạo công tác quản lí kinh tế của hợp tác xã không chặt chẽ, còn để hợp tác xã tự phân phối cho các gia đình cán bộ và xã viên (có cả gia đình các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của cấp uỷ và chính quyền xã) 19 tấn thóc mà hợp tác xã đã làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước.

Nhằm phát huy những thành tích và ưu điểm, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để đưa các mặt công tác phát triển đi lên, Đại hội Đảng bộ xã Phấn Mễ được triệu tập vào giữa tháng 10/1970. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội của Đảng bộ trong nhiệm kì mới (1970 – 1971).

Năm 1971, Đảng bộ xã Phấn Mễ tiếp tục tập trung lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang xã, triển khai thực hiện 3 cuộc vận động chính trị lớn: Cuộc vận động Lao động sản xuất; Cuộc vận động Phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên nông thôn; Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên *Lớp Hồ Chí Minh*.

Thực hiện 3 cuộc vận động trên, vụ chiêm năm 1971, với năng suất bình quân 5 tấn thóc/ha, Hợp tác xã Phấn Vàng là đơn vị đạt năng suất cao nhất so với các hợp tác xã trong huyện. Tuy nhiên, đến vụ mùa năm 1971, do lũ lụt và sâu bệnh phá hoại, nên sản xuất nông nghiệp xã Phấn Mễ bị thiệt hại rất nặng nề, đời sống nhân dân trong xã gặp khó khăn. Một số hộ gia đình xã viên xin ra hợp tác xã, thậm chí có một vài Đội sản xuất đã bị tan vỡ, xã viên bỏ sản xuất tập thể, đi phát rừng, đốt nương, làm rẫy... Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp trong xã bị giảm sút nghiêm trọng. Đến cuối quý I năm 1972, số hộ nông dân trong các hợp tác xã chỉ còn trên 70%.

Sự sa sút của phong trào hợp tác hóa ở xã Phấn Mễ trong những năm 1971, 1972 bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân:

- *Một là*, tuy các hợp tác xã đã được xây dựng nhiều năm, nhưng không được củng cố vững chắc; các hợp tác xã chưa có phương hướng sản xuất rõ ràng, chưa có kế hoạch sản xuất ngắn hạn và dài hạn. Ban Quản trị các hợp tác xã giao chỉ tiêu, diện tích, năng suất và sản lượng cho các đội sản xuất còn chung chung.

- *Hai là*, việc phân phối ăn chia trong các hợp tác xã, các đội sản xuất còn tùy tiện. Một số cán bộ, đảng viên (từ Đội phó sản xuất trở lên) thoái hóa, biến chất,

lợi dụng chức quyền để vay mượn ⁽¹⁾, tham ô công điểm, tiền, thóc của hợp tác xã, hoặc giấu giếm diện tích để tham ô tập thể. Một số cán bộ, đảng viên muốn hợp tác xã tan vỡ để xóa nợ, phi tang. Một số khác có nhiều ruộng đất, nhân lực, có kinh nghiệm sản xuất thì muốn hợp tác xã tan vỡ để làm ăn riêng lẻ, kiếm lời. Những cán bộ, đảng viên tốt không đấu tranh nổi với 2 loại cán bộ, đảng viên trên thì sinh ra tiêu cực, sợ thù oán, thoái thác nhiệm vụ... Từ đó, hiệu lực lãnh đạo của Đảng bộ, chi bộ thấp; Đảng ủy và Ủy ban hành chính xã yếu, không đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo phong trào.

Để khắc phục những mặt yếu kém trên đây, các cấp ủy Đảng trong Đảng bộ xã đã cử nhiều cán bộ, đảng viên đi dự các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo cũng như trình độ quản lý kinh tế, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi do huyện và tỉnh mở. Đảng ủy lãnh đạo các hợp tác xã đưa các giống lúa mới có năng suất cao vào gieo, cấy trên diện rộng. Được Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện cử cán bộ xuống trực tiếp chỉ đạo, Đảng bộ xã tập trung lãnh đạo khôi phục, củng cố phong trào hợp tác hoá. Sau một

⁽¹⁾ Riêng đảng viên Chi bộ Hợp tác xã Phú Thành vay mượn, nợ Hợp tác xã 7.065 kg thóc và 5.826 đồng; đảng viên Chi bộ Hợp tác xã Phấn Vàng vay, mượn, nợ Hợp tác xã 6.400 kg thóc và 5.108 đồng.

thời gian ngắn, toàn xã đã khôi phục được 1 đội sản xuất, phong trào hợp tác hoá và sản xuất nông nghiệp của xã từng bước được khôi phục, củng cố.

*

*

*

Đầu năm 1972, bị đòn giáng mạnh bởi cuộc Tiến công chiến lược Xuân – Hè của quân và dân ta ở miền Nam, chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ có nguy cơ phá sản hoàn toàn. Để cứu vãn tình thế thất bại, giới cầm quyền Nichxơn âm mưu “Mỹ hoá” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, đồng thời gây ra cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta. Ngày 6/4/1972, chúng huy động lực lượng không quân và hải quân đánh phá một số địa phương thuộc Khu IV cũ.

Trong tình hình mới, Ban Thường vụ Huyện ủy ra chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ của quân và dân trong huyện là phải “Tăng cường đoàn kết một lòng, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nâng cao tinh thần cảnh giác, kiên quyết chiến đấu tiêu diệt địch, đập tan âm mưu phiêu lưu chiến tranh của đế quốc Mỹ; hăng hái thi đua sản xuất, tiết kiệm, xây dựng huyện Phú Lương trở thành hậu phương vững mạnh đối với tiền tuyến lớn anh hùng”.

Đảng bộ xã Phấn Mễ kịp thời tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã học tập, quán triệt chỉ

thị của Ban Thường vụ Huyện ủy; đồng thời tập trung lãnh đạo công tác quân sự và công tác phòng không nhân dân. Ban chỉ huy Xã đội, Ban chỉ huy các đại đội, trung đội, tiểu đội dân quân được củng cố, kiện toàn đủ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy.

Thực hiện các chỉ thị của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương ⁽¹⁾, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy, Ủy ban hành chính xã, Ban chỉ huy Xã đội Phấn Mễ tổ chức thành lập Phân đội dân quân trực chiến phòng không làm nhiệm vụ phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp bằng súng bộ binh. (Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, xã Phấn Mễ là một trong ba xã của huyện Phú Lương ⁽²⁾, thành lập được Phân đội dân quân trực chiến phòng không và tổ chức được trận địa dân quân, du kích phục kích đón lõng máy bay địch bay thấp). Hệ thống hầm, hào phòng không được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo xây dựng và củng cố. Trong đợt diễn tập bảo vệ các xã khu vực Nam Phú Lương, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong xã hoàn thành tốt các yêu cầu diễn tập phòng không, sơ tán, bảo vệ trật tự, trị an và đảm bảo giao thông vận tải thời chiến.

(1) Từ cuối năm 1971, Ban chỉ huy Huyện đội đổi thành Ban chỉ huy quân sự huyện.

(2) Hai xã, thị trấn khác là Yên Đĩnh và Chợ Mới (theo Báo cáo số 178/BC-TK ngày 27/11/1972 của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương)

Giữa lúc Đảng bộ đang tập trung lãnh đạo quân và dân trong xã triển khai thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện ủy, thì ngày 16/4/1972, đế quốc Mỹ huy động 270 lần chiếc máy bay (có 9 lần chiếc máy bay ném bom chiến lược B.52) vào đánh phá thành phố Hải Phòng và 60 lần chiếc máy bay chiến thuật vào đánh phá Thủ đô Hà Nội, gây nhiều tổn thất nặng nề về người và của.

Hưởng ứng Lời kêu gọi ngày 16/4/1972 của Trung ương Đảng và Chính phủ, thực hiện Nghị quyết ngày 25/4/1972 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện Phú Lương, Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không sơ tán. Các đội cấp cứu phòng không (đào bới sập hầm, cứu thương, tải thương) được khôi phục, củng cố, kiện toàn; hệ thống hầm, hào phòng tránh tiếp tục được tu sửa và làm thêm; nhân dân ở các khu vực gần Mỏ than Phấn Mễ và giáp các cầu, cống trên Quốc lộ số 3 ..., được tổ chức sơ tán xa các mục tiêu có thể bị máy bay địch đánh phá. Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Phấn Mễ trong tư thế sẵn sàng phục vụ chiến đấu và chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

Vào lúc 9 giờ 50 phút ngày 24/5/1972, giặc Mỹ huy động 5 máy bay vào ném 12 quả bom “tinh khôn”

(bom điều khiển bằng tia lade) và bắn 1 loạt đạn rốc két xuống Nhà máy điện Cao Ngạn (cách xã Phấn Mễ hơn 10 km về phía nam), làm 9 người bị thương, vong, 2 lò hơi bị hỏng nặng, kho tạp phẩm trị giá 54.000 đồng bị phá huỷ; Nhà máy điện Cao Ngạn phải ngừng sản xuất, tháo dỡ thiết bị vật tư đưa đi sơ tán.

Trước những tổn thất về người và của ở Nhà máy điện Cao Ngạn trong trận máy bay Mỹ đánh phá ngày 24/5/1972, Đảng bộ xã Phấn Mễ tăng cường lãnh đạo quân và dân trong xã thực hiện Nghị quyết ngày 25/4/1972 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái "...tiến hành gấp việc tổ chức sơ tán, phân tán, dẫn bớt mật độ dân số quá đông ở các khu vực trọng điểm để hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất nếu địch đánh phá; đồng thời vẫn phải bảo đảm sản xuất và phục vụ chiến đấu tốt".

Cuối tháng 6, đầu tháng 7/1972, Đảng ủy lãnh đạo và tổ chức cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ tiến hành tốt đợt học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 17 ngày 15/6/1972 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái. Qua học tập, đa số cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã thấy rõ được nhiệm vụ "Giữ vững và phát triển sản xuất trong thời chiến, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm; động viên sức người, sức của chi viện cao

nhất cho tiền tuyến” do Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái nêu lên.

Ngày 14/9/1972, vào hồi 10 giờ 30 phút, giặc Mĩ cho nhiều tốp máy bay ô ạt vào ném 104 quả bom phá xuống địa bàn xã Phấn Mễ (64 quả xuống Mỏ than Phấn Mễ, 14 quả xuống xóm Mỹ Khánh, 12 quả xuống làng Bò, 12 quả xuống làng Bún, 2 quả xuống làng Giang và kho gạo). Tại khu vực Mỏ than Phấn Mễ, bom Mĩ đã làm 13 người chết, 24 người bị thương, tài sản bị phá hủy trị giá lên tới 761.000 đồng. Tại các xóm Mỹ Khánh, làng Bò, làng Bún, bom Mĩ đã làm 23 người bị chết, 19 người bị thương, 21 ngôi nhà bị cháy hoặc bị đổ và giết hại nhiều gia súc, gia cầm. Tại khu vực kho gạo, máy bay Mĩ ném bom trúng vào Nhà kho A1 (5 gian), chứa 17 tấn thóc, 81 tấn gạo và 23 tấn ngô xay. Ngay sau khi máy bay Mĩ ném bom xuống địa bàn xã, các đồng chí Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, Xã đội trưởng, Trưởng Công an xã... đã nhanh chóng có mặt tại hiện trường, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, du kích khẩn trương đào bới tìm kiếm, sơ cứu và đưa những người bị thương đi cấp cứu; tổ chức chôn cất chu đáo những người bị chết. “Tập thể hợp tác xã và nhân dân xã Phấn Mễ đã giúp đỡ gia đình những người bị nạn lương thực, dụng cụ sinh hoạt (giường, chiếu, quần áo, bát đĩa, xoong, nồi....). Có bà

mẹ còn tự động đi vận động nhân dân giúp đỡ tiền để giúp các gia đình bị nạn. Nhờ đó, sau mỗi trận đánh không lâu, nhân dân các xóm bị máy bay Mĩ đánh phá đã nhanh chóng ổn định đời sống, sinh hoạt, giữ vững và phát triển sản xuất”⁽¹⁾. Tại Kho gạo A1, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích xã Phấn Mễ đã cùng với 30 cán bộ, đội viên Đội xung kích của Ty Lương thực Bắc Thái tập trung giải quyết xong hậu quả ngay trong đêm 14/9/1972.

Tổn thất do máy bay Mĩ đánh phá ngày 14/9/1972 ở xã Phấn Mễ là thực tế kiểm nghiệm kế hoạch phòng không, sơ tán của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và lực lượng vũ trang trong xã. Tổn thất này chứng tỏ công tác phòng không, sơ tán trên địa bàn xã vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cuộc chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mĩ với qui mô, tốc độ và cường độ đánh phá lớn hơn lần trước. Sau tổn thất này, Đảng ủy và Ủy ban hành chính xã đã nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm, kịp thời đề ra các biện pháp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không nhân dân.

Tại Mỏ than Phấn Mễ, từ những tổn thất về người và của trong trận máy bay Mĩ ném bom. Ngày 14/9/1972, Đảng ủy và Ban Giám đốc kịp thời đề ra

⁽¹⁾ Báo cáo ngày 26/10/1972 của Ty Thương binh – Xã hội tỉnh Bắc Thái, tài liệu lưu tại Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

chủ trương lãnh đạo, tổ chức sản xuất gắn với công tác phòng không sơ tán, phù hợp với đặc điểm thời chiến. Nhờ đó, ngày 25/9/1972, dù máy bay Mĩ tiếp tục ném nhiều bom phá xuống khu vực Mỏ than, nhưng tổn thất về người và của được hạn chế xuống mức thấp nhất.

Kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không, sơ tán và tổ chức sản xuất phù hợp với đặc điểm thời chiến của Đảng ủy và Ban Giám đốc Mỏ than Phấn Mễ đã được Đoàn cán bộ Tỉnh ủy Bắc Thái, do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy dẫn đầu, xuống kiểm tra đánh giá cao và phổ biến cho các cơ quan, xí nghiệp trong toàn tỉnh nghiên cứu, vận dụng.

Sau trận ném bom xuống Mỏ than Phấn Mễ ngày 25/9/1972, máy bay giặc Mĩ vẫn thường xuyên hoạt động trên không phận xã Phấn Mễ, đánh phá các khu vực khác thuộc địa phận các huyện Phú Lương, Đồng Hỷ, Đại Từ, Định Hóa và thành phố Thái Nguyên. Do đó, quân và dân xã Phấn Mễ vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong đời sống, công tác và sản xuất.

Vượt lên các khó khăn, căng thẳng do hoạt động của máy bay Mĩ gây ra, Đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân trong xã giữ vững và phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm để đảm bảo đời sống nhân dân và chi viện tiền tuyến. “*Vụ mùa thắng Mĩ*” do Đảng bộ lãnh đạo đã thu được thắng lợi, với năng suất lúa bình quân trong các hợp tác xã đều tăng từ 1,4% đến 20,4%; sản lượng lúa đều tăng từ 1,3% đến 20%.

Thực hiện khẩu hiệu “Ba đủ” (đủ nghĩa vụ tuyển quân, đủ nghĩa vụ lương thực, đủ nghĩa vụ thực phẩm), Đảng bộ lãnh đạo quân và dân trong xã hoàn thành tốt 4 đợt động viên, tuyển quân chi viện chiến trường, góp phần quan trọng cùng với quân và dân các xã, thị trấn khác trong huyện huy động được 511 người lên đường đánh Mỹ, đạt 94,69% chỉ tiêu quân số trên giao.

Do bị thất bại nặng nề trong cuộc tập kích đường không chiến lược 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972 vào Thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và nhiều tỉnh thành phố khác (trong đó có Thái Nguyên), ngày 15/1/1973, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt mọi hoạt động quân sự trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta. Ngày 27/1/1973, đế quốc Mỹ buộc phải kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, không can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam, rút hết quân viễn chinh Mỹ, quân đồng minh và các nhân viên, cố vấn quân sự Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Đây là thắng lợi to lớn của quân và dân cả nước ta, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của Đảng bộ, quân và dân xã Phấn Mễ.

Sau ngày Hiệp định Pari được kí kết, Đảng bộ tập trung lãnh đạo quân và dân trong xã ra sức xây dựng và củng cố hậu phương ngày càng vững mạnh; tích cực

chi viện sức người, sức của cho quân và dân miền Nam chiến đấu “đánh cho ngụy nhào” để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Bước sang năm 1973, xã Phấn Mễ vẫn chưa khắc phục được tình trạng cán bộ và xã viên lấn chiếm ruộng đất của các hợp tác xã. Năng suất lao động của xã viên còn thấp do các hợp tác xã chưa tổ chức được việc phân công lao động mới, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất của các hợp tác xã còn nghèo; một số đội sản xuất sau khi được khôi phục vẫn chưa được củng cố vững chắc. Trước thực trạng trên, với khẩu hiệu hành động “*Xuống đội, lội đồng, vào chuồng, thông kỹ thuật, bắt điện hình*”, các đồng chí trong Đảng ủy đã dành nhiều thời gian xuống các hợp tác xã, các đội sản xuất, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phong trào.

Để tăng năng suất và sản lượng lương thực, Đảng ủy ra nghị quyết qui định cơ cấu giống lúa và đầu tư phân bón cho từng vụ, từng hợp tác xã. Phong trào hợp tác hoá tiếp tục được Đảng bộ tập trung lãnh đạo xây dựng và củng cố. Đầu năm 1974, toàn xã có 2 hợp tác xã nông nghiệp (Phú Thành và Phấn Vàng), 1 hợp tác xã thủ công nghiệp (mảnh cọ) với 831 hộ xã viên (đạt tỉ lệ 95,19% so với tổng số hộ trong toàn xã). Các hợp tác xã nông nghiệp Phú Thành và Phấn Vàng được chia thành 18 đội sản xuất nông nghiệp và 2 đội chăn nuôi

lợn tập thể (đội lớn nhất là 98 hộ, đội có qui mô nhỏ nhất là 24 hộ). Hợp tác xã thủ công nghiệp mạnh cọ có 17 hộ, với 74 nhân khẩu làm nhiệm vụ sản xuất mạnh cọ và dệt chiếu cói. Toàn xã còn 42 hộ sản xuất cá thể, với 256 nhân khẩu (trong đó có 9 hộ tiểu thương). Trong các hợp tác xã nông nghiệp và thủ công nghiệp của xã, có 1.740 lao động (gồm 894 lao động chính và 846 lao động phụ). Về ruộng đất canh tác, trong các hợp tác xã có 436,73 ha ruộng và 36,69 ha đất soi, bãi, nhưng các hợp tác xã chỉ quản lí được 388,7 ha ruộng (đạt 89%) và 5,4 ha đất soi, bãi (bằng 14,7%). Về cơ sở vật chất kĩ thuật, các hợp tác xã đều có nhà kho, sân phơi, chuồng, trại chăn nuôi lợn tập thể, lò gạch, lò vôi, lò sấy thuốc lá... Toàn xã có 14 ao, hồ chứa nước lớn, nhỏ với tổng diện tích trên 30 héc ta, bảo đảm nước tưới cho 70% diện tích cây lúa 2 vụ ăn chắc. Hệ thống đường giao thông nông thôn và phương tiện vận tải thô sơ của xã đã đảm bảo giải phóng đôi vai được trên 50% khối lượng vận chuyển.

Tuy nhiên, trong các hợp tác xã nông nghiệp, cán bộ và xã viên đã lấn chiếm tới 11% diện tích đất ruộng và 85,3% diện tích đất soi, bãi. Tình trạng cán bộ, đảng viên và xã viên nợ hợp tác xã vẫn diễn ra khá phổ biến. Trong đó, nợ Hợp tác xã Phú Thành 46.000 đồng (riêng đảng viên nợ 7.065 kg thóc và 5.826 đồng); nợ Hợp tác xã Phấn Vàng 36.800 đồng (riêng đảng viên nợ 6.400 kg thóc và 3.108 đồng).

Tình trạng cán bộ, đảng viên, xã viên lấn chiếm ruộng đất và nợ nần dây dưa tiền và thóc của hợp tác xã đã gây cho Đảng bộ nhiều khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quản lý lao động, quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm; hạn chế kết quả lãnh đạo của Đảng bộ đối với nhiệm vụ củng cố phong trào hợp tác hoá, lao động sản xuất và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Để khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm nêu trên, Đảng bộ xã Phấn Mễ đẩy mạnh công tác xây dựng củng cố tổ chức cơ sở Đảng và tăng cường giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ. Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy, từ ngày 28/2/1974, Đảng bộ xã Phấn Mễ tập trung lãnh đạo và tổ chức đợt thi điểm triển khai thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Bước vào đợt thi điểm thực hiện Chỉ thị 192, Đảng bộ xã Phấn Mễ có 3 chi bộ, với 160 đảng viên; trong đó Chi bộ Hợp tác xã Phú Thành có 80 đảng viên, Chi bộ Hợp tác xã Phấn Vàng có 76 đảng viên và Chi bộ liên Trường phổ thông Cấp I -Cấp II xã có 4 đảng viên. Toàn Đảng bộ được chia thành 21 tổ Đảng. Trong số 160 đảng viên của Đảng bộ, có 50 đồng chí ở các Đảng bộ khác chuyển đến (31,25%), 22 đồng chí là phụ nữ (13,75%); 5 đồng chí thành phần cổ nông (bằng 3,1%), 91 đồng chí thành phần trung nông (56,88%) và 3 đồng chí thuộc các thành phần giai cấp khác (1,89%);

106 đồng chí dân tộc Kinh (66,25%), 28 đồng chí dân tộc Sán Chí và Sán Diu (17,5%), 10 đồng chí dân tộc Cao Lan (6,25%), 9 đồng chí dân tộc Tày (5,63%), 7 đồng chí dân tộc Nùng (4,37%); 120 đồng chí có trình độ văn hóa Cấp I (75%), 33 đồng chí có trình độ văn hóa Cấp II (20,63%), 7 đồng chí có trình độ văn hóa Cấp III (4,37%); 15 đồng chí tuổi từ 18 đến 30 (9,37%), 22 đồng chí tuổi từ 31 đến 40 (13,75%), 89 đồng chí tuổi từ 41 đến 55 (55,63%), 34 đồng chí tuổi từ 56 trở lên (21,25%); 1 đồng chí vào Đảng trước tháng 8/1945 (0,63%), 53 đồng chí vào Đảng trong thời kì kháng chiến chống Pháp (35,63%), 79 đồng chí vào Đảng trong thời gian từ tháng 7/1954 đến tháng 12/1965 (49,37%), 22 đồng chí vào Đảng từ năm 1966 đến năm 1973 (14,37%). Toàn Đảng bộ xã có 18 đồng chí cấp ủy viên; trong đó, Ban Chấp hành Đảng bộ xã có 7 đồng chí, Ban Chấp hành các chi bộ hợp tác xã và liên Trường cấp I, cấp II xã có 11 đồng chí (100% là nam).

Theo sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy, trực tiếp là sự hướng dẫn của các đồng chí cán bộ Tổ Công tác 192 do Huyện ủy cử xuống, Đảng ủy triệu tập Hội nghị Đảng ủy mở rộng tới các đồng chí Chi ủy viên trong toàn Đảng bộ để nghiên cứu, quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung và bàn biện pháp lãnh đạo thực hiện chỉ thị của Huyện ủy về việc thí điểm thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Toàn bộ 7 đồng chí Đảng ủy viên và 10/11 đồng chí Chi ủy viên trong toàn Đảng bộ đã tham dự Hội nghị.

Sau Hội nghị Đảng uỷ mở rộng, Đảng uỷ tổ chức hai lớp, mỗi lớp 7 ngày học tập, nghiên cứu Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và nghiên cứu, học tập Nghị quyết 195 và Chỉ thị 175 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên *Lớp Hồ Chí Minh*. Toàn Đảng bộ có 142 đồng chí cán bộ và đảng viên tham gia học tập, đạt tỉ lệ 87,75% so với tổng số đảng viên.

Trong quá trình học tập Chỉ thị 192, có 73/142 đồng chí phát biểu ý kiến thảo luận. Đa số ý kiến đã nêu được những nhận thức đúng đắn về mục đích, ý nghĩa và chính sách xử trí của Đảng đối với 3 loại đảng viên không đủ tư cách phải đưa ra khỏi Đảng; đồng thời nghiêm khắc kiểm điểm những khuyết điểm, hạn chế của mình và đề ra phương hướng, biện pháp sửa chữa. “*Kết quả học tập của Đảng bộ nói chung đạt yêu cầu, nhưng chưa cao*”⁽¹⁾, vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế: 5/7 đồng chí Đảng uỷ viên và 6/11 đồng chí Chi uỷ viên các chi bộ đạt kết quả khá⁽²⁾; 69/142 đồng chí tham gia học tập (48,49%) không phát biểu ý kiến. “Đây là những đồng chí nhận thức chậm, giác ngộ chính trị thấp; là những đồng chí có vấn đề phải xem xét theo Chỉ thị 192 và những đồng chí đảng viên nữ e dè, không dám phát biểu”⁽³⁾. Một số đồng chí liên hệ kiểm

(1), (2), (3) Báo cáo số 3/BC ngày 20/10/1974 của Đảng uỷ xã Phấn Mễ, trang 5, 6.

điểm cá nhân còn chung chung. Trong Đảng bộ còn có 10 đồng chí không học tập, không liên hệ kiểm điểm theo tinh thần Chỉ thị 192. Một số cán bộ, đảng viên nhận thức chưa đầy đủ, thậm chí có một số ít đồng chí còn nhận thức sai về mục đích, yêu cầu, nội dung Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Do vậy, sau bước học tập, liên hệ kiểm điểm cá nhân, một số ít đồng chí có sai lầm, khuyết điểm đã không tích cực sửa chữa, mà vội vàng viết đơn xin ra khỏi Đảng...

Sau đợt học tập trong Đảng bộ, Đảng ủy và Tổ Công tác 192 của Huyện ủy quyết định chọn Đội sản xuất làng Giang thuộc Hợp tác xã Phú Thành và Đội sản xuất số 8, thuộc Hợp tác xã Phấn Vàng làm điểm chỉ đạo tổ chức học tập Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương. Trên cơ sở đó, Đảng bộ lãnh đạo và tổ chức cho quần chúng nhân dân trong xã học tập và đóng góp ý kiến cho cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ theo các yêu cầu, nội dung Chỉ thị 192 của Ban Bí thư. Trong số 1.619 quần chúng (bằng 71,1% tổng số quần chúng nhân dân trong xã) tham gia học tập Chỉ thị 192, có 476 người (bằng 29,4% số người học tập) phát biểu đóng góp ý kiến và phát hiện sai lầm, khuyết điểm của 46 cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Ngoài ra, Đảng ủy và Tổ Công tác 192 của Huyện ủy còn nhận được 27 đơn, thư của quần chúng tố giác các sai phạm của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ.

Do được Đảng bộ lãnh đạo, tổ chức tốt việc học tập Chỉ thị 192 và tham gia xây dựng Đảng, nên quần

chúng nhân dân trong xã đóng góp ý kiến xây dựng Đảng rất đúng mức, không đả kích đối với các cán bộ và đảng viên có sai lầm, khuyết điểm.

Kết thúc bước 1 đợt học tập, căn cứ vào nội dung liên hệ, kiểm điểm của từng cá nhân cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ cũng như ý kiến đóng góp của quần chúng nhân dân trong xã, Đảng ủy cùng với Tổ Công tác 192 của Huyện ủy sơ bộ đánh giá, phân loại đội ngũ đảng viên. Kết quả phân loại theo 7 yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên, toàn Đảng bộ có 62 đồng chí (bằng 38,75% tổng số đảng viên) phấn đấu tốt; 68 đồng chí (42,5%) phấn đấu chưa tốt; 30 đồng chí (18,75%) còn yếu kém; 55 đồng chí thuộc diện phải xem xét; trong đó có 7 đồng chí loại A (phạm vào các tiêu chuẩn chính trị do Trung ương qui định), 29 đồng chí loại B (thoái hóa, biến chất, tham ô, hủ hóa, đi ngược lại các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước), 19 đồng chí loại C (giác ngộ chính trị thấp, không có tác dụng đối với quần chúng).

Căn cứ vào kết quả phân loại sơ bộ của Đảng ủy và Tổ công tác 192 của Huyện ủy, từ ngày 10/5/1974, Đảng bộ chuyển sang bước II thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Đảng ủy yêu cầu các đồng chí thuộc các loại A, B, C làm kiểm điểm, báo cáo trước Chi bộ, đồng thời phân công cấp ủy cùng với Tổ Công tác 192 của Huyện ủy nghiên cứu, xác minh, kết luận từng đồng chí trong các loại A, B, C.

Một số đồng chí có sai lầm, khuyết điểm, được cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân góp ý, đã thành khẩn tiếp thu và hứa quyết tâm sửa chữa. Song, “cũng có đồng chí có sai lầm, thiếu sót nhưng không thành khẩn kiểm điểm, đổ lỗi cho khách quan; có đồng chí Đảng ủy và Tổ Công tác 192 của Huyện ủy mời đến kiểm điểm 2, 3 lần nhưng đều không nhận; có đồng chí lúc đầu thì nhận các sai lầm, khuyết điểm, nhưng sau đó lại không nhận...”⁽¹⁾.

Qua đợt học tập Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương, toàn Đảng bộ có 22 đồng chí (bằng 13,75% tổng số đảng viên trong Đảng bộ) phải đưa ra khỏi Đảng; trong đó có 15 đồng chí bị khai trừ khỏi Đảng (gồm 4 đồng chí phạm vào các tiêu chuẩn chính trị do Trung ương qui định; 11 đồng chí thoái hóa, biến chất, tham ô, hủ hóa, đi ngược lại đường lối chính sách của Đảng...), 7 đồng chí cho tự nguyện xin ra khỏi Đảng (do vi phạm phẩm chất đạo đức hoặc giác ngộ chính trị thấp).

Ngoài 22 đồng chí không đủ tư cách đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng, trong Đảng bộ xã còn 4 đồng chí bị thi hành kỉ luật lưu Đảng, 4 đồng chí bị cảnh cáo và 1 đồng chí bị khiển trách. Kết thúc đợt thi điểm thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng bộ xã Phấn Mễ đã có 31 đảng viên (chiếm 19,38% so với tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ) bị xử lí kỉ luật

⁽¹⁾ Báo cáo số 03/BC của Đảng ủy xã Phấn Mễ, trang 7,8.

từ hình thức khiển trách đến hình thức khai trừ ra khỏi Đảng; trong đó, Chi bộ Hợp tác xã Phú Thành có 16 đồng chí (20% so với số đảng viên trong Chi bộ), Chi bộ Hợp tác xã Phấn Vàng có 15 đồng chí (19,74% so với số đảng viên trong Chi bộ). Trong số 31 đồng chí bị xử lý kỷ luật, có 3 đồng chí là Cấp ủy viên, 7 đồng chí là Tổ trưởng, Phó Tổ trưởng Đảng; 12 đồng chí kết nạp trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954), 12 đồng chí kết nạp trong những năm sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc (1954-1964) và 7 đồng chí kết nạp trong thời gian từ năm 1965 đến năm 1971.

Đa số các đồng chí bị xử lý kỷ luật đã thấy được sai lầm, khuyết điểm của mình và tự nhận hình thức kỷ luật trước Đảng; có đồng chí không đủ tư cách đảng viên, phải ra khỏi Đảng còn hứa sẽ là một quần chúng tốt, trung thành với Đảng. Tuy nhiên, trong số đảng viên bị xử lý kỷ luật cũng có những đảng viên thiếu thật thà, không nhận ra sai lầm, khuyết điểm của mình, có biểu hiện coi thường cấp ủy, chi bộ; những đảng viên lâu năm, những đảng viên có cương vị lãnh đạo, có cống hiến ít nhiều, khi bị xử lý kỷ luật có biểu hiện nuôi tiếc, thiếu phấn khởi.

Thông qua đợt thí điểm thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, chất lượng của đội ngũ đảng viên, cũng như chất lượng lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ đã được nâng lên một

bước rõ rệt. Phong trào hợp tác xã tiếp tục được củng cố vững chắc hơn. Trong vụ sản xuất Đông - Xuân 1973-1974, Đảng bộ lãnh đạo các hợp tác xã cấy đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch về diện tích; tổ chức bón phân, làm cỏ kịp thời vụ, thu hoạch nhanh gọn hơn so với cùng kì các năm trước từ 15 đến 20 ngày. Sản lượng thóc vụ Đông - Xuân 1973-1974 tăng hơn so với vụ Đông Xuân 1972-1973, trong đó Hợp tác xã Phấn Vàng tăng 59 tấn. Thu hoạch vụ chiêm đến đâu, Đảng bộ lãnh đạo các hợp tác xã triển khai làm vụ mùa đến đấy. Đến ngày 28/7/1974, các hợp tác xã đã cấy xong 95% kế hoạch diện tích; trong đó Đội 1 và Đội 3 Hợp tác xã Phấn Vàng, Đội 6 Hợp tác xã Phú Thành đã cấy xong 100% chỉ tiêu diện tích được giao. Năm 1974, các hợp tác xã hoàn thành việc gieo, cấy lúa vụ mùa nhanh hơn các năm trước từ 15 ngày đến 20 ngày.

Ngoài cây lương thực và hoa màu, các hợp tác xã nông nghiệp còn trồng một số cây công nghiệp. Trong năm 1974, toàn xã trồng được 27 ha cây thuốc lá (Hợp tác xã Phú Thành trồng 15 ha, Hợp tác xã Phấn Vàng trồng 12 ha); làm cỏ và chăm bón được 42 ha cây chè, chưa kể 12 ha chè do Hợp tác xã Phấn Vàng trồng thêm. Việc trồng rừng cũng được chú ý. Trong năm 1974, Xã Đoàn Thanh niên huy động đoàn viên tham gia 195 công vừa hoàn thành việc trồng cỏ hai bên bờ hồ làng Hin, vừa phát được 3 ha để trồng “Rừng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”.

Chăn nuôi lợn tập thể có bước phát triển hơn trước. Đến ngày 20/10/1974, Trại lợn Hợp tác xã Phú Thành đã có 77 con lợn bột (tăng 70 con so với cùng kì năm 1973); Trại lợn Hợp tác xã Phấn Vàng có 128 con (30 con lợn nái sinh sản, 3 con lợn đực giống, 45 con lợn bột và 50 con lợn sữa). Tình trạng “Chăn nuôi, chăm sóc không tốt, đẻ lợn ghẻ, lở, ốm, đói, chết gần hết” trong những năm trước hoàn toàn được khắc phục.

Kết quả lãnh đạo thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nghĩa vụ đối với Nhà nước có nhiều tiến bộ vượt bậc so với những năm trước. Đến cuối tháng 10/1974, Đảng bộ đã lãnh đạo các hợp tác xã nhập kho cho Nhà nước được 221,21 tấn thóc, vượt chỉ tiêu trên giao 0,55%. Cán bộ và nhân dân trong xã đã bán cho Nhà nước 9.772 kg thịt lợn hơi, vượt chỉ tiêu trên giao 8,58%. Trong xã, có 50 gia đình đảng viên hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước. Việc thanh toán nợ nần với hợp tác xã cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Đến ngày 20/10/1974, các đảng viên nợ tiền, nợ thóc của Hợp tác xã Phú Thành đã trả cho Hợp tác xã được 2.821,89 đồng (bằng 48,49% số tiền nợ) và 3.975 kg thóc (bằng 56,26 % số thóc nợ); các đảng viên nợ tiền, nợ thóc Hợp tác xã Phấn Vàng đã trả cho Hợp tác xã được 1.827 đồng (bằng 58,78% số tiền nợ) và 3.610 kg thóc (bằng 56,4% số thóc nợ). Các hợp tác xã đã thu hồi được 9 ha ruộng và 32,73 ha

dắt soi, bãi bỏ cán bộ, đảng viên và xã viên các hợp tác xã lần chiếm.

Công tác động viên tuyển quân được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng. Qua hai đợt tuyển quân năm 1974, Đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân trong xã động viên được 33 người con ưu tú lên đường đánh Mĩ, vượt 10% chỉ tiêu quân số trên giao (trong đó, đợt I vượt 13,3%, đợt II vượt 0,67%). “Nhìn chung công tác tuyển quân làm được tốt, động viên được khí thế thanh niên đi ra tiền tuyến bảo vệ Tổ quốc” ⁽¹⁾.

Lực lượng dân quân xã được củng cố. Ban chỉ huy Xã đội được kiện toàn đủ cán bộ. Đảng uỷ cử đồng chí Dương Văn Canh (Đảng uỷ viên) sang trực tiếp làm Xã đội trưởng phụ trách dân quân. Trong lực lượng dân quân xã có 1 Trung đội dân quân cơ động chiến đấu của huyện. Trung đội này thường xuyên được kiện toàn đủ cán bộ, chiến sĩ, vũ khí, trang bị và huấn luyện tốt. Đến ngày 20/10/1974, toàn xã đã có 222 cán bộ, chiến sĩ dân quân hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự năm 1974, với kết quả 100% đạt yêu cầu trở lên, có 77% đạt khá, giỏi.

Bên cạnh những thành tích đạt được, trong năm 1974, Đảng bộ cũng còn một số thiếu sót, khuyết điểm, chủ yếu là không hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu

⁽¹⁾ Báo cáo của Đảng uỷ xã Phấn Mễ, ngày 20/10/1974.

phát triển đảng viên mới. Cả năm 1974, Đảng bộ chỉ cử được 6 người đi học lớp đối tượng kết nạp Đảng, nhưng trong đó có trường hợp không đúng đối tượng (không phải là đoàn viên Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh). Thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, trong khi đưa 22 người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, Đảng bộ lại không bồi dưỡng, kết nạp được thêm một quần chúng ưu tú nào vào Đảng. Thiếu sót, khuyết điểm này đã hạn chế nhiều đến kết quả lãnh đạo của Đảng bộ.

Trên cơ sở đó, tại Hội nghị tổng kết thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng bộ xã Phấn Mễ đã đề ra 5 nhiệm vụ trong công tác xây dựng và củng cố Đảng:

- *Một là*, phát huy các thành tích đã đạt được, tiếp tục thực hiện thật tốt Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- *Hai là*, các chi bộ, tổ đảng phải đưa việc sinh hoạt vào nền nếp, đảm bảo đúng nguyên tắc tập trung, dân chủ, đoàn kết giúp đỡ nhau sửa chữa sai lầm, khuyết điểm để cùng tiến bộ.

- *Ba là*, Ban Tuyên giáo và Ban Kiểm tra Đảng uỷ phải thường xuyên có chương trình giáo dục đảng viên, theo dõi đảng viên sửa chữa khuyết điểm, nhất là các đảng viên bị thi hành kỉ luật và ngăn ngừa các đảng viên khác vi phạm sai lầm, khuyết điểm.

- *Bốn là*, đưa công tác phát triển Đảng vào nền nếp.
- *Năm là*, các cấp uỷ, chi bộ trong toàn Đảng bộ phải lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị và chăm lo đời sống nhân dân.

Bước sang năm 1975, hơn bất cứ thời kì nào trước đó, cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta phát triển mạnh mẽ cả về thế và lực. Vấn đề chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam lúc đó trở thành nhiệm vụ số một và là tình cảm thiêng liêng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân miền Bắc.

Nhận thức được điều đó, thực hiện khẩu hiệu “*Tất cả để đánh thắng hoàn toàn giặc Mĩ xâm lược*”, “*Miền Nam gọi, miền Bắc trả lời*”, bốn tháng đầu năm 1975, Đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân trong xã hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu 3 đợt tuyển quân liên tiếp, góp phần cùng với quân và dân toàn huyện động viên được 467 con, em ưu tú lên đường đánh Mĩ.

Cùng với thành tích lãnh đạo 3 đợt động viên tuyển quân, trong bốn tháng đầu năm 1975, Đảng bộ xã đã lãnh đạo nhân dân địa phương đóng góp chi viện chiến trường 10 tấn thóc và 64 con lợn. Thành tích huy động sức người, sức của chi viện cho chiến trường của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Phấn Mễ đã góp phần vào Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Tiêu biểu cho đóng góp của Đảng bộ, và nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ là chiến công của đồng chí Trần Xuân Thiện trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Đồng chí Trần Xuân Thiện sinh tháng 3/1954, tại xã Động Đạt và lớn lên tại xã Phấn Mễ. Theo tiếng gọi chống Mĩ cứu nước thiêng liêng của Tổ quốc, ngày 18/9/1972, đồng chí Trần Xuân Thiện tạm biệt quê hương, gia đình lên đường ra tiền tuyến (lúc đó, đồng chí đang là công nhân Xưởng Cơ giới thuộc Công ti gang thép Thái Nguyên). Sau 3 tháng huấn luyện tân binh trên miền Bắc, từ tháng 1/1973 đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (2/5/1975), đồng chí Trần Xuân Thiện chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên và trưởng thành từ chiến sĩ lên cán bộ trung đội. Với tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí, đồng chí đã diệt và bắt sống 85 tên địch (có 5 tên sĩ quan), bắn cháy 2 xe bọc thép, thu 2 xe tăng, 40 súng, 3 máy thông tin. Không chỉ dũng cảm, mưu trí, kiên cường trong chiến đấu và chỉ huy chiến đấu, đồng chí còn có tác phong tỉ mỉ, kỉ luật nghiêm, đoàn kết tốt, được anh em, đồng đội tin yêu, mến phục. Ngày 6/11/1978, đồng chí Trần Xuân Thiện được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu cao quý *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*.

Trải qua gần 21 năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước (8/1954 – 4/1975), Chi bộ (từ cuối năm 1962 là

196

Đảng bộ) xã Phấn Mễ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trong xã thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ sửa sai trong thời kì giảm tô, khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá; vừa sản xuất, vừa chiến đấu, góp phần đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ; đóng góp sức người, sức của chi viện chiến trường.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong xã động viên được 290 con, em ưu tú (đạt tỉ lệ gần 17% so với tổng số dân trong độ tuổi lao động của toàn xã) lên đường đánh Mỹ. Phấn Mễ là xã dẫn đầu 24 xã, thị trấn trong huyện đồng thời cũng là 1 trong 3 xã dẫn đầu 281 xã, thị trấn của toàn tỉnh Bắc Thái về tỉ lệ số người nhập ngũ so với tổng số dân trong độ tuổi lao động ⁽¹⁾. Ngoài ra, còn hàng chục con em gia nhập lực lượng thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước.

Con em nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ lên đường đánh Mỹ đã có mặt chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở khắp các chiến trường ba nước Đồng Dương. Trong số 290 con em nhân dân các tộc xã Phấn Mễ lên đường đánh Mỹ, có 90 người vĩnh viễn nằm lại ở các chiến trường, được công nhận là liệt sĩ và 54 người đã

⁽¹⁾ Dẫn theo: *Bắc Thái: Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975*

đã để lại một phần xương, máu ở ngoài mặt trận, được công nhận là thương binh.

Trong 10 năm trực tiếp kháng chiến chống Mĩ cứu nước, bình quân mỗi năm Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trong xã hoàn thành 95% nghĩa vụ lương thực, thực phẩm trên giao ⁽¹⁾, trở thành một trong những xã dẫn đầu các xã, thị trấn trong huyện về thành tích làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Từ thực tiễn gần 21 năm lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong xã thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ sửa sai giảm tô, khôi phục, cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá; chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ và động viên sức người, sức của chi viện chiến trường, Đảng bộ xã Phấn Mễ đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý trong công tác xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên để lãnh đạo nhân dân trong xã thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị trên giao trong từng thời kì. Những kinh nghiệm quý đó đã tiếp tục được Đảng bộ vận dụng thành công trong công tác lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

⁽¹⁾ Báo cáo số 3/BC ngày 20/10/1974 của Đảng uỷ xã Phấn Mễ, trang 4.

Chương IV

ĐẢNG BỘ XÃ PHẤN MỄ TRONG THỜI KÌ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 – 2005)

I- Lãnh đạo thực hiện các kế hoạch Nhà nước (1975 – 1985)

Sau thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam (2/5/1975), đất nước ta đã được độc lập, thống nhất và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, hậu quả chiến tranh để lại còn rất nặng nề trên cả hai miền, nhất là ở miền Nam. Nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – văn hoá trở thành một yêu cầu cấp bách trước mắt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân.

Trong hoàn cảnh mới, miền Bắc vẫn là căn cứ địa của cách mạng cả nước, tiếp tục chi viện sức người, sức của cho miền Nam trong công tác tiếp quản và khắc phục hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới.

Là tỉnh kết nghĩa với hai tỉnh Kon Tum và Khánh Hoà, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Thái có

nghĩa vụ giúp hai tỉnh bạn khôi phục kinh tế sau khi chiến tranh kết thúc. Từ tháng 5 đến tháng 9/1975, Tỉnh uỷ Bắc Thái phát động đợt thi đua ngăn ngày với chủ đề: *Mừng đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng*. Hưởng ứng đợt thi đua, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ cùng các xã khác trong huyện đã gửi tặng đồng bào hai tỉnh kết nghĩa (Kon Tum và Khánh Hoà) 82 con trâu, cho Nhà nước vay gửi vào miền Nam hàng chục tấn thóc, hàng chục ngàn đồng.

Trong niềm vui đất nước được thống nhất, cùng với toàn huyện Phú Lương, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ hân hoan đón chào Đại hội đại biểu lần thứ XII Đảng bộ huyện Phú Lương được tổ chức từ ngày 3 đến ngày 7/5/1975. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu và những mặt hạn chế trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ trước, Đại hội đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương trong hai năm (1975 – 1976). Đối với nhiệm vụ củng cố hợp tác xã, Đại hội nêu rõ: “Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết 19, Nghị quyết 20, Nghị quyết 22 của Trung ương, Chỉ thị 208 của Ban Bí thư, thông qua học tập, vận động thực hiện Điều lệ chi tiết hợp tác xã cho phù hợp với phân vùng cụ thể, từ đó nêu rõ những biện pháp quản lý, chủ trương cải tiến kĩ thuật, tổng kết cho được những kinh nghiệm làm ăn

tiên tiến của các đơn vị điển hình trong huyện, phổ biến học tập kinh nghiệm... nhằm ra sức bồi dưỡng giáo dục cho cán bộ, đảng viên, xã viên nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, trình độ quản lí kinh tế hợp tác xã, trình độ khoa học kĩ thuật... đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của quần chúng xã viên... Tổ chức lại sản xuất cho phù hợp với yêu cầu, phấn đấu tăng các hợp tác xã tiên tiến lên 30%, hợp tác xã khá 70%, xoá hợp tác xã kém nát...; đưa 95% hộ nông dân toàn huyện vào hợp tác xã”⁽¹⁾. Đối với công tác xây dựng Đảng, Đại hội nhấn mạnh cần tiếp tục quán triệt Nghị quyết 23, Chỉ thị 225 của Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên, chi bộ đảng; phấn đấu đến năm 1976, toàn Đảng bộ có 100% chi bộ đạt tiêu chuẩn phấn đấu tốt, trong đó có 60% xuất sắc.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, Nghị quyết số 55 (ngày 8/5/1976) về phương hướng sản xuất và Đề án của Huyện uỷ (ngày 27/8/1976) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn huyện, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ ra sức thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị.

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XII.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, trong hai năm 1975 – 1976, xã Phấn Mễ gặp nhiều khó khăn do thời tiết thất thường. Liên tiếp trong hai vụ đông – xuân 1974 – 1975 và 1975 – 1976, rét đậm kéo dài và nhiều đợt sương muối xảy ra làm chết mạ chiêm xuân trên diện rộng. Đến vụ mùa năm 1976, hạn hán lại xảy ra nghiêm trọng... ảnh hưởng xấu đến sản xuất.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền, nhân dân trong xã đã nỗ lực vượt qua khó khăn về thời tiết, đảm bảo diện tích gieo trồng trên 90% so với kế hoạch. Năng suất, sản lượng lương thực đều đảm bảo chỉ tiêu. Vì vậy, vụ xuân năm 1975, cả 2 hợp tác xã của xã đều hoàn thành vượt mức nghĩa vụ lương thực, được Ủy ban hành chính tỉnh tặng Bằng khen. Đến tháng 8/1975, Phấn Mễ là một trong hai xã của huyện Phú Lương hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm cả năm 1975.

Các hoạt động văn hoá, xã hội của xã cũng đạt kết quả tốt. Trong năm 1975, Phấn Mễ là một trong số 10 xã của huyện Phú Lương có phong trào xây dựng cơ sở vật chất các trường phổ thông cấp I và cấp II. Trạm xá xã Phấn Mễ tiếp tục là đơn vị dẫn đầu trong số 20 trạm xá của toàn huyện.

Năm 1976, năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hai hợp tác xã được hợp nhất thành một hợp tác xã

quy mô toàn xã. Hợp tác xã Phấn Mễ là một trong hai hợp tác xã được Huyện uỷ chọn làm điểm chỉ đạo việc tổ chức, sắp xếp lại sản xuất theo tinh thần Chỉ thị 208 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ. Trong hợp tác xã, các đội chuyên khâu (chuyên làm đất, chuyên làm phân, chuyên làm giống, chuyên làm thuỷ lợi...) được thành lập. Các đội chuyên ngành, nghề (chuyên làm chè, chuyên chăn nuôi, chuyên nuôi cá, chuyên sửa chữa, chuyên xay xát, chuyên làm gạch, chuyên thợ nề - thợ mộc) được ổn định về tổ chức. Ngoài ra, hợp tác xã còn thành lập một tổ chuyên về khoa học kĩ thuật cho các loại cây trồng. Các tổ, đội sản xuất dần dần đi vào hoạt động có nền nếp. Với kết quả đó, Phấn Mễ là xã dẫn đầu huyện về hoàn thành căn bản việc quy hoạch tổng thể các đội sản xuất, tổ lao động chuyên ngành. Trước khi tổ chức sắp xếp lại sản xuất theo tinh thần Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ, Đảng uỷ trực tiếp lãnh đạo xây dựng phương hướng sản xuất của xã trong 5 năm (từ năm 1976 đến năm 1980) và đề ra nhiệm vụ hai năm trước mắt (1977 - 1978), xác định được cây, con cơ bản, mở rộng diện tích trồng cây lương thực, cây công nghiệp và nghề rừng.

Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất được đẩy mạnh hơn trước. Các đội chuyên nêu cao tinh thần trách nhiệm, đảm bảo cày sâu bừa kĩ, cấy

đúng kĩ thuật, mật độ từ 36 đến 45 khóm/m². Các giống lúa mới có năng suất cao được thay thế dần các loại giống cũ. Phong trào làm bèo hoa dâu đạt kết quả tốt. Đến năm 1976, Hợp tác xã Phấn Mễ ương được 2 mẫu bèo giống, đứng thứ ba trong tổng số 13/67 hợp tác xã có phong trào làm bèo hoa dâu khá của huyện Phú Lương. Nhờ biết áp dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật, Hợp tác xã Phấn Mễ là một trong ba hợp tác xã ⁽¹⁾ đạt năng suất cao nhất huyện Phú Lương.

Xã Phấn Mễ cũng là một trong 6 xã của huyện có phong trào nuôi cá tập thể, là một trong 4 hợp tác xã trên địa bàn huyện ương cá giống đạt kết quả tốt. Hằng năm, trại cá của xã đã góp phần cung cấp một số lượng khá lớn cá giống các loại cho toàn huyện.

Do sản xuất phát triển nên đời sống của nhân dân trong xã có mặt được cải thiện so với trước, diện thiếu đói lúc giáp hạt đã giảm xuống rõ rệt. Cũng nhờ đó, nhân dân các dân tộc trong xã tích cực tham gia đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước. Năm 1976, xã Phấn Mễ là đơn vị dẫn đầu huyện về việc hoàn thành nghĩa vụ lương thực vụ Hạ.

Công tác văn hoá, giáo dục được các cấp uỷ Đảng và chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Đảng uỷ và

(1) Gồm các hợp tác xã: Phấn Mễ, Xuân Thái (Ôn Lương) và Hồng Lê (Động Đạt).

Ủy ban hành chính xã đã mời một số thầy cúng trên địa bàn lên giáo dục, góp phần đẩy lùi tình trạng mê tín dị đoan. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao được phát động, thu hút thanh, thiếu niên tham gia. Bằng những cố gắng và thành tích đạt được trong năm 1976, Phấn Mễ được Ủy ban nhân dân⁽¹⁾ huyện Phú Lương đánh giá *“là xã thực hiện phong trào nếp sống mới tốt nhất và toàn diện nhất”*⁽²⁾.

Những ưu điểm và thành tích trong các năm 1975, 1976 tiếp tục được Đảng bộ và nhân dân Phấn Mễ phát huy cao hơn trong các năm sau. Mọi mặt công tác vẫn tiến triển thuận lợi. Giữa lúc đó, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Phấn Mễ nhiệm kỳ 1977 – 1979 được tổ chức (ngày 29/4/1977). Đại hội kiểm điểm công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ trước, đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội trong nhiệm kỳ 1977 – 1979; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 5 đồng chí. Các đồng chí Lâm Đình Phòng và Phạm Văn Căn được bầu làm Bí thư và Phó Bí thư Đảng uỷ.

Thực hiện Nghị quyết ngày 8/5/1977 của Huyện uỷ về việc phát động chiến dịch sản xuất vụ mùa, thu

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết ngày 2/7/1976 của Quốc hội (khoá VI), Ủy ban hành chính các cấp đổi thành Ủy ban nhân dân.

⁽²⁾ Theo Báo cáo số 208 ngày 22/12/1976 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương.

mua lương thực, thực phẩm năm 1977, Đảng uỷ xã Phấn Mễ quyết định thành lập Ban lãnh đạo và chỉ đạo chiến dịch xã, do đồng chí Phạm Văn Căn - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã - làm Trưởng ban; Chủ nhiệm các hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã mua bán xã làm Phó Trưởng ban; các đồng chí Xã đội trưởng, Bí thư Đoàn Thanh niên xã, Hội trưởng Hội Phụ nữ xã là uỷ viên.

Quán triệt chủ trương của Huyện uỷ: “*Nước là biện pháp hàng đầu, triệt để đảm bảo cấy hết diện tích và đạt năng suất cao*”, mở đầu chiến dịch, Đảng uỷ xã lãnh đạo tổ chức 20 ngày xung kích làm thuỷ lợi. Trên cơ sở đó, toàn xã gieo thẳng được 28,8 ha lúa mùa, đứng thứ hai trong toàn huyện (sau xã Bình Văn). Ngoài ra, Đảng bộ còn lãnh đạo huy động được 7.000 ngày công tham gia thi công hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc.

Để đảm bảo vụ mùa thắng lợi, đạt năng suất cao, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân trong xã chuẩn bị được 3.572 tấn phân bón (trong đó có 3.180 tấn phân chuồng, 392 tấn phân xanh). Với số lượng này, bình quân mỗi ha lúa được bón 7,7 tấn phân các loại (bình quân chung toàn huyện là 5,08 tấn), dẫn đầu các xã trong toàn huyện. Ban lãnh đạo, chỉ đạo chiến dịch (trực tiếp là đồng chí Chủ nhiệm hợp tác xã mua bán xã, Phó Trưởng ban) còn liên hệ với Trạm Vật tư nông

nghiệp huyện chuyển trồng phân hoá học, thuốc trừ sâu xuống các hợp tác xã, kịp thời đáp ứng yêu cầu bón lót, bón thúc lúa vụ mùa.

Trong chiến dịch sản xuất vụ mùa, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, lực lượng lao động được huy động đến mức tối đa và phát huy hết công suất. Do vậy, bình quân mỗi ngày toàn Hợp tác xã cấy được trên 10 ha lúa. Bên cạnh đó, xã còn huy động mỗi ngày từ 350 đến 400 lao động tham gia công trường trồng chè của 3 xã (Cổ Lũng, Động Đạt và Phấn Mễ).

Thực hiện chiến dịch thu mua lương thực, thực phẩm năm 1977, đến ngày 28/11, xã Phấn Mễ đã huy động nhập kho lương thực được 174.709 kg thóc (nhiều hơn 1.709 kg so với chỉ tiêu) và bán thóc giá cao được 2.018 kg, vượt chỉ tiêu huyện giao. Với kết quả đó, xã Phấn Mễ là đơn vị dẫn đầu huyện không chỉ về thời gian thu nộp, mà cả về số lượng huy động lương thực. Ngoài 841 kg thịt lợn hơi bán giá cao, nhân dân trong xã đã bán cho Nhà nước theo giá nghĩa vụ 28.903 kg thịt lợn hơi (nhiều hơn 2.903 kg so với chỉ tiêu được giao), đứng đầu các xã trong huyện.

Do những thành tích trên, Đảng bộ và nhân dân xã Phấn Mễ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng một Bằng khen về thành tích hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nghĩa

vụ lương thực và một Bằng khen về thành tích hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nghĩa vụ thực phẩm; được Hội nghị Tổng kết chiến dịch sản xuất vụ mùa và thu mua lương thực, thực phẩm năm 1977 của huyện (ngày 22/12/1977) nhiệt liệt biểu dương. Trong những năm sau đó, xã Phấn Mễ vẫn tiếp tục dẫn đầu huyện về việc hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Bước vào năm 1978, trước những diễn biến ngày càng xấu ở biên giới phía Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc, cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác quân sự địa phương càng được tăng cường. Theo phương hướng chỉ đạo của Ban chỉ huy quân sự huyện, các cấp uỷ Đảng và chính quyền xã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo việc củng cố, phát triển lực lượng dân quân, du kích. Đến cuối năm 1978, lực lượng dân quân, du kích chiếm tỉ lệ 10,8% so với tổng dân số toàn xã, được Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương đánh giá là một trong số 11 đơn vị đạt loại khá của huyện. Công tác huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ được coi trọng và duy trì thường xuyên. Ngay từ đầu năm 1978, cán bộ chỉ huy Xã đội và trung đội dân quân, du kích được cử tham dự các lớp tập huấn do huyện đội tổ chức, sau đó về triển khai trong toàn đơn vị. Nội dung và thời gian huấn luyện dân quân, du kích được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc. Sau mỗi bài, mục huấn luyện, Xã đội đều tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm. Do vậy, đơn vị dân

quân, du kích xã Phấn Mễ là một trong 4 đơn vị ⁽¹⁾ đạt kết quả cao nhất huyện về khoa mục bắn đạn thật.

Từ giữa năm 1978, tình hình biên giới phía Bắc trở nên căng thẳng do những hoạt động khiêu khích quân sự của địch. Tình hình mới không chỉ đòi hỏi tăng cường lực lượng sẵn sàng chiến đấu, mà còn phải có sự thống nhất chặt chẽ về lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng công an và các tầng lớp nhân dân sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, hành động gây rối, bạo loạn của các thế lực thù địch trên địa bàn; đồng thời sẵn sàng tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chi viện kịp thời cho các tỉnh biên giới. Nhằm đáp ứng yêu cầu ấy, trung đội dân quân, du kích xã Phấn Mễ được nâng lên thành đại đội.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (5/8/1978), tiếp theo sự ra đời Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện Phú Lương (9/1978), Ban chỉ huy quân sự thống nhất xã Phấn Mễ được thành lập với nhiệm vụ:

- Nắm và chỉ đạo toàn diện đối với lực lượng dân quân, du kích xã, lúc bình thường làm nhiệm vụ chỉ đạo sản xuất, lúc có chiến sự thì trực tiếp chỉ huy chiến đấu, bảo vệ trị an trên địa bàn.

⁽¹⁾ Gồm các đơn vị: Yên Đổ, Ôn Lương, Phấn Mễ và Thanh Bình.

- Tổ chức xây dựng lực lượng dân quân, du kích, chuẩn bị kế hoạch tác chiến, phòng thủ, sơ tán dân, bảo vệ dân, làm kế hoạch bố trí sử dụng lực lượng chiến đấu và trực tiếp tổ chức trận địa chiến đấu, chỉ huy chiến đấu theo đúng ý định của cấp trên.

- Sử dụng lực lượng dân quân, du kích, công an trong xã để đối phó và trấn áp mọi hành động bạo loạn làm mất trật tự trị an xã hội, chiến đấu chống quân xâm lược.

- Độc lập chỉ huy chiến đấu theo kế hoạch của cụm đã vạch ra, đồng thời chịu mọi sự điều động của Ban chỉ huy cụm và cùng Ban chỉ huy cụm kịp thời giải quyết mọi khó khăn, vướng mắc; chấp hành tốt chính sách tù, hàng binh, chính sách thương binh, liệt sĩ, chính sách chiến lợi phẩm, công tác binh vận, khắc phục hậu quả sau chiến tranh.

- Chuẩn bị tốt công tác hậu cần để cung cấp cho các đơn vị đang chiến đấu tại địa phương.

Trong tình hình mới, đại đội dân quân, du kích xã Phấn Mễ được tổ chức thành 3 lực lượng: Lực lượng chiến đấu, lực lượng phục vụ chiến đấu, lực lượng bảo vệ dân và tạm lánh.

Lực lượng chiến đấu gồm những người từ 18 đến 45 tuổi đối với nam và từ 18 đến 35 tuổi đối với nữ, được tổ chức thành nhiều trung đội chiến đấu tại chỗ và trung đội cơ động. Các trung đội chiến đấu gắn liền với

các đơn vị sản xuất. Đại đội cơ động của xã là Đội 202 của hợp tác xã, lúc bình thường là lực lượng nòng cốt trong sản xuất, lúc có chiến tranh là lực lượng chủ yếu trong chiến đấu. Lực lượng chiến đấu được biên chế thành các đội binh chủng chuyên môn, bao gồm:

- Đội đánh xe tăng, có tiểu đội B40 và B41; tiểu đội đánh mìn diệt tăng; tiểu đội làm vật cản, chướng ngại vật; tiểu đội cối 60 mm.

- Đội chuyên môn, có tiểu đội bắn tỉa bằng súng K44 và CKC, tiểu đội đặc công, tiểu đội đánh mìn định hướng, lựu đạn, vũ khí tự tạo...

- Đội phòng không 12,7 mm.

Lực lượng phục vụ chiến đấu có nhiệm vụ bảo vệ nhân dân, bảo vệ tài sản của xã hội. Trong trường hợp cần thiết, lực lượng này sẽ được cụm chiến đấu điều động chi viện cho các nơi khác. Lực lượng phục vụ chiến đấu được biên chế thành 3 đội: Đội chuyên môn, Đội vận tải và Đội thông tin, văn hoá, văn nghệ. Trong Đội chuyên môn gồm có: Tổ trinh sát nắm địch từ xa, Tổ thông tin liên lạc, Tổ cấp cứu tải thương, Tổ bảo đảm an ninh, Tổ tự sửa chữa vũ khí và sản xuất vũ khí tự tạo.

Lực lượng bảo vệ và tạm lánh có nhiệm vụ tổ chức và chuẩn bị khu vực tạm lánh cho người, tài sản,

gia súc; hướng dẫn nhân dân đào hầm cất giấu tài sản của từng hộ gia đình.

Toàn huyện Phú Lương lúc đó được xây dựng thành 6 cụm chiến đấu, xã Phấn Mễ thuộc cụm 6 ⁽¹⁾. Để đảm bảo yêu cầu chiến đấu tại chỗ, theo sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện uỷ, mỗi cơ sở phải được củng cố vững mạnh toàn diện; mỗi xã phải trở thành một cứ điểm vững chắc của cụm, của thế trận chiến tranh nhân dân, phát động được toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng dân quân, du kích làm nòng cốt, sẵn sàng đánh địch trong mọi tình huống. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và được các cơ quan quân sự làm tham mưu, xã Phấn Mễ đã triệt để lợi dụng địa hình, địa vật, xây dựng thành một cứ điểm chiến đấu, có hầm hào và giao thông hào, có hoả điểm công khai và hoả điểm bí mật, có hầm cố thủ, hầm chỉ huy, hầm cất giấu lương thực, thực phẩm, vũ khí khí tài, có khu vực cất giấu thương binh, liệt sĩ, hình thành thế trận đánh địch cả phía trước, phía sau, bên sườn, có đường giao thông hào liên kết từ cứ điểm này đến cứ điểm khác, tạo thành những khu vực tập trung diệt địch tại làng.

Song song với công tác huấn luyện, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, hưởng ứng

⁽¹⁾ Gồm có: Thị trấn Giang Tiên và các xã: Phấn Mễ, Vô Tranh, Cổ Lũng, Sơn Cẩm, Mỏ than Phấn Mễ, do các đồng chí Hoàng Công Chính làm Chỉ huy trưởng và Nông Văn Minh làm Chính trị viên.

“Chiến dịch ra quân thi công hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc” do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phát động, dân quân, du kích xã Phấn Mễ cùng với dân quân, du kích 5 xã (Hợp Thành, Động Đạt, Yên Đổ, Túc Tranh và Vô Tranh) tham gia lao động trên công trường. Sau ba tháng lao động khẩn trương (từ ngày 10/10 đến cuối tháng 12/1978), xã Phấn Mễ cùng với các đơn vị bạn đã hoàn thành nhiệm vụ thi công hệ thống kênh Đông hồ Núi Cốc, góp phần hoàn thiện công trình thuỷ lợi trọng điểm của tỉnh. Tại địa phương, Đảng bộ tập trung lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong xã tích cực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành nghĩa vụ lương thực và thực phẩm đối với Nhà nước. Ngoài việc đảm bảo diện tích gieo trồng cây lương thực và hoa màu, nhân dân trong xã còn trồng được 120 ha rừng, hoàn thành xây dựng mương dẫn nước Sống Trâu.

Trong khi đó, tình hình ở biên giới phía Bắc càng trở nên phức tạp. Tiếp theo một loạt hoạt động khiêu khích, rạng sáng ngày 17/2/1979, quân xâm lược chính thức gây ra cuộc chiến tranh trên dọc tuyến biên giới, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu). Quân và dân các tỉnh biên giới phía Bắc nhanh chóng tổ chức lực lượng chiến đấu để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc.

Ngày 18/2/1979, Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Thái ra Thông báo về cuộc chiến tranh ở biên giới phía Bắc,

kêu gọi nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh “Hãy bình tĩnh, sẵn sàng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, đảm bảo sản xuất và công tác bình thường. Nhanh chóng triển khai các lực lượng trực chiến, sẵn sàng chiến đấu theo phương án của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Tổ chức tốt công tác phòng không nhân dân, sẵn sàng chi viện sức người, sức của cho các tỉnh phía trước chiến đấu thắng lợi. Tổ chức tốt công tác giao thông, vận tải, thông tin liên lạc và hậu cần”⁽¹⁾.

Lãnh đạo huyện cũng kịp thời thông báo tin chiến thắng của quân và dân ta ở biên giới nhằm làm cho mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện vững tin vào thắng lợi. Trên cơ sở đó, mỗi người tự xác định ý thức trách nhiệm và quyết tâm trong công tác, lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Huyện uỷ chủ trương phát huy sức mạnh của lực lượng thanh niên với phong trào “*Ba xung kích làm chủ tập thể*”⁽²⁾.

Hưởng ứng chủ trương của Huyện uỷ, đoàn viên thanh niên xã Phấn Mễ hăng hái đăng kí sẵn sàng nhận

⁽¹⁾ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên: *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên (1975 – 2000)*. Xb 2004, tr. 88, 89.

⁽²⁾ Ba xung kích: Xung kích trong chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu; Xung kích trong lao động sản xuất xây dựng đất nước; Xung kích trong học tập, rèn luyện, xây dựng cuộc sống mới.

nhệm vụ khi có lệnh. Một số con em nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ cũng có mặt trong tiểu đoàn dân quân, du kích huyện Phú Lương (gồm 500 cán bộ, chiến sĩ) đi xây dựng công trình phòng thủ đèo Áng Toòng (huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn), góp phần cùng với tiểu đoàn làm được 79 hầm kè, 4 đài quan sát, 20 hố bắn của đại liên, 31 hầm chứa súng đạn, 240 hố bắn cá nhân, 1 hố DKZ, 2 trận địa cối 82 mm, 2.180 mét chiến hào.

Cùng với việc huy động lực lượng thanh niên tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống quân xâm lược, phát huy truyền thống đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau, “lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều”, Đảng bộ và nhân dân xã Phấn Mễ còn vận động quyền góp tiền bạc, lương thực, thực phẩm... ủng hộ đồng bào các tỉnh biên giới phía Bắc.

Ngay sau khi quân xâm lược rút hết về nước (18/3/1979), nhân dân xã Phấn Mễ đã góp cùng với các xã trong huyện được 6.042,8 mét phiếu vải, 28.335,05 đồng (tương đương 28.335.000 đồng hiện nay), 14.082,1 kg thóc, 1.013,5 kg gạo, 775,3 kg ngô hạt, 79 kg sắn lát khô, 4.699 kg sắn tươi để ủng hộ đồng bào tỉnh Cao Bằng. Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể nhân dân trong xã còn cử một phái đoàn mang theo quà lên thăm hỏi và động viên các chiến sĩ ở biên giới.

Trong quá trình lãnh đạo các mặt công tác, bên cạnh những thành tích, ưu điểm, Ban Chấp hành Đảng

bộ xã, trực tiếp là đồng chí Bí thư Đảng uỷ có lúc phạm phải một số sai lầm, khuyết điểm, "... thực hiện không nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ và nghị quyết của Đảng bộ, buông lỏng nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, để cho nhiều mặt thuộc về đường lối, chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước và các nghị quyết, phương hướng của Đảng bộ không được thực hiện nghiêm... Đồng chí Bí thư Đảng uỷ xã vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, nguyên tắc đoàn kết thống nhất trong Đảng, để cấp uỷ mất đoàn kết kéo dài; trong tư tưởng lãnh đạo biểu hiện sự hữu khuynh, nể nang".

Vì những sai lầm, khuyết điểm trên, Huyện uỷ Phú Lương đã ra Nghị quyết số 19/NQ-CH ngày 20/2/1979 thi hành kỉ luật cách chức đồng chí Bí thư Đảng uỷ xã Phấn Mễ. Từ sau đó, Đảng uỷ được chấn chỉnh về tổ chức, những sai lầm, khuyết điểm trong hai năm 1977 – 1978 được khắc phục. Mọi mặt hoạt động trong xã do Đảng uỷ lãnh đạo tiếp tục tiến triển tốt.

Kết thúc kế hoạch 5 năm (1976 – 1980), các mặt công tác trong xã vẫn được giữ vững và phát triển. Trong năm 1980, diện tích gieo trồng toàn xã đạt 1.850 mẫu (bằng 100% kế hoạch), mức huy động bán lương thực cho Nhà nước đạt 200 tấn (100% kế hoạch), thực phẩm đạt 25,8 tấn (vượt gần 1,08% kế hoạch), thuốc lá

tàu bán cho Nhà nước vượt 2.500 kg so với chỉ tiêu, được Nhà nước bán thưởng hàng nghìn bao thuốc lá Tam Đảo. Công tác tuyển quân diễn ra nhanh gọn, đảm bảo đủ số lượng được giao (50 người) ⁽¹⁾.

Năm 1981 là năm đầu thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 – 1985) do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (3/1982) của Đảng thông qua. Đó cũng là năm thứ hai thực hiện nhiệm vụ chính trị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV (1/1980). Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, nhân dân các dân tộc trong xã đã vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại, hoàn thành tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Vụ mùa năm 1981, Đảng bộ lãnh đạo bà con nông dân xã viên khắc phục thiên tai hạn hán, sâu bệnh cuốn lá, rầy nâu, bội xít phát triển trên diện rộng, đảm bảo chỉ tiêu năng suất, sản lượng lương thực và hoa màu. Do đó, Phấn Mễ vẫn là một trong số ít xã của huyện đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu huy động lương thực. Tổ Thu mua lương thực xã Phấn Mễ được công nhận danh hiệu *Tổ Lao động xã hội chủ nghĩa*.

Bước vào vụ đông - xuân 1981 - 1982, Đảng uỷ xã bắt đầu triển khai lãnh đạo thực hiện Chỉ thị 100 CT/TW (13/1/1981) của Ban Bí thư Trung ương Đảng

⁽¹⁾ Theo *Báo cáo tổng kết năm 1980*, số 03 ngày 20/1/1981 của Đảng uỷ xã Phấn Mễ.

về “*Cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp*”. Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động là một hình thức quản lý mới, quản lý và trả công lao động có gắn trách nhiệm và quyền lợi của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp. Từ đó, kế hoạch sản xuất được thực hiện một cách chủ động hơn trước, đất đai cũng được tận dụng trồng cấy, bà con xã viên phấn khởi đẩy nhanh tốc độ làm đất, hoàn thành cấy kịp thời vụ, bảo đảm cơ cấu giống có năng suất cao. Tính đến ngày 3/3/1982, diện tích cấy lúa chiêm xuân toàn xã tăng hơn năm trước 43 ha, đứng thứ hai trong huyện (sau xã Vô Tranh)⁽¹⁾. Năng suất lúa vụ mùa năm 1982 đạt trên 20 tạ/ha, ruộng cao sản đạt trên 30 tạ/ha.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế – xã hội, Đảng bộ xã đã có nhiều biện pháp chăm lo xây dựng và phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng. Ban Mặt trận Tổ quốc xã có 21 người thuộc đủ các thành phần đã tích cực vận động thi đua sản xuất, học tập Nghị quyết 83 về xây dựng Đảng, Chỉ thị 79 về chống tiêu cực, thực hiện khẩu hiệu *Quân với dân một ý chí*. Đoàn Thanh niên (gồm 489 đoàn viên) với phong trào “*Ba xung kích làm chủ tập thể*” do Trung ương

⁽¹⁾ Báo cáo của Huyện uỷ Phú Lương về Công tác quý I năm 1982. Số 01 BC/HU, ngày 31/3/1982, tr. 1.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động, đã khơi dậy trong tuổi trẻ tinh thần dám nghĩ, dám làm, tích cực phát huy sáng kiến, cải tiến kĩ thuật, thúc đẩy sản xuất phát triển. Hội Phụ nữ (gồm 675 hội viên) với phong trào “3 dứt điểm”⁽¹⁾, “Sạch làng tốt ruộng”, “Sinh đẻ có kế hoạch”... đã động viên chị em tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Tuy nhiên, hoạt động của các đoàn thể quần chúng có lúc chưa sôi nổi và chưa đồng đều.

Trong những năm 1983 – 1985, Đảng bộ và nhân dân xã Phấn Mễ liên tục vượt qua khó khăn về thời tiết, sâu bệnh phá hoại sản xuất để đảm bảo năng suất, sản lượng lương thực. Riêng năm 1985, vụ đông – xuân rét đậm kéo dài, đến vụ mùa thì gặp mưa lũ, giữa vụ lại nắng hạn, cả hai vụ đều có sâu bệnh phá hoại, nhưng năng suất và sản lượng lương thực quy thóc vẫn đạt cao hơn các năm trước. Hợp tác xã Phấn Mễ là đơn vị dẫn đầu huyện về thâm canh tăng năng suất lúa. Mức huy động lương thực trong các năm đều đạt và vượt chỉ tiêu huyện giao.

Cùng với lúa và hoa màu, nhân dân trong xã còn tích cực mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp (chè) và trồng rừng. Chăn nuôi gia cầm, gia súc cũng được giữ vững và phát triển.

⁽¹⁾ Ba dứt điểm: Giếng nước, Nhà tắm, Hố tiêu 2 ngăn.

Công tác văn hoá, giáo dục, y tế thường xuyên được các cấp uỷ Đảng và chính quyền quan tâm, cho nên chất lượng từng bước được nâng lên. Tuy vậy, cơ sở vật chất trong các trường học và trạm xá xã vẫn còn nhiều yếu kém. Các tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn và có chiều hướng gia tăng.

Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc từ năm 1983 được thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) và Chỉ thị 128 của Hội đồng Bộ trưởng, lấy xã, phường làm địa bàn; gắn công tác củng cố cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể với việc củng cố các vùng xung yếu, các vùng trọng điểm. Vì vậy, trong tình hình các thế lực thù địch tìm mọi cách phá hoại công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân ta, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã vẫn tiếp tục được giữ vững. Nhiệm vụ quân sự địa phương liên tục trong nhiều năm đều hoàn thành tốt. Công tác tuyển quân, giao quân hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu huyện giao, đảm bảo chất lượng và công bằng xã hội.

Những thành tích đạt được về các mặt kinh tế – xã hội nửa đầu những năm 80 không tách rời vai trò lãnh đạo của Đảng bộ xã. Đảng bộ đã thực sự coi sản xuất lương thực là nhiệm vụ trung tâm số một, đã tập trung sự lãnh đạo toàn dân phấn đấu vượt qua khó khăn về

thời tiết nên đã hạn chế được một phần thiệt hại do thiên tai gây ra; đồng thời tích cực đưa các loại giống lúa mới có ưu thế về năng suất, có khả năng chịu được sâu bệnh và có thời gian sinh trưởng ngắn ngày thay thế các giống lúa cũ. Đảng bộ và Ủy ban nhân dân xã đã lãnh đạo, chỉ đạo sát sao việc thực hiện đồng bộ quy trình kỹ thuật, như thời vụ, giống, nước, phân bón..., phát triển rộng diện tích lúa cao sản.

Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức luôn luôn là nhiệm vụ then chốt hàng đầu, được các cấp ủy Đảng trong Đảng bộ thường xuyên quan tâm. Coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Đảng bộ thường xuyên tổ chức các đợt học tập, bồi dưỡng, sinh hoạt chính trị nhằm nâng cao lập trường tư tưởng, ý thức tổ chức kỷ luật, vai trò tiên phong, gương mẫu trong cán bộ, đảng viên. Đảng bộ cũng luôn chú trọng kiện toàn cấp ủy, công tác cán bộ, coi đây là một biện pháp quan trọng để tạo sức mạnh cho tổ chức Đảng. Trong những năm 1980 – 1982, Đảng bộ tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên, kết hợp với việc triển khai Chỉ thị 83 của Trung ương Đảng về phát Thẻ Đảng viên. Riêng năm 1980, toàn Đảng bộ có 159 trong tổng số 180 đảng viên được phát Thẻ Đảng viên đợt 1; số còn lại (21 đồng chí) trong diện phải xử lý, gồm có: 11 trường hợp bị thi hành kỷ luật từ hình thức

cảnh cáo trở lên, 6 trường hợp đã được xác minh để phát Thẻ đợt 2 và 4 trường hợp tiếp tục xác minh.

Công tác kiểm tra cũng được Đảng bộ quan tâm đúng mức, kịp thời uốn nắn những sai sót trong quá trình thực hiện Điều lệ Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Do vậy, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên được phát huy, chất lượng tổ chức cơ sở Đảng không ngừng được nâng lên. Trong nhiều năm, Đảng bộ xã Phấn Mễ liên tục được công nhận là *Đảng bộ trong sạch vững mạnh*.

Từ những kết quả và những hạn chế trong 10 năm (1975 – 1985) lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội, Đảng bộ xã Phấn Mễ có thêm những bài học kinh nghiệm quý báu cho công tác lãnh đạo các mặt công tác khi chuyển sang thời kì đổi mới toàn diện đất nước.

II- Lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá (1986 – 2005)

Bước vào năm 1986, trải qua 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, nhân dân ta đã giành được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực. Bên cạnh đó, chúng ta còn có nhiều mặt hạn chế, yếu kém. Sau cuộc tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985, kinh tế – xã hội của đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Huyện Phú Lương nói chung, xã Phấn Mễ nói riêng cũng nằm trong tình trạng khó khăn chung của cả nước. Giá cả vật tư, hàng hoá tăng vọt, nhiều ngành sản xuất đình trệ, trong đó có những cơ sở sản xuất vật tư hàng hoá phục vụ nông nghiệp. Nông dân không đủ phân bón, thuốc trừ sâu... để đầu tư cho đồng ruộng. Chỉ thị 100 CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *Cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động”* trong hợp tác xã nông nghiệp sau mấy năm phát huy tác dụng tốt, đã bộc lộ những bất hợp lý trong xây dựng định mức lao động, giao nộp và phân chia sản phẩm...

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu giữa nhiệm kì khoá XV Đảng bộ xã Phấn Mễ được tổ chức vào ngày 30/8/1986. Tham dự Đại hội có 118 đại biểu⁽¹⁾ thay mặt 242 đảng viên sinh hoạt trong 22 chi bộ. Ngoài việc thảo luận Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khoá V và Dự thảo sửa đổi Điều lệ Đảng trình tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đại hội đã dành thời gian đánh giá nghiêm túc sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với các mặt công tác. Đại hội khẳng định: Trong thời gian qua, tuy gặp khó khăn về thời tiết, sâu bệnh phá hoại, sức kéo thiếu nghiêm trọng, nhưng Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân giành một

(1) Số đại biểu được triệu tập là 122 (bằng 50% số đảng viên toàn Đảng bộ), nhưng vắng mặt có lí do 4 đại biểu.

vụ lúa thắng lợi. Quan hệ sản xuất được giữ vững, luôn đảm bảo ba lợi ích: Lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể và lợi ích của người lao động. Trong toàn xã, các đội sản xuất đều giao nộp sản phẩm đầy đủ, còn đọng lại ở dân không đáng kể; hoàn thành đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước. Qua các đợt sinh hoạt chính trị phê bình và tự phê bình, học tập Chỉ thị 79 về nâng cao chất lượng đảng viên, toàn Đảng bộ đã có một bước chuyển biến rõ rệt về tư tưởng và tổ chức. Trong Đảng bộ không còn chi bộ kém nát, có 8 chi bộ khá, vững mạnh; số còn lại là chi bộ đạt yêu cầu. Đảng bộ xã Phấn Mễ tiếp tục đạt danh hiệu *Đảng bộ trong sạch vững mạnh*, được Tỉnh ủy tặng cờ.

Về công tác lãnh đạo các ngành, các đoàn thể, Đại hội cho rằng: Công an và dân quân là hai lực lượng bảo vệ chuyên chính vô sản, đã giải quyết được nhiều vụ việc nên trên địa bàn xã chưa có vấn đề gì lớn xảy ra; đã củng cố được mạng lưới công an viên trong toàn xã, nhưng việc duy trì sinh hoạt chưa tốt, giải quyết một số vụ việc chưa dứt khoát. Xã đội đã làm tốt công tác tuyển quân, hằng năm giao quân cho Huyện đội đầy đủ và đúng thời hạn. Đoàn Thanh niên là cánh tay đắc lực của Đảng, nhưng Đoàn chưa xác định được vị trí của mình nên việc sinh hoạt chưa đều, chưa chú trọng giáo dục thanh niên sống có lí tưởng và rèn luyện để bổ sung cho Đảng những đoàn viên ưu tú. Hội Phụ nữ đóng vai trò

quan trọng trong sản xuất và trong cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng gia đình văn hoá mới...

Căn cứ vào đặc điểm tình hình của địa phương, Đại hội giữa nhiệm kỳ khoá XV Đảng bộ xã Phấn Mễ đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội trong hai năm 1986 – 1987:

- Tổng sản lượng lương thực đạt 2.500 tấn; muốn vậy, phải đảm bảo diện tích cấy lúa chiêm 297 ha, diện tích lúa mùa 410 ha, năng suất 30,5 tạ/ha. Phấn đấu mức thu nhập lương thực bình quân đầu người từ 20 kg đến 25 kg một tháng.

- Thịt các loại đạt 114 - 172 tấn, bình quân đầu người từ 1,9 kg đến 2,5 kg một tháng.

- Giá trị sản phẩm hàng hoá đạt từ 2,5 triệu đến 4,5 triệu đồng. Xuất khẩu 0,5 triệu đồng.

- Diện tích cây chè cho thu nhập 91 ha với năng suất từ 20 tạ đến 25 tạ/ha.

- Chăn nuôi: Đàn trâu tập thể đạt 519 con, đàn trâu các hộ gia đình đạt 780 con; đàn lợn 3000 con với tiêu chuẩn xuất chuồng bình quân 60 kg; cá thịt 41 tấn/năm, 20 vạn cá con/năm...

- Giảm tỉ lệ tăng dân số xuống còn 1,5%.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với các mặt công tác, Đại hội đã bầu bổ sung 6 đồng chí

vào Ban Chấp hành Đảng bộ. Như vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phấn Mễ khoá XV đến lúc này có 15 đồng chí, do đồng chí Trần Văn Việt làm Bí thư.

Gần một tháng sau kể từ Đại hội giữa nhiệm kỳ Đảng bộ xã, Đại hội đại biểu lần thứ XVI Đảng bộ huyện Phú Lương được triệu tập. Sau 4 ngày làm việc (24 – 27/9/1986), Đại hội thảo luận đóng góp ý kiến và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XV; quyết định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế – xã hội của huyện 3 năm (1986 – 1988).

Xuất phát từ tình hình thực tế và yêu cầu của một huyện miền núi, trung du, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát trong những năm trước mắt là “Ra sức phát triển sản xuất nông, lâm, công nghiệp một cách toàn diện, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân; xây dựng thêm cơ sở vật chất kĩ thuật cho nông nghiệp; tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; tạo ra bước chuyển biến đáng kể về mặt xã hội, tăng cường bảo đảm giữ vững an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện”⁽¹⁾.

Tiếp theo Đại hội Đảng bộ huyện, từ ngày 21 đến ngày 25/10/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V được tổ chức. Với tinh thần: *Nhìn thẳng vào sự thật*,

⁽¹⁾ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XVI (27/9/1986).

đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật và thực hiện đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, Đại hội đã khẳng định những thành tựu đạt được; đồng thời cũng chỉ rõ những khuyết điểm, yếu kém trên từng mặt công tác của Đảng bộ trong nhiệm kỳ trước. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra mục tiêu phấn đấu của Đảng bộ trong 5 năm 1986 – 1990. Đại hội đặc biệt coi trọng công tác củng cố tổ chức cơ sở Đảng, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử cơ hội, thoái hoá, biến chất, làm cho Đảng bộ trong sạch, đủ sức lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kinh tế – xã hội.

Sau những sự kiện trên, cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh cũng như cả nước, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ hướng về Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) với niềm hi vọng và tin tưởng. Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, coi đó là sự nghiệp sống còn của cách mạng nước ta.

Được Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI soi sáng, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ và Uỷ ban nhân dân xã, cán bộ, đảng viên và nhân dân Phấn Mễ tích cực thực hiện mục tiêu 3 chương trình kinh tế của

huyện gồm các nội dung: Coi chương trình lương thực, thực phẩm là mặt trận hàng đầu, trong đó sản xuất lương thực là mục tiêu số một, đồng thời đẩy mạnh sản xuất mặt hàng tiêu dùng và tăng nhanh hàng xuất khẩu.

Khi bắt đầu triển khai thực hiện mục tiêu 3 chương trình kinh tế, thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp, hạn hán và sâu bệnh xảy ra gây hại lớn cho sản xuất, làm mất mùa liên tiếp mấy vụ, nặng nhất là vụ lúa đông – xuân 1986 - 1987. Trước tình trạng đó, Đảng uỷ và Ủy ban nhân dân xã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật chăm sóc lúa và hoa màu nhằm tăng năng suất, tăng sản lượng lương thực để “lấy mùa bù chiêm”. Tuy nhiên, do vụ chiêm bị thiệt hại nặng, sản lượng lương thực liên tiếp giảm sút trong hai năm (1986 – 1987), phân cung cấp của Trung ương cho các đối tượng ăn gạo số thường xuyên thiếu hụt và chậm so với kế hoạch, cho nên kì giáp hạt đầu năm 1988, tình trạng thiếu đói xảy ra trên diện rộng. Nhiều hộ gia đình trong xã lâm vào cảnh thiếu đói gay gắt, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, được sự quan tâm hỗ trợ lương thực của tỉnh huyện, xã đã cấp, bán gạo cho các đối tượng chính sách, gia đình cán bộ công nhân viên chức và nông dân thiếu đói. Từ kết quả việc giải quyết nạn đói, nhân dân trong xã tích cực sản xuất, chăm sóc lúa và hoa màu. Trạm bơm điện của xã cũng

được huyện đầu tư vốn để nâng cấp, bảo đảm việc tưới và tiêu nước cho đồng ruộng. Các biện pháp kỹ thuật về giống, bảo vệ thực vật được đẩy mạnh. Đặc biệt, từ năm 1988, cùng với các địa phương trong tỉnh, nông dân các dân tộc xã Phấn Mễ phấn khởi đón nhận Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị *Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp* và Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Vận dụng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 05 (1/1988) của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã đề ra nhiều chính sách đổi mới cơ chế quản lý, trong đó có chủ trương thực hiện chính sách một giá, thương mại hoá vật tư, người nông dân chỉ còn nghĩa vụ nộp thuế và các quỹ cho hợp tác xã, được tự do lưu thông sản phẩm của mình sau khi đã làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và hợp tác xã. Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị cùng với Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã thực sự đem lại luồng sinh khí mới cho bà con nông dân trong tỉnh nói chung và xã Phấn Mễ nói riêng. Nhờ đó, tổng sản lượng lương thực được nâng dần từ năm 1988 và đến năm 1989 tăng cao hơn so với những năm trước. Việc thu chi ngân sách nhìn chung được bảo đảm. Trong năm 1989, tổng thu ngân sách toàn xã đạt 11.483.772 đồng, tổng chi là 10.266.924 đồng (dư 1.172.848 đồng). Tuy nhiên, kết quả thu thuế sát sinh đạt rất thấp, chỉ được 99.750 đồng, trong khi xã Sơn Cẩm đạt 7.869.000 đồng. Thuế nông nghiệp đạt

170.760 kg (trên 98% chỉ tiêu). Trong 3 năm (1987 – 1989), xã Phấn Mễ còn nợ 49.006 kg thóc thuế đối với Nhà nước.

Trải qua 5 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 1990), nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, nhịp độ sản xuất được giữ vững và từng bước phát triển, đời sống nhân dân được ổn định, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được bảo đảm. Đó chính là những tiền đề cần thiết cho sự phát triển vững chắc về kinh tế – xã hội trong chặng đường tiếp theo.

Bước vào năm 1991, nhiều sự kiện chính trị quan trọng liên tiếp diễn ra ở trong nước và tại địa phương. Ngày 24/6, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã khai mạc trọng thể tại Hà Nội. Trên cơ sở tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI, Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ chủ yếu cho 5 năm (1991 – 1995), đồng thời thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000*. Ngày 26/9, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (vòng 2) được triệu tập với sự có mặt của 321 đại biểu đại diện cho hơn 5 vạn đảng viên trong Đảng bộ. Tiếp theo những sự kiện trên là Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ

XVIII (vòng 2), diễn ra từ ngày 22 đến ngày 24/10. Trên cơ sở những mục tiêu cụ thể về kinh tế – xã hội trong 5 năm (1991 – 1995), Đại hội đã xác định 4 vùng kinh tế trên địa bàn huyện. Xã Phấn Mễ thuộc vùng phía Nam huyện, được Đại hội xác định là vùng có nhiều thế mạnh, nhiều tiềm năng đẩy mạnh sản xuất lương thực (lúa, ngô, khoai), phát triển mạnh cây chè...

Nghị quyết của Đại hội các cấp trên đây có tác dụng soi sáng, định hướng cho Đảng bộ xã vận dụng vào tình hình cụ thể của địa phương để vạch ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội trong thời gian trước mắt. Nhờ có chủ trương đúng, lại có sự đoàn kết, quyết tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền cùng các đoàn thể quần chúng và nhân dân, từ những năm 1991 – 1992, sản xuất đi dần vào thế ổn định và phát triển.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khoá XVII, từ năm 1993, cấp uỷ Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân trong xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Dù gặp khó khăn do thời tiết rét đậm từ đầu vụ đông – xuân, hạn hán kéo dài, nhưng diện tích trồng cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp trong năm 1993 đều tăng so với kế hoạch. Năng suất lúa xuân đạt 48,6 tạ/ha, lúa mùa đạt 40,5 tạ/ha, cao hơn tất cả các năm trước. Tổng sản lượng lương thực quy ra thóc là

3.010 tấn, nâng mức bình quân lương thực theo đầu người lên 300 kg.

Chăn nuôi gia súc và gia cầm phát triển hơn các năm trước. Trong năm 1993, đàn trâu toàn xã có 1.684 con (trong đó có 1.520 trâu cày, kéo), tăng hơn 400 con so với năm 1992, đàn lợn có 5.559 con, tăng hơn năm 1992 gần 990 con. Được sự hỗ trợ về kinh phí của Ngân hàng huyện Phú Lương, nhiều hộ gia đình nông dân trong xã làm kinh tế theo mô hình Vườn – Ao – Chuồng (VAC) có hiệu quả, nên đời sống được nâng lên.

Ngành lâm nghiệp được đẩy mạnh. Trong năm 1993, toàn xã trồng thêm được 58,24 ha rừng theo Chương trình PAM (vượt chỉ tiêu 194,1%); đồng thời nghiệm thu diện tích rừng chăm sóc năm thứ hai là 355,2 ha và năm thứ ba là 239,9 ha. Việc giao đất, giao rừng cho các hộ được tiến hành. Riêng năm 1993, xã đã giao cho 262 hộ với tổng diện tích 654,6 ha rừng các loại. Diện tích trồng cây ăn quả, cây đặc sản tăng nhanh, trong đó đáng chú ý có 4 vườn cây tình nghĩa được trồng cho các đối tượng chính sách.

Song song với việc phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, công tác xây dựng cơ bản được chú ý nhằm tăng cường cơ sở vật chất phục vụ sản xuất và phúc lợi xã hội. Trong năm 1993, xã đã đầu tư nhiều vốn vào việc tu sửa, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, liên xóm, đường trục lớn, sửa chữa các cầu treo, cống nội

đồng; đồng thời làm luận chứng xây dựng cầu treo làng Phú Sơn, nhằm tạo ra một hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn xã thuận lợi cho sản xuất và lưu thông hàng hoá. Trạm biến áp 3 Phấn Mễ về cơ bản đã hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng cuối năm 1993, đồng thời kéo hai đường điện về xóm dài 800 mét. Các trạm bơm, đầm, hồ, ao được giao khoán thẳng cho các xóm quản lí, sử dụng để chủ động tưới và tiêu nước.

Văn hoá, giáo dục, y tế có một số mặt chuyển biến rõ rệt so với các năm trước. Các cấp uỷ Đảng và chính quyền có sự quan tâm đúng mức hơn đối với hoạt động văn hoá, xã hội. Phong trào văn nghệ, thể dục thể thao từng bước được mở rộng trong thanh, thiếu niên. Trong Hội vui xuân 1993, xã Phấn Mễ đã tổ chức các cuộc thi đấu bóng đá, bóng chuyền, điền kinh, cờ tướng, bắn súng. Những hoạt động từ thiện, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng... được đẩy mạnh. Riêng năm 1993, nhân dân trong xã đã vận động quyên góp được 7,8 triệu đồng hỗ trợ một phần vốn cho gia đình thương binh loại 1 xây nhà, xét tặng 78 sổ tình nghĩa cho các gia đình chính sách, tu sửa nghĩa trang liệt sĩ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo dự thảo của UBND xã Phấn Mễ "Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1993 và những nhiệm vụ chủ yếu năm 1994 về kinh tế - xã hội". Tháng 3/1994. Bản viết tay, tr. 6.

Quan tâm đến sự phát triển giáo dục, các cấp uỷ Đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân đã đầu tư xây dựng thêm phòng học cho cả 3 trường phổ thông cấp 1 và cấp 2. Nhờ đó, đến năm 1993, về cơ bản xã Phấn Mễ đã xóa bỏ được tình trạng học ba ca. Các đồ dùng, phương tiện dạy, học trong các nhà trường từng bước được tăng cường, góp phần nâng cao một bước chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, tình trạng học sinh bỏ học vẫn tiếp diễn; số lượng các cháu đi nhà trẻ trong năm 1993 giảm hẳn so với trước.

Ngành y tế xã có nhiều cố gắng và tiến bộ. Dù chỉ có 4 cán bộ y tế, nhưng trạm xá xã vẫn bố trí thay nhau trực tại trạm 24/24 giờ. Việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng tiếp tục được triển khai. Cán bộ y tế xã và y tế cộng đồng cơ sở thường xuyên được tập huấn nghiệp vụ để nâng cao tay nghề.

Song song với việc đẩy mạnh kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, Đảng bộ đặc biệt quan tâm lãnh đạo công tác quốc phòng, bảo vệ trật tự trị an. Vào những năm đầu thập kỉ 90, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn diễn biến khá phức tạp. Tệ nạn xã hội có chiều hướng phát triển theo cơ chế thị trường. Trong tình hình ấy, quán triệt Nghị quyết chuyên đề số 07/NQ-BT ngày 13/5/1988 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Nghị quyết số 36/NQ-ĐU ngày 7/12/1990 của Ban Thường vụ

Đảng uỷ Quân sự tỉnh, Đảng uỷ xã lãnh đạo triển khai công tác quốc phòng – an ninh xuống tận các thôn xóm, tạo ra bước chuyển biến về nhận thức tư tưởng và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với nhiệm vụ xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân và nền quốc phòng toàn dân. Từ năm 1991 trở đi, các đồng chí Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân, Xã đội trưởng, Xã đội phó đều tham dự các lớp huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, quân sự địa phương do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức. Ban chỉ huy Xã đội đã hoàn thành xây dựng kế hoạch phòng, chống biểu tình gây rối, bạo loạn, lật đổ.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ và Uỷ ban nhân dân xã, đội ngũ công an viên ở cơ sở được củng cố và hoàn thiện. Ban công an xã tăng cường phối hợp với các ban, ngành kiên quyết đấu tranh chống tội phạm, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các vụ vi phạm pháp luật. Lực lượng dân quân được củng cố theo hướng giảm số lượng, nâng cao chất lượng, tăng tỉ lệ đảng viên, đoàn viên. Công tác huấn luyện dân quân được duy trì thường xuyên. Kết quả kiểm tra qua các năm, loại khá giỏi đều đạt từ 90% trở lên. Việc tổ chức khám tuyển nghĩa vụ quân sự và giao quân hàng năm được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo số lượng và chất lượng. Phương án A, A2 đã được xây dựng và rà soát

lại. Trên cơ sở đó, sang năm 1994, xã Phấn Mễ cùng với xã Động Đạt và thị trấn Đu được Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo thực hành diễn tập chống gây rối, bạo loạn và động viên kiểm tra sẵn sàng chiến đấu các lực lượng dự bị động viên theo Cơ chế 02/BCT của Bộ Chính trị (Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, quân sự làm tham mưu và trực tiếp chỉ huy lực lượng vũ trang). Thành phần tham gia diễn tập gồm cấp uỷ, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, các lực lượng dân quân, công an, quân dự bị động viên của ba đơn vị cùng với các lực lượng công an, quân sự của huyện.

Thực hiện kết hợp diễn tập quân sự với xây dựng kinh tế, quân và dân xã Phấn Mễ cùng với hai đơn vị bạn huy động 2.466 công, đào đắp 200 m³ đất, tu sửa và làm mới 1.300 mét đường giao thông. Kết hợp diễn tập quân sự với việc giải quyết các tệ nạn xã hội, làm trong sạch địa bàn, các lực lượng công an huyện, xã và thị trấn phối hợp với lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ bắt 1 trường hợp trốn thi hành án, 1 đối tượng có lệnh truy nã, 2 vụ đánh bạc, 9 ổ tiêm chích ma tuý gồm 25 đối tượng, 6 thư kí đề, 2 đối tượng giả danh công an, 1 vụ chiếu viđêô đen; thu 0,1 kg thuốc phiện, 1 súng K59 và 1 quả lựu đạn ⁽¹⁾. Với những thành tích

⁽¹⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: *Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1994*. Số 24/BC, ngày 1/3/1995, tr. 3.

đạt được, xã Phấn Mễ là một trong 7 đơn vị được Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương tặng Giấy khen.

Năm 1995 là năm có nhiều ngày lễ lớn: 65 năm thành lập Đảng, 50 năm thành lập Nước, 105 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 20 năm giải phóng miền Nam... Hướng vào những sự kiện đó, Đảng uỷ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng dưới nhiều hình thức phong phú, sinh động, góp phần cổ vũ, động viên, hướng dẫn cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội do Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVIII đề ra.

Trong sản xuất nông nghiệp, tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1995 đạt 2.900 tấn. Các ngành lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và chăn nuôi vẫn giữ vững nhịp độ tăng trưởng. Công tác y tế, thực hiện kế hoạch hoá gia đình đạt kết quả tốt, được Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng. Các hoạt động văn hoá thông tin, thể dục thể thao có nhiều chuyển biến tốt, được Bộ Văn hoá - Thông tin tặng Bằng khen.

Công tác quân sự địa phương được các cấp uỷ và chính quyền quan tâm. Đến năm 1995, tổng số quân dự bị toàn xã là 509 người (trong đó có 368 người thuộc nhóm A và 141 người thuộc nhóm B), đạt con số cao

nhất huyện ⁽¹⁾. Việc tổ chức thực hành diễn tập được thực hiện nghiêm túc, có chất lượng. Tháng 9/1995, ngay sau khi nhận được chỉ thị, mệnh lệnh của huyện, Đảng uỷ xã đã ra nghị quyết lãnh đạo tổ chức thực hiện cuộc diễn tập PT-95 theo Cơ chế 02 của Bộ Chính trị. Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã kịp thời quán triệt sâu rộng trong lãnh đạo, chỉ đạo, các tổ chức ban, ngành, đoàn thể và nhân dân về mục đích, yêu cầu, nội dung của cuộc diễn tập. Nhờ đó, xã đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn dân, huy động được nhiều nhân, vật lực làm đường liên thôn, liên xã, các công trình thuỷ lợi, công trình phúc lợi và giải phóng lòng, lề đường theo Nghị định 36/CP của Chính phủ kết hợp với việc đẩy mạnh công tác làm trong sạch địa bàn, ổn định một bước trật tự an toàn xã hội. Kết thúc cuộc diễn tập PT-95, xã Phấn Mễ được Uỷ ban nhân dân huyện biểu dương.

Thông qua đợt diễn tập, xã có thêm cơ sở để bổ sung hoàn chỉnh Kế hoạch A, A2 cho phù hợp với tình hình cụ thể ở địa phương. Tinh thần cảnh giác cách mạng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng cao một bước để chống lại có hiệu quả âm mưu “*diễn biến hoà bình*” của địch, sẵn sàng xử trí các tình huống bạo loạn, lật đổ do các thế lực thù địch gây ra, giữ vững an ninh

⁽¹⁾ Theo Báo cáo tổng hợp số liệu sơ kết 5 năm động viên theo phương thức mới của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương. Số 96/ĐVTQ, ngày 19/7/1996, tr. 1.

chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng vững chắc.

Có được những thành tích trên, là do Đảng bộ không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của từng cấp uỷ, cán bộ và đảng viên, đồng thời thường xuyên quan tâm lãnh đạo các đoàn thể quần chúng tích cực đổi mới cả về nội dung, phương thức hoạt động.

Thực hiện Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã được củng cố và kiện toàn; hoạt động có chương trình, nội dung cụ thể, thiết thực, góp phần tích cực vào việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế – xã hội do Đảng bộ đề ra.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với các phong trào *“Thanh niên lập nghiệp”*, *“Tuổi trẻ giữ nước”*, đã bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, tạo ra sự chuyển biến mới, góp phần tích cực vào các hoạt động kinh tế, xã hội của địa phương.

Chị em phụ nữ các dân tộc trong Hội Liên hiệp Phụ nữ xã tiếp tục phát huy khả năng vào việc tham gia công tác quản lí Nhà nước. Với phong trào *“Giúp nhau làm kinh tế gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan”*, hoạt động của Hội đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế – xã hội trên địa bàn xã.

Hội Cựu chiến binh dù mới ra đời, nhưng đã nhanh chóng phát triển, vươn lên thành một đơn vị xuất sắc của Hội Cựu chiến binh huyện; trong đó có một số chi hội hoạt động tốt, tiêu biểu là Chi hội Cọ 1. Đội ngũ cán bộ của Hội đều nhiệt tình, gương mẫu. Thông qua hoạt động, Hội Cựu chiến binh xã được Đảng ủy đánh giá cao, là lực lượng đáng tin cậy, là chỗ dựa và là nòng cốt trong phong trào cách mạng của địa phương.

Nhằm đánh giá những thành tích, ưu điểm cũng như hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ khoá XVIII, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới, từ ngày 28 đến ngày 29/12/1995, Đại hội đại biểu lần thứ XIX Đảng bộ xã Phấn Mễ được tổ chức. Về dự Đại hội có 93 đại biểu thay mặt cho 250 đảng viên sinh hoạt trong 24 chi bộ của Đảng bộ.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 1996 – 2000 gồm 11 uỷ viên. Ban Thường vụ Đảng uỷ có 3 uỷ viên⁽¹⁾. Các đồng chí Bùi Xuân Hùng và Quách Thành Khương được bầu làm Bí thư và Phó Bí thư Đảng uỷ.

Bước sang năm 1996, sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, nhân dân ta đã thu được nhiều thành tựu to

⁽¹⁾ Gồm các đồng chí: Bùi Xuân Hùng, Quách Thành Khương, Nguyễn Ngọc Sơn.

lớn, có ý nghĩa quan trọng. Đất nước ta đã vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, giữ vững sản xuất và ổn định chính trị, tạo được những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kì mới. Năm 1996 cũng là năm có nhiều sự kiện chính trị quan trọng ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã. Đó là năm Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc thành công tốt đẹp, là năm đầu thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1996 – 2000) với mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; đồng thời là năm bắt đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XIX (12/1995).

Nhận rõ đặc điểm tình hình trên, Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện những nhiệm vụ kinh tế – xã hội, từng bước vượt qua khó khăn để đạt được thắng lợi to lớn hơn trên các lĩnh vực.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời của Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã, sự phấn đấu của các ngành, đặc biệt là của bà con nông dân, sản xuất nông nghiệp của xã đã thu được nhiều kết quả. Dù điều kiện thời tiết không thuận lợi, hạn hán kéo dài ảnh hưởng đến cây trồng, song diện tích gieo cấy vụ xuân trong toàn xã vẫn đạt được kế hoạch đề ra là trên 302 ha; đến năm 1997, tăng lên 320 ha, trong đó diện tích lúa cao sản là 150 ha. Trong những năm sau, diện tích cấy lúa

tiếp tục tăng lên do bà con nông dân tích cực tận dụng đất đai để gieo trồng. Hệ số quay vòng đất trong 5 năm (1996 – 2000) tăng 2,2 lần. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất, thay đổi cơ cấu giống cây trồng được đẩy mạnh. Về cơ cấu cây trồng, từ năm 1997 toàn xã đã sử dụng những bộ giống mới có năng suất cao. Việc thực hiện chương trình cấp I hoá giống lúa trong toàn xã đã hoàn thành. Nhờ đó, sản xuất nông nghiệp trong 5 năm (1996 – 2000) đạt mức tăng trưởng cao hơn thời kì 1992 – 1995. Sản lượng lương thực tăng từ 3.175,6 tấn (năm 1996), lên 4.572,4 tấn (năm 2000).

Như vậy, tổng sản lượng lương thực bình quân mỗi năm trong thời kì này đạt trên 3.800 tấn. Riêng trong năm 1999, mặc dù tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, hạn hán kéo dài ở vụ đông - xuân, sâu bệnh và chuột phá hoại ảnh hưởng lớn đến năng suất cây trồng, nhưng tổng sản lượng lương thực vẫn vượt 5,2% so với kế hoạch.

Điều đáng chú ý trong những năm này là sản xuất cây màu vụ đông được chú trọng. Trong năm 1997, diện tích trồng cây ngô đông là 96,9 ha (tăng 52 ha so với năm 1995), với năng suất 17,5 tạ/ha, sản lượng đạt 169,5 tấn; diện tích trồng khoai lang vụ đông là 64,6 ha với năng suất 36 tạ/ha và sản lượng đạt 232,5 tấn⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo của UBND xã Phấn Mễ về tình hình thực hiện những nhiệm vụ kinh tế – xã hội năm 1997... Tlđd, tr. 1.

Chè là cây đặc sản của tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Phú Lương nói riêng. Xác định rõ đây là loại cây có giá trị kinh tế cao, góp phần quan trọng vào việc xoá đói giảm nghèo, trong công tác lãnh đạo phát triển sản xuất, Đảng bộ Phấn Mễ rất coi trọng việc mở rộng diện tích trồng chè. Từ năm 1996 đến năm 2000, toàn xã trồng thêm được 44 ha chè. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, các cấp uỷ Đảng và chính quyền đã làm tốt việc chuyển giao khoa học kĩ thuật, xây dựng các ô mẫu, mô hình để tham quan học tập và nhân ra diện rộng. Nhờ đó, chương trình phát triển cây chè ở địa phương được thực hiện năm sau cao hơn năm trước cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Đến năm 2000, toàn xã có 222,4 ha chè, năng suất đạt 35 tạ/ha, sản lượng đạt 600 tấn.

Cùng với trồng trọt, ngành chăn nuôi tiếp tục phát triển. Trong năm 1996, đàn trâu toàn xã có 1.260 con (bằng 105% so với kế hoạch), đàn bò có 25 con (83,5% kế hoạch), đàn lợn có 4.880 con (100,6% kế hoạch)⁽¹⁾. Những năm sau đó, đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn xã tiếp tục tăng lên. Riêng năm 1998, đàn trâu tăng lên 1.547 con, đàn lợn 5.307 con (bằng 127,2% kế hoạch). Điều đáng chú ý là chăn nuôi lợn, gà trên địa bàn xã

⁽¹⁾ *Báo cáo của UBND xã Phấn Mễ về tình hình thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1996...* Tlđđ, tr. 2.

đang chuyển dần sang sản xuất hàng hoá. Công tác tiêm phòng cho đàn gia súc được quan tâm, kịp thời ngăn chặn các ổ dịch bệnh.

Ngoài việc phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, Đảng bộ Phấn Mễ rất quan tâm đến sản xuất thuỷ sản. Toàn xã có 35 ao, hồ nuôi thả cá, hàng năm đem lại thu nhập khá cho các hộ nông dân. Sản lượng cá thịt năm 2000 đạt khoảng 28 tấn ⁽¹⁾.

Phấn Mễ là một xã miền núi, trung du, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp. Ngoài đất canh tác trồng cây lương thực và hoa màu, trong xã còn có nhiều khu đồi rừng trồng. Trong những năm trước, việc trồng rừng và bảo vệ rừng được đẩy mạnh, khắc phục một phần tình trạng đất trống, đồi trọc. Từ năm 1996, các ngành, các cấp trong xã chỉ đạo các cơ sở làm tốt công tác chăm sóc, bảo vệ rừng. Tuy nhiên, tình trạng chặt phá rừng bừa bãi vẫn tiếp diễn, nhất là ở khu vực Núi Chúa. Để khắc phục tình trạng này, từ năm 1997, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các cơ sở tổ chức cho các hộ gia đình ký cam kết bảo vệ rừng. Đồng thời, xã triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy rừng ở tất cả các xóm trên địa bàn, tuyên truyền vận động nhân dân làm tốt công tác quản lí, bảo vệ rừng.

⁽¹⁾ Báo cáo của BCH Đảng bộ xã Phấn Mễ tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI. Ngày 8/7/2005, tr. 2.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, việc quản lí đất đai được tiến hành đúng nguyên tắc, bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích. Xã đã giải quyết kịp thời các hồ sơ chuyển nhượng và các vụ tranh chấp đất đai. Đến năm 2000, xã đã làm thủ tục chuyển đổi sổ sử dụng đất cho 2.549 hộ, giao đất lâm nghiệp cho 465 hộ.

Công tác xây dựng cơ bản có bước tiến mới. Trong năm 1996, bằng nguồn kinh phí của xã và do dân đóng góp, Phấn Mễ đã xây dựng được 4 phòng học, kịp thời đưa vào sử dụng. Hồ sơ quy hoạch khu dân cư trung tâm xã đợt 1 với diện tích 0,94 ha cũng được hoàn chỉnh. Sang năm 1997, với số vốn huy động 114.702.900 đồng, xã tiếp tục xây dựng thêm 5 phòng học, sửa chữa trạm xá xã. Từ năm 1999, xã lập dự toán và xây dựng 2 trạm biến áp làng Bầu và làng Lân; đồng thời xây dựng và đưa vào sử dụng 4 Nhà văn hoá (Tràng Học, Giá 1, Hoa 2 và Mỹ Khánh). Đến năm 2000, công tác đầu tư xây dựng cơ bản được quan tâm đúng mức, có cải cách về phương thức trong quá trình xây dựng và tiếp nhận vốn. Nhờ đó, việc huy động vốn đối ứng của nhân dân được thực hiện tốt. Tổng số vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng là 1.056.987.265 đồng, trong đó vốn đóng góp của nhân dân là 556.647.971 đồng. Bằng số vốn được huy động, xã đã cho san gạt mặt bằng chợ Phấn Mễ, sửa chữa trụ sở làm việc của Đảng uỷ và Uỷ ban nhân dân xã, xây dựng 5

phòng học Trường Phấn Mễ 2, sửa chữa 5 phòng học Trường Phấn Mễ 1, xây dựng và sửa chữa 5 Nhà văn hoá ở các xóm Lân 2, Giang 2, Giang 1, Bầu 2, Phú Yên, xây dựng xong Trạm biến áp làng Lân, Trạm biến áp làng Bầu ... Đến năm 2000, toàn xã có 6 trạm biến áp, đảm bảo hơn 98% số hộ dùng điện và phục vụ sản xuất.

Công tác quản lý tài chính cũng có nhiều cố gắng; các khoản thu trong các năm đều đạt khá. Năm 1996, tổng thu ngân sách trên địa bàn là 311.631.170 đồng, trong đó: Thuế sử dụng đất nông nghiệp là 230.921.480 đồng, thuế nhà đất là 23.577.350 đồng, thuế ngoài quốc doanh là 14.15.900 đồng, phí lệ phí là 41.296.500 đồng...⁽¹⁾. Tuy nhiên, việc thu ngân sách vẫn còn một số hạn chế, chưa tận dụng hết các khoản thu, nhất là thuế xây dựng cơ bản; một số khoản thu chưa kịp thời, như thuế sát sinh, thu lao động công ích... Trong những năm sau, hạn chế này từng bước được khắc phục. Đến năm 2000, thu ngân sách tăng lên 989.720.328 đồng, trong đó thu cân đối đạt 376.020.600 đồng (106,4% kế hoạch), thu quản lý qua ngân sách đạt 613.699.728 đồng (407,6% kế hoạch). Một số nguồn thu có tỉ trọng lớn đạt và vượt chỉ tiêu, như thuế ngoài quốc doanh đạt 125,7% kế hoạch, thuế

⁽¹⁾ Báo cáo của UBND xã Phấn Mễ về tình hình thực hiện những nhiệm vụ kinh tế – xã hội năm 1996... Tlđd, tr.3.

sử dụng đất nông nghiệp đạt 95,4% kế hoạch, thuế nhà đất đạt 109,5% kế hoạch. Các xóm Bầu 2, Lân 1, Bò 2, làng Mai, Cọ 2, Cọ 1 là những đơn vị hoàn thành 100% thuế cả năm ngay trong vụ hạ.

Kết quả thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch, kể cả tiến độ thời gian là do có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp uỷ Đảng, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể từ xã đến cơ sở cùng với sự cố gắng của cán bộ ngành thuế trong công tác tham mưu và tổ chức thực hiện.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của giao thông, thuỷ lợi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở một vùng nông thôn, với phương châm "*Nhà nước và nhân dân cùng làm*", trong năm 1996, xã đã huy động vốn trong dân được 48.558.000 đồng để tu bổ, nâng cấp 328 km đường và một số công trình thuỷ lợi, kịp thời phục vụ sản xuất. Trong những năm sau, xã tiếp tục tập trung tu sửa các tuyến giao thông nông thôn trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và giao lưu hàng hoá của nhân dân.

Từ năm 1997, xã đã lập dự toán và thi công công trình hồ Gốc Khế, xây dựng cống hồ Bảy Mẫu, hồ Ao Chúc, khảo sát công trình nâng cấp hồ làng Hìn. Đến năm 1998, xã đã xây dựng hoàn chỉnh 3 van cống tại hồ Hoa 2, Bún 2 và Cọ 1, bảo đảm việc tưới và tiêu

nước cho đồng ruộng. Đến năm 2000, bằng nguồn vốn của Nhà nước và nhân dân đóng góp, xã đã xây dựng trạm bơm và kênh mương làng Cọ 1.

Trong những năm 1996 – 2000, ngành giáo dục của xã có nhiều chuyển biến tích cực. Số học sinh theo học ở các cấp ngày một tăng; tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm nhiều so với trước. Trong năm 1996, cả xã có 3 trường với tổng số 2.722 học sinh, trong đó có 242 học sinh mẫu giáo, 1.691 học sinh cấp I (Tiểu học) và 789 học sinh cấp II (Trung học cơ sở). Sang năm 1997, tổng số học sinh tăng lên 2.941 em, trong đó có 360 học sinh lớp mẫu giáo, 1.592 học sinh cấp I và 999 học sinh cấp II. Trung bình mỗi năm trong thời kì 1996 - 2000 có trên 2.500 học sinh; tỉ lệ trẻ trong độ tuổi được đến trường học đạt trên 98%. Từ những năm 1998, 1999, hoạt động dạy và học trong các nhà trường đã đi vào nền nếp. Tỉ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp các cấp đạt trên 97%, tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 98%. Xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và đang chuẩn bị phổ cập trung học cơ sở. Cơ sở vật chất của các nhà trường phổ thông ngày càng khang trang. Bên cạnh những thành tích và ưu điểm, chất lượng giáo dục vẫn bộc lộ nhiều hạn chế: Tỉ lệ giáo viên và học sinh giỏi còn thấp, sự kết hợp giáo dục giữa gia đình và nhà trường chưa chặt chẽ, cơ sở vật chất của trường mầm non còn yếu kém.

Công tác khám, chữa bệnh được tăng cường. Các chương trình y tế Quốc gia vẫn được duy trì thường xuyên và đi vào nền nếp. Việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được chú trọng. Hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được tiến hành thường xuyên và đạt kết quả tốt. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 28%, không có dịch bệnh. Với những thành tích về việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, trong các năm 1996 - 2000, Trạm xá xã Phấn Mễ đều được công nhận là đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ; riêng trong năm 1998 được công nhận là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Do có sự quan tâm lãnh đạo của Đảng uỷ, sự giúp đỡ của cấp trên, mạng lưới y tế trên địa bàn được củng cố và kiện toàn. Đến năm 2000, Trạm xá xã đã có 1 bác sĩ, 3 y sĩ và 2 nữ hộ sinh; 26 cán bộ y tế ở 26 thôn bản làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đội ngũ cán bộ y tế cộng đồng tại các thôn xóm hoạt động tích cực, thường xuyên theo dõi và chỉ đạo tốt công tác dân số kế hoạch hoá gia đình, cho nên tỉ lệ sinh con thứ ba giảm xuống rõ rệt. Tỉ lệ tăng dân số từ 1,5% năm 1995, đến năm 1999 đã giảm xuống còn 1,15%.

Công tác văn hoá - thông tin được đẩy mạnh, kịp thời phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước tới mọi người dân. Hoạt động văn hoá, văn nghệ diễn ra sôi nổi ở khắp các cơ sở. Phong trào chơi bóng đá, bóng chuyền ngày càng phát

triển trong toàn xã. Hằng năm, xã đều tổ chức biểu diễn văn nghệ quần chúng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần trong nhân dân. Công tác xây dựng *Xóm bản văn hoá, Gia đình văn hoá* được triển khai với sự hưởng ứng tích cực của nhân dân. Đến cuối năm 2000, toàn xã có 100% số xóm đăng kí xây dựng *Xóm bản văn hoá*. Qua bình xét, năm 2000 có 22/26 xóm (hơn 85%) đạt tiêu chuẩn *Xóm bản văn hoá*, 1.774/2.073 (hơn 85%) hộ đăng kí đạt danh hiệu *Gia đình văn hoá*.

Một nét đẹp trong đời sống xã hội ngày càng được nhân rộng trên địa bàn xã là phong trào đền ơn đáp nghĩa. Hằng năm, vào dịp kỉ niệm ngày thương binh liệt sĩ, các tổ chức chính quyền, đoàn thể trong xã vận động nhân dân quyên góp, giúp đỡ thương binh và các gia đình liệt sĩ, xây dựng *Nhà tình nghĩa*. Trong 5 năm (1996 – 2000), xã đã huy động hơn 15 triệu đồng vào việc xây dựng *Nhà tình nghĩa*, tặng 112 sổ tiết kiệm cho các gia đình thuộc diện chính sách ⁽¹⁾. Các hoạt động từ thiện, giúp đỡ đồng bào bị bão lụt... được đông đảo các tầng lớp nhân dân trong xã hưởng ứng. Riêng trong năm 1999, nhân dân xã Phấn Mễ đã vận động quyên góp được 2.447.000 đồng quỹ đền ơn đáp nghĩa, 1.800.000 đồng ủng hộ đồng bào vùng bão lụt... ⁽²⁾.

⁽¹⁾ Dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phấn Mễ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ XX, ngày 13/9/2000, tr. 3.

⁽²⁾ Báo cáo của UBND xã Phấn Mễ về tình hình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội năm 1999... Tlđd, tr. 4.

Cuộc vận động xoá đói giảm nghèo được các cấp quan tâm, nhất là Hội Nông dân, Hội Phụ nữ đã có cách làm hay và đạt kết quả tốt.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, công tác huấn luyện dân quân, tự vệ sẵn sàng chiến đấu đạt kết quả cao. Hằng năm, xã đều tổ chức tập trung huấn luyện cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ và quân dự bị động viên. Lực lượng dân quân, tự vệ xã Phấn Mễ nhiều năm đạt thành tích cao trong huấn luyện, được Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen (năm 2000). Trong phong trào *Thi đua quyết thắng* năm 2000, dân quân xã Phấn Mễ là một trong hai đơn vị đạt điểm cao nhất huyện. Ban chỉ huy Xã đội thường xuyên nắm chắc số lượng quân dự bị động viên, hoàn thành chỉ tiêu khám tuyển và gọi thanh niên nhập ngũ đảm bảo đúng số lượng và chất lượng. Nhiều thanh niên tình nguyện nhập ngũ phục vụ lâu dài trong quân đội. Tổng số quân dự bị động viên được giao huấn luyện trong 5 năm (1996 – 2000) theo phương thức mới là 404 người, trong đó có 38 sĩ quan, 366 hạ sĩ quan và chiến sĩ⁽¹⁾.

Từ năm 1998, trên cơ sở các trung đội dân quân ở các xóm, Phấn Mễ đã xây dựng 1 trung đội cơ động.

⁽¹⁾ Theo Báo cáo tổng hợp số liệu sơ kết 5 năm động viên theo phương thức mới của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương. Số 96/ĐVTQ, ngày 19/7/1996, tr. 3, 4, 5.

Chế độ sẵn sàng chiến đấu đi đôi với công tác xây dựng và củng cố cơ sở được duy trì thường xuyên. Thế trận quốc phòng toàn dân đã hình thành cùng với các phương án tác chiến trị an, bảo vệ địa bàn có sự phối hợp với đơn vị bạn thực hiện tốt nhiệm vụ an ninh quốc phòng. Công tác diễn tập hàng năm được tổ chức chu đáo và đạt kết quả tốt. Trong đợt diễn tập Z-99, toàn xã đã huy động 5.741 người (đứng thứ hai sau xã Yên Trạch), trong đó có 450 dân quân, tự vệ, 231 lực lượng dự bị động viên cùng với 40 phương tiện các loại, tu sửa và phát quang 37,7 km đường, nạo vét 3,8 km kênh mương; thu thuế 7.772.800 đồng...

Đội ngũ công an viên ở cơ sở được củng cố. Ban chỉ huy Xã đội phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an xã thường xuyên lập kế hoạch truy quét tội phạm, giữ vững tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, không để xảy ra các vụ việc phức tạp; tình trạng chơi số đề giảm nhiều so với trước.

Giữa lúc các mặt công tác đang tiến triển đi lên, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã đón nhận một tin vui: Xã Phấn Mễ đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*⁽¹⁾. Lễ đón nhận danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân* được tổ chức trọng thể trong

⁽¹⁾ Theo quyết định số 202/KT – CTN ngày 11/6/1999 của Chủ tịch nước.

ngày 18/12/1999, với sự có mặt của đông đảo các tầng lớp nhân dân, lãnh đạo Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, lực lượng vũ trang địa phương, đại diện các gia đình thương binh liệt sĩ gương mẫu của xã, các gia đình có công với Nước, các đồng chí lãnh đạo Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, đại diện các cơ quan, đơn vị nằm trên địa bàn xã, đại biểu Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Quân khu I... Đây là một vinh dự và niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ, có sức cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã hăng hái thi đua hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội được đề ra vào năm cuối cùng của Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1996 – 2000), tạo tiền đề vững chắc khi bước vào thế kỉ XXI.

Sau 5 năm phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, đến năm 2000, tình hình mọi mặt của xã Phấn Mễ có nhiều chuyển biến quan trọng: Sản xuất nông – lâm nghiệp phát triển, tổng sản lượng lương thực vượt chỉ tiêu kế hoạch, thu ngân sách hoàn thành và hoàn thành vượt mức cả chỉ tiêu và tiến độ. Cơ sở hạ tầng được đầu tư đúng mức và ngày càng tiến bộ. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư được nâng lên, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện đời sống nhân dân. Nếu năm 1995 số hộ đói nghèo chiếm gần 20% tổng số hộ trong xã, thì đến năm 1999 đã giảm xuống

còn 5,41%. Mức thu nhập bình quân theo đầu người từ 312 kg lương thực năm 1996, tăng lên 396 kg năm 1999. Hoạt động quản lí nhà nước dần dần đi vào nền nếp; quy chế dân chủ được triển khai thực hiện. Văn hoá, giáo dục, y tế có những bước tiến bộ mới, tính chất xã hội hoá ngày càng củng cố và hoàn thiện. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Đạt được những kết quả trên trước hết là do có sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp. Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã đã biết vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, nhờ đó phát huy được nội lực, khai thác được tiềm năng của địa phương. Sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các đoàn thể và nhất là sự nỗ lực của nhân dân các dân tộc trong xã là nguyên nhân cơ bản đem lại những thành tựu trong những năm 1996 – 2000.

Một nhân tố quan trọng có tính quyết định đưa tới những thắng lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội nhiệm kì 1996 – 2000 là sức chiến đấu, năng lực và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ không ngừng được nâng lên. Đảng bộ luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng thường xuyên được tiến hành dưới nhiều hình thức phong phú, thông qua việc học tập quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước; tổ chức đọc sách, báo, nghe báo cáo thời sự... Các quy

định 54, 55 và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tổ chức thực hiện nghiêm túc. Thông qua đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), mỗi cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ nhận thấy rõ ưu, khuyết điểm của mình để có phương hướng phấn đấu vươn lên; Đảng bộ cũng thấy được những vấn đề cần phải quan tâm để khắc phục, đó là:

- Vai trò lãnh đạo tổ chức thực hiện của cấp uỷ và chính quyền chưa thống nhất; vai trò của đảng viên với xóm làng không rõ nét, thiếu gương mẫu, chưa đáp ứng kịp thời đòi hỏi của sự phát triển ở địa phương.

- Nguyên tắc tập trung dân chủ còn yếu, thực hiện Quy định 55 ở một số cấp uỷ và đảng viên chưa tốt, đoàn kết nội bộ chưa cao, đấu tranh phê bình và tự phê bình còn xuôi chiều, ngại va chạm, công tác kiểm tra còn yếu.

- Sự phối hợp công tác giữa chính quyền với các đoàn thể quần chúng còn yếu, bị động.

- Công tác cán bộ, nhất là tạo nguồn cán bộ trẻ chưa được chú trọng; công tác phát triển Đảng chưa mạnh, không đạt chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đề ra mỗi năm mỗi chi bộ kết nạp 1 đảng viên mới.

- Việc chỉ đạo xây dựng chi, đảng bộ trong sạch vững mạnh chưa mạnh, nên số chi bộ đạt trong sạch vững mạnh hàng năm còn ít.

- Quy chế dân chủ ở một số xóm chưa thực sự được quan tâm.

Nhờ đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đại bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ giữ vững phẩm chất, đạo đức của người đảng viên cộng sản, phát huy tính tiên phong gương mẫu trong lời nói và việc làm. Đặc biệt, từ sau khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhìn chung Đảng bộ có nhiều chuyển biến tốt cả về nhận thức, tư tưởng, lề lối làm việc; tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình thẳng thắn hơn; việc kết nạp đảng viên mới được quan tâm đúng mức hơn. Chất lượng phân loại đảng viên và tổ chức Đảng qua các năm nhìn chung được nâng lên. Đảng bộ xã Phấn Mễ tiếp tục được công nhận là *Đảng bộ trong sạch vững mạnh*.

Trong không khí phấn khởi trước sự chuyển biến đi lên về kinh tế – xã hội, ngày 29/9/2000, Đại hội đại biểu lần thứ XX Đảng bộ xã Phấn Mễ được tổ chức. Biểu dương những thành tích và ưu điểm đã đạt được, Đại hội cũng nghiêm khắc vạch rõ những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội nhiệm kỳ trước, thể hiện ở một số mặt sau đây:

- Chuyển dịch cơ cấu còn chậm, nền kinh tế phát triển nhưng chưa vững chắc.

- Đời sống một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, thu nhập thấp và giá trị hàng hoá nông sản thực phẩm chưa tương xứng với giá trị đầu tư.

- Việc chuyển giao kĩ thuật chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất.

- Huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn của nhân dân còn chậm, tổ chức chỉ đạo chưa chặt chẽ.

- Chỉ đạo xây dựng xóm bản văn hoá thiếu đồng bộ, tệ nạn xã hội có chiều hướng phát triển phức tạp.

- Năng lực của một số cán bộ các cấp, các ngành còn yếu, chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Quy chế dân chủ được triển khai nhưng chưa sâu rộng.

Những tồn tại trên bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân. Ngoài các nguyên nhân khách quan về điều kiện tự nhiên và địa lí của một xã miền núi, trung du gặp không ít khó khăn, cơ sở hạ tầng thấp kém, trình độ dân trí chưa cao, còn có nguyên nhân chủ quan là cấp uỷ và chính quyền ở một số xóm thiếu chủ động, sáng tạo, chưa đoàn kết chặt chẽ trong mọi công việc; công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu; cá biệt có đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ thiếu ý thức rèn luyện, sa sút phẩm chất đạo đức, đã bị xử lí theo pháp luật...

Trên cơ sở vạch rõ những mặt hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của sự hạn chế, yếu kém trong nhiệm

kì trước, Đại hội đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế – xã hội 5 năm (2001 – 2005). Về mục tiêu tổng quát trong 5 năm, Nghị quyết Đại hội nêu rõ: “Đối với Phấn Mễ là một xã thuần nông có trình độ thâm canh tương đối cao, để từng bước thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, chúng ta phải tập trung chuyển dịch cơ cấu cây trồng thích hợp, chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá. Tập trung xây dựng đường, cứng hoá kênh mương, trường học, nâng cao dân trí, đẩy lùi tệ nạn xã hội, ổn định chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng; xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; đến năm 2005 còn dưới 3% hộ nghèo”⁽¹⁾.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XX, gồm 15 uỷ viên. Ban Thường vụ Đảng uỷ gồm 5 đồng chí⁽²⁾. Đồng chí Bùi Xuân Hùng được bầu làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Ngọc Sơn làm Phó Bí thư Đảng uỷ.

Năm 2001, loài người bước sang thiên niên kỉ mới. Đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ, đây là năm đầu thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm (2001 – 2005); đồng thời cũng là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XX của Đảng bộ

⁽¹⁾ Theo Dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phấn Mễ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ XX, ngày 13/9/2000, tr. 11.

⁽²⁾ Gồm các đồng chí: Bùi Xuân Hùng, Nguyễn Ngọc Sơn, Quách Thành Khương, Nguyễn Quang Mô và Hoàng Văn Nhất.

xã. Trong những năm 2001 – 2005, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tổ chức nhiều ngày lễ kỷ niệm lớn: 60 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 15 năm ngày Quốc phòng toàn dân, 75 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 60 năm ngày Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, 115 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Những sự kiện quan trọng đó tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã.

Bước vào nhiệm kỳ mới (2001 – 2005), Đảng bộ xã Phấn Mễ cũng có nhiều thuận lợi: Nhân dân các dân tộc trong xã có truyền thống cần cù, chịu khó, yêu quê hương, có sự đoàn kết nhất trí từ trong Đảng bộ đến toàn dân, có đội ngũ cán bộ nhiệt tình và có quyết tâm cao, có sự quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân và các ban ngành, đoàn thể của huyện.

Phát huy những điều kiện thuận lợi, Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân xã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế – xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX đề ra, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống của nhân dân các dân tộc.

Trên mặt trận kinh tế, sản xuất nông nghiệp có những bước tiến mới. Diện tích gieo cấy trong các năm

đều đạt 100%, có năm vượt 2 – 3%. Năng suất và sản lượng lương thực (cây có hạt) ngày càng tăng; các giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao được gieo cấy trên diện rộng. Các vùng lúa giống được chú trọng đầu tư, đặc biệt là mô hình cánh đồng năng suất cao đã được thí điểm, đem lại thu nhập cao cho nông dân. Việc sử dụng cơ khí trong nông nghiệp cũng có tiến bộ. Trên toàn xã, hơn 60% diện tích gieo cấy được làm bằng máy. Tổng sản lượng lương thực (có hạt) bình quân mỗi năm trong thời kì này là 4.312 tấn. Riêng năm 2005, sản lượng lương thực đạt 4.782,5 tấn (tăng 49 tấn so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX). Bình quân lương thực tính theo đầu người mỗi năm đạt 440 kg, tăng 2% so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX đề ra.

Việc trồng cây công nghiệp, đặc biệt là cây chè được đẩy mạnh. Đến năm 2004, toàn xã có 288,4 ha chè kinh doanh, năng suất trung bình đạt 67 tạ/ha (tăng hơn 190% so với năm 2000), sản lượng là 1.608 tấn (đạt 160% so với chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX đề ra và tăng 1.008 tấn so với năm 2000). Năm 2005, sản lượng chè búp tươi tăng lên 1.960 tấn. Diện tích trồng chè mới các năm đều tăng; riêng năm 2004, toàn xã đã trồng thêm được 66,4 ha, tăng

35,4 ha so với hoạch đề ra ⁽¹⁾, góp phần tăng thêm thu nhập cho các hộ gia đình.

Để giữ vững và phát triển lâm nghiệp, trong những năm 2001 – 2005, xã đã tổ chức tốt công tác quản lí, bảo vệ vốn rừng hiện có, thực hiện kế hoạch khai thác đúng quy định của Nhà nước; đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân tiếp tục trồng rừng trên diện tích đã khai thác. Trong 5 năm (2001 – 2005), toàn xã trồng được 206,4 ha rừng, khai thác được 4.369 m³ gỗ các loại ⁽²⁾. Tình trạng chặt phá rừng bừa bãi được khắc phục một bước.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, những năm 2001 – 2005 đánh dấu bước chuyển biến mới về việc phát triển kinh tế trang trại. Các cấp uỷ Đảng và chính quyền cùng với các đoàn thể tích cực tuyên truyền, động viên nhân dân tham gia thực hiện đề án phát triển mô hình kinh tế trang trại theo sự chỉ đạo và hỗ trợ nguồn vốn của Nhà nước. Đến năm 2005, toàn xã có 5 trang trại chăn nuôi, trong đó có 4 trại gà với khoảng 140.000 con, 1 trại lợn siêu nạc; hàng trăm trại chăn nuôi gia đình có từ 15 đến 100 con lợn ⁽³⁾. Công tác phòng chống dịch bệnh được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ. Hằng

(1), (2) (3) *Báo cáo của BCH Đảng bộ xã Phấn Mễ tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XX... Tlđd, tr. 2*

năm, xã đều tổ chức tốt công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm, kịp thời phát hiện và ngăn chặn khi có dịch bệnh. Nhờ đó trong 5 năm, toàn xã không có dịch bệnh lớn xảy ra.

Việc nuôi thả cá cũng phát triển hơn các năm trước. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền và các đoàn thể tích cực vận động nhân dân triệt để tận dụng nguồn nước để nuôi cá. Gần 498.000 m² diện tích đầm, ao được khai thác, góp phần nâng cao sản lượng cá thịt hằng năm. Đến năm 2004, sản lượng cá thịt trên toàn xã đạt 42 tấn, tăng 150% so với năm 2000; sang năm 2005 tăng lên 45 tấn ⁽¹⁾.

Các ngành tiểu thủ công nghiệp được chú ý đầu tư phát triển, đặc biệt là sản xuất gạch nung. Trước yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, ngành sản xuất gạch nung trên địa bàn xã tăng trưởng rất nhanh chóng. Năm 2000, toàn xã sản xuất được 6,6 triệu viên, đến năm 2004 đã tăng lên 10 triệu viên. Đây là ngành sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, vừa tăng thu nhập cho các hộ gia đình, vừa thu hút được lao động dư thừa trong nhân dân. Với sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ, ngành sản xuất vật liệu xây dựng được đẩy mạnh, với quy mô lớn hơn thông qua việc thành lập hợp tác xã tại xóm Bún 1 vào năm 2005.

⁽¹⁾ Báo cáo của Đảng uỷ xã Phấn Mễ về Đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2005, phương hướng nhiệm vụ giải pháp năm 2006. Số 23/BC-ĐU, ngày 15/12/2005, tr. 2.

Song song với ngành sản xuất vật liệu xây dựng, Đảng bộ xã Phấn Mễ cũng chú ý lãnh đạo xây dựng và phát triển các ngành chế biến gỗ, gò hàn, xay xát chế biến nông sản phẩm. Thông qua đó, đời sống nhân dân trong xã từng bước được cải thiện, đồng thời còn giải quyết được công ăn việc làm mỗi năm từ 400 đến 600 lao động dư thừa. Sự phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp trong những năm 2001 – 2005 đã góp phần quan trọng vào việc tăng thu nhập của người dân và tăng nguồn ngân sách của xã. Tổng thu nhập từ sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 2003 đạt khoảng 3,9 tỉ đồng, đến năm 2004 đã tăng lên 4,3 tỉ đồng ⁽¹⁾.

Trong quá trình phát triển sản xuất, Đảng bộ thường xuyên quan tâm lãnh đạo củng cố quan hệ sản xuất thông qua việc thành lập và chuyển đổi hợp tác xã theo luật. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, kết quả lãnh đạo củng cố hợp tác xã còn nhiều hạn chế. Đến năm 2005, toàn xã mới ổn định và đưa vào hoạt động 1 hợp tác xã dịch vụ điện năng. Ngoài ra, hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng cũng được xây dựng từ tháng 4/2005 tại xóm Bún 1 với 64 xã viên, từng bước hoàn tất thủ tục pháp lí để chính thức đi vào hoạt động.

⁽¹⁾ Báo cáo của BCH Đảng bộ xã Phấn Mễ tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI, ngày 8/7/2005, tr. 4.

Nhận rõ tầm quan trọng của vấn đề thu, chi ngân sách có quan hệ đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện để thúc đẩy kinh tế phát triển, Đảng uỷ đã ra nghị quyết về kế hoạch thực hiện hàng năm, tận thu các nguồn vốn của xã, đồng thời tuyên truyền, vận động huy động nguồn vốn trong nhân dân. Nhờ đó, trong 5 năm (2001 – 2005), xã Phấn Mễ luôn luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch thu ngân sách mỗi năm từ 10% đến 12%; đồng thời huy động nhân dân đóng góp hàng tỉ đồng để đầu tư cho các công trình trọng điểm.

Bằng nguồn vốn do dân đóng góp và một phần do Nhà nước tài trợ, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX, xã Phấn Mễ đã tập trung đầu tư xây dựng một số công trình mới nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và nâng cao đời sống vật chất và văn hoá tinh thần của nhân dân. Đến năm 2004, xã đã xây dựng được 5 trạm biến áp, 3,6 km đường dây trung thế, đảm bảo 100% số hộ trên địa bàn được dùng điện lưới Quốc gia; xây dựng 4 phòng học cấp 4 và 14 phòng học kiên cố, xoá được phòng học tạm. Ngoài ra, xã còn tu sửa, nâng cấp trạm xá, xây dựng Trụ sở làm việc của Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân và của các đoàn thể, xây dựng chợ Phấn Mễ, Nhà văn hoá của tất cả các xóm; xây dựng 3 trạm bơm điện cùng với hệ thống kênh mương dài 6,595 km ⁽¹⁾. Mạng lưới giao thông nông

⁽¹⁾ Báo cáo của BCH Đảng bộ xã Phấn Mễ tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI, ngày 8/7/2005, tr. 3, 4.

thôn thường xuyên được tu sửa, nâng cấp. Trong năm 2003, xã đã huy động nhân công tu sửa, nâng cấp 39,3 km đường giao thông liên thôn, liên xã.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế trên địa bàn xã trong những năm 2001 – 2005 cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Đảng bộ và chính quyền cùng với sự quan tâm giúp đỡ của các cấp, các ngành, công tác giáo dục trong nhà trường ngày càng được củng cố và phát triển. Đội ngũ giáo viên các cấp đảm bảo đủ về số lượng và tốt về chất lượng. Xã hội hoá giáo dục được mở rộng. Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội ngày càng chặt chẽ. Công tác đầu tư cho giáo dục được chú trọng nên cơ sở vật chất trong các trường học từng bước thay đổi nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập. Đến năm 2005, toàn xã có 47 phòng học, trong đó có 14 phòng học kiên cố, số còn lại là phòng học cấp 4. Đó chính là những nhân tố góp phần đưa ngành giáo dục - đào tạo xã Phấn Mễ lên cao một bước cả về số lượng và chất lượng. Hằng năm, các nhà trường trên địa bàn xã duy trì tổng số học sinh từ 2.000 đến 2.300 em, đảm bảo hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi. Số học sinh đến tuổi đi học và tỉ lệ huy động học sinh đến trường đạt 100%. Số học sinh tốt nghiệp tiểu học hằng năm đạt 100%, tốt nghiệp trung học cơ sở đạt từ 97% đến 99%. Các

trường tiểu học, trung học cơ sở của xã đều đạt tiêu chuẩn tiên tiến cấp huyện. Trường Tiểu học Phấn Mễ 2 được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Công tác y tế, dân số gia đình, chăm sóc trẻ em ngày càng đi vào nền nếp và mang lại hiệu quả thiết thực. Đội ngũ cán bộ y tế tại Trạm và y tế thôn bản luôn nêu cao tinh thần phục vụ, làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, thực hiện đầy đủ *Chương trình y tế Quốc gia*, vệ sinh môi trường; tích cực tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc sức khoẻ sinh sản. Hằng năm, xã đều tổ chức khám chữa bệnh cho nhân dân tại Trạm y tế, tổ chức tốt việc tiêm phòng định kỳ cho trẻ em và bà mẹ có thai. Riêng trong năm 2001, Trạm y tế xã đã khám, chữa bệnh đạt 151% so với kế hoạch; trong đó, khám bảo hiểm y tế: 1.067 lượt người, khám miễn phí cho 1.017 lượt, hộ nghèo 349 lượt. Chính vì vậy, Trạm y tế xã Phấn Mễ luôn luôn được cấp trên đánh giá là đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đến năm 2005, được cấp uỷ và chính quyền quan tâm, Trạm y tế xã tích cực hoàn thiện các tiêu chí để phấn đấu đạt *Xã chuẩn y tế Quốc gia*.

Bằng sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ y tế cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền, sự phối hợp của các cấp, các ngành, các đoàn

thể, tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 28% (năm 2000) đã giảm xuống còn 23% (năm 2004), vượt kế hoạch đề ra. Năm 2003, toàn xã có 10 người sinh con thứ 3, đến năm 2004 đã giảm xuống còn 4 người ⁽¹⁾. Những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quan tâm. Xã đã vận động nhân dân đóng góp xây dựng *Quỹ vì trẻ thơ*, tổ chức thăm hỏi các em nhân các ngày lễ Quốc tế thiếu nhi (1/6) và Tết Trung thu.

Việc thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, xây dựng gia đình, xóm bản, cơ quan văn hoá tiếp tục được đẩy mạnh và mang lại nhiều kết quả. Nội dung cuộc vận động được Đảng uỷ quán triệt, phổ biến đến cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân trong xã, gắn với nhiệm vụ cụ thể của từng cấp uỷ, từng cơ sở và đơn vị. Trên cơ sở đó, từng cấp uỷ, từng cơ sở và đơn vị xây dựng thành chỉ tiêu thi đua để cuối năm tổ chức đánh giá, bình xét. Các quy ước, hương ước trong các xóm bản cũng được xây dựng và từng bước điều chỉnh cho phù hợp, hướng mọi người dân vào cuộc sống có văn hoá, đoàn kết giúp đỡ nhau.

Cuộc vận động được các cấp, các ngành quan tâm và nhân dân các dân tộc trong xã nhiệt liệt hưởng ứng,

⁽¹⁾ *Báo cáo của BCH Đảng bộ xã Phấn Mễ tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI... Tlđd, tr. 5.*

cho nên đã tạo nên sự chuyển biến tích cực về nhận thức của đông đảo mọi tầng lớp nhân dân. Đến năm 2004, toàn xã có 100% số xóm và cơ quan đăng kí xây dựng đạt tiêu chuẩn văn hoá. Trong số đó, có 50% số xóm đạt tiêu chuẩn *Xóm văn hoá* và 100% số cơ quan đạt tiêu chuẩn *Cơ quan văn hoá*. Số hộ gia đình đăng kí xây dựng *Gia đình văn hoá* trong các năm đều tăng lên. Năm 2000, toàn xã có 90,7% số hộ đăng kí, đến năm 2004 đã tăng lên 94,82%. Qua bình xét trong các năm, số gia đình được công nhận *Gia đình văn hoá* đạt từ 70% đến 73%.

Đời sống vật chất và văn hoá tinh thần của nhân dân xã Phấn Mễ được nâng lên rõ rệt. Trong xã không còn hộ đói; số hộ nghèo giảm xuống đáng kể. Năm 2002, xã Phấn Mễ có 218 hộ nghèo (bằng 8,56% tổng số hộ), năm 2003 giảm xuống còn 162 hộ (6,36%) và đến năm 2004 chỉ còn 130 hộ (4,99%). Cùng thời gian này, toàn xã có 100% số xóm (26/26) đã xây dựng được *Nhà văn hoá*, 15 sân chơi, bãi tập, 7 cụm loa truyền thanh, 11 tủ thuốc, túi thuốc; 100% số xóm có quy ước, hương ước; trên 80% số hộ có vô tuyến truyền hình; 54% số hộ được dùng nước sạch; 40% số hộ có nhà xây kiên cố, 17% số hộ có 3 công trình hợp vệ sinh... Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao được đẩy mạnh, ngày càng mang tính chất quần chúng rộng rãi. Riêng trong năm 2001, xã Phấn Mễ đã

tổ chức 63 đêm biểu diễn văn nghệ phục vụ hơn 1.000 lượt người xem; 91 lượt thi đấu thể thao ⁽¹⁾. Bộ mặt kinh tế – xã hội của xã có nhiều chuyển biến sâu sắc.

Cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân trong xã ngày càng nhận thức rõ hơn về nhiệm vụ xây dựng thế trận an ninh nhân dân, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng kinh tế gắn với củng cố Quốc phòng.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc và Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 19/8/2003 của Ban Bí thư Trung ương, căn cứ vào Kế hoạch và Chương trình hành động của Huyện uỷ Phú Lương, từ năm 2003 Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phấn Mễ đã xây dựng Chương trình hành động đến năm 2005 và năm 2010. Chương trình hành động Đảng bộ hướng vào 5 nội dung được coi là nhiệm vụ trọng tâm nhất:

- *Thứ nhất*, tập trung làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức trong toàn Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang về thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

⁽¹⁾ Báo cáo của UBND xã Phấn Mễ về tình hình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội năm 2001, phương hướng mục tiêu kinh tế – xã hội năm 2002-Ngày 20/2/2002, tr. 5.

- *Thứ hai*, luôn giữ vững và ổn định về an ninh xóm bản, luôn ổn định trật tự xã hội trên địa bàn để phát triển kinh tế – xã hội.

- *Thứ ba*, phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội, giữ vững đoàn kết trong Đảng, tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), coi nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt.

- *Thứ tư*, tập trung phát triển kinh tế gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, phấn đấu đến năm 2005 còn 3% hộ nghèo, không còn hộ đói, giữ vững an ninh chính trị, an ninh nông thôn. Tổ chức thực hiện tốt mục tiêu kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XX đề ra. Thực hiện tốt chương trình “4 hoá”, tập trung vào việc củng cố quan hệ sản xuất, xây dựng trường học, đường giao thông.

- *Thứ năm*, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường kỉ cương, chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Chương trình hành động của Đảng uỷ là sự tiếp tục và làm rõ thêm phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế – xã hội đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX nêu lên; đồng thời cũng chính là phương hướng lãnh đạo của Đảng bộ đối với mọi mặt công tác không chỉ trong những năm còn lại của nhiệm kì 2001 – 2005, mà cho cả nhiệm kì 2005 – 2010.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, Ban Công an thường xuyên được củng cố kiện toàn về tổ chức, bồi dưỡng nâng cao về lập trường tư tưởng, tinh thần trách nhiệm trước nhân dân cũng như về nghiệp vụ công tác. Đội ngũ công an viên hoạt động ngày càng tốt hơn, hằng tháng duy trì tốt công tác giao ban, nắm vững tình hình an ninh trật tự ở địa phương, tăng cường tấn công truy quét tội phạm, quản lí chặt chẽ công tác hộ tịch, hộ khẩu, nắm chắc các đối tượng trên địa bàn. Các đoàn thể tăng cường phối hợp hoạt động, triển khai sâu rộng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Các lực lượng xã hội được huy động vào cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Hằng năm, Đảng uỷ đều có nghị quyết chuyên đề thực hiện Đề án phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Đảng uỷ phân công từng uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ có trách nhiệm cùng với các Ban chỉ uỷ nắm chắc mọi diễn biến ở xóm, bản. Ban Công an làm tham mưu cho các cấp uỷ về phòng chống tệ nạn xã hội; tích cực phối hợp với lực lượng dân quân, tăng cường kiểm tra hộ khẩu và tổ chức tuần tra, chốt chặn. Xã thường xuyên duy trì 26 tổ an ninh, 26 tổ hoà giải ở 26 xóm. Ngày 23/4/2003, Uỷ ban nhân dân xã Phấn Mễ ra Quyết định số 44/QĐ-UB về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng chống tệ nạn xã hội xã, gồm 13 thành viên, do đồng chí Nguyễn Quang Mô làm Trưởng ban. Ban Chỉ đạo phòng chống tệ nạn xã hội có nhiệm

vụ tuyên truyền, vận động, xây dựng kế hoạch hoạt động, đơn đốc kiểm tra và thực hiện tốt công tác phòng chống tệ nạn xã hội trong toàn xã.

Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được thực hiện khá tốt. Kết quả thanh tra của Đoàn Thanh tra Quốc phòng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên cho thấy: (từ tháng 8/2000 đến tháng 8/2002) xã Phấn Mễ là “đơn vị xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch chiến đấu trị an, kế hoạch phòng chống cháy nổ, kế hoạch phòng chống bão lụt được thông qua phê chuẩn đầy đủ; tổ chức luyện tập phương án lồng ghép trong giai đoạn huấn luyện, lập danh sách duy trì lực lượng trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, được lưu giữ đầy đủ... Xây dựng lực lượng dân quân đúng hướng dẫn, sổ sách đăng kí đầy đủ, gọn gàng, sạch sẽ, lưu giữ khá tốt. Kế hoạch huấn luyện hằng năm đầy đủ theo nội dung chương trình quy định cho các đối tượng được thông qua phê chuẩn. Giáo án huấn luyện đầy đủ theo mẫu thống nhất, sạch đẹp, chính quy, được thông qua phê duyệt theo phân cấp. Đăng kí, theo dõi kết quả huấn luyện chặt chẽ, lập văn bản kiểm tra huấn luyện cho các đối tượng tỉ mỉ, có sự theo dõi của cán bộ cơ quan quân sự. Quân số, kết quả huấn luyện cao... Đăng kí, quản lí lực lượng dự bị động viên chặt chẽ, thực hiện đủ chỉ tiêu động viên hằng năm. Vũ khí trang bị quản lí, sử dụng đúng quy định. Súng trang bị cho cá nhân đều

CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ (ĐẢNG BỘ) VÀ CHỦ TỊCH UBND XÃ PHẤN MỄ



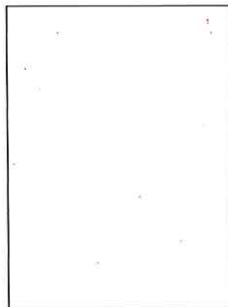
Đ/c: LƯƠNG VĂN PHÚC

Chủ tịch xã
6/1946 - 12/1946



Đ/c: BÀNG VIỆT CƯỜNG

Bí thư Chi bộ xã
11/1946 - 12/1946



Đ/c: NGUYỄN VĂN KHIÊM

Chủ tịch xã
1/1947 - 4/1949



Đ/c: TRẦN ĐỨC THẮNG

Bí thư Chi bộ xã
12/1946 - 4/1947



Đ/c: NINH VĂN LẠI

Bí thư Chi bộ xã 4/1947 - 9/1947
7/1956 - 12/1956



Đ/c: VŨ MINH TƯỚC

Bí thư Chi bộ xã
10/1947 - 6/1948



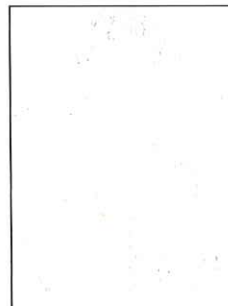
Đ/c: LA VĂN LIỀN

Bí thư Chi bộ xã 6/1948 - 6/1952
Chủ tịch xã 12/1949 - 6/1952



Đ/c: LA QUANG ĐẠI

Chủ tịch xã 4/1949 - 12/1949
Bí thư Chi bộ xã 6/1952 - 1953



Đ/c: NGUYỄN VĂN HỌC

Chủ tịch xã 6/1952 - 1953
Bí thư Chi bộ xã 12/1958 - 12/1959



Đ/c: PHẠM THÀNH AN
 Bí thư Chi bộ xã 1953 và
 1/1957 - 11/1958
 Chủ tịch xã 1960 - 1964



Đ/c: TRẦN QUỐC BÌNH
 Bí thư Chi bộ xã
 10/1953 - 7/1956



Đ/c: TRẦN VĂN ĐÁN
 Chủ tịch xã
 1953 - 1955



Đ/c: TRẦN ĐỨC THIÊN
 Chủ tịch xã
 1956 - 1960



Đ/c: VŨ VĂN BAN
 Bí thư Chi bộ xã
 1960 - 1961



Đ/c: LÔI ĐÌNH THƠ
 Bí thư Chi bộ xã 1961 - 1962
 Bí thư Đảng ủy xã 1963 - 1977
 1979 - 1982



Đ/c: LƯƠNG VĂN MINH
 Chủ tịch xã 1965 - 1971
 1979 - 1981



Đ/c: PHẠM VĂN CẨN
 Chủ tịch xã
 1972 - 1979



Đ/c: LÂM ĐÌNH PHÒNG
 Bí thư Đảng ủy xã
 1977 - 1979



Đ/c: TRẦN ĐỨC VIỆT

Bí thư Đảng ủy xã
1982 - 8/1987



Đ/c: HÀ TRỌNG THẾ

Chủ tịch xã
1982 - 1989



Đ/c: QUÁCH THÀNH KHƯƠNG

Chủ tịch xã
1989 - 1999



Đ/c: LÝ KIM CẢNH

Bí thư Đảng ủy xã
9/1987 - 1992



Đ/c: TRƯƠNG XUÂN LỤC

Bí thư Đảng ủy xã
1993 - 1995



Đ/c: BÙI XUÂN HÙNG

Bí thư Đảng ủy xã
từ năm 1996



Đ/c: NGUYỄN NGỌC SƠN

Chủ tịch xã
từ năm 2000



TỔNG KẾT PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC 5 NĂM (1995 - 1999), NHÂN DÂN VÀ CÁN BỘ XÃ PHẤN MỆ
ĐƯỢC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN TẶNG CỜ "ĐƠN VỊ THI ĐUA XUẤT SẮC"



TỔNG KẾT PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC NĂM 2000, NHÂN DÂN VÀ CÁN BỘ XÃ PHẤN MỆ
ĐƯỢC CHÍNH PHỦ TẶNG CỜ "ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA"

có giấy phép sử dụng. Nghị quyết lãnh đạo của Đảng uỷ đều có nội dung đề cập đến công tác quốc phòng. Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã luôn quan tâm trong việc chi ngân sách và phát huy trách nhiệm của các đoàn thể, xóm, làng, chăm lo cho công tác huấn luyện dân quân hằng năm...”⁽¹⁾. Lực lượng dân quân được chú trọng xây dựng trong các xóm, nhất là dân quân nông cốt. Đến năm 2005, toàn xã có 1.140 cán bộ, chiến sĩ dân quân; trong đó có 102 dân quân nông cốt, 1.038 dân quân rộng rãi và đảng viên chiếm 15%, quân dự bị động viên có 622 người⁽²⁾. Lực lượng dân quân, tự vệ, quân dự bị động viên thường xuyên luyện tập và được phổ biến quán triệt các nghị quyết của đại hội Đảng các cấp, nhất là Nghị quyết lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới. 100% cán bộ quân sự, Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, Bí thư chi bộ, Trưởng xóm cũng được bồi dưỡng về kiến thức quốc phòng. Các cuộc diễn tập hằng năm được tổ chức nghiêm túc, có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ và nhìn chung đạt kết quả tốt. Qua mỗi đợt diễn

⁽¹⁾ *Kết luận thanh tra hoạt động Quốc phòng – Quân sự địa phương đối với huyện Phú Lương. Số 699/KL-TT, ngày 17/10/2002, tr. 1, 2.*

⁽²⁾ *Báo cáo của Đảng uỷ xã Phấn Mễ về Đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2005, phương hướng nhiệm vụ giải pháp năm 2006. Số 23/BC-ĐU, ngày 15/12/2005, tr. 4.*

tập, xã đã huy động được hàng ngàn ngày công để tu sửa đường giao thông nông thôn, kết hợp với lực lượng công an làm trong sạch địa bàn, đồng thời thực hiện công tác truy thu ngân sách ở địa phương. Do thường xuyên chăm lo công tác giáo dục tư tưởng chính trị, nên nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu được cấp trên đánh giá tương đối tốt. Phương án, kế hoạch phòng thủ thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung. Công tác tuyển quân hằng năm được tiến hành chặt chẽ, luôn đạt chỉ tiêu trên giao và đảm bảo chất lượng tốt.

Với những kết quả đạt được về các mặt trong 5 năm (2001 – 2005), xã Phấn Mễ trở thành đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua, năm 2001 được Chính phủ tặng cờ thi đua và đến năm 2003 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Tất cả những thành tích đạt được cùng với sự chuyển biến về kinh tế, xã hội kể trên đã phản ánh kết quả của công tác xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt là công tác xây dựng Đảng bộ xã.

Bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú và duy trì sinh hoạt đều đặn, các tổ chức Đảng từ xã xuống đến thôn xóm rất coi trọng nội dung giáo dục chính trị tư tưởng. Cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ thường xuyên được tổ chức học tập quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nghe báo cáo thời sự trong và ngoài nước. Trong những năm 2001 – 2005, Đảng uỷ tiếp tục tổ

chức thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2) và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khoá IX). Đảng uỷ đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức cách mạng, thực hành tiết kiệm, phê phán những quan điểm tư tưởng sai trái, cơ hội chính trị, chủ nghĩa cá nhân, lối sống ích kỉ, buông thả... Các tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ nghiêm túc thực hiện Quy định 76 về đảng viên giữ mối liên hệ với chi uỷ, chi bộ nơi cư trú và Quy định 19 về những điều đảng viên không được làm. Vì vậy, đại đa số cán bộ, đảng viên có nhận thức rõ ràng, không bị dao động trước những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, luôn luôn vững vàng trong mọi hoàn cảnh. Tinh thần tự lực tự cường, ý thức làm chủ tập thể được nâng lên ở mọi cấp, mọi ngành. Những biểu hiện lệch lạc về tư tưởng, trong sinh hoạt và trong việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước... được kịp thời uốn nắn, ngăn chặn.

Trong quá trình thực hiện xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, từ Đảng uỷ xuống đến các chi bộ đã biết gắn với nhiệm vụ chính trị cụ thể của từng đơn vị, lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ hàng năm để đánh giá, phân tích xếp loại đảng viên, phân loại chi bộ. Trung bình mỗi năm, số chi bộ trong sạch vững mạnh chiếm 52% tổng số chi bộ trong toàn Đảng bộ. Số chi bộ ghép giảm dần, số chi bộ trong sạch vững mạnh tăng dần qua các năm và không còn chi bộ yếu

kém. Chất lượng đảng viên được phân loại qua các năm nhìn chung được nâng lên. Năm 2001, có 281 trong tổng số 282 đảng viên được phân loại (99,64%) được công nhận hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ, 1 đảng viên (0,35%) không hoàn thành nhiệm vụ. Đến năm 2004, có 336 trong tổng số 337 đảng viên được phân loại (99,7%) đạt tiêu chuẩn đảng viên hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ, 1 đảng viên (0,27%) không hoàn thành nhiệm vụ ⁽¹⁾. Trong suốt 5 năm, Đảng bộ xã Phấn Mễ liên tục được công nhận là *Đảng bộ trong sạch vững mạnh*, được Ban Chấp Hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tặng cờ Đảng bộ cơ sở có thành tích xuất sắc tiêu biểu 5 năm(2001-2005).

Công tác kiểm tra trong Đảng bộ được đặc biệt coi trọng. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy khoá XX dù chỉ có 5 đồng chí và hầu hết là kiêm nhiệm, nhưng đã làm tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy về công tác kiểm tra theo tinh thần Điều lệ Đảng. Trong 5 năm (2001 – 2005), Đảng ủy đã tổ chức 7 cuộc kiểm tra để đánh giá tình hình của Đảng bộ, kiểm tra việc thực hiện Luật đất đai, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh, thực hiện 10 đề án của huyện, Đề án 304 của Tỉnh ủy và hàng chục cuộc kiểm tra đột xuất. Thông qua công tác kiểm tra, các cấp ủy có giải pháp thích hợp để khắc phục những

⁽¹⁾ Báo cáo của BCH Đảng bộ xã Phấn Mễ tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI... Tlđd, tr. 8.

lệch lạc, biểu dương kịp thời những điển hình tốt, phát huy sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị. Cũng thông qua công tác kiểm tra, Đảng uỷ đã xử lý kỉ luật 8 đảng viên, trong đó có 7 đảng viên bị cảnh cáo và 1 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng.

Cùng với công tác củng cố, việc phát triển đảng viên được tiến hành thường xuyên. Trong hơn 4 năm (từ năm 2001 đến tháng 5/2005), Đảng bộ Phấn Mễ kết nạp thêm 105 đảng viên mới đã từng được thử thách qua thực tiễn sản xuất và công tác.

Nhận thức rõ lời dạy của Bác Hồ: *“Có cán bộ tốt, việc gì cũng xong. Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém...”*⁽¹⁾, Đảng bộ rất quan tâm đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ. Việc sắp xếp bố trí, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ trong những năm 2001 – 2005 được thực hiện khá tốt. Hầu hết số cán bộ chủ chốt do Ban Thường vụ Huyện uỷ quản lí đều có sức khoẻ, có năng lực và trình độ, có độ tuổi đạt chuẩn theo Quy hoạch A3. Cán bộ xã được tạo điều kiện đi bồi dưỡng để nâng cao trình độ. Những cán bộ phụ trách các đoàn thể cũng thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn và lí luận chính trị. Tính riêng trong năm 2005, Đảng uỷ đã cử 5 đồng chí Bí thư chi bộ, 52 lượt Trưởng xóm, 32 đại

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh: Toàn tập. Tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2000., tr. 240.

biểu Hội đồng nhân dân, 24 Trưởng ban mặt trận xóm, 73 lượt Chi hội trưởng các đoàn thể đi tập huấn nghiệp vụ, 4 đồng chí học đại học tại chức, 4 đồng chí học trung cấp lí luận chính trị tại chức, 4 đồng chí học sơ cấp chính trị, 1 đồng chí học 36 tháng tại Trường Chính trị tỉnh và 1 đồng chí học 16 tháng tại Trường Quân sự tỉnh ⁽¹⁾. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ từ xã xuống đến các thôn xóm đều có tinh thần hăng say công tác, có đạo đức, lối sống khiêm tốn, giản dị, được đảng viên và quần chúng tin yêu.

Song song với công tác xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh, bộ máy chính quyền cũng được củng cố và kiện toàn. Hoạt động của Hội đồng nhân dân xã ngày càng có nền nếp, làm tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật và các nghị quyết, quyết định ở địa phương, do đó phát huy được vai trò của một cơ quan quyền lực ở cơ sở.

Năng lực quản lí, điều hành của Ủy ban nhân dân và cán bộ xóm có nhiều đổi mới, thường xuyên bám sát Nghị quyết của Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân và của chi bộ. Các thủ tục hành chính được thực hiện nhanh gọn, giảm phiền hà cho dân, tích cực giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của dân. Thường trực Ủy ban nhân dân và các thành viên luôn có sáng kiến tổ chức thực

⁽¹⁾ Báo cáo của Đảng uỷ xã Phấn Mễ về đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2005... Tlđđ, tr. 5.

hiện, quản lí, điều hành công việc, đặc biệt là quản lí kinh tế theo cơ chế mới.

Đảng bộ thường xuyên quan tâm đến việc củng cố Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể không ngừng phát huy được vai trò, tác dụng trong việc tổ chức, động viên quần chúng thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ngay sau khi có Đề án 304/ĐATU của Tỉnh uỷ về *“Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở”* và Kế hoạch số 24 ngày 7/4/2003 của Huyện uỷ Phú Lương về việc thực hiện Đề án 304, Đảng uỷ xã đã triệu tập Hội nghị (tháng 6/2003) gồm các đồng chí trong Ban Chấp hành, Thường trực Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, Trưởng, Phó các ngành, đoàn thể, các Bí thư chi bộ và các Trưởng, Phó xóm để triển khai bước 1. Tiếp theo, được sự hướng dẫn của Đảng uỷ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiến hành triển khai bước 2, xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án đến hết năm 2005.

Thông qua việc thực hiện Đề án 304, nhận thức của cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, đảng viên đối với công tác mặt trận và đoàn thể được nâng lên; vai trò, vị trí của mặt trận và các đoàn thể nhân dân ngày càng được thể hiện rõ nét hơn. Các chương trình, kế hoạch

hoạt động của mặt trận và các đoàn thể luôn gắn với việc phát triển kinh tế – xã hội của địa phương thông qua các hoạt động hỗ trợ, tập huấn, vay vốn. Nhiều hội quần chúng có những chương trình phong phú, thiết thực, thu hút được đông đảo hội viên tham gia, nhất là chương trình xoá đói, giảm nghèo, chăm sóc sức khoẻ... Mặt trận Tổ quốc xã đã tổ chức tốt cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”*, tổ chức thành công Hội thi cán bộ Mặt trận giỏi, cử 1 cán bộ đi thi được giải Nhất huyện và giải Nhì tỉnh. Quy chế dân chủ được mở rộng và có chiều sâu. Mặt trận Tổ quốc xã Phấn Mễ thực sự là cầu nối giữa Đảng với dân.

Cũng như Mặt trận Tổ quốc, nội dung hoạt động của các đoàn thể nhân dân xã Phấn Mễ từng bước được đổi mới. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã thường xuyên phối hợp với chính quyền tuyên truyền, vận động hội viên thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội. Các phong trào thi đua *Tuổi trẻ giữ nước, Thanh niên lập nghiệp, Thanh niên tình nguyện, Hội thi tiếng hát Hoa phượng đỏ, Tìm hiểu Luật An toàn giao thông...* do Đoàn Thanh niên tổ chức đã thu hút sự quan tâm chú ý của thanh, thiếu niên trong xã. Hội Khuyến học có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân và các

đoàn thể thực hiện xã hội hoá giáo dục. Các cụ phụ lão trong Hội Người cao tuổi luôn sống vui khoẻ, sống có ích, làm gương và là chỗ dựa tinh thần cho con cháu trong gia đình và cộng đồng noi theo.

Bằng những hoạt động tích cực, có hiệu quả, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Phấn Mễ liên tục trong nhiều năm được công nhận là những đơn vị xuất sắc và trong sạch vững mạnh.

Nhằm đánh giá những thành tích, ưu điểm đã đạt được cũng như những hạn chế, thiếu sót còn tồn tại trong nhiệm kỳ 2001 – 2005, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội trong nhiệm kỳ mới, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương, Đại hội đại biểu lần thứ XXI Đảng bộ xã Phấn Mễ được tổ chức từ ngày 9 đến ngày 10/7/2005. Đại hội có mặt 149 đại biểu trọng tổng số 150 đại biểu được triệu tập, đại diện cho 392 đảng viên sinh hoạt tại 30 chi bộ trong toàn Đảng bộ.

Đánh giá tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XX, Đại hội khẳng định: "... đã hoàn thành tốt mục tiêu kinh tế – xã hội năm sau cao hơn năm trước, sản lượng lương thực bình quân tăng 4% so với nghị quyết, cây chè phát triển tốt và là cây mũi nhọn. Trong nhiệm kỳ qua, diện tích tăng 66%, sản lượng tăng 143,6%, đề án xây dựng cơ sở hạ tầng đã tạo lập nên hệ

thống cơ sở hạ tầng ban đầu đã đáp ứng một phần nguyện vọng của nhân dân, thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân. Đề án xây dựng làng bản, gia đình văn hoá đã có tác dụng mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế phát triển, bộ mặt nông thôn dần được đổi mới, sức khoẻ nhân dân ngày càng tốt hơn. Đề án phổ cập trung học cơ sở bước đầu đã góp phần nâng cao trình độ văn hoá trong thanh niên, thúc đẩy xã hội hoá giáo dục... Hộ nghèo từ 9,6% năm 2000 giảm xuống còn 4,9% năm 2004, thu nhập mỗi năm bình quân đầu người ước đạt 2,9 triệu đồng”⁽¹⁾. Bên cạnh đó, Đại hội cũng chỉ ra những mặt yếu kém trong nhiệm kỳ trước: “Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế địa phương. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn hạn chế, chưa có quy mô sản xuất lớn. Các sản phẩm trong nông nghiệp chưa được bao tiêu, còn hoàn toàn phụ thuộc vào thị trường. Chất lượng giáo dục còn thấp, cơ sở vật chất của nhà trường chưa được bảo đảm, cơ sở hạ tầng còn thấp kém. Năng lực của một số cán bộ còn hạn chế, chưa phù hợp với điều kiện hiện nay. Chất lượng của một số ít đảng viên còn thấp, chưa cố gắng học tập tu dưỡng rèn luyện để nâng cao nhận thức...”⁽²⁾.

⁽¹⁾ *Báo cáo của BCH Đảng bộ xã Phấn Mễ tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI... Tlđd, tr. 12.*

⁽²⁾ *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Phấn Mễ khoá XXI nhiệm kỳ 2005 – 2010, ngày 10/7/2005, tr. 1, 2.*

Trên cơ sở đánh giá thành tích, ưu điểm và những mặt hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ 2001 – 2005, Đại hội đã thông qua mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2005 – 2010. Đại hội xác định cơ cấu kinh tế của xã là Nông – Lâm nghiệp – Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp – Dịch vụ và Thương mại; đến năm 2010, tỉ trọng kinh tế nông nghiệp giảm 10%, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng từ 15% đến 20%, dịch vụ và thương mại tăng 20%. Tổng sản lượng lương thực (cây có hạt) hằng năm tăng 2%, phấn đấu đến năm 2010 đạt 5.130 tấn, chè trồng mới đến năm 2010 có 100 ha chè cành, trồng rừng 250,6 ha, tổng thu ngân sách (thu cân đối) hằng năm tăng từ 15 đến 20%, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm tăng từ 10 đến 12%, giảm tỉ lệ nghèo hằng năm 3%, giảm tỉ suất sinh thô hằng năm 0,03%, 70% trở lên đạt *Xóm văn hoá*, 100% cơ quan đạt *Cơ quan văn hoá*, 75% trở lên đạt *Gia đình văn hoá*, xây dựng 1 đến 2 trường chuẩn Quốc gia, xây dựng đạt chuẩn y tế Quốc gia vào năm 2006, giữ vững danh hiệu *Đảng bộ trong sạch vững mạnh*, phấn đấu có số chi bộ trong sạch vững mạnh và số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 70% trở lên, kết nạp 120 – 150 đảng viên mới... ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Phấn Mễ khoá XXI... Tlđd, tr. 2

Đại hội đã thông qua tổng hợp ý kiến đóng góp các bản dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương, Tỉnh uỷ và Huyện uỷ; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ xã khoá XXI, gồm 15 đồng chí. Ban Thường vụ Đảng uỷ gồm 5 đồng chí⁽¹⁾. Đồng chí Bùi Xuân Hùng được tín nhiệm tái cử chức vụ Bí thư; các đồng chí Nguyễn Ngọc Sơn và Lý Quảng Nam được bầu làm Phó Bí thư Đảng uỷ.

Phát huy những thành tích đã đạt được, với tinh thần trách nhiệm cao, Ban Chấp hành Đảng bộ Phấn Mễ đã và đang tích cực lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XXI. Chặng đường trước mắt còn nhiều khó khăn gian khổ, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Phấn Mễ cùng với nhân dân cả nước quyết tâm phấn đấu để đi tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

⁽¹⁾ Gồm có: Bùi Xuân Hùng, Nguyễn Ngọc Sơn, Lý Quảng Nam, Quách Thành Khương và Nguyễn Quang Mô.

KẾT LUẬN

Đảng bộ Phấn Mễ ra đời trên cơ sở phát triển tổ chức chi bộ được thành lập từ cuối năm 1946. Trên chặng đường gần 60 năm, cán bộ, đảng viên của Đảng bộ được rèn luyện, thử thách qua nhiều thời kì đấu tranh gian khổ.

Từ những năm đầu đấu tranh giành chính quyền, được tuyên truyền, giác ngộ, một số thanh niên yêu nước trong xã tự nguyện bước vào trận tuyến đấu tranh cách mạng dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Nhiều quần chúng tích cực hăng hái tham gia vào các Hội Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. Đội tự vệ ra đời và phát triển nhanh chóng, góp phần thúc đẩy phong trào lan rộng từ Phấn Mễ sang các xã khác trên địa bàn huyện Phú Lương. Trong những ngày khởi nghĩa giành chính quyền, nhân dân cùng với lực lượng tự vệ không ngừng tiến công vào bọn phản động, tay sai của đế quốc, phát xít; lập toà án cách mạng xét xử bọn bán nước. Lực lượng tự vệ xã Phấn Mễ (lúc đó

gồm 3 xã: Động Đạt, Phấn Mễ và Phấn Súc) còn tham gia giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, trên cơ sở đội ngũ cán bộ cốt cán đã được rèn luyện, thử thách, Chi bộ Đảng xã Phấn Mễ chính thức thành lập, trực tiếp đảm nhận vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương.

Mặc dù còn rất non trẻ, đội ngũ cán bộ, đảng viên còn khá mỏng, nhưng Chi bộ đã lãnh đạo quân, dân trong xã hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chiến đấu và trực tiếp chiến đấu, bảo vệ vững chắc cửa ngõ ATK Trung ương; xây dựng hậu phương phục vụ tiền tuyến, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975), Chi bộ tiếp tục lãnh đạo thắng lợi công tác sửa sai, khôi phục kinh tế, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế – văn hoá, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân. Trong quá trình đó, Chi bộ (từ cuối năm 1962 là Đảng bộ) đã lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ, đồng thời tích cực chi viện chiến trường miền Nam, góp phần xứng đáng vào Đại thắng mùa Xuân 1975.

Trong thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (từ năm 1975 đến nay), trên cơ sở quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Tỉnh uỷ và Huyện uỷ, Đảng bộ đã lãnh đạo thực hiện thắng lợi các kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội. Bộ mặt kinh tế – xã hội trên địa bàn xã có nhiều chuyển biến sâu sắc.

Trải qua chặng đường gần 60 năm (1946 – 2005) vừa xây dựng, vừa lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Đảng, Đảng bộ xã Phấn Mễ không ngừng trưởng thành về mọi mặt. Từ chỗ chỉ có 4 đảng viên lúc mới thành lập (1946), gần 10 năm sau (đầu năm 1956), tăng lên 35 đảng viên và đến tháng 7/2005, Đảng bộ xã Phấn Mễ đã có 392 đảng viên. Từ chỗ chỉ là một chi bộ (11/1946), đã phát triển thành một đảng bộ (cuối năm 1962) với 3 chi bộ trực thuộc và đến tháng 7/2005, Đảng bộ xã Phấn Mễ có 30 chi bộ.

Cùng với sự lớn mạnh về số lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng, trình độ lí luận chính trị và trình độ học vấn cũng như về năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ cũng được nâng lên rõ rệt.

Trải qua gần 60 năm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cách mạng, Đảng bộ xã Phấn Mễ đã rút được nhiều kinh nghiệm quý báu:

Một là, phải thường xuyên chăm lo xây dựng và củng cố khối đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ, lấy đó làm hạt nhân xây dựng và mở rộng khối đoàn kết thống nhất trong nhân dân các dân tộc.

Đoàn kết là một truyền thống cực kì quý báu của dân tộc Việt Nam trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đây là một nhân tố thường xuyên có tính quyết định đến mọi thắng lợi của cách mạng. Trước khi từ trần, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta một bản Di chúc lịch sử, trong đó Người căn dặn: “... Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”.

Nhận thức rõ điều đó, đồng thời xuất phát từ thực tế của Đảng bộ có đội ngũ đảng viên thuộc nhiều thành phần dân tộc khác nhau và từ nhiều nơi đến cư trú, Đảng uỷ thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ, trước hết là trong tập thể cấp uỷ. Chế độ sinh hoạt dân chủ, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình trong các cấp uỷ và các chi bộ luôn luôn được duy trì. Thông qua sinh hoạt dân chủ trong Đảng, những biểu hiện gây bè phái, tự tư, tự lợi, vun vén lợi ích cá nhân, cục bộ, hữu khuynh... trong một số cán bộ, đảng viên đã kịp thời được phê phán và từng bước loại trừ.



NGÀY 1-8-2003, CHỦ TỊCH NƯỚC RA QUYẾT ĐỊNH SỐ 489/QĐ-CTN
TẶNG **HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA** CHO NHÂN DÂN VÀ CÁN BỘ XÃ PHẤN MẸ.



ĐẠI DIỆN NHÂN DÂN VÀ CÁN BỘ XÃ PHẤN MẸ ĐÓN NHẬN **HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA**



CÔNG TRÌNH THỦY LỢI: HỒ CHỨA NƯỚC LÃNG HIN ĐẢM BẢO CUNG CẤP ĐỦ NƯỚC TƯỚI CHO GẦN 100 HECTA RUỘNG CỦA CÁC XÓM LÃNG HIN, PHÚ SƠN, LÃNG GIANG 1, LÃNG GIANG 2.



CẢNH ĐỒNG LÃNG HIN



TOÀN CẢNH TRỤ SỞ ĐẢNG ỦY, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÂN MỄ



CÁC ĐẠI BIỂU DỰ HỘI THẢO BAN THẢO "LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ PHÂN MẼ (1946 - 2005)"

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN

Tặng



TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG CÓ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU XUẤT SẮC 5 NĂM

(2001 – 2005)

NGÀY 20/11/2006, BCH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN RA QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/QĐ/TU TẶNG ĐẢNG BỘ XÃ PHÂN MỀ
DANH HIỆU “**TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG CÓ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU XUẤT SẮC 5 NĂM (2001-2005)**”



TOÀN CẢNH ĐẠI HỘI BIỂU ĐƯƠNG BỘ XÃ PHÂN MỄ LẦN THỨ XX
NHUẬN KỲ 2000 - 2005 (29/9/2000)

Trên cơ sở củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, Đảng uỷ rất chú trọng lãnh đạo xây dựng khối đoàn kết giữa mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc trong xã. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các đoàn thể quần chúng không ngừng được củng cố và mở rộng. Những cán bộ, đảng viên có tinh thần trách nhiệm và năng lực công tác được Đảng bộ cử sang phụ trách các tổ chức đoàn thể quần chúng. Chính vì vậy, qua các thời kì lịch sử, các tổ chức quần chúng trong xã (Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân và những năm gần đây có thêm Hội Cựu Chiến binh) đã không ngừng phát huy được vai trò, chức năng của mình, động viên ngày càng đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, mọi ngành, mọi giới... trong xã tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh giành và giữ chính quyền cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai là, phải thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có đầy đủ phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực lãnh đạo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ rõ: Cán bộ là gốc của mọi công việc. Vì vậy huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng; công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay xấu.

Nhận thức được điều đó, nhìn chung qua các thời kì, đặc biệt trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước yêu cầu ngày càng cao của cách mạng, Đảng bộ, rất chú trọng việc rèn luyện phẩm chất đạo đức và nâng cao trình độ, năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên. Do vậy công tác giáo dục chính trị tư tưởng được duy trì thường xuyên. Ngoài việc mở các lớp bồi dưỡng văn hoá, Đảng bộ tích cực cử cán bộ chủ chốt theo học các lớp bồi dưỡng lí luận chính trị do Huyện và Tỉnh tổ chức. Thực tế trong quá trình lãnh đạo các mặt công tác trên địa bàn xã, một số cán bộ chủ chốt có biểu hiện hữu khuynh, thiếu tinh thần trách nhiệm, hoặc vi phạm phẩm chất đạo đức cách mạng, đã bị xử lí kỉ luật nghiêm khắc. Những cán bộ có đầy đủ phẩm chất, trình độ và năng lực được bồi dưỡng, đưa vào nắm giữ các vị trí chủ chốt trong cấp uỷ, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Nhờ đó, nhìn chung trong gần 60 năm qua, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ xã Phấn Mễ đã đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ.

Ba là, trên cơ sở quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ cấp trên, biết vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương.

Mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đề ra bao giờ cũng xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể và yêu cầu của cách mạng cả nước trong

từng thời kì lịch sử cụ thể. Những chủ trương, chính sách này chỉ trở thành hiện thực khi nó được cụ thể hoá thông qua sự vận dụng sáng tạo của các cấp bộ Đảng trong từng địa phương.

Đảng bộ xã là một tổ chức đảng ở cấp cơ sở. Trách nhiệm của Đảng bộ là phải lãnh đạo thực hiện thắng lợi các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Tỉnh uỷ và Huyện uỷ trên địa bàn xã. Muốn vậy, Đảng bộ, trước hết là Đảng uỷ phải nắm vững đường lối, chủ trương của Trung ương, Tỉnh và Huyện; trên cơ sở đó, biết vận dụng sáng tạo thông qua các nghị quyết cụ thể vào điều kiện cụ thể của địa phương. Nhìn chung trong tất cả các thời kì, Đảng bộ xã Phấn Mễ đã biết vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng bộ cấp trên phù hợp với đặc điểm tình hình của xã. Do đó, phong trào cách mạng trên địa bàn xã không ngừng phát triển, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng cả nước.

Những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng bộ xã Phấn Mễ trong gần 60 năm qua tiếp tục được vận dụng và phát huy trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

PHỤ LỤC

Phụ lục I

**DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN
ĐƯỢC TẶNG “BẰNG CÓ CÔNG VỚI NƯỚC”;
DANH HIỆU “ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
NHÂN DÂN” VÀ DANH SÁCH CÁC LIỆT SĨ**

I- Danh sách tập thể và cá nhân được tặng “Bằng có công với nước”:

- 1- Nhân dân xóm Hái Hoa.
- 2- Bà: Phạm Thị Lan, xóm Cọ 1.
- 3- Ông: Trương Văn Đình, làng Hìn.
- 4- Bà: Tô Thị Ngọc, xóm Bầu 2.
- 5- Gia đình ông: Hoàng Phúc Đoan, xóm Hái Hoa 2.
- 6- Gia đình bà: Hoàng Thị Đau, xóm Hái Hoa 1.
- 7- Gia đình ông: Lâm Thành Thái, xóm Hái Hoa 1.
- 8- Bà: Phạm Thị Vượng, xóm Lân 1.
- 9- Bà: Nguyễn Thị Cúc, xóm Cọ 1.
- 10- Bà: Trần Thị Tân, xóm Bầu 2.
- 11- Gia đình bà: Bế Thị Cốc, xóm Hìn.
- 12- Gia đình ông: Hoàng Văn Trục, xóm Hái Hoa.
- 13- Gia đình ông : Dương Văn Hợp, xóm Độc Mấu 1.

14- Ông: La Quang Đại, làng Hin.

15- Gia đình bà: Đào Thị Huyền, xã Phấn Mề.

II- Danh sách tập thể và cá nhân được tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”:

* **Tập thể:** Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phấn Mề, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, được tuyên dương *Anh hùng LLVTND* thời kì kháng chiến chống Pháp theo Quyết định số 202/KT- CTN ngày 11/6/1999 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

* **Cá nhân:** Đồng chí Trần Xuân Thiện, sinh năm 1954, nhập ngũ tháng 9/1972, được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng LLVTND* thời kì kháng chiến chống Mĩ ngày 6/11/1978.

III- Danh sách các Liệt sĩ:

A – Liệt sĩ thời kì chống Pháp:

1- Liệt sĩ Lâm Văn Bảy, xóm Hái Hoa 1, sinh năm 1931, nhập ngũ năm 1951, hi sinh năm 1954 tại Lạng Sơn.

2- Liệt sĩ Nguyễn Văn Lãm, xóm Hái Hoa 1, hi sinh năm 1954.

3- Liệt sĩ Nguyễn Hữu Tương, xóm Hái Hoa 2, sinh năm 1933, nhập ngũ năm 1953, hi sinh năm 1953 tại Hưng Yên.

4- Liệt sĩ Trương Đắc Thông, xóm Hin, sinh năm 1928, nhập ngũ năm 1948, hi sinh năm 1950 tại Thái Nguyên.

5- Liệt sĩ Vũ Văn Nam, xóm Lân 2, sinh năm 1935, nhập ngũ năm 1950, hi sinh năm 1954 tại Điện Biên.

6- Liệt sĩ Trần Văn Tăng, xóm Độc Mấu 2, sinh năm 1926, nhập ngũ năm 1945, hi sinh năm 1954 tại Sơn La.

7- Liệt sĩ Hoàng Văn Tĩnh, xóm Độc Mấu 2, sinh năm 1916, nhập ngũ năm 1947, hi sinh năm 1954 tại Điện Biên.

8- Liệt sĩ Nguyễn Đức Giang, xóm Bầu 1, sinh năm 1922, nhập ngũ năm 1946, hi sinh năm 1947 tại Bắc Kạn.

9- Liệt sĩ Lương Đức Hà, xóm Bầu 1, sinh năm 1926, nhập ngũ năm 1946, hi sinh năm 1954 tại Điện Biên.

10- Liệt sĩ Trần Văn Tắc, xóm Giá 1, nhập ngũ năm 1945, hi sinh năm 1951 tại Thái Bình.

11- Liệt sĩ Lương Quang Hưng, xóm Bò 1, nhập ngũ năm 1947, hi sinh năm 1953 tại phía Bắc

12- Liệt sĩ Nguyễn Đức Ưông, xóm Mỹ Khánh, nhập ngũ năm 1945, hi sinh năm 1952 tại Thái Nguyên.

13- Liệt sĩ Lục Văn Doòng, xóm Cọ 2, hi sinh năm 1947 tại Bắc Kạn.

B – Liệt sĩ thời kì chống Mỹ:

14- Liệt sĩ Lý Văn Thăng, xóm Mai, sinh năm 1948, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

15- Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Tích, xóm Mai, sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

16- Liệt sĩ Nguyễn Văn Thìn, xóm Mai, sinh năm 1952, nhập ngũ năm 1969, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

17- Liệt sĩ Trần Ngọc Sơn, xóm Bò 1, sinh năm 1947, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1967 tại Mặt trận phía Nam.

18- Liệt sĩ Trần Ngọc Bảo, xóm Bò 1, sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1967 tại Mặt trận phía Nam.

19- Liệt sĩ Phương Vi Thường, xóm Bò 1, sinh năm 1947, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1973 tại Mặt trận phía Nam.

20- Liệt sĩ La Ngọc Bích, xóm Bò 1, sinh năm 1950, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1970 tại Mặt trận phía Nam.

21- Liệt sĩ Trần Trung Kiên, xóm Bò 1, sinh năm 1944, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

22- Liệt sĩ Lý Văn Nguyên, xóm Bò 1, sinh năm 1951, nhập ngũ năm 1969, hi sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam.

23- Liệt sĩ Trần Văn Hưng, xóm Bò 1, sinh năm 1953, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1973 tại Mặt trận phía Nam.

24- Liệt sĩ Nguyễn Duy Tạo, xóm Bò 1, sinh năm 1951, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

25- Liệt sĩ Phạm Văn Kế, xóm Cọ 2, sinh năm 1933, nhập ngũ năm 1959, hi sinh năm 1961 tại Mặt trận phía Nam.

26- Liệt sĩ Nguyễn Văn Vũ, xóm Hái Hoa 2, sinh năm 1939 nhập ngũ năm 1967, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

27- Liệt sĩ Phạm Văn Bình, xóm Hái Hoa 2, nhập ngũ năm 1967, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

28- Liệt sĩ Trần Văn Tuý, xóm Hái Hoa 2, sinh năm 1942, nhập ngũ năm 1967, hi sinh năm 1970 tại Mặt trận phía Nam.

29- Liệt sĩ Phạm Văn Ngôn, xóm Hái Hoa 2, sinh năm 1940, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1970 tại Mặt trận phía Nam.

30- Liệt sĩ Phạm Văn Hiệp, xóm Hái Hoa 2, sinh năm 1952, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1973 tại Mặt trận phía Nam.

31- Liệt sĩ Trịnh Công Đàm, xóm Hái Hoa 1, sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam .

32- Liệt sĩ Tô Văn Long, xóm Hái Hoa 1, sinh năm 1950, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1969 tại Mặt trận phía Nam.

33- Liệt sĩ Trịnh Ngọc Thiều, xóm Hái Hoa 1, sinh năm 1953, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

34- Liệt sĩ Lôi Văn Đường, xóm Giang 1, sinh năm 1952, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1969 tại Mặt trận phía Nam.

35- Liệt sĩ Phùng Văn Học, xóm Giang 1, sinh năm 1944, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1969 tại Mặt trận phía Nam.

36- Liệt sĩ Cao Văn Dân, xóm Giang 1, sinh năm 1950, nhập ngũ năm 1969, hi sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam.

37- Liệt sĩ Nguyễn Trịnh Trọng, xóm Giang 1, sinh năm 1945, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

38- Liệt sĩ Ninh Văn Nghị, xóm Hin, sinh năm 1947, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1974 tại Mặt trận phía Nam.

39- Liệt sĩ Hầu Đức Phương, xóm Hin, sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

40 - Liệt sĩ Trương Văn Ninh, xóm Hin, sinh năm 1953 , nhập ngũ năm 1969 , hi sinh năm 1973 tại Thái Nguyên.

41- Liệt sĩ Hoàng Văn Thắng, xóm Hin, sinh năm 1954, nhập ngũ năm 1970, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

42- Liệt sĩ Đinh Quang Thế, xóm Trờ, sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1967, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

43- Liệt sĩ Đinh Tuấn Hùng, xóm Mỹ Khánh, sinh năm 1940, nhập ngũ năm 1967, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

44- Liệt sĩ Vũ Văn Phát, xóm Mỹ Khánh, sinh năm 1953, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

45- Liệt sĩ Nguyễn Xuân Sĩ, xóm Mỹ Khánh, sinh năm 1950, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1970 tại Mặt trận phía Nam.

46-Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Chung, xóm Mỹ Khánh, sinh năm 1952, nhập ngũ năm 1968 , hi sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam.

47-Liệt sĩ Ngô Xuân Hậu, xóm Mỹ Khánh, sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam.

48-Liệt sĩ Trịnh Chí Dũng, xóm Mỹ Khánh, sinh năm 1951, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

49-Liệt sĩ Bàn Ngọc Hoàn, xóm Dộc Mầu 1, sinh năm 1929, nhập ngũ năm 1951, hi sinh năm 1969 tại Mặt trận phía Nam

50- Liệt sĩ Dương Văn Nguyên, xóm Dộc Mầu 1, sinh năm 1947, nhập ngũ năm 1965, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

51- Liệt sĩ Hoàng văn Hội, xóm Dộc Mầu 1, sinh năm 1952, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

52- Liệt sĩ Bùi Anh Lộc, xóm Lân 2, sinh năm 1946, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

53- Liệt sĩ Khổng Văn Ích, xóm Lân 2, sinh năm 1953, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

54- Liệt sĩ Nguyễn Hữu Đệ, xóm Giang 2, sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1967, hi sinh năm 1974 tại Lộc Ninh.

55- Liệt sĩ Trần Văn Ly, xóm Giang 2, sinh năm 1939, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1970 tại Mặt trận phía Nam.

56- Liệt sĩ Đào Văn Ngôn, xóm Giang 2, sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1970 tại Mặt trận phía Nam.

57- Liệt sĩ Trần Như Tình, xóm Giang 2, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1970 tại Mặt trận phía Nam.

58- Liệt sĩ Bàng Trung Kiên, xóm Độc Mầu 2, sinh năm 1952, nhập ngũ năm 1970, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

59- Liệt sĩ La Văn Mọi, xóm Độc Mầu 1, sinh năm 1944, nhập ngũ năm 1965, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

60- Liệt sĩ Trần Văn Hoà, xóm Bầu 2, nhập ngũ năm 1965, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

61- Liệt sĩ Trần Xuân Thuận, xóm Bầu 2, sinh năm 1947, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

62- Liệt sĩ Khổng Văn Lùng, xóm Bầu 2, sinh năm 1948, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1969 tại Mặt trận phía Nam.

63- Liệt sĩ Nguyễn Công Sự, xóm Bầu 2, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

64- Liệt sĩ Nguyễn Thọ Bạc, xóm Bầu 2, sinh năm 1951, nhập ngũ năm 1970, hi sinh năm 1974 tại Mặt trận phía Nam.

65- Liệt sĩ Phạm Văn Tuyển, xóm Bầu 2, sinh năm 1951, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận Lào.

66- Liệt sĩ Nguyễn Văn Thoái, xóm Phú Sơn, sinh năm 1944, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam.

67- Liệt sĩ Nguyễn Văn Thống, xóm Phú Sơn, sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1969 tại phía Tây.

68- Liệt sĩ Lã Quý Ngừ, xóm Phú Sơn, nhập ngũ năm 1967, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

69- Liệt sĩ Mai Hồng Chiến, xóm Phú Sơn, sinh năm 1946, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1969 tại Mặt trận phía Nam.

70- Liệt sĩ Phạm Huy Nghị, xóm Phú Sơn, sinh năm 1951, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam.

71- Liệt sĩ Nguyễn Tài Ngân, xóm Bầu 1, sinh năm 1945, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1967 tại Mặt trận phía Nam.

72- Liệt sĩ Nguyễn Tài Chi, xóm Bầu 1, sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1973 tại Mặt trận phía Nam.

73- Liệt sĩ Lê Văn Tuyển, xóm Bầu 1, sinh năm 1948, nhập ngũ năm 1969, hi sinh năm 1973 tại Mặt trận phía Nam.

74- Liệt sĩ Bùi Doãn Tần, xóm Lân 1, sinh năm 1945, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1967 tại Mặt trận phía Nam.

75- Liệt sĩ Nguyễn Quang Chính, xóm Lân 1, sinh năm 1946, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

76- Liệt sĩ Nguyễn văn Cộng, xóm Lân 1, sinh năm 1951, nhập ngũ năm 1969, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Tây.

77- Liệt sĩ Phạm Văn Mẫn, xóm Lân 1, sinh năm 1952, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

78- Liệt sĩ Nguyễn Hữu Bổng, xóm Cọ 1, sinh năm 1947, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

79- Liệt sĩ Dương Văn Tô, xóm Cọ 1, sinh năm 1948, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam.

80- Liệt sĩ Nguyễn Đức Dục, xóm Giá 1, sinh năm 1925, nhập ngũ năm 1947, hi sinh năm 1968 tại Hà Nam.

81- Liệt sĩ Đào Xuân Thịnh, xóm Giá 1, sinh năm 1947, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam.

82- Liệt sĩ Phạm Văn Lục, xóm Giá 1, sinh năm 1952, nhập ngũ năm 1969, hi sinh năm 1975 tại Mặt trận phía Nam.

83- Liệt sĩ Trần Ngọc Nhu, xóm Tân Hoà, sinh năm 1950, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1973 tại Mặt trận phía Nam.

84- Liệt sĩ Vi Văn Nghi, xóm Tràng Học, sinh năm 1950, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1973 tại Mặt trận phía Nam.

85- Liệt sĩ Vũ Văn Hối, xóm Tràng Học, sinh năm 1947, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

86- Liệt sĩ Hà Đức Thuần, xóm Tràng Học, sinh năm 1952, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

87- Liệt sĩ Trịnh Minh Khai, xóm Giá 2, sinh năm 1947, nhập ngũ năm 1967, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

88- Liệt sĩ Hoàng Văn Thắng, xóm Giá 2, sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1970 tại Mặt trận phía Nam.

89- Liệt sĩ Đinh Quang Khánh, xóm Giá 2, nhập ngũ năm 1963, hi sinh năm 1970 tại Mặt trận phía Nam.

90- Liệt sĩ Hà Kế Trang, xóm Bún 1, sinh năm 1945, nhập ngũ năm 1967, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

91- Liệt sĩ Nguyễn Văn Trạch, xóm Bún 1, sinh năm 1953, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1973 tại Mặt trận phía Nam.

92- Liệt sĩ Trần Văn Mùi, xóm Bún 2, sinh năm 1943, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam.

93- Liệt sĩ Đào Đình Chung, xóm Bún 2, sinh năm 1952, nhập ngũ năm 1970, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

94- Liệt sĩ Bùi Xuân Tế, xóm Bún 2, sinh năm 1947, nhập ngũ năm 1970, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

95- Liệt sĩ Trần Xuân Quang, xóm Bún 2, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1974 tại Mặt trận phía Nam.

96- Liệt sĩ Trần Văn Địch, xóm Bún 2, sinh năm 1952, nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1973 tại Mặt trận phía Nam.

97- Liệt sĩ Nguyễn Khắc Thịnh, xóm Mỹ Khánh, nhập ngũ năm 1952, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

98- Liệt sĩ La Văn Nghệ, xóm Độc Mầu 1, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam.

99- Liệt sĩ Nguyễn Hữu Nghị, xóm Độc Mầu 2, nhập ngũ năm 1961, hi sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam.

100- Liệt sĩ Dương Xuân Bính, xóm Độc Mầu 2, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1969 tại Mặt trận phía Nam.

101- Liệt sĩ Trần Ngọc Nhu, xóm Tân Hoà, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1974 tại Mặt trận phía Nam.

C- Liệt sĩ thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:

102- Liệt sĩ Phạm Hồng Chất, xóm Cọ 2, sinh năm 1958, nhập ngũ năm 1977, hi sinh năm 1979 tại Mặt trận Cao Bằng.

103- Liệt sĩ Triệu Văn Cường, xóm Hái Hoa 1, sinh năm 1959, nhập ngũ năm 1976, hi sinh năm 1979 tại Biên giới phía Bắc.

104- Liệt sĩ Trần Bá Ngoan, xóm Bò 1, sinh năm 1959, nhập ngũ năm 1978, hi sinh năm 1979 tại Biên giới phía Bắc.

105- Liệt sĩ Ninh Xuân Quý, xóm Giang 1, sinh năm 1958, nhập ngũ năm 1975, hi sinh năm 1980 tại Biên giới Tây Nam.

106- Liệt sĩ Cao Mạnh Hoạt, xóm Giang 1, sinh năm 1959, nhập ngũ năm 1977, hi sinh năm 1979 tại Biên giới phía Bắc.

107- Liệt sĩ Hoàng Văn Xá, xóm Hìn, sinh năm 1964, nhập ngũ năm 1984, hi sinh năm 1984 tại Biên giới phía Bắc.

108- Liệt sĩ Phạm Đức Thuận, xóm Hìn, sinh năm 1963, nhập ngũ năm 1983, hi sinh năm 1984 tại Biên giới phía Bắc.

109- Liệt sĩ Nguyễn Xuân Khu, xóm Mỹ Khánh, sinh năm 1957, nhập ngũ năm 1975, hi sinh năm 1979 tại Hà Tuyên.

110- Liệt sĩ Đặng Quang Minh, xóm Mỹ Khánh, sinh năm 1958, nhập ngũ năm 1978, hi sinh năm 1979 tại Mặt trận Cao Bằng.

111- Liệt sĩ Nguyễn Hải Hùng, xóm Mỹ Khánh, sinh năm 1959, nhập ngũ năm 1976, hi sinh năm 1979 tại Mặt trận Cao Bằng.

112- Liệt sĩ Lôi Đình Chí, xóm Giang 2, sinh năm 1954, nhập ngũ năm 1972, hi sinh năm 1978 tại Tây Ninh.

113- Liệt sĩ Lôi Đức Kiến, xóm Giang 2, sinh năm 1956, nhập ngũ năm 1978, hi sinh năm 1979 tại Biên giới phía Bắc.

114- Liệt sĩ Nghiêm Văn Hằng, xóm Phú Yên, sinh năm 1955, nhập ngũ năm 1978, hi sinh năm 1979 tại Mặt trận Cao Bằng.

115- Liệt sĩ Triệu Văn Thế, xóm Cọ 1, sinh năm 1956, nhập ngũ năm 1975, hi sinh năm 1979 tại Biên giới Tây Nam.

116- Liệt sĩ Nguyễn Đình Tam, xóm Cọ 1, sinh năm 1961, nhập ngũ năm 1978, hi sinh năm 1979 tại Mặt trận Cao Bằng.

117- Liệt sĩ Nguyễn Duy Phương, xóm Tràng Học, sinh năm 1966, nhập ngũ năm 1984 hi sinh năm 1987 tại Biên giới phía Bắc.

118- Liệt sĩ Phạm Nam Vang, xóm Bún 1, sinh năm 1939, nhập ngũ năm 1968, hi sinh năm 1978 tại Biên giới Tây Nam.

119- Liệt sĩ Phạm Đình Vĩ, xóm Cọ 2, sinh năm 1956, nhập ngũ năm 1975, hi sinh năm 1979 tại Biên giới phía Bắc.

Phụ lục II

Các đồng chí Bí thư Chi bộ, Đảng bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phấn Mễ



1- Đồng chí Lương Văn Phúc, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã từ tháng 6/1946 đến tháng 12/1946.

Đồng chí Lương Văn Phúc, dân tộc Sán Dìu, sinh tháng 5/1915, từ trần tháng 4/1952; quê quán và trú quán của gia đình tại xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.



2- Đồng chí Bànng Việt Cường (Bànng Thế Dụ), nguyên Bí thư Chi bộ xã từ tháng 11 đến tháng 12/1946.

Đồng chí Bànng Việt Cường, dân tộc Trại Cao Lan, sinh ngày 25/5/1926; quê quán, trú quán xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 3/1945;

đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 6/1946 đến năm 1954; nguyên: Trung đội phó Tự vệ chiến đấu xã Phấn Mễ, Bí thư Thanh niên Cứu quốc huyện, Huyện ủy viên dự khuyết, Cán bộ phụ trách miền, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Bí thư Huyện ủy Phú Lương; Trưởng phòng Nghiên cứu Văn phòng Tỉnh ủy và Phó Trưởng ban Huấn học Tỉnh ủy tỉnh Thái Nguyên, Trưởng phòng Tổ chức Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc, Cán bộ Hợp tác xã nông nghiệp toàn xã Phấn Mễ, Chủ tịch Hội Đông y huyện Phú Lương.

3- Đồng chí Nguyễn Văn Khiêm (Phúc Thành), nguyên Chủ tịch Ủy ban hành chính, Ủy ban kháng chiến hành chính xã từ tháng 1/1947 đến tháng 4/1949.

Đồng chí Nguyễn Văn Khiêm, dân tộc Kinh, sinh năm 1913; quê quán, trú quán làng Giang, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ năm 1941, nguyên Chủ tịch Ủy ban hành chính, Ủy ban kháng chiến hành chính xã Phấn Mễ, Cán bộ Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương, Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính và Ủy ban hành chính huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai; Học viên Trường Đảng Hoàng Văn Thụ, từ trần ngày 9/3/1958; đã được truy tặng 1 Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

4- Đồng chí Trần Đức Thắng (Trần Đức Cung), nguyên Bí thư Chi bộ xã từ tháng 12/1946 đến tháng 4/1947.



Đồng chí Trần Đức Thắng, dân tộc Trại Cao Lan, sinh ngày 28/2/1923; quê quán, trú quán xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 4/1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 11/1946 đến ngày 22/7/1954; nguyên: Thư kí Ủy ban nhân dân lâm thời, Chủ nhiệm Việt Minh xã, Bí thư Chi bộ xã Phấn Mễ; Huyện uỷ viên phụ trách xã, Cán bộ Thanh vận huyện, Huyện uỷ viên phụ trách Tuyên huấn, Đảng vụ; Phó Bí thư Huyện uỷ, Cán bộ Kiểm tra Tỉnh uỷ, Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ Định Hoá, Cán bộ nghiệp vụ Kho thóc Liên khu Việt Bắc; từ trần ngày 25/11/2007; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Kháng chiến hạng Ba



5- Đồng chí Ninh Văn Lại (Ninh Đức Thơ Minh Thư), nguyên Bí thư Chi bộ xã từ tháng 4 đến tháng 9 /1947 và từ tháng 7 đến tháng 12/1956.

Đồng chí Ninh Văn Lại, dân tộc Sán Chí, sinh ngày 28/11/1925; quê quán, trú quán làng Cọ, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 3/1945; đảng viên Đảng Cộng

sản Việt Nam từ tháng 12/1946; nguyên: Chiến sĩ tự vệ chiến đấu, Phó Bí thư, Bí thư Chi bộ xã Phấn Mễ; Cán bộ Đoàn Thanh niên huyện Phú Lương; Cán bộ Chi điểm Ngân hàng và Cán bộ Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương; từ trần tháng 10/2005; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến thắng hạng Nhì.



6- Đồng chí Vũ Minh Tước (Mạnh Hùng, Quốc Đạt), nguyên Bí thư Chi bộ xã từ tháng 10/ 1947 đến tháng 6/1948.

Đồng chí Vũ Minh Tước, dân tộc Kinh, sinh tháng 10/1924; quê quán, trú quán xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 3/1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ 2/1947; nguyên: Chiến sĩ tự vệ, du kích xã Phấn Mễ; Ủy viên Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên huyện Phú Lương; Phó Chủ nhiệm Việt Minh, Bí thư Chi bộ xã Phấn Mễ; Cán bộ Văn phòng Huyện ủy; Chính trị viên, Bí thư Chi bộ Huyện đội bộ dân quân huyện Phú Lương; Cán bộ Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Thái Nguyên; Cán bộ cải cách ruộng đất; Cán bộ Ban Tuyên huấn, Phó Chánh văn phòng Huyện ủy Phú Lương; Học viên Trường Tuyên huấn Trung ương, Cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Thái; đã được tặng thưởng 1 Huy chương Chiến thắng hạng Nhất, 1 Huân chương Kháng

chiến hạng Nhì; Huy hiệu 40 năm, 50 năm, 60 năm tuổi Đảng.



7- Đồng chí La Văn Liên, nguyên: Bí thư Chi bộ xã từ tháng 6/1948 đến tháng 12/1949; Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã từ tháng 12/1949 đến tháng 6/1952.

Đồng chí La Văn Liên, dân tộc Cao Lan, sinh ngày 29/5/1919; quê quán, trú quán làng Bò, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 4/1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 29/12/1948; nguyên: Trưởng ban Tiếp tế Quân lương, Ủy viên Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Phấn Mễ; Ủy viên Ban Chấp hành Nông hội huyện Phú Lương, Ủy viên Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Khu Tự trị Việt Bắc; Trưởng Ty Lâm nghiệp các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Thái, nghỉ hưu năm 1977, từ trần ngày 18/12/2006; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huy hiệu 40 năm, 50 năm, 60 năm tuổi Đảng.

8- Đồng chí La Quang Đại, nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã từ tháng 4/1949 đến tháng 12/1949; Bí thư Chi bộ xã từ tháng 6/1952 đến năm 1953.



Đồng chí La Quang Đại, dân tộc Sán Chỉ, sinh tháng 7/1924; quê quán làng Hin, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương; gia đình trú tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ năm 1943, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 1/1947; nguyên cán bộ giao thông, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính, Bí thư Chi bộ xã Phấn Mễ; Phó Trưởng ban Tổ chức Khu ủy Khu Tự trị Tây Bắc; Cán bộ miền Bắc tăng cường cho miền Nam và nước bạn Campuchia; Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh và Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh Bắc Thái; nghỉ hưu từ tháng 2/1980 đã từ trần; đã được tặng thưởng Bằng có công với nước, 1 Huân chương Độc lập hạng Ba, 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.

9-Đồng chí Nguyễn Văn Học, nguyên: Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã từ tháng 6/1952 đến năm 1953, Bí thư Chi bộ xã từ tháng 12/1958 đến tháng 12/1959.

Đồng chí Nguyễn Văn Học, dân tộc Kinh; quê xóm Gia Khánh (nay thuộc thị trấn Giang Tiên), huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 8/1945, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ kháng chiến chống Pháp; nguyên Chủ tịch, Bí thư Chi bộ xã Phấn Mễ, cán bộ Ban Tổ chức chính quyền tỉnh Bắc Thái; đã từ trần.



10- Đồng chí Phạm Thành An, nguyên: Bí thư Chi bộ xã năm 1953 và từ tháng 1/1957 đến tháng 11/1958; Chủ tịch Ủy ban hành chính xã từ năm 1960 đến năm 1964.

Đồng chí Phạm Thành An, dân tộc Kinh, sinh ngày 3/5/1911; quê quán xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; trú quán xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 10/1/1947; nguyên: Chiến sĩ tự vệ Thành Hà Nội, Chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô, Tiểu đội trưởng, Trung đội phó trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Chi ủy viên, Thường vụ Chi ủy, Đảng ủy viên phụ trách Tuyên huấn, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Phấn Mễ; Bí thư Chi bộ Hợp tác xã toàn xã Phấn Mễ; nghỉ hưu năm 1972; từ trần ngày 15/4/1983; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.



11- Đồng chí Trần Quốc Bình (Trần Quốc Nhĩ), nguyên Bí thư Chi bộ xã từ tháng 10/1953 đến năm 1956.

Đồng chí Trần Quốc Bình, dân tộc Kinh, sinh năm 1911, quê quán xã Tri Lại, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; trú quán xã

Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ năm 1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 8/1948; nguyên: Cán bộ giao thông xã Phấn Mễ; Cán bộ Dân vận các huyện Đại Từ, Phú Lương; Giám đốc Xưởng giấy Hợp Thành (Phú Lương); Tổ trưởng Đảng, Chi uỷ viên, Bí thư Chi bộ xã Phấn Mễ; từ trần ngày 8/4/1973.



12- Đồng chí Trần Văn Đàn, nguyên Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính, Uỷ ban hành chính xã từ năm 1953 đến năm 1955.

Đồng chí Trần Văn Đàn, dân tộc Kinh, sinh ngày 15/7/1919; quê quán xã Đông Dương, huyện Đông Quan, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ năm 1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 6/1947 đến năm 1975; nguyên Tổ trưởng Thanh niên Cứu quốc, Trưởng Công an xã, Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính xã Phấn Mễ, cán bộ Nông hội huyện, Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc huyện Phú Lương; Tổ trưởng Đảng, Đội trưởng sản xuất, Đảng uỷ viên xã Phấn Mễ phụ trách nông thôn, từ trần ngày 27/3/1998; đã được tặng thưởng 1 Huy chương Kháng chiến hạng Nhất.

13- Đồng chí Trần Đức Thiện, nguyên Chủ tịch Ủy ban hành chính xã từ năm 1956 đến năm 1960.



Đồng chí Trần Đức Thiện, dân tộc Cao Lan, sinh năm 1923; quê quán, trú quán xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 3/1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 3/1947; nguyên: Tiểu đội trưởng dân quân, Xã đội trưởng xã Phấn Mễ; Cán bộ

Ty Giao thông tỉnh Thái Nguyên; Cán bộ Phòng Thương nghiệp huyện Phú Lương; Xã đội trưởng, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Phấn Mễ; nghỉ hưu tháng 12/1991 từ trần ngày 12/11/1994, đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba.

14- Đồng chí Vũ Văn Ban, nguyên Bí thư Chi bộ xã từ tháng 1/1960 đến năm 1961.



Đồng chí Vũ Văn Ban, dân tộc Kinh, sinh ngày 21/3/1912; quê quán xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 10/1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 20/12/1948;

nguyên: Chiến sĩ du kích xã Phấn Mễ, Công an huyện Phú Lương; Công an tỉnh Thái Nguyên; Bí thư Chi bộ xã Phấn Mễ, Bí thư Chi bộ Hợp tác xã Phấn Vàng; Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã Phấn Mễ; Tổ trưởng Đảng; từ trần ngày 13/3/1988; đã được tặng thưởng 1 Huy chương Kháng chiến hạng Nhất.



15- Đồng chí Lôi Đình Thơ (Ngọc Minh), nguyên Bí thư Chi bộ xã từ năm 1961 đến năm 1962, Bí thư Đảng uỷ xã từ năm 1963 đến năm 1977 và từ năm 1979 đến năm 1982.

Đồng chí Lôi Đình Thơ, dân tộc Tày, sinh ngày 14/5/1923; quê quán xã Mai Lạp, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn; trú quán xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ năm 1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 7/1950; nguyên: Tổ trưởng Đoàn Thanh niên Cứu quốc; Phó Bí thư Nông hội; Bí thư Chi bộ xã Thanh Mai, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn; Bí thư Chi bộ, Bí thư Đảng bộ xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương; đã nghỉ hưu, từ trần năm 1983; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến thắng.

16- Đồng chí Lường Văn Minh (Lường Văn Quay), nguyên Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã từ năm 1965 đến năm 1971 và từ năm 1979 đến năm 1982.



Đồng chí Lương Văn Minh, dân tộc Sán Dìu, sinh ngày 15/5/1935; quê quán và trú quán xóm Hải Hoa, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 10/1952; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 16/9/1962; nguyên: Đội viên Thanh niên xung phong Trung ương, Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Công nhân Nhà máy diêm Thống nhất, Bí thư Chi bộ thôn Bảo Thái, Bí thư Chi bộ Hợp tác xã Phú Thành, Xã đội trưởng, Chính trị viên Xã đội, Đảng uỷ viên - Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phấn Mễ; nghỉ hưu năm 1984; đã được tặng thưởng 1 Huy chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mĩ hạng Nhất, 1 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.



17- Đồng chí Phạm Văn Căn, nguyên Chủ tịch Ủy ban hành chính Ủy ban nhân dân xã từ năm 1972 đến năm 1979.

Đồng chí Phạm Văn Căn, dân tộc Kinh, sinh năm 1930, quê quán và trú quán xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng

sản Việt Nam từ tháng 10/1960 đến tháng 2/1979; nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Nông hội xã, Ủy viên Hội đồng nhân dân xã, Chủ nhiệm Hợp tác xã Phấn Vàng; Chủ nhiệm Hợp tác xã toàn xã, Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phấn Mễ; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Kháng chiến hạng Ba.



18- Đồng chí Lâm Đình Phòng (Lâm Văn Quay), nguyên Bí thư Đảng ủy xã từ năm 1977 đến năm 1979.

Đồng chí Lâm Đình Phòng, dân tộc Nùng, sinh ngày 11/8/1921; quê quán và trú quán xóm Hái Hoa, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nguyên Bí thư Thanh niên Cứu quốc xã Phấn Súc; cán bộ Thường trực, Trưởng phòng Hành chính, Phó Trưởng ty, Bí thư Đảng ủy Ty Tuyên truyền và Văn nghệ tỉnh Thái Nguyên; Trưởng ty Văn hoá, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Thái; Bí thư Huyện ủy Phú Lương, nghỉ hưu năm 1974. Sau khi về nghỉ hưu làm Phó Bí thư Chi bộ kiêm Chủ nhiệm Hợp tác xã Phú Thành, Phó ban Kiểm sát Hợp tác xã toàn xã, Bí thư Đảng ủy xã Phấn Mễ; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Độc lập hạng Ba, 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huy hiệu 40 năm, 50 năm và 60 năm tuổi Đảng.



19- Đồng chí Trần Đức Việt, nguyên Bí thư Đảng uỷ xã từ năm 1982 đến năm 1987.

Đồng chí Trần Đức Việt, dân tộc Kinh, sinh ngày 15/11/1950; quê quán và trú quán làng Lân, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 11/4/1974 đến tháng 11/1988; nguyên học sinh Trường Trung cấp Sư phạm tỉnh Bắc Thái; Chiến sĩ, Tiểu đội phó, Tiểu đội trưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Chi uỷ viên, Đội phó Đội sản xuất làng Lân; Kế toán Hợp tác xã toàn xã và Bí thư Đảng uỷ xã Phấn Mễ; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba, 1 Huy chương Chiến sĩ Giải phóng.



20- Đồng chí Hà Trọng Thễ, nguyên Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã từ năm 1982 đến năm 1989.

Đồng chí Hà Trọng Thễ, dân tộc Kinh, sinh ngày 10/10/1946; quê quán và trú quán xóm Tràng Học, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 30/12/1979; nhập ngũ tháng 10/1966, xuất ngũ tháng 10/1975; nguyên Bí thư Chi

đoàn Thanh niên xóm Tràng Học, Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trung đội phó trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Đội trưởng, Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã Phấn Mề; Phó Bí thư Đảng uỷ - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Phấn Mề; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Kháng chiến hạng Ba.



21- Đồng chí Quách Thành Khương, nguyên Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã từ năm 1989 đến năm 1999.

Đồng chí Quách Thành Khương, dân tộc Kinh, sinh ngày 5/11/1952; quê quán xã Hoàng Diệu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; trú quán xóm Tràng Học, xã Phấn Mề, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 4/1975, xuất ngũ tháng 11/1982; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 27/5/1978; nguyên: Đội phó, Nhân viên kế toán Hợp tác xã Phấn Vàng; Tiểu đội trưởng, Bí thư Chi đoàn, Chính trị viên phó Đại đội trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Bí thư Chi bộ, Đội trưởng sản xuất, Kế toán trưởng Hợp tác xã Phấn Mề; Phó Bí thư Đảng uỷ - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã; Ủy viên Ban Thường vụ - Thường trực Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Phấn Mề; từ năm 2004 là Chủ tịch Mặt trận xã Phấn Mề; đã được tặng thưởng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng.



22- Đồng chí Lý Kim Cảnh, nguyên Bí thư Đảng uỷ xã từ tháng 9/1987 đến năm 1992.

Đồng chí Lý Kim Cảnh, dân tộc Sán Chỉ, sinh ngày 9/5/1936; quê quán và trú quán xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng năm 1953, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 10/10/1960; nguyên Đội viên, Đội phó Đội Thanh niên xung phong Trung ương; Tổ trưởng sản xuất, Trưởng ban Kiểm sát hợp tác xã; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính kiêm Chính trị viên Xã đội xã Phấn Mễ; Phó Bí thư Chi bộ, Phó Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Hợp tác xã Phấn Vàng, Bí thư Đảng uỷ xã Phấn Mễ; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.



23- Đồng chí Trương Xuân Lục, nguyên Bí thư Đảng uỷ xã từ năm 1993 đến năm 1995.

Đồng chí Trương Xuân Lục, dân tộc Sán Chỉ, sinh ngày 2/7/1949; quê quán, trú quán xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm

1968, xuất ngũ năm 1977; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 29/3/1970; nguyên Chiến sĩ dân quân xã Phấn Mễ, Chiến sĩ Cục Quân y – Bộ Tư lệnh B3; Nhân viên Quản lí, Quân nhu, Tiếp phẩm thuộc Bộ Tư lệnh B5 và Quân khu Thủ đô; Đội trưởng sản xuất, Bí thư Chi bộ, Thường trực Đảng uỷ, Bí thư Đảng uỷ, Trưởng ban Thư kí Hội đồng nhân dân xã Phấn Mễ; nghỉ hưu năm 2000; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Kháng chiến hạng Ba, 2 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (Nhì, Ba), Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng.



24- Đồng chí Bùi Xuân Hùng, Bí thư Đảng uỷ xã từ tháng 1/1996.

Đồng chí Bùi Xuân Hùng, dân tộc Kinh, sinh ngày 3/6/1955; quê quán xã Đông Hà, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; trú quán xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 2/1971; nhập ngũ ngày 29/8/1972, nghỉ chế độ bệnh binh từ tháng 6/1988; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 2/9/1980; nguyên Chiến sĩ, Tiểu đội phó, Tiểu đội trưởng, Trung đội phó trong Lực lượng Công an nhân dân vũ trang; Trung đội trưởng, Phó Đại đội trưởng Chính trị, Phó Tiểu đoàn trưởng Chính trị, Bí thư Đảng uỷ Tiểu đoàn thuộc Quân khu VII, cấp bậc Đại úy; Bí

thư Chi bộ làng Hin; Phó Trưởng Công an, Trưởng ban Văn hoá, Bí thư Đảng uỷ xã Phấn Mễ; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, 2 Huân chương Chiến công (hạng Nhất, hạng Ba).

25- Đồng chí Nguyễn

Ngọc Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã từ năm 2000.



Đồng chí Nguyễn Ngọc Sơn, (tên khai sinh là Nguyễn Thanh Sơn), dân tộc Kinh, sinh ngày 20/2/1959; quê quán và trú quán làng Cọ, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 4/1975, xuất ngũ tháng 12/1981; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 13/4/1981; nguyên Chiến sĩ, Tiểu đội phó, Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Thư kí đội sản xuất; Phó Chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp; Thường trực Đảng uỷ, Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phấn Mễ; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1 Lời giới thiệu	7
2 Chương I: Điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội, truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước	11
3 Chương II: Chi bộ đảng Phấn Mễ trong thời kì kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1945 – 1954)	55
4 Chương III: Đảng bộ xã phấn mễ trong thời kì kháng chiến chống mĩ cứu nước (1954 – 1975)	103
5 Chương IV: Đảng bộ xã Phấn Mễ trong thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (1975 – 2005)	199
6 Kết luận	285
7 Phụ lục I	292
8 Phụ lục II	302

In 500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty cổ phần In Thái Nguyên. Giấy phép XB số 17/GP-STTTT Thái Nguyên cấp ngày 16/7/2009 . In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2009.



